VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tạ-quốc-tuấn *tiểu thi trung-quốc* ■ **lê lô** *về một nền văn hóa quá lâu* ■ **vi ký** *nghệ thuật dưới mắt nhìn của ý thức* ■ **huỳnh ngọc chiến** *du thản chi: thảm kịch khúc phượng cầu lạc điệu* ■ **ngu yên** *đi tìm thơ hay* ■ **phạm hải anh** *nếu không mất ngủ?*

văn

hoàng nga ● nam dao ● nguyễn quang vinh ● sâm thương ● đỗ hoàng diệu ● cổ ngư ● võ đình ● mai ninh

thơ

trịnh y thư ● hoàng xuân sơn ● huỳnh liễu ngạn ● nguyệt-thư ● m.loanhoasử ● nguyễn-hòa-trước

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* ■ tưởng năng tiến *sổ tay* ■ hoàng mai đạt *tạp ghi* ■ thế quân *tin văn*

221

Tháng 9-2004

VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

❖

Chủ biên: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham,
75013, Paris, FRANCE
Phone (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu:
Mr. Lê Khắc Phú, 14 Lester Road, Reversby
NSW 2212, AUSTRALIA
Phone: (02) 9785-0460
Email: phudieuanh@yahoo.com

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2005 West Gray # F
Houston, TX 77019
Phone: (713) 942-8777

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Mr. Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
P.O. Box 1359 Farden Grove, CA 92842-1359 USA
Email: tapchivanhoc@yahoo.com
Web site: vanhoc.net
Phone: **(714) 981-5475**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN-0885-128X

VĂN HỌC

số 221 tháng 9-2004

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRẦN THỊ LAIHỒNG	3	tiếc văn chương thương chữ nghĩa
TẠ-QUỐC-TUẤN	5	tiểu thi trung-quốc
LÊ LÔ	24	về một nền văn hóa quá lâu
VI KÝ	38	nghệ thuật dưới mắt nhìn của ý thức
HUỲNH NGỌC CHIẾN	42	du thản chi: thảm kịch khúc phượng cầu lạc điệu
NGU YÊN	47	đi tìm thơ hay
PHẠM HẢI ANH	55	nếu không mất ngủ?
HOÀNG NGA	61	quê nhà
ĐÀN BÁCH KIẾM	69	đùa với đường thi
TRỊNH Y THƯ	74	*khi gió santa ana lên tiếng*
NAM DAO	75	đất thổ
HOÀNG XUÂN SƠN	90	*gọi là*
	91	*chữ tình*
NGUYỄN QUANG VINH	93	người và dã thú
SÂM THƯƠNG	129	hồ sơ của một phiên tòa
HUỲNH LIỄU NGẠN	134	*bến sông bãi nọ*
ĐỖ HOÀNG DIỆU	136	những người mang đôi mắt buồn
M.LOANHOASỬ	149	*qua sông*
NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC	150	*xuân ca*
CỔ NGƯ	152	bay
TƯỞNG NĂNG TIẾN	157	phùng quán, tố hữu và nguyễn khoa điềm
NGUYỆT-THƯ	162	*bầy nến sinh nhật*
VÕ ĐÌNH	163	thăm người chết
MURAKAMI HARUKI PHẠM VŨ THỊNH dịch	167	đom đóm
MAI NINH	187	sao rơi về đất
LÊ QUỲNH MAI	200	phỏng vấn trần vũ
VĂN HỌC	215	*hộp thư*
NGUYỄN VY-KHANH	216	luân hoán nơi cõi người ngơ ngác
TRƯƠNG VŨ	227	vài suy nghĩ về "mây chó"
HOÀNG MAI ĐẠT	232	làm nghề này phải gian
THẾ QUÂN	240	tin văn
HOÀNG MAI ĐẠT	251	giới thiệu sách mới

thư tòa soạn

CAO XUÂN HUY

Khi ngọn đuốc thế vận hội được chuyền tay từ lực sĩ này qua lực sĩ khác từ Sydney đến Athens, thì cũng là lúc anh Nguyễn Mộng Giác chuyền tay cho tôi tạp chí Văn Học.

Trong thư tòa soạn số 220, Nguyễn Mộng Giác có nhắc "*Cao Xuân Huy sẵn sàng nhận trở lại công việc chủ biên và điều hành Văn Học*" và ông nhấn mạnh "*nhận trở lại*" vì tôi là... người nhà của tờ báo.

Là một trong những người có duyên với tờ báo từ số đầu tiên, sau đó thì là "nợ", tôi không thể để tờ báo đình bản vào tháng Năm 2005 như anh Nguyễn Mộng Giác đã thông báo. Phải chăng là nặng nợ, nên trong tuyển tập *20 năm văn học hải ngoại*, phần tiểu sử của tôi thấy ghi: tổng thư ký tạp chí văn học, *hết* tổng thư ký tạp chí văn học, *lại* tổng thư ký tạp chí văn học, *lại hết* tổng thư ký tạp chí văn học. Và sau này, chắc sẽ thêm, *lại* chủ biên tạp chí văn học. Sẽ có lúc, *lại hết* chủ biên tạp chí văn học. Đến khi hết làm được "lực sĩ" rồi (như anh Nguyễn Mộng Giác) thì tờ báo (ngọn đuốc?) *lại* được chuyền cho một văn hữu người nhà, hoặc... lối xóm nào khác.

Chỉ có một thay đổi nhỏ, thay vì báo ra hằng tháng như từ gần 20 năm nay, bắt đầu từ số 221 này, Văn Học sẽ ra mỗi hai tháng, số trang tăng gấp đôi là 256 trang, để bài vở trong một số báo được đầy đặn hơn. Số tháng 11 sẽ là số 222. Và giá biểu, ngoài nước Mỹ vẫn như cũ. Trong nước Mỹ, không còn giá First Class hay Book Rate, mà giá chung Media Rate là $50/một năm. Giá bán lẻ $10 mỹ kim.

Từ số này, ngoài mục thường xuyên *Tin Văn* do Thế Quân phụ trách, có thêm mục *Đùa Với Đường Thi* do Đàn Bách Kiếm, mục *Sổ Tay* do Tưởng Năng Tiến, *Tạp Ghi* do Hoàng Mai Đạt phụ trách.

Các văn hữu gửi bài cho Văn Học, xin email theo địa chỉ tapchivanhoc@yahoo.com, nếu gửi theo bưu điện, xin nhớ kèm theo disk và gửi về địa chỉ Văn Học P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA.

Văn Học cũng đã có một web site mới, mời độc giả và văn hữu vào xem Văn Học online ở www.vanhoc.net.■

tiếc văn chương thương chữ nghĩa

TRẦN THỊ LAIHỒNG

Đó là hai vế đối khóc điếu Người yêu văn học ***An Tiêm Thanh Tuệ***, cảm viết vào hừng đông ngày 18 tháng Tám, khi nghe lời bạn nhắn qua máy điện thoại từ khuya đêm trước, lúc chúng tôi đã "lên chuồng", báo tin người một đời trọn vẹn hiến dâng cho văn chương chữ nghĩa, đã đột ngột giã từ thế sự.

Nghe xong đoạn tin nhắn, tôi bàng hoàng sửng sốt. Nước mắt lặng lẽ chảy dài.

Bước ra vườn. Chưa sáng. Vẫn còn ánh trăng mờ nhạt. Bên hông nhà, Hoàng Lan về sáng tỏa ngát. Phía sau chỗ làm việc của tôi, Ngọc Lan cũng dịu dàng dâng hương. Hai loài hoa có mùi hương thầm kín cao sang rất trân quý của Huế cùng tỏa ngát một vùng. Hẳn đó là mùi hương trân quý tỏa từ một tâm hồn cao quý vừa thoát vòng tục luỵ.

Hái năm đóa Ngọc Lan tượng trưng cho Ngũ Uẩn vừa rũ sạch, bày lên bàn thờ, đốt một nén nhang, tôi thỉnh ba tiếng chuông viếng điếu hương hồn Người vừa nằm xuống, và gióng ba tiếng cồng, tiễn Người về cõi vĩnh hằng, nơi không sinh không diệt.

Biết là vô thường, nhưng vẫn không khỏi tiếc thương. Tôi tiếc thương Người An Tiêm Thanh Tuệ hiền hòa đã đành, mà nỗi ***Tiếc Thương Văn chương Chữ nghĩa*** còn trĩu nặng, quá nặng...

Thôi từ nay còn ai khổ công lặn lội tìm tòi đãi lọc để phổ biến văn chương như đã từng với Tuệ Sĩ, Bùi Giáng, Sao Trên Rừng Nguyễn Đức Sơn... Thôi từ nay còn ai trân quý nâng niu bảo trọng chữ nghĩa như đã từng với Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột, Mười Hai Con Mắt... Đêm Nguyệt Động, Cái Chuồng Khỉ... Thập Mục Ngưu Đồ Tụng... và còn nhiều, rất nhiều công lao với văn học đã, đang và chưa thực hiện được.

Tôi nhớ hai hàng nước mắt dài trên má xanh gầy của Người An

Tiêm Thanh Tuệ khi giã từ chúng tôi trên hè phố Quận 13 Paris, sau một ngày cùng lang thang dưới mưa trong ngõ hẹp xóm La-tinh, trên Cầu Mới, trước sân Hotel de Ville, bên hông Notre Dame, cạnh mấy luống hoa Kim Hương vàng và dưới cội Đào Phú Sĩ màu phấn hồng... Chỉ mới đây, mới hơn ba năm.

Tôi biết chiều nay ngày 18 tháng Tám, khi tôi ghi lại những dòng này, di thể Người yêu văn học ***An Tiêm Thanh Tuệ*** đang hóa thành tro bụi. Chiều nay, sau cơn mưa bóng mây hải đảo mùa hè, tôi cũng xuống đất một cây Mai. Vườn nhà đã có nhiều: Hoàng Mai từ Huế, Mai Tứ quý Gò Đen, Cẩm Mai Chiếu thủy lá nhỏ hoa trắng, Mai Chiếu thủy hoa vàng, Mai Rừng Cà Ná, Mai Mù-u...

Cội Mai này là Hoàng Mai Huế, để tưởng niệm ***An Tiêm Thanh Tuệ***. Mỗi năm, khi những đóa vàng nở rộ tỏa hương, chúng tôi sẽ cùng

- Đất hoa khóc vĩnh biệt người...*

Hoa Bang, 18 tháng 8, 2004

* *Thơ Bùi Giáng*

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Ông TRƯƠNG PHÚ

pháp danh Thanh Tuệ

vừa từ trần lúc 7:30 tối thứ Hai ngày 16 tháng 8 năm 2004,

nhằm mùng 1 tháng 7 năm Giáp Thân

tại bệnh viện Garden Grove, California

Hưởng thọ 69 tuổi

Xin chia buồn cùng bà Trương Phú và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh ông Thanh Tuệ sớm siêu thoát.

Nguyễn Mộng Giác, Châu Văn Thọ, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nguyễn Ý Thuần, Trịnh Y Thư, Trần Doãn Nho, Nguyễn Trọng Khôi, Lương Thư Trung, Lâm Chương, Nguyễn Xuân Thiệp, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Vy Khanh, Hoàng Xuân Sơn, Tạ Chí Đại Trường, Phan Xuân Sinh, Song Thao, Luân Hoán, An Phú Vang, Đặng Hiền, Khánh Trường, Trần Hoài Thư, Thu Thuyền, Hoàng Chính.

tiểu thi trung-quốc

TẠ-QUỐC-TUẤN

Trong thập niên 1920 ở Trung-quốc một hình thức thi ca mới đã nổi lên, rất được ưa chuộng và còn tồn tại cho đến ngày nay. Đó là ***tiểu thi***, đôi khi được gọi bằng những tên khác, như là ***tạp cú***, ***đoạn cú***, ***đoạn chương***, ***lưỡng hàng***.

I. Khởi Nguyên Của Tiểu Thi

Mặc dù tiểu thi đã xuất hiện từ lúc có phong trào thơ mới (tân thi) hay thơ tự do (tự do thi), nhất là thơ viết bằng bạch thoại (bạch thoại thi), tức là từ những năm cuối cùng của thế kỷ thứ 19, nhưng tiểu thi chỉ trở nên phổ biến từ khi người ta chú ý đến hai thể thơ đặc biệt của người Nhật-bản là hài cú và đoản ca, nhất là những bài thơ ngắn của thi hào Ấn-độ Rabindranath Tagore (người Trung-quốc gọi là Thái-qua-nhĩ, 1861-1941).

Hài cú (haiku; đúng ra phải gọi là bài cú, nhưng người Việt-nam quen đọc là hài cú) là loại thơ chỉ có 17 vần và đoản ca (tanka) 31 vần.

Xin đan cử hai bài hài cú của nữ thi nhân Chiyo-ni (Thiên-đại ni, 1703-1775)

Yo no hana wo
maru tsutsumu ya
oboro-zuki
(Bông hoa của thế giới
quấn tròn bao quanh
trăng lờ mờ)

Kiji naite
tsuchi iro iro no
kusa to naru
(Chim trĩ hót

Đất nhiều màu trở thành
Nhiều loại cỏ)

và hai bài đoản ca của nữ thi nhân Tawara Machi (s. 1962).

Tegami ni wa
ai afuretari
sono ai wa
keshiin no hi no
sono toki no ai
(Trong lá thư
chan chứa tình yêu
tình yêu đó
là tình yêu vào
thời gian đóng dấu bưu điện)

Kakioete
kitte wo hareba
tachimachini
henji wo matte
toki nagaredasu
(Từ lúc tôi
viết xong thư
và dán tem
thời gian bắt đầu trôi
chờ đợi thư trả lời.)

Mặt khác, các thi nhân Trung-quốc hồi đầu thế kỷ thứ 20 cũng đã chịu ảnh hưởng loại thơ ngắn của Tagore, nhất là những bài ở trong thi phẩm **Stray Birds**, một tập thơ gồm 325 bài tiểu thi viết bằng thổ ngữ Bengali của Ấn-độ (đã được dịch sang Anh ngữ năm 1916) đánh số từ I đến CCCXXV và được lưu truyền ở Trung-quốc cuối thập niên 1910 và đầu thập niên 1920.

Sau đây là vài bài thơ ngắn trong thi phẩm **Stray Birds**[1].

"Chính những giọt lệ của trái đất đã làm cho những nụ cười của cô ta nở." (bài IV)

"Nếu bạn rơi lệ khi nhỡ mặt trời thì bạn cũng nhỡ cả những ngôi sao." (bài VI)

"Hãy để cho sự sống đẹp như những bông hoa mùa hạ và sự chết như những chiếc lá mùa thu." (bài LXXXII)

"Nghệ sĩ là tình nhân của Thiên nhiên, nên vừa là nô lệ vừa là chủ nhân của Thiên nhiên." (bài LXXXV)

"*Con đường cô độc trong đám đông của nó vì nó không được yêu.*" (bài CXIV)

Danh xưng "***tiểu thi***" (nghĩa đen: thơ nhỏ) xuất hiện khoảng năm 1917, nhưng phải chờ đến năm 1922 thì mới bắt đầu trở nên thịnh dụng. Năm đó, hai thi tập quan trọng nhất và cũng là thành danh của nữ thi nhân Băng-Tâm (bút danh của Tạ Uyển-oanh, 1900-1999) là **Phồn Tinh** và **Xuân Thủy** được xuất bản. Sau đó không lâu là một thi tập khác, **Lưu Vân Tiểu Thi** của Tông Bạch-hoa (1897-1986) cũng được xuất bản. Cả ba thi tập này đều gồm toàn những bài tiểu thi.

Theo Julia C. Lin, tiểu thi Trung-quốc thoát thai từ một loại thơ Đường luật gọi là tuyệt cú[2]. Tuyệt cú (còn gọi là tứ tuyệt) là loại thơ mỗi bài chỉ có 4 câu, mỗi câu chỉ có 5 chữ (ngũ ngôn tuyệt cú) hay 7 chữ (thất ngôn tuyệt cú), làm theo nhiều qui luật về âm, điệu, vận, v.v...

Tuy nhiên, theo thiển ý của chúng tôi, nguồn gốc của tiểu thi Trung-quốc còn đi xa hơn nữa, lên tới **Thi Kinh**, bộ thơ thành văn đầu tiên của người Trung-quốc, với những bài dân dao xuất hiện khoảng năm 1000-600 TCN và được Khổng-tử (551-479 TCN) san định.

Thực vậy, **Thi Kinh** gồm 305 bài dân dao xếp thành 4 phần chính là ***Quốc Phong*** (160 bài), ***Tiểu Nhã*** (74 bài), ***Đại Nhã*** (31 bài) và ***Tụng*** (40 bài).

Tên mỗi bài được gọi theo một vài chữ chủ yếu, thường là ở trong câu đầu. Thí dụ bài đầu tiên thuộc phần ***Quốc Phong*** bắt đầu bằng câu "*Quan quan thư cưu*" được gọi là bài ***Thư Cưu*** hay thơ ***Thư Cưu*** (hai chữ "bài" hay "thơ" dùng trong Việt ngữ, còn trong Hoa ngữ chỉ gọi là ***Thư Cưu***); hoặc như bài 65 phần ***Tiểu Nhã*** bắt đầu bằng câu "*Bỉ đô nhân sĩ*" được gọi là bài ***Đô Nhân***, v.v...

Các bài trong phần ***Quốc Phong***, ***Tiểu Nhã*** và ***Đại Nhã*** được chia ra từ 2 đến 16 đoạn, gọi là "chương". Riêng phần ***Tụng*** trong số 40 bài có 34 bài, mỗi bài chỉ gồm có 1 chương, còn 6 bài khác chia ra từ 3 đến 9 chương. Tổng cộng số chương trong **Thi Kinh** là 1.126 chương.

Mỗi chương gồm từ 2 đến 31 cú (hay câu). Loại bài 4 câu được dùng nhiều nhất, 374 chương trong tổng số 1.126 chương (33.21%); tiếp theo là loại bài 8 câu (225 chương, tức 19.98%) và loại 6 câu (219 chương, tức 19.45%).

Vì đại đa số các bài tiểu thi hiện tại của Trung-quốc gồm từ 2 đến 6 câu, còn trong **Thi Kinh** tổng số các chương loại 2 câu (5 chương), 3 câu (27 chương), 4 câu (374 chương), 5 câu (68 chương), và 6 câu (219 chương) là 693 chương, tức chiếm 61.55%, nên chúng ta có thể nói được rằng tiểu thi hiện tại của Trung-quốc bắt nguồn từ **Thi Kinh**.

Hơn nữa, tuyệt đại đa số các bài trong **Thi Kinh**, nhất là trong phần ***Quốc Phong*** (160 bài, tổng cộng 480 chương; tức là chiếm 32.79% xét về số bài, hay 42.63% xét về số chương) đều mỗi câu gồm 4 chữ, còn câu có hơn 4 chữ rất ít. Như vậy, xét về điểm này chúng ta cũng có thể nói được rằng các bài trong **Thi Kinh** là sơ nguyên hình của tiểu thi hiện tại của Trung-quốc.

Chúng ta hãy so sánh **Thi Kinh** với ba thi phẩm của nữ thi sĩ Băng-Tâm là **Phồn Tinh**, **Xuân Thủy** và **Viễn Đạo**[3].

Một bài thơ trong **Thi Kinh** chỉ gồm từ 8 chữ (loại 2 câu) đến 16 chữ (loại 4 câu) hay 124 chữ (loại 31 câu), còn một bài thơ ***Phồn Tinh*** ngắn nhất gồm 14 chữ và dài nhất gồm 86 chữ, một bài thơ ***Xuân Thủy*** ngắn nhất gồm 11 chữ và dài nhất gồm 96 chữ, và một bài thơ ***Viễn Đạo*** ngắn nhất gồm 20 chữ và dài nhất gồm 61 chữ.

Ngoài ra, còn có một điểm khác đáng chú ý là trong lịch sử thi ca truyền thống của Trung-quốc, loại thơ ngắn chiếm một vai trò nổi bật, về lượng cũng như về phẩm. Chẳng hạn, trong 300 bài thơ trong bộ **Đường Thi Tam Bách Thủ** của Hành Đường-thoái (ấn bản của Quảng-trí xbx, Hương-cảng, không ghi năm xuất bản) có 29 bài loại ngũ ngôn tuyệt cú và 51 bài thất ngôn tuyệt cú, tổng cộng 80 bài (chiếm 26.67%). Khuynh hướng làm thơ ngắn còn tiếp tục cho tới hiện tại.

II. Số Câu Hay Chữ Trong Một Tiểu Thi

Một bài thơ có bao nhiêu câu hay dài bao nhiêu chữ thì được coi là tiểu thi? Không có một nhà phê bình văn học, nghiên cứu văn học, hay biên tập văn tuyển hoặc thi tuyển nào đưa ra một qui luật nào để làm khuôn thước cho việc họ xếp một bài thơ vào loại tiểu thi cả.

Tuy nhiên, căn cứ vào chính các thi phẩm được họ gọi hay xếp loại là tiểu thi, chúng ta thấy là số chữ nhiều nhất trong một bài tiểu thi khoảng trên dưới 100 chữ.

Xin kể vài thí dụ: bài ***Tiểu Thi*** của Tông Bạch-hoa gồm 41 chữ, bài ***Tiểu Châu*** của Phương-Kỳ (s. 1937) gồm 37 chữ, bài ***Nhất Đại Nhân*** của Cố-Thành (1956-1993) 18 chữ, bài ***Giang Biên*** của Quách Thiệu-ngu (1893-1984) 16 chữ, bài ***Hỏa Diệu Nhật*** của nữ thi sĩ Lâm-Linh (s. 1938) 15 chữ. Đấy là chưa kể bài ***Sinh Hoạt*** của Bắc-Đảo (s. 1949) chỉ gồm có đúng 1 chữ: "*Võng*" (Các bài thơ này sẽ được trích dẫn ở một số đoạn bên dưới).

Đối với những bài trong hai tập thơ **Phồn Tinh** và **Xuân Thủy** của Băng-Tâm, được coi là tác phẩm sơ khai mở đường cho phong trào viết tiểu thi hiện đại, cùng là thi phẩm **Viễn Đạo** thì như sau:

1.- **Phồn Tinh**: bài ngắn nhất, ***Phồn Tinh 88***, gồm 14 chữ và bài dài nhất, ***Phồn Tinh 106***, gồm 86 chữ (bài này chia làm 2 đoạn: 1 đoạn 44 chữ và 1 đoạn 42 chữ).

2.- **Xuân Thủy**: bài ngắn nhất, ***Xuân Thủy 38***, gồm 11 chữ và bài dài nhất, ***Xuân Thủy 5***, gồm 106 chữ (bài này chia làm 3 đoạn: 1 đoạn 34 chữ, 1 đoạn 35 chữ và 1 đoạn 37 chữ).

3.- **Viễn Đạo**, bài ngắn nhất (bài mở đầu) gồm 20 chữ và bài dài nhất, ***Viễn Đạo 5***, gồm 61 chữ.

Trong tuyển tập **Vị Hồ Điệp Lưu Nhất Khỏa Hoa Thụ**, với tiểu đề ***Trung-quốc Tinh Đoản Thi Ca Tuyển Tụy***, do Chúc-Dũng làm chủ biên (Thời Sự xbx., Bắc-kinh, in lần 1 năm 1994 và lần 2 năm 1995) với 100 bài thơ ngắn của các tác giả sáng tác trong thế kỷ thứ 20, trong đó có 10 bài tiểu thi (bài tiểu thi ngắn nhất là bài ***Nhất Đại Nhân*** của Cố-Thành đã nói bên trên và bài tiểu thi dài nhất là bài ***Mạch Sinh*** của Lưu Trạm-thu gồm 51 chữ).

Một thí dụ khác là tập thơ của Tiêu-Tiêu (s. 1946) mang nhan đề **Bi Lương**, với tiểu đề ***Tiêu-Tiêu Tiểu Thi Tuyển*** (Nhĩ-nhã xbx, Đài-bắc, 1982), gồm 68 bài tiểu thi và phụ thêm 2 bài thơ dài (không thuộc loại tiểu thi) trình bày các quan điểm triết lý của tác giả.

Trong thi tập này chỉ có 10 bài là không phân đoạn, còn 60 bài thơ khác chia làm nhiều đoạn, từ 2 đến 6 đoạn, trong đó có hai bài là được đánh số đoạn. Ngoài ra, có 5 bài thực ra là nhiều bài hợp lại dưới cùng một nhan đề và phân biệt bằng các từ "kỳ" (1 bài, gồm từ "kỳ nhất" đến "kỳ tứ") hay "chi" (2 bài, một gồm từ "chi nhất" đến "chi tam" và một gồm "chi nhất" và "chi nhị") hoặc "thủ" (2 bài, một gồm từ "đệ nhất thủ" đến "đệ tứ thủ" và một gồm từ "đệ nhất thủ" đến "đệ bát thủ").

Bài thơ ngắn nhất trong thi tập, ***Cảng Loan***, tổng cộng 20 chữ, chia làm 2 đoạn: đoạn thứ nhất 3 câu 18 chữ và đoạn thứ hai 1 câu 2 chữ. Bài dài nhất không phân đoạn, ***Vụ Dữ Ngã***, gồm 9 câu tổng cộng 65 chữ. Đặc biệt là bài ***Thu Thiên Đích Tâm Tình***, gồm có 8 "thủ", mỗi "thủ" chia làm 2 đoạn, mỗi đoạn 4 câu và mỗi câu có từ 2 đến 14 chữ. Số chữ trong mỗi "thủ" gồm từ 61 đến 67. Toàn bài có 64 câu và tổng cộng 515 chữ. Điểm đáng chú ý là một số bài trong thi tập này có nhiều câu chỉ có 1 hay 2 chữ thôi.

Mặt khác, trái với quan niệm của nhiều người cho rằng tiểu thi không sống lâu vì đã biến khỏi thi đàn Trung-quốc sau thập niên 1920, tiểu thi vẫn còn tiếp tục được dùng cho tới ngày nay.

Chẳng hạn Phi-Mã (s. 1936) có một thi tập mang nhan đề **Phi-Mã Tập** (Tam Liên Thư điếm, Hương-cảng, 1984). Thi tập này gồm 82 bài

thơ ngắn, đại đa số là tiểu thi, làm từ năm 1970 đến năm 1984. Ngắn nhất là bài ***Chuyên*** (làm ngày 6.2.1983), gồm 3 đoạn, mỗi đoạn 1 câu: đoạn thứ nhất 3 chữ, đoạn thứ hai 4 chữ, đoạn thứ ba 3 chữ. Bài dài nhất trong thi tập, nhan đề ***Ánh Tượng*** (làm ngày 14.3.1982), gồm 27 câu chia làm 6 đoạn, tổng cộng 193 chữ. Ngoài ra, giống như các bài thơ trong tập **Bi Lương** của Tiêu-Tiêu nói trên, nhiều bài trong **Phi-Mã Tập** này cũng có những câu chỉ gồm 1 hay 2 chữ thôi.

Sở dĩ có nhiều bài thơ sáng tác từ đầu thế kỷ thứ 20 trở đi được gọi là tiểu thi mặc dù dài hơn các bài thơ Đường luật (ngũ ngôn tuyệt cú 20 chữ, ngũ ngôn luật hay ngũ ngôn bát cú 40 chữ; thất ngôn tuyệt cú 28 chữ, thất ngôn luật hay thất ngôn bát cú 56 chữ) là bởi vì thơ mới hay thơ tự do được phổ biến từ đầu thế kỷ thứ 20 đại đa số đều rất dài. Chúng ta có thể thấy nhiều thí dụ trong bất cứ một thi tập nào hay một hợp tuyển thi ca hiện đại nào của người Trung-quốc.

Thí dụ tập **Ngải-Thanh Thi Tuyển**[4] của Ngải-Thanh (1910-1995) gồm 57 bài thơ. Bài ngắn nhất, ***Thụ***, tổng cộng 59 chữ, chia làm 2 đoạn, mỗi đoạn 4 câu: đoạn 1 gồm 26 chữ và đoạn 2 gồm 33 chữ. Bài dài nhất, ***Hướng Thái Dương***, ngoài phần dẫn nhập gồm 45 chữ, chia làm 9 phần mang 9 tiểu đề, mỗi phần lại chia ra làm 1 đoạn (phần 2 và 9), 2 đoạn (phần 6), 4 đoạn (phần 4, gồm đoạn mở đầu và 3 đoạn) 5 đoạn (phần 1 và 3), 6 đoạn (phần 8) và 8 đoạn (phần 5 và 7); tổng cộng 41 đoạn, 406 câu và 2.716 chữ.

Một thí dụ khác là thi tập **Vô Nhân Xưng**[5] của Dương-Luyện (s. 1955) gồm 66 bài thơ. Bài ngắn nhất, ***Ngạc Ngư***, gồm 45 chữ và chia làm 2 đoạn, mỗi đoạn 3 câu: đoạn thứ nhất gồm 24 chữ, đoạn thứ hai 21 chữ. Bài dài nhất, ***Lưu Vong Chi Tử Giả***, chia làm 8 đoạn: đoạn một gồm 5 câu, 47 chữ; đoạn hai 5 câu, 34 chữ; đoạn ba 6 câu, 48 chữ; đoạn bốn 4 câu, 47 chữ; đoạn năm 3 câu, 25 chữ; đoạn sáu 10 câu, 99 chữ; đoạn bảy 18 câu 135 chữ và đoạn tám 2 câu, 22 chữ; tổng cộng toàn bài gồm 53 câu, 447 chữ.

Ngoài ra, bài ***Vô Nhân Xưng Đích Tuyết*** gồm 6 chi, đánh số từ "chi nhất" đến "chi lục". Ngoại trừ "chi tam" và "chi tứ" là không phân đoạn, với "chi tam" gồm 16 câu và "chi tứ" gồm 14 câu, các chi khác chia ra từ 3 đến 7 đoạn, và mỗi đoạn gồm từ 1 đến 6 câu. Toàn bài tổng cộng 92 câu, 1.022 chữ.

III. Hình Thức Của Tiểu Thi

Về phương diện hình thức, tiểu thi có 3 điểm đáng chú ý.

Thứ nhất, thường tiểu thi là những bài thơ ngắt câu rất nhiều (vì thế

tiểu thi còn được gọi là "***đoạn cú***", nghĩa đen là ngắt câu).

Thí dụ bài thơ ***Chuyên*** (Gạch) của Phi-Mã nói ở phần II bên trên, gồm 3 đoạn và mỗi đoạn 1 câu, tổng cộng 10 chữ.

Đoạn 1 có 3 chữ.

Điệp la hán
(Người chồng người)

Đoạn 2 có 4 chữ.

Khán tường ngoại diện
(Xem bên ngoài tường)

Đoạn 3 có 3 chữ.

Thị thậm ma?
(Là cái gì?)

Thứ hai, những câu bị ngắt đó thường diễn tả những ý nghĩ, lời văn bị cắt xén, khác thông thường (cũng vì vậy tiểu thi còn có tên gọi là "***đoạn chương***").

Chẳng hạn bài thơ ***Môn*** (Cửa) cũng của Phi-Mã chia làm 2 đoạn và mỗi đoạn 2 câu, tổng cộng 12 chữ.

Đoạn 1 có 2 câu 6 chữ, với câu thứ nhất 4 chữ và câu thứ hai 2 chữ:

Lão xử nữ đích
Song thần[6]
(Đôi mép của cô
Gái già)

Trái lại, đoạn 2 tuy cũng có 2 câu 6 chữ, nhưng câu thứ nhất lại gồm 2 chữ và câu thứ hai 4 chữ.

Đồng trinh
Tại tha lý diện
(Đồng trinh
Ở tại bên trong)

Bài thơ có ý nói là vì hai âm thần ở bên ngoài của cô gái già còn nguyên vẹn nên cô vẫn còn là gái đồng trinh. Ý này thông thường được diễn tả trong một câu, tuy nhiên Phi-Mã đã cắt xén thành 2 đoạn mỗi đoạn 2 câu.

Một thí dụ khác là bài ***Thiên Tịnh Sa*** của Tiêu-Tiêu chia làm 6 đoạn.

Đoạn 1 gồm 7 câu, trong đó chỉ có một câu có 6 chữ, còn các câu khác 2 chữ.

Khô đằng
Lão thụ
Hôn nha

Tiểu kiều lưu thủy nhân gia
Cổ đạo
Tây phong
Sấu mã
(Mây khô
Cây già
Quạ chiều
Cầu nhỏ nước chảy nhà người
Đường xưa
Gió Tây
Ngựa gầy)

Câu thứ nhất đoạn 2 có 4 chữ và câu hai 2 chữ, còn các câu khác 1 chữ.

Tịch dương Tây hạ
Thiên tắc
Vô
Biên
Vô
Tế
Vô
Nhai
(Trời chiều ngả Tây
Phép trời
Không
Bờ
Không
Bến
Không
Ranh)

Đoạn 3 có câu thứ nhất gồm 8 chữ, câu thứ nhì 2 chữ và câu thứ ba 6 chữ; còn từ câu thứ tư đến câu thứ mười mỗi câu 1 chữ.

Quá liễu chính ngọ, kiểm tài khai thủy
Thượng thăng
Thượng thăng thành nhất đôi đôi
Hoãn
Hoãn
Mạn
Mạn
Đích

Hắc
Vân
(Đã qua chính ngọ, mặt mới bắt đầu
Lên cao
Lên cao thành một gò đống
Mây
Đen
Trôi
Lững
Thững
Chầm
Chậm)

Đoạn 4 chỉ có 3 câu, câu thứ nhất và thứ ba mỗi câu 2 chữ, còn câu thứ hai 1 chữ.

Lưu liên
Phục
Lưu liên
(Thong dong
Lại
Thong dong)

Hai câu đầu và cuối của đoạn 5 mỗi câu có 4 chữ, và câu thứ hai 2 chữ, còn các câu khác mỗi câu 1 chữ.

Kiểm tài khai thủy
Hạ giáng
Hoãn
Hoãn
Mạn
Mạn
Đích
Hắc
Vân, nhất đôi đôi
(Mặt lại bắt đầu
Hạ xuống
Thành
Một
Gò
Đống
Mây
Đen

Từ từ thong thả)

Đoạn cuối cùng của bài thơ chỉ có 1 câu gồm 6 chữ.

Đoạn trường nhân tại thiên nhai
(Người đau lòng ở chân trời)

Thứ ba, đại đa số tiểu thi rất ngắn, chỉ có 1, 2 hàng thôi (nên một tên gọi khác của tiểu thi là "***lưỡng hàng***").

Bài ***Nhất Đại Nhân*** (Một Thế Hệ Người) của Cố-Thành (1956-1993) là một thí dụ điển hình.

Hắc dạ cấp liễu ngã hắc sắc đích nhãn tinh,
Ngã khước dụng tha tầm trảo quang minh.
(Đêm đen tối đã cho tôi cặp mắt màu đen,
Tôi vẫn dùng để đi tìm ánh sáng.)

Hoặc như bài ***Đoạn Chương*** (Cắt Xén Văn) của Biện Chi-lâm (1910-2000) gồm có 2 đoạn, mỗi đoạn 2 câu.

Đoạn thứ nhất:

Nễ trạm tại kiều thượng khán phong cảnh,
Khán phong cảnh nhân tại lâu thượng khán nễ.
(Em đứng ở trên cầu ngắm phong cảnh,
Người ngắm phong cảnh ở trên lầu ngắm em.)

Đoạn thứ hai:

Minh nguyệt trang sức liễu nễ đích song tử,
Nễ trang sức liễu biệt nhân đích mộng.
(Trăng sáng đã tô điểm cửa sổ nhà em,
Em đã tô điểm giấc mộng kẻ khác.)

IV. Đặc Điểm Của Tiểu Thi

Ngoài ra, tiểu thi còn có 4 đặc điểm chính.

A. Mang Ý Nghĩ Tản Mạn

Lúc ban đầu tiểu thi chỉ là các bài thơ mang những ý nghĩ tản mạn, như lời Băng-Tâm, tác giả của **Phồn Tinh** và **Xuân Thủy**, hai tập tiểu thi đầu tiên mở đường cho sự phát triển của tiểu thi trong thế kỷ thứ 20.

Nữ thi nhân kể rằng khi lần đầu tiên bà đưa vài bài tiểu thi **Phồn Tinh** cho người anh em họ, chủ biên tờ **Thần Báo Phó San** ở Bắc-kinh, đọc xong ông đã điện thoại cho bà hỏi "Đây là cái gì hả?" và bà đã lúng túng trả lời rằng "Chỉ là vài hàng ý nghĩ tản mạn thôi."

Bà còn viết trong bài ***Tự*** (Tựa) sách **Băng-Tâm Thi Tập**[7] rằng:

"*Tôi không hiểu thơ mới, tôi hoài nghi về loại thơ này và không dám viết thơ mới. Tôi nghĩ rằng trọng tâm của thơ nằm ở nội dung của nó, chứ không phải là ở hình thức... Như tôi đã nói ở phần Tiền Ngôn*

của tập Phồn Tinh, tôi sáng tác các bài thơ trong tập này sau khi đã đọc tập thơ Stray Birds của Tagore. Tôi dùng hình thức thơ của ông để cố ghi chép lại các ý nghĩ tản mạn của tôi..." (tr. 9)

Cũng vì trong thời sơ khai tiểu thi chỉ là những bài thơ mang ý nghĩ tản mạn nên tiểu thi còn được gọi là "***tạp cú***", nghĩa là những câu thơ mang những cảm nghĩ nhỏ, vụn vặt.

B. Có Tính Cách Cá Nhân và Tính Chất Suy Tưởng

Tuy nhiên, với thời gian, tiểu thi đã dần dần phát triển thành những bài thơ mang những ý qui về một mục đích hay một chủ đề, chứ không phải là những ý tản mạn.

Thực vậy, các bài tiểu thi trong giai đoạn sơ khởi đã có tính cách cá nhân và tính chất suy tưởng. Vì vậy những bài tiểu thi trong thời kỳ này thường mang trạng thái khát vọng hay hoài cựu và được trình bày trong một khung cảnh an tịnh tự nhiên. Hơn nữa, nhiều bài còn có tính chất linh hoạt cơ trí trong những thông điệp về tình yêu, thiên nhiên và thi ca.

Không có thí dụ nào rõ ràng về đặc điểm này cho bằng những bài thơ của Băng-Tâm và Tông Bạch-hoa.

Về thơ của Băng-Tâm xin kể hai thí dụ.

Điển hình cho tiểu thi có tính cách cá nhân là bài ***Phồn Tinh 80***.

Mẫu thân ha!
Ngã đích đầu phát
Phi tại nễ đích tất thượng
Giá tựu thị nễ phó dữ ngã đích vạn lũ nhu ti.
(Mẫu thân ơi!
Đầu tóc của con
Xõa ra trên đầu gối mẹ
Đó chính là vạn sợi tơ mềm mại mẹ ban cho con.)

Còn tiểu thi có tính chất suy tưởng thì như bài *Phồn Tinh 12*.

Nhân loại ha!
Tương ái bãi.
Ngã môn đô thị trường hành đích lữ khách,
Hướng trước đồng nhất đích qui túc.
(Nhân loại hỡi!
Hãy yêu nhau.
Chúng ta đều là lữ khách đi đường dài
Cùng hướng về một nơi nghỉ chân.)

Bài thơ kêu gọi mọi người hãy nên thương yêu nhau, chớ có tranh giành, chém giết nhau, bởi vì tất cả mọi người ở trên dương thế chỉ là

những người lữ khách đi trên con đường dài hướng về một nơi nghỉ chân, trú ngụ mà thôi.

Tông Bạch-hoa thì nói trong bài mang nhan đề ***Tiểu Thi*** rằng:

Sinh mệnh đích thụ thượng
Điêu liễu nhất chi hoa
Tạ lạc tại ngã đích hoài lý.
Ngã khinh khinh đích áp tại tâm thượng,
Tha tiếp xúc liễu ngã tâm trung đích âm nhạc,
Hóa thành tiểu thi nhất đóa.
(Trên cành cây sinh mệnh
Một đóa hoa héo tàn
Rơi rụng vào trong vòng tay tôi.
Tôi nhè nhẹ ép hoa lên trái tim,
Để hoa tiếp xúc với âm nhạc trong tim tôi,
Hóa thành một đóa thơ nhỏ.)

Tuy rằng sau thập niên 1920 các tác giả tiểu thi ít quan tâm đến đặc điểm cá nhân và suy tưởng mà nhấn mạnh vào hình tượng nhiều hơn, nhưng từ thập niên 1970 trở đi, các thi nhân, đặc biệt là những người sống ở Hoa-lục, đã lại chú trọng vào tính cách suy tưởng nhiều hơn.

Ở Hoa-lục chúng ta thấy có những bài tiểu thi như bài ***Nhiếp Ảnh*** (Ảnh Chụp) của Cố-Thành. Bài thơ 2 đoạn này nói lên nỗi ưu tư của tác giả (và đồng thời cũng là của những thanh niên học sinh trí thức đương thời).

Đoạn 1 ám chỉ giai đoạn chính trị cởi mở ngắn ngủi, chóng vánh mà người dân ở Hoa-lục được hưởng khi Mao Trạch-đông (1893-1976) mới chết và bọn Tứ Nhân Bang[8] mới bị thanh trừng, nhưng rồi lại bị Đảng Cộng sản Trung-quốc trói buộc kìm hãm lại ngay, giống như là ánh mặt trời chỉ chớp nhoáng được có một cái là đã bị mây đen che giấu chôn vùi.

Dương quang
Tại thiên thượng nhất thiểm,
Hựu bị ô vân mai yểm.
(Ánh dương
Trên trời một chớp nhoáng
Rồi bị mây đen chôn dấu.)

Đoạn 2 nói về cuộc tranh đấu nội tâm của tác giả, như những cơn mưa dữ ào ào xối xuống như đoàn quân xung phong để tẩy rửa linh hồn tác giả.

Bạo vũ xung tẩy trước
Ngã linh hồn đích để phiến.
(Mưa dữ ào ào rửa
Tấm hình linh hồn tôi.)

Hoặc như bài thơ 2 đoạn ***Hàng Hải*** (Đi Biển) của một thi sĩ Hoa-lục khác là Lục-Nguyên (s.?) nói rằng người ta sống ở đời giống như là đi biển (đoạn 1)

Nhân hoạt trước,
Tượng hàng hải.
(Người ta sống,
Giống đi biển.)

Bởi vì người ta phải trải qua nào là hận, nào là giận, nào là yêu, nào là vui, v.v... mà những trạng huống đó mãnh liệt thì như là gió bão trên biển cả hay êm đềm, nhẹ nhàng, tươi thắm như những áng mây trên trời.

Nễ đích hận, nễ đích phong bạo,
Nễ đích ái, nễ đích vân thải.
(Hận của anh, gió bão của anh,
Tình yêu anh, áng mây của anh.)

Ở Đài-loan cũng có những thi nhân như Mai-Tân (s. 1937) với bài ***Lê Minh*** (Bình Minh):

Vọng trước lê minh,
Ngã khôi phục liễu đối quá khứ hứa đa sự đích ký ức
Bao quát
Lê minh.
(Ngắm trong bình minh,
Tôi đã khôi phục ký ức đối với quá khứ có nhiều việc
Bao quát
Bình minh.)

C. Mang Nhiều Hình Tượng

Một đặc điểm khác, và cũng là nổi bật nhất, của tiểu thi là hình tượng. Chúng ta hãy xét bài ***Vũ Hành*** (Đi Trong Mưa) của Cố-Thành sau đây.

Vân hôi hôi đích,
Tái dã tẩy bất can tịnh.
Ngã môn đả khai bố tản,
Tác tính đồ hắc liễu thiên không.
(Mây xám xám xịt,
Giặt mãi vẫn không sạch.

Chúng tôi mở tung dù vải,
Quyết trát thiên không một màu đen.)

Trong bài này tác giả đã dùng một số từ để diễn tả hai hình ảnh thường thấy khi trời mưa: mây và dù (ô).

Trong câu 1 tác giả không vẽ mây đen mà là mây màu xám tro. Điểm đáng chú ý là từ "*hôi*" ở câu 1 vừa có nghĩa là "tro, tàn" lại vừa có nghĩa là "màu xám tro, màu xám như màu tro". Phải là hình ảnh "*vân hôi hôi đích*" (mây màu xám tro) thì mới hợp với hình ảnh "*bất can tịnh*" (không sạch) ở câu 2. Nếu là mây đen thì mưa phải lớn, mà mưa đã lớn thì vật gì rửa cũng sạch. Trái lại, mây xám ngụ ý chỉ mưa nhỏ, mưa lâm râm, và như vậy không thể rửa sạch vật gì, nếu không thể nói là còn làm nhơ bẩn thêm. Hơn nữa, vì mây có xám thì hình ảnh dù (ô) đen mới có thể dùng hợp lý ở câu 4, "*Tác tính đồ hắc liễu thiên không*" (quyết định trát phết thiên không một màu đen). Chỉ có dù (ô) đen mới nổi bật trên nền trời mây xám; chứ nếu mây đã đen kín bầu trời thì màu đen của dù (ô) sẽ lẫn vào màu đen của mây (và của cả bầu trời), đâu còn có thể nổi bật lên được nữa.

Hình tượng "*tẩy*" trong câu 2 vừa diễn tả ý dùng nước để làm cho sạch, nghĩa là "giặt", "rửa sạch" vừa có nghĩa là nước mưa làm mất đi bụi cát bẩn thỉu, hay, nói cách khác, cũng là giặt hay rửa sạch. Tuy nhiên, như đã nói bên trên, vì là mưa nhỏ nên dù mưa đi mưa lại vẫn không rửa sạch được những cái bẩn thỉu trên mặt đất được, "*Tái dã tẩy bất can tịnh*".

Hình tượng thứ ba là hình ảnh những chiếc dù vải (bố tản) được mở ra để che cho người khỏi bị mưa ướt. Đây là một hình ảnh luôn luôn thấy những khi trời mưa. Tuy nhiên, tác giả lại dùng hình tượng này để vẽ lên một hình ảnh khác là nhiều chiếc dù đen (diễn dịch theo từ "*hắc*" trong câu 4) mở tung ra ấy kết hợp lại với nhau tạo nên một cảnh trời đen như là họa sĩ có ý tô phết một nền trời đen. Tuy Cố-Thành không nói ra, nhưng người đọc hiểu rằng nền trời đen báo hiệu một trận mưa lớn sẽ xảy ra và lúc đó chắc chắc mọi nhơ bẩn trên mặt đất sẽ được rửa sạch.

Vì giới hạn của đề tài, chúng tôi không muốn đi xa hơn nữa để tìm hiểu chủ ý thực sự của bài thơ.

Một thí dụ khác là bài thơ ***Bạch Dương*** (Cây Bạch Dương) của Tiêu-Tiêu.

Trong đoạn đầu, gồm 4 câu và tổng cộng 21 chữ, tác giả vẽ lên hình ảnh từng hàng kế bên từng hàng cây bạch dương (còn gọi là "mao bạch dương") đón gió ngả ngả nghiêng nghiêng khiến người ta trông

thấy phải khiếp sợ tưởng như là cây sẽ đổ sập xuống bất cứ lúc nào.

Nhã nhân phát hoảng đích
Tựu thị na tá, na tá nghênh phong đích bạch dương.
Nhất bài
Tì nhất bài
(Khiến người phải phát hoảng
Chính là những cây, những cây bạch dương đón gió đó.
Một hàng
Kề một hàng)

Tuy nhiên, theo đoạn 2, thực ra những cây đó đang nhởn nhơ, nhàn nhã, chứ không có gì là vội vàng chút nào cả.

Du
Nhàn
(Nhởn
Nhơ.)

Tác giả đã vẽ lên hai hình tượng rất tương phản nhau. Một đằng thì cây ngả ngả nghiêng nghiêng trước gió cho thấy cây dường như đang bận rộn chống chọi lại hiện tượng thiên nhiên là gió, và ở đây phải hiểu là gió mạnh, vì chỉ có gió mạnh mới làm cho cây phải ngả nghiêng rất dữ đến độ người ta trong thấy phải kinh hoảng. Đằng khác hình ảnh "*du nhàn*" diễn tả trong đoạn 2 của bài thơ cho thấy, trái ngược lại, cây có vẻ nhàn nhã, ung dung, từ tốn, không phải là đang phải chống chọi với một lực thiên nhiên nào.

Trong tiểu thi, các tác giả thường dùng những lời lẽ rất là giản dị để tạo nên những hình tượng.

Hình tượng trong bài ***Xuân Thủy 32*** của Băng-Tâm được diễn tả bằng lời lẽ đơn giản, nghe chẳng khác gì một bài hài cú của người Nhật-bản.

Ngư châu qui lai liễu,
Khán giang thượng điểm điểm đích hồng đăng ha!
(Thuyền cá đã trở lại!
Kìa xem đèn đỏ lốm đốm trên dòng sông!)

Hoặc như bài ***Giang Biên*** (Bên Sông) của Quách Thiệu-ngu (1893-1984) sau đây:

Vân tại thiên thượng,
Nhân tại địa thượng,
Ảnh tại thủy thượng,
Ảnh tại vân thượng.
(Mây ở trên trời,

Người trên mặt đất,
Bóng trên mặt nước,
Bóng ở trên mây.)

Thật là giản dị đến không còn giản dị hơn được nữa. Ngoài ra, tác giả không dùng một chữ hay một câu nào khó hiểu cả.

Bốn câu thơ cho chúng ta bốn hình ảnh rất là đơn sơ: mây trên trời, người trên mặt đất, bóng trên mặt nước, và bóng ở trên mây. Đó là những hình ảnh thị giác.

Cũng có thể có người cho rằng hai câu đầu đưa ra hai hình ảnh đối nhau thường thấy trong thơ cổ điển Trung-hoa: mây đối với người và trời đối với đất.

Thực ra, chỉ có hai hình tượng có thể coi là đối đúng thôi là trời với đất, còn hai hình tượng mây và người không thể coi là đối được, vì nó không đúng với qui luật sơ đẳng của đối là những người, vật, ý niệm hay trạng thái phải cùng một thể loại mới có thể đối với nhau được thôi, như cha và mẹ, cha mẹ và con cái, vợ và chồng, thày và trò, núi và sông, trắng và đen, sống và chết, v.v... Trong khi đó, mây là hiện tượng thiên nhiên còn người là sinh vật nên đối với nhau không hợp chút nào, đấy là chưa kể sự đối này không mang ý nghĩa gì cả.

Mặt khác, hai câu 3 và 4 hoàn toàn không phải là đối, bởi vì từ "*ảnh*" được dùng tới hai lần, nghĩa là chỉ là chữ được lập lại mà thôi. Điểm đáng chú ý của hai câu này là bóng (ảnh) của người ("*nhân*" nói trong câu 2) vừa ở trên mặt nước (câu 3) lại vừa ở trên mây (câu 4).

Câu 3, "*Ảnh tại thủy thượng*", rất rõ ràng, không cần một giải thích nào. Còn câu 4, sở dĩ tác giả nói rằng "*Ảnh tại vân thượng*", đó là vì bóng mây cũng chiếu trên mặt nước giống như bóng người vậy, thành ra chỉ có một người mà lại có tới hai bóng trên mặt nước. Nói cách khác, kỹ thuật thiêm gia (superimposition) đã được tác giả dùng khiến cho người đọc tưởng như có hai bóng người, chứ không phải là một. Điều này càng cho thấy là không có đối trong câu 3 và 4.

D. Kỹ Thuật Tịnh Trí

Bên cạnh kỹ thuật dùng hình tượng còn có mợt kỹ thuật khác đóng vai trò chủ yếu là tịnh trí (juxtaposition, còn gọi là "tịnh liệt"), nghĩa là để hai hay nhiều hình ảnh song song nhau, liền kề nhau, nhưng ít có liên hệ với nhau, không có thứ tự tầng lớp với nhau, và cũng có ít chỉ điểm về nhân quả.

Bài thơ ***Nhất Đại Nhân*** của Cố-Thành (đã dẫn ở phần IV bên trên) là một thí dụ.

Tác giả đặt hai viễn cảnh tương phản là "*hắc dạ*" (đêm tối) và

"*quang minh*" (ánh sáng) bên cạnh nhau. Hơn nữa, hai viễn cảnh đó còn mâu thuẫn nhau và chính sự mâu thuẫn này cho thấy ý nghĩa của bài thơ: đi tìm "*quang minh*" hay là cái sáng, cái hay, cái tốt, cái đẹp, trong một bầu không khí u ám đen tối như "*hắc dạ*" và cái "*hắc dạ*" đó đã tạo ra viễn cảnh chật hẹp, gò bó, che đậy, khiến cho con người bị ngu muội, u mê, giống như có cặp mắt đen, "*hắc sắc đích nhãn tinh*".

Kỹ thuật tịnh trí còn được dùng để diễn đạt một sự loại suy (analogy) tương đồng.

Trong bài ***Tiểu Châu*** (Thuyền Nhỏ), tác giả Phương-Kỳ (s. 1937) đã đặt hai hình ảnh dường như là không có liên hệ song song bên nhau là chiếc thuyền cô độc (cô châu) và cái đầu người (đầu).

Cô độc đích tiểu châu đô thị oai tà địa các trước
Toàn thế giới đích sa than đô thị như thử đích.
Nhi như đồng oai tà đích đầu
Lý diện sung doanh trước bi ai.
(Những chiếc thuyền con cô độc tất cả đều đậu nghiêng leach
Tại mỗi bãi cát trên toàn thế giới đều như vậy.
Giống như những chiếc đầu nghiêng nghiêng
Trên mặt tràn đầy nỗi bi ai.)

Tác giả làm như vậy là để di chuyển các đặc chất của một hình ảnh này sang một hình ảnh khác. Hình ảnh những chiếc đầu nghiêng nghiêng trên mặt tràn đầy nỗi bi ai tiếp thụ sự cô đơn của những chiếc thuyền đậu tại bãi cát như thế nào thì những chiếc thuyền cô đơn cũng gợi lên sự ưu sầu vốn được dùng để tả người.

Việc di chuyển hay hỗn hợp các kinh nghiệm khách quan và chủ quan khiến cho bài thơ trở nên đặc biệt là cảm động.

Ngoài ra, sự tịnh trí trong bài tiểu thi ***Hỏa Diệu Nhật*** (Ngày Thứ Ba) của nữ thi sĩ Lâm-Linh (s. 1938) có một số điểm đáng chú ý.

Như hồng đích
Thải sắc đích tầng điệp
Quần cư
Nữ hài tử môn đích.
(Như cầu vồng
Tầng tầng lớp lớp màu
Xiêm y
Của các người con gái.)

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Có một số tài liệu chép bài thơ này thành hai câu như sau:

Như hồng đích, thải sắc đích tầng điệp

Quần cư, nữ hài tử môn đích.

Lại có tài liệu chép làm một hàng, không xuống dòng:

Như hồng đích thải sắc đích tằng điệp, quần cư nữ hài tử môn đích.

Bài thơ có ba điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, tác giả đã đặt hai hình ảnh là cầu vồng (hồng) và cái váy (quần cư) bên nhau để tạo nên các lớp màu chói lòa, bởi vì cầu vồng có năm màu và váy của phụ nữ, nhất là của những người trẻ tuổi chưa lập gia đình, thường cũng có nhiều màu.

Thứ hai, hai hình ảnh thị giác này lại được làm nổi bật lên hơn nữa bằng nhan đề mà tác giả đặt cho bài thơ: ***Hỏa Diệu Nhật***. Đó là từ Nhật ngữ ***kayô-bi***[9] viết bằng Kanji (Hán tự) dùng để chỉ ngày thứ ba trong tuần (Anh: Tuesday; Pháp: mardi): ka (hỏa) = lửa; yô (diệu) = sáng chói; bi = hi (nhật) = ngày; mặt trời. Việc dùng hình ảnh "*hỏa diệu*" (= sáng chói, chói lọi), tức là ánh sáng mặt trời chói lọi, làm gia tăng thêm hình ảnh màu sắc của bài thơ ngụ trong hình ảnh cầu vồng và váy.

Thứ ba, lối cấu trúc các chữ trong câu 3 và 4 cũng đặc biệt. Thay vì viết là "*Nữ hài tử môn đích/Quần cư*" theo lối cấu trúc thông thường của một câu Hoa ngữ mà ngay cả rất nhiều thi sĩ vẫn tuân thủ, Lâm-Linh đã đảo ngược thứ tự của câu thành "*Quần cư/Nữ hài tử môn đích*". Việc làm này đặc biệt ở chỗ là tác giả dựa vào hình ảnh thị giác và tri giác duy lý (người ta trông thấy váy sặc sỡ trước khi ý thức được váy là của phụ nữ) hơn là khái niệm theo thói quen là liên hợp váy với phụ nữ. Tiến trình nhận thức theo tập quán đã bị đảo lộn để cho độc giả có thể lập tức nhận thức hình ảnh một cách trực tiếp.

Kết Luận

Để kết luận bài này, chúng tôi xin mượn lời James Y. Liu nói về nguyên nhân thơ ngắn rất phổ biến ở Trung-quốc từ xưa đến nay.

"*Một đặc trưng khác của tinh thần người Trung-quốc có lợi cho những bài thơ ngắn là nó tập trung vào bản chất của một sự vật hay kinh nghiệm hơn là vào các chi tiết. Thi nhân Trung-quốc thường chú tâm vào việc chụp bắt tinh thần một cảnh tượng, một tâm thái, một thế giới hơn là miêu tả những biểu hiện đa phương diện... [T]rạng thái tâm lý của người Trung-quốc dường như mâu thuẫn; xét về phương diện kinh nghiệm cá nhân, tinh thần người Trung-quốc nghiêng về việc tập trung vào bản chất hơn là mô dạng, và vì thế có tính cách 'bản thể chủ nghĩa' hơn; tuy nhiên, trong thái độ của nó đối với nhân sinh một cách toàn thể, nó lại có tính chất 'hiện sinh chủ nghĩa' hơn là 'bản thể chủ*

nghĩa' đối với những gì liên quan tới kinh nghiệm sống thực hơn là những ý kiến lý tưởng hay những hạng loại trừu tượng."[10]

Cũng chính sự cung phụng cho bản chất của sự vật này đã đưa các thi nhân Trung-quốc tới chỗ tôn sùng các kỹ thuật sáng tác đặc biệt của thi ca Trung-quốc là ám thị, hàm xúc và cụ thể trong các diễn tả. Vì thế sự nổi dậy của tiểu thi chỉ là đề xuất lại, đồ hình lại phương diện cực trọng yếu của mẫn cảm tính của thi ca Trung-quốc mà thôi.

---

(1) Vì chưa tìm được bản nguyên tác, nên trong bài này chúng tôi chỉ dựa vào bản dịch Anh ngữ in trong **The Collected Poems and Plays by Rabindranath Tagore**, ấn bản Collier Books, do Macmillan ở Nữu-ước xuất bản năm 1993, tr. 229-263.

(2) Julia C. Lin, **Modern Chinese Poetry: An Introduction**, University of Washington Press, Seattle & London, bản bìa giấy, 1973, tr. 50.

(3) Các bài thơ trong hai thi phẩm **Phồn Tinh** và **Xuân Thủy** của Băng-Tâm không mang một nhan đề nào hay một tiểu đề nào, mà chỉ đánh số thứ tự thôi: trong **Phồn Tinh** các bài đánh số từ 1 đến 164 và trong **Xuân Thủy** từ 1 đến 182. Cũng theo hình thức này là thi phẩm **Viễn Đạo** đánh số từ 1 đến 17.

(4) Thi tập này được dịch sang Anh ngữ, nhan đề **Selected Poems of Ai Qing**, do Eugene Chen Eoyang biên tập, và được Indiana University Press ở Bloomington (Indiana) và Ngoại Văn Xuất bản xã ở Bắc-kinh liên hợp xuất bản năm 1982.

(5) Thi tập này được Brian Holton dịch sang Anh ngữ, nhan đề **Non-Person Singular**, và do The Wellsweep Press, Luân-đôn, xuất bản năm 1994.

(6) **Song thần**: tức đại âm thần và tiểu âm thần thuộc bộ phận phía ngoài của sinh thực khí phụ nữ, người Việt-nam thường gọi là "mép ngoài" và "mép trong".

*(7) Theo **Twentieth-Century Chinese Poetry** của Kai-yu Hsu tác phẩm này được xuất bản năm 1932 (tr. 20); còn **The Literature of China in the Twentieth Century** của Bonnie S. McDougall & Kam Louie nói tác phẩm xuất bản năm 1933 (tr. 48). Ngoài ra, một số tài liệu khác viết là sách do Khai-minh Thư điếm ở Thượng-hải xuất bản năm 1943.*

(8) Tức 4 lãnh tụ nhóm tả phái quá khích trong thời kỳ Vô Sản Giai Cấp Văn Hóa Đại Cách Mệnh (1966-1976): Giang-Thanh (vợ Mao Trạch-đông), Trương Xuân-kiều, Diêu Văn-nguyên, và Vương Hồng-văn.

*(9) Đại đa số các tài liệu ghi âm **"o"** dài trong Nhật ngữ bằng dấu "-" bên trên chữ **"o"**; tuy nhiên cũng có tài liệu ghi bằng **"oo"** hay **"ô"**. Vì lý do kỹ thuật, ở đây chúng tôi viết theo cách thứ ba.*

*(10) James J.Y. Liu, **The Art of Chinese Poetry**, The University of Chicago Press, Chiacago & London, ấn bản bìa giấy 1966, tr. 153-154.*

về một nền văn hóa quá lâu

LÊ LÔ

Đầu óc ngu si tứ chi phát triển
(phương ngôn thời đại Hồ Chí Minh)

Nhìn vào cách tổ chức một sự kiện có thể thấy vài nét riêng của một dân tộc. Thí dụ nhìn một trường đại học, như đại học Sư phạm Sài Gòn chẳng hạn, tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp: các hàng bô lão và quan khách chiếm hết các hàng ghế trước, còn sinh viên tốt nghiệp, đối tượng của buổi lễ, lại ngồi lổn nhổn phía sau.

Điều đó nói lên một thói quen. Văn hóa.

Ở một nước có truyền thống văn hóa lâu đời như Việt Nam thì người ta không coi nó là khái niệm mà định nghĩa luôn, để cho chắc ăn hơn chế độ lập hẳn một ban chuyên quản thúc và phát huy văn hóa, tức Ban Tư tưởng và Văn hóa trực thuộc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, gọi tắt là Ban Tư tưởng và Văn hóa Trung ương.

Nhiều người còn nhớ trong bản khai sơ yếu lý lịch những ngày sau năm 1975, thí dụ trong tờ tự khai của phạm nhân, hay trong tờ khai xin việc làm, có một câu hỏi in sẵn: "Trình độ văn hóa?" Người khai thường tự động khai ở phần này là: lớp 10, hay lớp 12, hoặc đại học, vân vân. Mặc nhiên đồng nghĩa văn hóa với trình độ học vấn ở trường lớp.

Chúng ta cũng thường nghe câu mắng: "Đồ vô học, đồ vô văn hóa". Trong một bài hát của một nhạc sĩ ở hải ngoại có câu: "Bọn người vô văn hóa..." Vô văn hóa, theo cách hiểu chung của rất nhiều người Việt, là một cái gì ghê gớm, hết thuốc chữa. Một câu mắng nặng ký.

Người mình coi văn hóa như một cái gì tích cực, tốt đẹp, đáng tự hào. Nếp nghĩ ấy được cổ súy một cách trí trá qua các quyết định của nhà cầm quyền, là coi văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa tiên tiến.

Văn hóa: cứng và mềm

Có khoảng vài chục cách định nghĩa văn hóa. Phương Tây có cách

hiểu và định nghĩa văn hóa khác Việt Nam, là "văn hóa là tất cả những gì thuộc về con người". Như vậy thì âm nhạc, hội họa, lối mắng chửi, thực phẩm, nuôi chó, kỹ thuật, khoa học, chủ nghĩa, uống máu rắn, nuôi gấu, nói phét, tư tưởng, ỉa đồng, ngôn ngữ, ngồi chồm hổm nước lụt, đạo văn, chôm nhạc, coi thường phụ nữ, có hiếu vân vân, đều thuộc về văn hóa. Khi đồng ý rằng văn hóa là tất cả sinh cơ hay sản phẩm của và do con người, thì trên cái mẫu số chung đó, người ta mới phân tích thành những nhánh để chia ra nét đặc thù chung của từng dân tộc.

Thí dụ văn hóa chung của con người là nuôi chó. Người phương Tây nuôi chó để nựng, làm bạn, làm kiểng hay giữ nhà. Người Việt Nam có một điểm chung với họ là nuôi chó giữ nhà, nhưng đặc thù là để... thịt! Trường hợp nuôi gấu cũng vậy. Nước khác nuôi gấu trong sở thú còn ta và Tầu nuôi gấu trong nhà để hút và bán mật, tay gấu hầm và bộ đồ lòng để nhậu.

Mấy triệu chứng sinh hoạt trên thuộc hiện tượng văn hóa - hiện tượng vì nó không có trong truyền thống sinh hoạt của ta mà chỉ đột xuất trong vài thập niên gần đây thôi. Như vậy có thêm một khía cạnh thuộc văn hóa là hiện tượng. Nhưng dù hiện tượng đồng nghĩa với phong trào, nghĩa là có thể sẽ mai một cho đến triệt tiêu, hoặc có thể nhân rộng lên thành hẳn một nếp nghĩ suy, thì không có hiện tượng nào lại không xuất phát từ một căn bản văn hóa. Hiện tượng văn hóa nuôi gấu lấy mật, thí dụ, dù (có thể) sẽ bớt dần khi đại đa số lên án, khi tánh người bớt đi thú tánh, nhưng nó là phản ảnh, là biểu hiện, là quả của một nền văn hóa hiếu chiến.

Nói dông dài và đưa vài thí dụ để kết luận là, văn hóa là cái gì thuộc về, là mọi sản phẩm của, con người. Định nghĩa này đã được các nhà xã hội học Tây phương (không có Mác) đồng ý như một cách hiểu cơ bản. Cách hiểu này khiến người Tây phương không phân loại văn hóa thấp, hay văn hóa cao, như cách nghĩ hãnh tiến của nhiều người Việt Nam. Sở dĩ họ hiểu như vậy vì họ không coi cụm từ "văn hóa" là một cái gì đặc biệt ghê gớm, hay cao cả và đáng tự hào (một cách ngu xuẩn), vì đơn thuần, văn hóa chỉ là lối sống. Họ thấy cái văn hóa ăn thịt chó của ta thì họ không coi đó là văn hóa thấp, hay văn hóa ở giữa, mà chỉ là một nền văn hóa ăn thịt chó, một lối sống khác.

Theo cách hiểu đó, khi có người đặt ra cụm từ "Ban Tư tưởng và Văn hóa" thì rõ ràng đã coi tư tưởng khác và tệ hơn, trên văn hóa, không để ý rằng chính do thu thập lối sống từ lâu đời, do mô phỏng cách diễn đạt, do tiếp xúc với sản phẩm vô hình hay hữu hình từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó người ta rút ra, cô đọng thành một cách nghĩ

riêng gọi là tư tưởng. Do vậy văn hóa phải trùm lên mọi sự, từ văn hóa mới ra tư tưởng, từ cái nền văn hóa nói phét, từ cái lõi văn hóa cày bừa, từ cái cốt tự thị coi lũy tre làng là của riêng và cõi riêng của một cộng đồng, rồi do đóng cửa nên cho rằng cái đình là nét độc đáo của riêng văn hóa ta, từ những cái đó mới hình thành một lề lối nghĩ suy, cộng thêm vài điều vay mượn xỏ lá, để đặt thành cái gọi là tư tưởng. Không thể vì mặc cảm không biết tư duy rồi đặt tư tưởng ngang hàng hay trên văn hóa hay tách tư tưởng ra khỏi văn hóa, coi nó là hai thực thể khác nhau.

Đó là lấy cái cách nghĩ về văn hóa của người Tây để nói. Người Việt Nam có một nếp lâu đời, là tuy rất hãnh diện về văn hóa của mình, đặc biệt người Việt Nam cộng sản còn nhấn thêm một bực là tự hào và ngông nghênh về "nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc", nhưng kỳ quặc thay, lại có một lối nghĩ sơ sài bất thành văn về văn hóa: coi những gì thuộc sự khéo léo là văn hóa, nói chung là, những cái gì thuộc tiểu thủ công nghiệp, kiểu khéo tay hay làm.

Lẽ tất nhiên khéo tay hay làm là văn hóa rồi. Chằm nón, làm đồ gốm, khắc tượng đã đành là văn hóa, nhưng còn những thứ khác thì sao. Người Việt Nam không coi khoa học kỹ thuật cũng là văn hóa, dường như liệt cái này vào phần cứng. Văn hóa, trong thói quen Việt Nam, thuộc về phần mềm, những cái gì nhủn nhủn, nho nhỏ, lặt vặt. Quan niệm này được Đảng Cộng Sản Việt Nam phát huy quyết liệt, đặc biệt trong những giai đoạn họ không biết làm gì hoặc hoang mang trước những biến chuyển gay gắt trên thế giới, vừa về kinh tế và chính trị. Thí dụ sau khi quyết định đưa đất nước hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới, ĐCSVN đưa hẳn một nghị quyết về văn hóa, với phương châm "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc". Chưa nói đến sự hàm hồ ngữ nghĩa của cụm từ đó, người ta cũng thấy là Bắc Bộ Phủ đã tỏ ra hoang mang trước sự xâm chiếm của sinh hoạt và phản ứng tự nhiên của một thị trường mở, trước sự tràn ngập đủ loại thông tin, đặc biệt là qua internet. Họ muốn ngăn bớt sự ồ ạt của thông tin không có lợi cho chế độ bằng "phản ứng văn hóa". Hành động này rất dễ thấy mỗi khi chế độ muốn kìm sự phát triển về tư duy của người dân. Thông tin khiến suy nghĩ của dân thay đổi. Điều đó không lợi cho nhà nước. Kìm thông tin mở để phát huy thông tin có định hướng. Và thông tin có định hướng được chính nghĩa hóa bằng cụm từ trí trá nói trên. Mới đây nhất, sự hoang mang đó một lần nữa được xác nhận bởi chế độ. Trước sự nổi dậy bền bỉ của người Thượng ở cao nguyên Trung phần, trước những đòi hỏi dân chủ của các tầng lớp trí

thức như các ông Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Đình Huy, các lãnh tụ tôn giáo như Thượng tọa Tuệ Sỹ, Linh mục Lê Văn Lý, các cán bộ dày công như Phạm Quế Dương, và trước áp lực nặng nề của chính phủ nhiều nước, Hà Nội đã rị lại sự phát triển của nhân phẩm và kinh tế qua Hội nghị lần thứ 10 khóa VIII khai mạc ngày 5 tháng Bảy năm 2004, với nội dung duy nhất là đánh giá lại năm năm thực hiện cái nghị quyết về "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc".

Những người theo dõi thời sự có thể "yên tâm" kết luận rằng mỗi khi Hà Nội nói đến văn hóa là những lúc họ muốn rị lại đà phát triển của tư duy thị trường và kinh tế thị trường. Bởi nền văn hóa, lối sống về nếp nghĩ của người Việt Nam có lợi cho sự hiện diện độc tôn của một đảng cầm quyền. Người Việt sướng với những mềm mại, nho nhỏ và lặt vặt, chẳng hạn cung kính với bề trên, chia giai cấp triệt để ngay cả trong gia đình. Hà Nội "xây dựng và phát triển" các nét riêng ấy, thêm gia vị để nó mang tên sự "đậm đà của bản sắc dân tộc", nâng cấp nó thành "nền văn hóa tiên tiến". Thực chất, sự tủn mủm và vô kỷ luật, thể hiện căn cốt của một nước nông nghiệp lạc hậu, chính là bản sắc văn hóa Việt Nam. Một chính quyền sáng suốt phải từ bỏ nó và phải tạo nên một nếp nghĩ mới hợp với thời cuộc thế giới, thay vì tiếp tục "phát triển" cái bản sắc cù lần hình thành đã ngàn năm và là mảnh đất tốt cho tư duy hủ lậu phát triển.

Lũy tre làng

Người Việt Nam luôn tự hào cái nền văn hóa tập thể, nhấn mạnh ở chỗ "gia đình là nền tảng xã hội", và đặc biệt nhấn mạnh (một cách tự hào) ở nền văn hóa làng xã. Lấy một thí dụ bằng nhận xét của nhà văn Nguyên Ngọc, một người viết văn rất có uy tín và được nhiều người cầm bút ở miền Bắc kính trọng, đăng trên tờ Đàn Chim Việt:

Trong lịch sử Việt Nam từng có những giai đoạn dài bị mất nước (cuộc đô hộ của phong kiến Trung Hoa kéo dài suốt cả thiên niên kỷ thứ nhất, cuộc đô hộ của thực dân Pháp thì gần một thế kỷ) nhưng trong những thời kỳ đen tối đó có điều lạ: nước bị mất nhưng làng không mất. Đây là một điểm đặc sắc của xã hội Việt Nam... Làng thực sự là một thứ pháo đài kiên cố, nơi văn hóa dân tộc có thể cố thủ lại trong những tình thế khó khăn nhất, ấy vậy mà pháo đài kiên cố đó đã bị phá vỡ bằng cuộc cải cách ruộng đất giáo điều và áp đặt. Xã hội trở nên chông chênh vì bị tấn công ở chính ngay chân đứng của nó. Làng bị hỗn loạn, thì xã hội cũng không thể yên ổn.

Quả đúng làng, lũy tre làng là điểm thuộc thứ hàng đặc sắc của Việt Nam (dù không phải trên trái đất chỉ có nước Việt Nam mới độc quyền có làng với lũy tre làng bao quanh, nhiều nước nghèo ở châu Phi, Miến Điện, Phi Luật Tân cũng có thứ hàng "đặc sắc" này). Nhưng điểm đặc sắc ấy e là không có nghĩa tích cực như Nguyên Ngọc nghĩ. Nó chính là điểm đặc sắc yếu, nó chính là một hiện thực của nền văn hóa rất thuận lợi cho việc phát triển xã hội theo chiều đi xuống nếu so với các xã hội khác, chứ không phải vì nó bị phá vỡ mà "Xã hội trở nên chông chênh". Cái "Phép vua thua lệ làng", cái sinh hoạt túm tụm trong lũy tre làng, những cái nho nhỏ, các thứ mềm mại đã là một môi trường rất tốt để phát huy (đúng ra là để giữ lại) tính bảo thủ, sự nhỏ nhặt chấp nhất, tính lăn tăn, của người Việt Nam. Nó khiến con người Việt Nam không nở ra được. Vì vậy nếu văn hóa làng bị phá vỡ thì nó không làm xã hội "chông chênh" hay "không thể yên ổn", mà ngược lại nó sẽ tạo tiền đề cho cả xã hội, hay con người trong "xã hội làng" đó, mở rộng tầm nhìn. Hơn nữa, lũy tre làng không chỉ chông chênh trong hiện tại. Nó cũng không phải đã cố thủ được văn hóa làng dù "nước bị mất". Nếu hiểu rằng trong một ngàn năm Bắc thuộc văn hóa làng không mất là vì quân thống trị phương Bắc cũng có văn hóa làng. Truy tìm sâu xa hơn nữa thì văn hóa làng của Việt Nam ngày nay há chẳng phải có điểm xuất phát từ phương Bắc khi tộc Việt còn lang bang gần Động Đình Hồ hay sao. Một số điểm tương đồng của hai nền văn hóa, trong đó có văn hóa làng, khiến làng không mất chứ không phải nhờ làng "bảnh" đến mức vượt qua ngàn năm lệ thuộc. Gần trăm năm Pháp thuộc làng không mất vì người Pháp không đụng đến làng, Họ không hiểu làng và không coi đó là một cái gì ghê gớm để tấn công, nhất là người Pháp chủ tâm vơ vét và có nhiều vấn đề quan trọng hơn phải giải quyết. Họ không đụng đến làng vì không muốn cai trị làng chứ không phải nhờ làng "bảnh" nên tồn tại.

Đến tay người cộng sản thì khác. Trước hết, người cộng sản xuất thân từ làng. Trừ lớp lãnh đạo mượn tiếng làng (đánh trống la làng) để thống trị làng, còn phần lớn đội ngũ của họ đều là... dân làng. Họ hiểu làng vì làng là họ. Cái đặc điểm lớn nhất của làng là, như đã nói, sự tủn mủn và chi tiết (trong làng nhà này hiểu nhà kia mồn một). Cái đặc điểm này rất hợp với nền hành chính cộng sản, thuận với cách tổ chức cai trị của cộng sản, đó là cắt nhỏ từng bộ phận xã hội để kiểm soát. Vì thế văn hóa làng như "của trời" đem cho, người cộng sản không tốn công sức lắm, họ chỉ sắp xếp lại chút đỉnh cho nó "logic móc xích" là xuôi chèo mát mái để việc cai trị làng dễ chịu hơn nữa. Cái mà có

người tưởng văn hóa làng bị phá vỡ thật ra nó không bị phá vỡ đâu, ngược lại là đằng khác, văn hóa làng đang được củng cố và làm mạnh hơn bằng hình thức tổ chức chặt chẽ hơn, hợp với phong cách làng xã.

Cái phong cách làng xã này không chỉ tụ tập chỉ riêng trong lũy tre làng mà lan rộng từ bờ đê cho đến những con đường tráng nhựa ở Ba Đình. Khắp nước!

Khi vẫn còn nhiều trí thức cứ muốn bảo vệ văn hóa làng thì rất ít hy vọng con người trong xã hội đó sẽ vươn lên và hòa nhập với cộng đồng nhân loại. Chúng ta nhớ đặc điểm nào nhất của nền văn hóa làng? Có phải một trong những đặc điểm của làng là "cố thủ"! Làng này có thể tấn công làng kia (như đang xảy ra vào đầu thế kỷ 21) có thể chỉ vì một con trâu đi lạc. Trước đây, nhiều nơi trai gái hai làng khác nhau không được khuyến khích lấy nhau vì nhiều lý do, trong đó ngoài lý do đi lại khó khăn còn có nguyên nhân "cố thủ" để bảo vệ di sản văn hóa của làng mình. Mà nào có phải Việt Nam mới có đặc điểm ấy đâu mà hãnh diện. Ở Phi Luật Tân cũng có làng, trong làng cũng có đình, cũng là nơi sinh hoạt của làng mỗi khi có một sự kiện nào đó xảy ra. Phương Tây cũng có nhiều ví dụ tương tự về sinh hoạt làng, nhưng đã qua lâu rồi. Thời ông Shakespeare viết Romeo và Juliette lận. Họ đã thoát khỏi sự hãnh diện về cái nền văn hóa đình, nên họ tiến tới nền văn minh vật chất ngày nay, dù không phải là hoàn toàn tốt đẹp nhưng ít nhất cũng loại bỏ được sự tủn mủn, bần tiện và nhục nhã vì nghèo nàn, đói rách, với nguyên nhân và hậu quả là sự thất học.

Một lối hiểu hay nhận định về văn hóa khác sẽ tạo nên một xã hội khác. Ở đây chúng ta chỉ nói "khác" chứ không đúng hay sai bởi không ai đủ tư cách để lấy một đơn vị nào đó làm chuẩn, làm đơn vị đo lường, rồi căn cứ trên đó mà phán văn hóa này "tiên tiến", cái kia lạc hậu.

Lãnh đạo Việt Nam cũng hô hào bảo vệ văn hóa làng, không phải qua hình thức cụ thể là giữ lũy tre làng (có chặt đi thì có), mà bảo vệ cái lối suy nghĩ làng xã. Họ biết chính nhờ cái lối suy nghĩ làng xã như đặc biệt kính trọng người có quyền (tiên chỉ) trong làng, mà cái địa vị độc tôn của nhà cầm quyền được củng cố, hay ít nhất cũng mang bộ mặt chính nghĩa. Họ phát huy văn hóa làng bằng những hình thức vừa hợp với "dân làng" vừa lợi cho cách cai trị. Thí dụ theo văn hóa làng thì làng này ít giao du với làng kia, sống khép kín trong lũy tre, bảo vệ tối đa "thành quả" làng. Nhà cầm quyền đã nhân rộng cái nền văn hóa làng này trên cả nước: Họ chia dân ra nhiều đơn vị nhỏ, mỗi đơn vị nhỏ do một công an khu vực phụ trách, dưới đơn vị khu vực là khu phố (ở thành thị), xã, thôn, hay ấp (ở thôn quê), trong mỗi khu phố người này soi mói

người kia, báo cáo với người kia. Lỡ làng này có người lạ ở đâu đến là anh tiên chỉ (công an khu vực, tổ trưởng tổ dân phố hay già làng trá hình ở cao nguyên) phát hiện ngay. Đó là về mặt "an ninh quốc phòng". Trong quản lý hành chính và kinh tế, nhà cầm quyền cũng ứng dụng luôn cái lệ làng. Họ cắt một thủ tục hành chính ra rất nhiều cửa, cửa này vừa kiểm soát cửa kia vừa ăn theo cửa kia. Trong quản lý tài chính thì họ không ngại gì mà đưa luôn một anh tướng công an vào làm thống đốc ngân hàng. Tất cả, nói chung, phản ảnh một lệ làng lạc hậu và ngoan cố.

Phá sản hay tiêu hóa

Chúng ta thường lo lắng là văn hóa Việt Nam đang có nguy cơ hay đang bị phá sản. Nhà cầm quyền cũng kêu ca như thế. Quốc hội Ba Đình đầu thế kỷ 21 thông qua một đạo luật về bảo vệ văn hóa "vật thể và phi vật thể", điển hình như trống đồng và lễ hội. Nói thật tổng quát thì nhiều người đang sinh sống ở đất nước đang phát triển này có khuynh hướng cố thủ quá khứ, bất cứ điều gì thuộc quá khứ. Họ lo lắng vì nền móng gia đình lung lay, lối sống "thác loạn" trước sự xâm nhập của "nền kinh tế thị trường". Chúng ta, dưới sự dìu dắt và lãnh đạo của đảng cầm quyền, miễn cưỡng tiếp thu những cái mới, dè dặt với người ngoài, kín đáo với người lạ mặt, và e dè trước sự lên ngôi của "văn hóa vật thể" (máy vi tính). Trong ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, phụ họa với bản đồng ca khép kín của văn hóa lũy tre làng của cả dân tộc, chúng ta — những con người trong thời cuộc hôm nay, lớn lên, sống hay va đụng với Đảng Cộng sản Việt Nam — trở thành những động vật không có xương sống, những con người vẹo vọ, quờ quạng đi theo luồng sáng hắt hiu của đảng cầm quyền trộn với ánh sáng từ sau lưng hắt tới, làm thành một thứ ánh sáng chập chờn soi dắt các thế hệ qua. Trở thành một dân tộc sống bằng quá vãng!

Không thể đổ lỗi tất cả vì đảng độc tài. Nguyên nhân xuất phát từ sự hãnh diện về một nền văn hóa bảo thủ ngay cả nơi những người trí thức — tức là một tỉ lệ rất ít so với quần chúng nông dân Việt Nam. Sự hãnh diện đó ăn sâu vào tiềm thức mà người ta không biết, thành một căn cơ từ đó nhận thức gầy xới rồi phát triển theo chiều sâu. Nền tảng ấy đã dung túng cho sự phát động bền bỉ và chiến lược của nhà nước để hướng cả nước về quá khứ, như hướng về Điện Biên Phủ. Nhà nước không ngừng vận động, qua nhiều hình thức, sự hồi tưởng dĩ vãng, vinh danh quá khứ, gắn huy chương chiến tranh lên ngực hòa bình. Chiến lược vận động này đã tác động rất nhiều (chứ không phải không nhiều

thì ít) vào nếp suy nghĩ của cả người trẻ lẫn người già đang còn sống. Tạo thành một cách nghĩ đã thành nếp hầu như cho cả nước, như sóng vỗ lâu ngày làm thành ngấn lệ trên vách đá.

Có rất nhiều thí dụ để minh chứng điều này, nếu chúng ta chịu khó đọc những nhận định của các trí thức chính quy (hiểu theo nghĩa có địa vị trong guồng máy và được phát biểu hợp pháp trên phương tiện truyền thông đại chúng của nhà nước) về một vấn đề thời sự, thí dụ như nhận định về giáo dục, nhận định về kinh tế, nhận định về văn nghệ, ý kiến về cách phát triển nông thôn, hay về kiến trúc và xây dựng.

Khi nói có sự biến dạng của một cách sống ngày nay thì người ta đã lấy cái cách sống của một thời điểm chuẩn nào đó trong quá khứ để so sánh. Chẳng hạn khi tỏ ý lo ngại rằng giới trẻ ngày nay không lễ phép, phụ nữ không coi trọng trinh tiết, hay ăn mặc hở hang, thì người ta lấy quá khứ làm qui chuẩn, gồm kính trọng người lớn tuổi, phụ nữ phải trung trinh, ăn mặc phải kín đáo để làm thước đo giá trị (văn hóa).

Không có gì sai với chuẩn mực đó. Nhưng nó là chuẩn mực của một thời. Bản chất của đời sống, của văn hóa, là không ngừng biến đổi. Phải coi sự "hở hang" (dùng thí dụ cực đoan này để dễ hiểu) là sự chuyển và hóa của xã hội. Nó là kết quả từ nhiều nguồn, từ sự va đụng với người nước khác, cách sống của người nước khác, đến những phát hiện mới về kỹ thuật, đến sự mất lòng tin ở giá trị khuôn sáo cũ. Phong trào hip-pi thập niên 1960 là một thí dụ khác. Có rất nhiều nguyên nhân đưa đến cách sống của thời hiện tại. Không thể bắt xã hội dừng chân, trở "về nguồn" bằng cưỡng ép khiên cưỡng. (Các vị chân tu của Phật giáo cũng có những suy nghĩ tích cực về sự biến hóa của Phật giáo dù dưới sự tàn phá ác độc. Đức Đạt Lai Lạt ma thứ mười bốn của Tây Tạng, dù đau đớn trước sự hủy diệt "di sản vật chất" dưới gót giầy của Trung Cộng, nhưng Ngài vẫn coi nó là duyên để tinh thần Phật giáo Tây Tạng phát triển ở các nước Tây phương.)

Người cộng sản rất tự hào tự coi mình đã phát hiện qui luật tiến hóa của xã hội, nói "Mác đã tập hợp các qui luật xã hội để làm nên chủ nghĩa khoa học xã hội". Trong thực tế, chính người cộng sản lại rất phản động. Họ sợ sự tiến hóa, họ sợ qui luật đào thải mà chính họ là đơn vị rêu rao ca tụng nhiều nhất. Vấn đề này hiện nay đã ngã ngũ không cần phải chứng minh hay nói thêm. Chỉ nói thêm ở chỗ là, tại sao sự phản động của họ đã bị đào thải khắp mọi nơi nhưng vẫn còn chỗ đứng trên đất nước Việt Nam. Câu trả lời là: Bởi nó được dung dưỡng bằng nền văn hóa khép kín của dân tộc. Cái lũy tre làng mà nhiều người lo ngại đang bị phá vỡ ấy thực sự là mảnh đất màu làm sinh sôi ý

đồ và tư tưởng phản động, tức phản tiến hóa. Nó là cơ sở cho những thế hệ người chân bước tới theo cuộc sống nhưng đầu thì ngoảnh lui.

Rụt rè

Một điểm biểu hiện của nền văn hóa quá lâu là trọng người lớn tuổi. Đây không phải là một trong những điểm độc đáo của người Việt Nam. Nhiều dân tộc khác cũng trọng người có tuổi. Vào thời trước khi sự truyền khẩu là phương tiện chính để lưu và truyền bá kinh nghiệm, tuổi già đồng nghĩa với kinh nghiệm. Vì thế con người tự nhiên nảy sinh sự kính trọng người lớn tuổi. Điều đó vẫn còn đúng vào thời nay nhưng ở một mức độ khiêm tốn hơn nhiều. Người Việt Nam thì đẩy sự kính trọng tuổi già lên mức độ cực đoan. Chúng ta gần như đồng hóa người lớn tuổi với kiến thức (trong mọi lãnh vực) và đạo đức. Chúng ta, qua nhiều thế hệ, tạo cho người già một chỗ đứng độc tôn trong xã hội, gần như ở địa vị phán xét và phân xử. Chúng ta thích thấy người trẻ lúc gặp người già thì khúm núm, vòng tay chào thưa thật lễ phép, và không được phát biểu ý kiến, nếu không sẽ thành "nói leo" hay "hỗn". Chúng ta không muốn thấy một sự thật là, người già không đồng nghĩa với kiến thức hay đạo đức, nhất là vào thời nay khi sự thay đổi của thời cuộc cũng khiến ngay cả người trẻ còn chóng mặt. Một người có kiến thức hay lòng bao dung thì ngay từ thời trai trẻ anh ta hay chị ta đã có biểu hiện đó. Vì vậy không phải tất cả những người già đều đáng kính trọng. Cái điểm đáng kính duy nhất, và chỉ nên là như thế, là vì họ là người có tuổi, chúng ta kính trọng bởi ai cũng - nếu không chết bất đắc kỳ tử - sẽ là một người già, kính trọng người già vì cảm thán cái thân phận bọt bèo của con người trong kiếp nhân sinh sinh lão bệnh tử. Than ôi, có điều gì tệ hại nhất bằng tuổi già. Tóc bạc, lưng còng, thân xác rã rời mỏi mệt. Nếu may mắn đầu óc còn tỉnh táo thì lại càng thêm ngậm ngùi cho kiếp sống phải dựa vào người khác lúc cuối đời. Thật là ảo não kiếp người. Cho nên trọng tuổi tác cũng là tự trọng, và thương xót sự bọt bèo của chính mình. Và chỉ giới hạn ngang chừng ấy, không để tuổi già "lấn sân" sang lĩnh vực khác.

Nhưng người Việt Nam không muốn vậy. Họ đã để cho lớp già giữ một vai trò lớn như kẻ phán xử đời sống, không những phán xử mà còn đặt ra qui tắc sống, không những đặt ra mà còn áp đặt qui tắc sống, không những áp đặt mà còn thi hành và chi phối cho bằng được đời sống.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), hàng ngũ đảng Cộng Sản Việt Nam có thêm ba ông già làm cố vấn Ban chấp hành

Trung ương. Ba vị này không chịu về hưu, bịn rịn với nước non và vẫn muốn tiếp tục hy sinh tiếng nói (lớn) trong đảng cầm quyền. Qua năm 1997, ba ông cố vấn này lui rồi ba ông cố vấn khác tới.

Người ta đã so sánh nhiệm vụ "Cố vấn Ban chấp hành Trung ương" này với vai trò Thái thượng hoàng của một số triều đại phong kiến Việt Nam, rồi chỉ trích không tiếc lời thói tham quyền của Đảng Cộng Sản.

Chỉ trích như thế là không công bằng với ĐCSVN. Thực ra, Hà Nội chỉ tiếp tục truyền thống kính lão đắc thọ của nền văn hóa làng xã và nếp trung quân ái quốc của Khổng giáo. Tham quyền là điều tất nhiên, nhưng sự tham quyền của các lãnh đạo Bắc Bộ Phủ sẽ khó thành nếu nó không được nâng trên giá đỡ của một truyền thống "đạo lý" quá lâu. Nó hợp với tư duy văn hóa Việt Nam.

Cái tập quán (hay tật quán) này đã đưa đến nhiều hậu quả. Hậu quả trước mắt là có một lớp người đã lão hóa nhưng nhất định không chịu già. Cứ làm cố vấn, cứ cầm cân nẩy mực, cứ lôi quá khứ sềnh sệch làm chướng vật trên đường. Cứ làm một thứ kiêu binh phản động giữa thế giới dồn dập đổi thay.

Một nhân viên làm ở công ty điện thoại Sài Gòn kể, có lần điện thoại nhà ông Trần Bạch Đằng bị cắt. Lý do là ông chậm trả tiền điện thoại và bộ phận tính cước cứ theo hệ thống tự động, đến một thời điểm nào không thấy khách hàng trả tiền là họ cắt. Ông Đằng đã tức tốc lên công ty điện thoại, đòi gặp giám đốc, chửi té tát: "Các cậu là một lũ vô ơn, nếu không có những thằng này xả thân tranh đấu cho nước nhà độc lập, không có sự hy sinh của lão già này thì làm gì các cậu được như ngày nay." Không kể giám đốc là đảng viên và tất nhiên biết ông Đằng, phần lớn nhân viên là những thanh niên dưới ba mươi (và phần lớn không biết ông Đằng là ai), đã ngỡ ngàng, lõ mắt nhìn cái ông già đi đứng run rẩy, mặt lệch đi vì bị tai biến nhưng cường độ hung hãn thì không hề lệch. (Ông Đằng giữ nhiều chức khá to trong chính phủ Việt Cộng thời chiến tranh Việt Nam. Trong tuổi xế bóng vào đầu thế kỷ 21, ông vẫn viết các bài bình luận khệnh khạnh trên hầu hết các báo ở Việt Nam, được hệ thống chính quyền coi là nhà "lý luận, bình luận, nghiên cứu, lý thuyết gia".) Sau đó tất nhiên giám đốc lên lớp nhân viên mình, nhưng với những thanh niên sinh sau năm 1975 ấy, đã tỏ một thái độ khinh bỉ và gớm ghiếc tột cùng "nhà cách mạng lão thành". Tôi đã nghe câu chuyện này trong một bữa tiệc sinh nhật của những người bạn trẻ, quả thật cũng có cảm giác thương hại hơn là khinh bỉ một người già mất tư cách, không biết mình là ai do thiếu hiểu biết.

Hành động kiêu binh ấy là một thứ phế phẩm của khía cạnh văn

hóa kính lão đắc thọ. Những người trẻ khinh bỉ lối hành sử đó, nhưng người già kia được ấp trong nôi văn hóa làng xã và tứ chi phát triển trong mặc cảm chiến thắng, cho nên đã không thấy cuộc sống bây giờ đã khác. Cái nôi văn hóa bảo thủ cộng với mặc cảm công thần đã là một tác động đôi để sinh ra một kịch phẩm, trong kịch phẩm đó kẻ phản động cứ hồn nhiên diễn xuất không kể khán giả là ai.

Nhưng trên hết, thái độ của một người được chế độ coi như một khuôn mặt trí thức chính quy không phải chỉ là phế phẩm tất yếu của nền văn hóa đồng ruộng. Thái độ đó còn là thứ đặc sản của văn hóa cộng sản Việt Nam. Đó là thứ văn hóa vô lễ, ngạo mạn, và hiếu chiến, ông Trần Bạch Đằng, khi lên mặt ở nơi công cộng với hành động và ngôn từ như, và là, một gã du đảng (đầu gấu), đã phát tiết (manisfest) não trạng của nhà cầm quyền kiêu căng. Giả thử rằng chiến thắng chống Mỹ là vinh quang (dù thực tế đó là cuộc chiến tranh ngu xuẩn nhất trong lịch sử Việt Nam), thì chiến thắng đó đã xây dựng trên xương máu của cả chục triệu người, trên nước mắt vô cùng của những người còn sống, trên sự đau khổ không lời của hàng hàng lớp lớp chứ nào phải riêng nhóm người đang ở thế cầm quyền như ông Đằng. Cho nên khi nhận vơ một cuộc chiến đầy máu lửa về mình, ông Đằng đã đạp lên xác của chính những bộ đội vô danh nằm xuống vì cuộc chiến mà ông tự hào, những người mà có thời ông cùng chiến đấu chung. Đó là một thái độ vô lễ. Cực kỳ vô lễ!

Nếu đặc sản của Phan Thiết là nước mắm thì Trần Bạch Đằng chính là đặc sản của văn hóa cộng sản Việt Nam.

Nhưng cái thí dụ trên không ngăn chúng ta tiếp tục thương kính người già vì đó là tình cảm tự nhiên, chỉ đừng lẫn lộn giữa tuổi tác và khả năng hay sự nhạy bén nắm bắt trào lưu thế giới. Hai điều đó đôi khi song hành nhưng không luôn luôn.

Xã hội nông nghiệp trọng tuổi tác bởi đặc tính chậm phát triển của nó. Trên con đường làng, người đi sau theo người đi trước vì không có cách nào khác: những khúc đường mà người đi trước đã đi qua, chắc chắn, người đi sau cũng sẽ đi qua. Kinh nghiệm của người đi trước, vì thế, cũng sẽ là kinh nghiệm của người đi sau.

Từ cuối thế kỷ 20 bước qua 21, con đường làng chỉ còn là kỷ niệm. Người đi sau chỉ giống người đi trước ở một điểm là họ sẽ già, nhưng con đường mà người đi sau sẽ đi không nhất thiết là con đường mà người đi trước đã đi. Bây giờ đã muôn lối. Kinh nghiệm đường làng, kinh nghiệm tránh ổ gà ổ voi, đã không cần thiết nữa. Nó là kinh nghiệm lạc hậu và vì thế vô ích. Người già của thế kỷ 21 cần biết thế và tuổi trẻ

của thế kỷ này cần nhận ra vậy.

Phèn dậu

Một nền văn hóa quá lâu thường sản xuất ra đặc sản thiếu hòa đồng. Nhiều sách giáo khoa trung học, và rải rác trong các ấn phẩm khác, có nói đến bản chất dung nạp của người Việt Nam. Đại khái, người Việt Nam đã biết gạn lọc tinh hoa từ nhiều nền văn hóa khác, như của Trung Hoa, Ấn Độ, chỉ tiếp thu và giữ những cái gì phù hợp với mình. Thực ra, những cái gọi là gạn lọc và giữ lại đó chỉ là kết quả tất nhiên sau một thời gian (dài) tiếp xúc, thí dụ với phong kiến Trung Hoa. Một ngàn năm đủ để ông Khổng tử, những tôn ti trật tự kiểu thần ra thần vua ra vua, thâm nhập, và dân tộc bị trị bị ảnh hưởng một cách vô thức. Điều này xảy ra ở mọi quốc gia từng bị lệ thuộc chứ không riêng gì Việt Nam, giản dị như gần mực thì đen, có muốn trắng cũng khó. Cho nên khi nói biết gạn lọc thì chỉ là một cách tự hào khiên cưỡng. Mình có lọc và gạn gì đâu, ở lâu ngày rồi nhập tâm, rồi nhiễm, một cách vô thức, những tập quán của người ta.

Điều đó cũng hợp lẽ tự nhiên. Cũng như người Việt ở Mỹ có cách sống, nói, và cả suy nghĩ, theo kiểu Mỹ. Đó là mới sống chung với Mỹ vài chục năm. Huống gì người mình ở chung với Trung Hoa ngàn năm, chạ với Tây cả trăm năm. Tuy vậy vẫn còn giữ được một vài cá tính, trong đó có óc kỳ thị và thiếu hòa đồng.

Thanh niên bây giờ nghe chữ kỳ thị chắc nhăn mặt, nhưng nhìn kỹ coi. Mình nói, hay nhà nước khoe, chúng ta có 54 "dân tộc anh em". Đúng, nhưng có đúng người Kinh coi họ là anh em chăng?

Cả trong thời Việt Nam Cộng Hòa, người Kinh nếu không đối xử tệ bạc với họ thì cũng khinh thường họ, kêu người ta là mọi. Thời đó, nhiều lần đi xe đò lên Ban Mê Thuộc, dọc đường thấy người Thượng bán chuối, một vài người trên xe biết cách, đem muối xuống đổi cả buồng chuối, rồi hể hả: "Mọi nó ngu, ký muối mà đổi cả buồng chuối." Thời nay thì cả một hệ thống cầm quyền dồn người Thượng vào chỗ chết bằng nhiều biện pháp tinh vi, như đưa dân từ miền bắc Trung phần lên "khai hoang", lần lượt chiếm những vuông đất tốt, đẩy người Thượng càng lúc càng phải di tản sâu vào rừng.

Người mình cũng coi thường Cam Bốt, gọi Khmer là "khờ-thấy-mẹ", khinh dễ Lào, gần như tẩy chay hôn nhân dị chủng bất kể họ là Tây hay Mỹ. Tinh thần kỳ thị, óc phèn dậu là gia tài thừa hưởng từ tập quán sống trong cổng làng đóng cửa.

Cá tính này có thể chứng minh ở cuộc tỵ nạn ồ ạt sau năm 1975.

Trong những năm đầu tỵ nạn, người ta hay nói với thế giới là lịch sử Việt Nam chưa từng có những cuộc trốn chạy vĩ đại như thế. Điều đó còn chứng tỏ sự tàn bạo của chế độ cộng sản. Hai thực tế, một là người Việt Nam chưa từng bỏ chạy hàng loạt; hai là chế độ khắc nghiệt của Hà Nội, tất cả đều đúng.

Nhưng sở dĩ người Việt chưa từng ra đi (khỏi làng hay khỏi nước) là vì không có khả năng đó. Chúng ta quen sống tùm tụm với nhau. Nền văn hóa lũy tre làng đã kiến tạo một tập quán là không ai muốn bỏ làng xã để chớm bước phiêu lưu vào những chân trời viễn tượng. Không ra đi còn là một tình cảm, nhưng tình cảm ấy đã chi phối quá nhiều vào cuộc sống. Cho nên dù có bờ biển dài trên hai ngàn cây số, nhưng tình cảm và tình làng khiến dân làng không thích phiêu lưu mạo hiểm, không dám mơ về thế giới bên kia bờ đại dương. Tạo nên một ngành hàng hải lạc hậu. Chúng ta chỉ có những con thuyền nho nhỏ, đánh bắt tầm tầm gần bờ. Chúng ta có dám đi ra khỏi làng đâu dù biển cả luôn mở rộng. Cái cổng làng với lũy tre bao quanh vẫn đang khiến nhiều người hãnh diện ấy đã khiến Việt Nam trở thành một dân tộc khép kín, bảo thủ, lạc hậu về kinh tế và kỹ thuật, nhưng cứ cho mình là sâu sắc, là thâm trầm, là một nền văn hóa lâu đời. Chúng ta sống ru rú, chờ dân tộc từ phương Bắc xuống cai trị, lượm vài điều hay hay của họ rồi nạp vào làm của ta; chờ các thuyền buôn từ phương Nam tới, như Ấn Độ, Indo, Mã Lai, vào làm ăn buôn bán rồi thấy cái gì được được là lượm vào làm của ta. Nhìn lại mình, người Việt để lại gì, có cái gì độc đáo để đem ra so tài với thế giới trong quá khứ và trong hiện tại, chăng?

Trống đồng

Có một món Bắc Bộ Phủ rất (hay làm ra vẻ) hãnh diện là cái trống đồng. Trước khi Hà Nội thổi phồng "nền văn hóa trống đồng" vì mục đích chính trị, cũng có nhiều người tự hào vì nó. Trống đồng, như nhiều người biết, thực ra là một công cụ tất yếu của nhiều dân tộc trên thế giới được dùng để tập họp, kêu gọi, hay trong lễ lạc. Tìm hiểu trống đồng đơn giản là một hành vi nghiên cứu về phong tục thời xưa, và sự tìm hiểu là một hành vi khoa học lành mạnh. Không nên đánh (trống) đồng hành vi khoa học đó với sự hãnh tiến là chỉ có mình mới có, coi thường các dân tộc khác.

Chúng ta thấy Hà Nội đã thổi phồng những cái trống đồng đào bới được như... chiên bánh phồng tôm! Họ đưa trống đồng làm biểu tượng trong quốc hội, cứ hễ cái gì có dính líu đến các sinh hoạt nghệ thuật là y như có cái trống đồng: trên phông màn, trên danh thiếp, trên thiệp

mời, trên tiền sảnh hậu sảnh các hội trường, trên bìa tạp chí. Tôi khâm phục sự kiên nhẫn và tỉ mỉ của các nhà nghiên cứu trống đồng, họ đếm nan hoa trên mặt trống, nào là chim hồng chim lạc, bàn luận tới nơi. Nhưng đó thuần là sự nghiên cứu khoa học, không thể cứ vin vào đó để bắt cả nước tiếp tục ôm trống đồng chạy đua với tốc độ internet vào thế kỷ 21.

Hãy đặt trống đồng vào đúng vị trí của nó là viện bảo tàng, để thỉnh thoảng người ta tới thăm, bùi ngùi về sự trôi chảy của dòng thời gian, cảm thán về những lớp người và kiếp người đã mịt mờ quá khứ. Đừng đem trống đồng vào quốc hội để làm... luật trống đồng.

Và nhìn về phía trước, một cách tỉnh táo, biết rằng hiện tại do quá khứ làm thành, gìn giữ quá khứ để phong phú tâm hồn nhưng không sống với nó, mà sống kịp với tương lai bằng tốc độ của âm thanh thời đại chứ không phải bằng tiếng trống lùng thùng là thà kêu làng ra tập họp múa ca trong ánh lửa chờn vờn với ma quái múa may dưới sự điều khiển csủa bầy phù thủy.■

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Nhạc sĩ NGÔ MẠNH THU

pháp danh Tâm Hòa

vừa từ trần lúc 8:53 tối Thứ Ba ngày 17 tháng 8 năm 2004,
nhằm mùng 2 tháng 7 năm Giáp Thân
tại California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 67 tuổi

Xin chia buồn cùng bà Lê Xuân Mai và tang quyến.
Nguyện cầu hương linh ông Tâm Hòa sớm siêu thoát.

Nguyễn Mộng Giác, Châu Văn Thọ, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nguyễn Ý Thuần, Trịnh Y Thư, Trần Doãn Nho, Nguyễn Trọng Khôi, Lương Thư Trung, Lâm Chương, Nguyễn Xuân Thiệp, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Vy Khanh, Hoàng Xuân Sơn, Tạ Chí Đại Trường, Phan Xuân Sinh, Song Thao, Luân Hoán, An Phú Vang, Đặng Hiền, Khánh Trường, Trần Hoài Thư, Thu Thuyền, Hoàng Chính.

nghệ thuật dưới mắt nhìn của ý thức

VI KÝ

Việc cảm thức nghệ thuật ở nước ta rõ ràng là không có một tiêu chí nào cả. Tất cả như những cảm nhận lờ mờ giữa người trong giới với nhau. Người ngoài dễ bị xem như kẻ ngoại đạo "không biết gì".

Thực ra dưới mắt nhìn của ý thức mọi hiện hữu đều hiển hiện và có thể lý giải được. Không thể lộn sòng giữa nghệ thuật "cọ quẹt" ma đạo, thô thiển với cái tinh tế tài hoa của một nền nghệ thuật được tắm dưới ánh sáng của *chủ nghĩa* "Chân - Thiện - Mỹ".

Phủ nhận mắt nhìn của ý thức là phủ nhận công chúng. Không có thứ nghệ thuật nào tồn tại ngoài công chúng. Dù có viện lẽ viết – vẽ cho Chúa Trời hay cho hứng thú cá nhân. Hoặc như Flaubert: "Một nhóm nhỏ truyền ngọn đuốc cho nhau". Bởi vì nếu hội họa chỉ dành riêng cho các họa sĩ hay các phê bình gia thưởng lãm thì cũng tương tự như câu nói: "Đàn bà chỉ dành riêng cho đàn bà". Sự trái tự nhiên dẫn tới tình trạng vô sinh, sự lụi tàn của ý thức cũng như Nghệ thuật.

Ý thức là một tồn tại phổ quát trong bản thân mắt nhìn của người họa sĩ và trong công chúng. Bức họa là sản phẩm của ý thức được tôi luyện (dù có mượn khái niệm vô thức để giải trình những ý niệm trừu tượng) chính do vậy mà công chúng thưởng lãm được bức tranh (toàn phần hoặc chỉ một phần). Không nhất thiết phải nghiên cứu về các trường phái hội họa mới cảm nhận được cái đẹp bày tỏ trong bức "La Joconde" của Léonard de Vinci, hay bức "Mùa thu vàng" của Lê-Vi-Tan, hoặc bức "Le Massacre de Guernica" của Picasso.

Nhưng ở đây, ý thức của Léonard de Vinci khác với Lê-Vi-Tan, càng khác với Picasso. Do vậy ý thức của công chúng càng khác nhau, càng cách biệt do ảnh hưởng của trình độ học vấn, kinh nghiệm cá nhân, phong thổ môi trường... Do vậy có nhiều trường phái nghệ thuật và nhiều lớp công chúng khác nhau là một lẽ dĩ nhiên.

Cũng giống như đời sống xã hội, ý thức cũng là một khái niệm phát triển – song hành cùng với sự phát triển của đời sống xã hội. Ý thức Nghệ Thuật cũng có sự tiến hóa tương tự. Khởi thủy Nghệ Thuật là sự sao chép, bắt chước. Vẽ con bò trước hết là con bò – thật giống con bò (đạt được sự giống là đạt được cái ngưỡng, thỏa mãn được công chúng và trình độ Nghệ Thuật lúc đó). Sau đó Nghệ Thuật từ từ thoát khỏi sự

ràng buộc trong việc phản ánh vật mà đi đến tâm thức về vật. Cái nó phản ánh không còn là khách thể mà đã là sản phẩm của chủ thể sáng tạo. Con bò trong bức họa không đơn giản chỉ là một tấm gương soi về con bò mà nó đã mang dấu ấn kinh nghiệm cùng lời hiệu triệu của cá thể sáng tạo. Con bò dưới nét cọ của ý thức có thể là biểu tượng hung dữ ngu xuẩn của chiến tranh, có thể là giấc mơ Tây Ban Nha, cũng có thể là giấc mơ được thánh linh hóa về sự thanh bình, đất đai phì nhiêu của người Ấn Độ...

Ý thức Nghệ Thuật không thuần túy là phản ánh của ý thức xã hội mà nó còn phản ảnh đời sống tinh thần của cá nhân, dục vọng cá nhân, tâm thức cái đẹp, năng lực học vấn, kinh nghiệm, các vết thương tinh thần cũng như môi trường sống, môi trường văn hóa... Rõ ràng một họa sĩ từng được nuôi dưỡng trong trường dòng sẽ vẽ khác với một họa sĩ thuở nhỏ sống ở đồng quê đầy nắng và gió...

Cái quan trọng trong thời đại của chúng ta không phải là *cái nhìn* mà là *cách nhìn*. Giống như điện ảnh, sự linh hoạt của "góc quay" tạo nên những thước phim sống động, tuyệt hảo làm bừng lên những cảm quan mới. Trong khi những góc quay thụ động – đứng yên của quan niệm kỹ thuật và nghệ thuật cũ kỹ chỉ tạo ra được những thức phim đơn điệu, buồn tẻ, chán ngắt của gã Camera-man-mắt ươn. Tuy cùng là một cảnh quay nhưng góc quay quyết định sự thành bại một "xen" nghệ thuật.

Ý thức nghệ thuật không thể phủ định nhãn quan vi tế của khoa học (theo một nghĩa tổng thể – vừa phổ quát lại vừa khu biệt). Bởi vì dưới sự "cộng tác" của nhãn quan ấy ta mới thấy sự vật luôn mới mẻ, luôn trinh khiết và luôn hoài thai. Nhưng khoa học trong nghệ thuật chỉ là một công cụ, một "xúc giác" của tư duy chứ không thể hiện hữu như một ý đồ. Nếu phương tiện trở thành cứu cánh thì nghệ thuật trở thành một công cụ thuyết minh sơ cứng và nó sẽ chết.

Mắt nhìn của khoa học xâm nhập vào trong ý thức trước khi đi vào Nghệ Thuật. Điều đó giống như người nhạc trưởng có tên gọi Lô-gic lãnh xướng các gam màu trong hỗn độn của vô thức khiêu vũ cùng với cái đẹp của nghệ thuật. Không thể vẽ tranh lập thể dưới thời trung cổ vì ngoài sự giám sát của tôn giáo và định chế xã hội, còn có vấn đề là các ý niệm khoa học cũng như khoa hình học không gian còn quá xa lạ đối với bản thân người họa sĩ.

Sự phát triển của kỹ thuật và các khoa học cơ bản từ tự nhiên tới nhân văn cũng như một nền giáo dục đại chúng phát triển đã cung cấp một cái nhìn gián tiếp đối với cái nhìn sáng tạo của người sáng tạo nghệ

thuật và trình độ thưởng thức của công chúng. Những hình thái tư duy bên ngoài cái đặc thù của nghệ thuật là một tiềm hữu đối với thực hữu sáng tạo nghệ thuật. Nó là một quá trình đồng vọng trong hòa tan, xuất hiện bởi tiếng gọi của vô thức chứ không phải là một tiên khởi như một tiêu điểm để nghệ thuật bám víu vào và bắt đầu tô vẽ các ý niệm của mình. Khoa học là nền tảng của tư tưởng nhưng với ý thức nghệ thuật nó chỉ là dấu ấn mờ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Cuối cùng nó tan biến trong nghệ phẩm như vàng trầm tích trong lòng đại dương: Biển đẹp bởi vì nó xanh và mênh mông gợi cảm, chứ không phải vì nó có chứa vàng. Nhưng trong cái màu xanh thích thú kia ai biết được có bao nhiêu "phần trăm" ánh vàng ở trong đó?...

Có thể nói, năng lực tri thức (khác với trình độ học vấn như cái toàn thể và cái khu biệt) càng phức tạp, kinh nghiệm trầm luân trong bể đời (như là một vốn sống của tri thức) càng có bề dày trầm tích càng để lại dấu ấn *định mệnh* rõ nét trên số phận sáng tạo của thân phận người nghệ sĩ sáng tạo...

*

Cái đẹp cổ điển trong thời vàng son của nó có được một vài tiêu chí và thước đo ổn định bởi vì đời sống xã hội và tinh thần của nó kéo dài (rất dài) so với sự sở hữu thời gian còn khiêm nhường của thế giới hiện đại. Nhưng thước đo vàng của thế giới cổ điển với cái ngạo nghễ, trầm mặc của cái an nhiên vĩnh hằng như một ảo tưởng trường tồn với thời gian đã lùi vào tủ kính lịch sử. Bởi vì cái thế giới nội tâm tĩnh tại ấy đã bị xé vụn trong không gian đa phương của thế giới hiện tại. Những làn xe cao tốc nối liền các tiểu bang và các quốc gia, các đường hầm xuyên lục địa, tên lửa vượt đại châu, những âm thanh cuồng nộ và rạo rực của thế giới hiện đại cày xé những giấc mơ, cày xé những không gian đa tầng. Không gian chuyển động nhỏ bé, thế giới vật chất nhỏ bé nhưng thế giới nội tâm con người trở lên diệu vợi, thăm thẳm trong cô đơn, con người bị ngăn cách bởi đồ vật, thông tin toàn cầu làm con người vừa gần nhau hơn vừa xa nhau hơn trong cái biển của vô số tri thức được phong tin. Nghệ thuật hiện đại ra đời, phải có những hình thức mới cho những lời hiệu triệu mới của những hy vọng mới và những nguy cơ tiềm ẩn mới (chưa từng có), chưa từng xuất hiện trong lịch sử loài người...

Trừu tượng là tiếng nói khái quát. Trừu tượng bây giờ phải cao hơn những thập kỷ trước – Miêu tả các chuyển động của thế giới vật chất và thế giới nội tâm trong một khung vải truyền thống vốn tĩnh tại và có từ ngàn xưa bằng các đường nét hình họa từ những gam màu vốn vậy. Ta phải làm cho sự im lặng, sự tĩnh tại cổ điển ấy chuyển động trong tâm

thức hiện đại như một vật giác ý niệm. Vật giác ý niệm dẫn giải sự luân chuyển của đời sống tâm thức hiện đại qua khái niệm vận động được chuyển tải từ thị giác ý thức.

Không gian đa chiều, có một chiều của thời gian, có một chiều của ý thức, có một chiều của tâm linh và những tổn thương tinh thần. Một quốc gia vừa im tiếng súng, nhưng nhờ cầu thông tin nó thấy những đứa trẻ chết đói ở Châu phi, chiến tranh Vùng Vịnh, tiếng súng ở Palestine... Những người bỏ làng ra đi, đến những quốc gia xa lạ, những tòa nhà cao hơn trái núi che khuất tầm nhìn quê hương, những tâm thức bơ vơ trong thế giới loài người như con chim sẻ lông xù bị nhiễm bụi phóng xạ bay về tìm lũy tre xanh đã từ lâu thôi khét mùi thuốc súng những ngôi làng đang rộn rã tiếng nhạc Lambada, nhạc Rock, nhạc Rap và những gã thợ săn với những kính ngắm hiện đại với những tâm hồn vẫn hoang dại như dã thú... Bay đi hỡi con chim hòa bình của Picasso, hãy đậu xuống biểu tượng của hành tinh này hỡi con chim sẻ lông xù đang ôm những vết thương thế kỷ đang hấp hối trong một niềm hy vọng xanh...

Không có một trường phái nghệ thuật nào có thể được xem là khó hiểu. Bất khả tri là một câu nói vô nghĩa đối với ý thức. Ngay cả khi một gã khờ đổ tung tóe bột màu lên khung vải rồi viện dẫn tới cái vô thức như một quá trình nhập khải sáng tạo. Hắn vẫn được chỉ dẫn để tự do sáng tạo trên năng lực của hắn.

Rõ ràng có khoảng cách ý thức giữa người sáng tạo và công chúng. Chính vì vậy mà sáng tạo có ý nghĩa. Nó tạo ra công chúng từ công chúng tiềm hữu của mình.

Thế giới luôn được đổi mới theo chiều hướng tốt đẹp bởi những cá tính sáng tạo. Kẻ sáng tạo khác kẻ "thông thái dỏm" ở chỗ hắn biết tinh chế để tái tạo những sản phẩm mới chứ không chịu làm kẻ lượm lặt. Hắn biết song hành và dám vượt trước thời đại, trong khi kẻ "uyên bác dỏm" chỉ biết ru ngủ mình trong tiếng kinh nhật tụng của một nền luận lý đã bị thời đại vượt qua.

Kẻ sáng tạo là kẻ dám đốt lên những ngọn lửa đam mê trong tâm hồn mình. Ngọn lửa đó hun đúc năng lực tri thức của họ tạo thành những nghệ phẩm trinh khiết dâng lên cõi linh thiêng là bàn thờ Cái Đẹp – Nơi đặt niềm hoài vọng về một thế giới được tẩy rửa bằng nước thiêng. Đó cũng là những kẻ luôn biết tự vấn mình và đồng loại để đặt thành những vấn đề mới trước ý thức con người...

* Phong tin: tin sắp đặt có chủ ý.

du thản chi:
thảm kịch khúc phượng cầu lạc điệu

HUỲNH NGỌC CHIẾN

Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt
Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em
(Phụng hiến - Bùi Giáng)

Tôi muốn dùng hai câu thơ thiết tha cháy bỏng đó để làm "*hành trang*" cùng bạn đọc đi vào tâm hồn của một nhân vật của Kim Dung, nhân vật xứng đáng được gọi là kẻ tình nhân vĩ đại nhất trong mọi nền văn học cổ kim: Du Thản Chi trong Thiên Long Bát Bộ. Hình tượng cực cùng bi thảm của Du Thản Chi đã gây cho người viết nỗi chấn động kinh hoàng từ thuở nhỏ. Cậu học sinh mới bước vào ngưỡng cấp 3 là tôi ngày ấy đã thẫn thờ khép tập sách cuối cùng của Thiên Long Bát Bộ lại với tất cả nỗi hoang mang thơ dại của tuổi học trò. Tiếng Du Thản Chi tuyệt vọng kêu gào tên A Tử giữa cảnh trời chiều quan ải, với đôi mắt mù lòa đẫm lệ, như đồng vọng mãi trong tâm khảm người đọc, và như muốn réo gọi những ẩn ngữ thương đau nào còn đang mơ hồ chìm khuất giữa nhân gian.

Một thanh niên khỏe mạnh đang lứa tuổi rạo rực thanh xuân, vì muốn trả thù cha, đã tìm cách vượt qua biên giới Hán - Liêu. Hình ảnh người cha gục chết dưới chưởng lực của Tiêu Phong, trong trận huyết chiến kinh hoàng tại Tụ Hiền trang, ắt hẳn đã nung nấu trong hồn y mối phụ thù "*bất cộng đái thiên*" cháy bỏng. Thuở lâm hành, ắt hẳn hồn y hăng hái lắm và tấc lòng hiếu thảo ấy đã sục sôi biết bao là nhiệt huyết, dù y biết rõ rằng mình tài sức thua kém hẳn Tiêu Phong. Và y đã trà trộn cùng đám người Hán để vượt qua Nhạn Môn quan với tâm sự kẻ sang Tần. *Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn, Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục*

hoàn. (Gió hắt hiu hề sông Dịch lạnh tê, Tráng sĩ một đi hề chẳng trở về). Ngọn gió biên thùy ngoài Nhạn Môn quan dầu không hắt hiu như trên sông Dịch, nhưng lòng kẻ ra đi ắt hẳn vô cùng khẳng khái, vì y hiểu rõ rằng ra đi là *"nhất khứ hề bất phục hoàn"* khi đem tài lực mình đối chọi với Tiêu Phong. Y đã tìm cách tiếp cận Tiêu Phong và dùng rắn độc để trả thù. Ngọn chưởng hùng mạnh của Tiêu Phong quật chết con rắn đã dập tắt ngay ước vọng trả thù của người con hiếu hạnh ấy. Con linh cẩu đành nhìn con hùng sư bằng đôi mắt bất lực lẫn căm thù. Thất bại lần đầu, chưa nghĩ cho ra phương sách khác, thì y lại gặp phải A Tử và bị vướng ngay vào cái lưới tình vô cùng cay nghiệt. Để rồi từ đây mở đầu cho một trang bi kịch cực kỳ thảm khốc của tình yêu. *Em lơ đãng ném hoa vàng giăng lối. Tôi dại khờ khốn quẫn giữa trùng vây*. Cô bé tinh quái A Tử đã không ném lưới tình bằng những hoa vàng giăng lối, không giăng lưới tình bằng nụ cười hàm tiếu hay bằng khóe mắt thu ba, mà bằng những trò chơi vô cùng man rợ gần như mất cả tính người. Cô đã đem kẻ tình si kia làm vật giải trí trong những trò tiêu khiển, vì thói nhàn rỗi độc ác của một công nương. Nhưng, than ôi, tâm hồn của những kẻ si tình tự cổ chí kim - từ những người tài trí tuyệt luân cho đến kẻ khờ khạo ngu si - vẫn luôn luôn vô ngần hào hoa trong tinh thể:

Tôi chấp nhận trăm lần trong thổn thức
Tôi bàng hoàng hoảng hốt những đêm đêm
Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt
Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em
(Phụng hiến - Bùi Giáng)

Vâng, tôi xin chấp nhận tất cả. Xác thân tôi đây, linh hồn tôi đây em hãy tha hồ mà đày đọa dày vò, em hãy cứ cột dây vào cổ tôi rồi cho ngựa kéo đi để biến tôi thành con diều người, hãy cứ hủy hoại xác thân tôi bằng những trò chơi oái ăm tàn nhẫn chưa từng có giữa nhân gian, nhưng em hãy để tôi yêu em, hãy để tôi vĩnh viễn đui mù si dại trong máu lệ của tình câm.

Có biết bao con đại bàng kiêu ngạo bay bổng tuyệt vời, ý chí muốn vượt cả mây xanh, không chịu khuất phục trước hàng hàng lớp lớp cung tên, nhưng lại dễ dàng xếp cánh khi vướng phải một sợi tóc cực kì mềm mại! Đó là bi kịch hay là nét đẹp của cuộc đời? Trong truyện ngắn Marka Tsudra của Maxim Gorki, khi anh chàng Lôikô Zôbar kiêu ngạo, vì bị khuất phục bởi nàng Radda xinh đẹp mà đành phải giết cả nàng rồi tự vẫn, để bảo vệ lòng kiêu hãnh của mình, thì thử hỏi đó là sự kiêu ngạo ngu xuẩn hay nét đẹp tâm hồn của khách mày râu? Đáp án cho câu hỏi này có lẽ vẫn mãi còn lơ lửng đến ngàn thu.

Lúc A Tử cho người hầu dùng cái khuôn sắt nung cháy trùm lên đầu Du Thản Chi và hủy hoại khuôn mặt của y, thì trong cơn đau quằn quại xé nát cả thịt da đó, tâm hồn y vẫn hân hoan hướng về cô gái tàn ác như kẻ hành hương hướng về một đấng Chí Tôn. Trong tâm hồn cuồng điên si dại đó, máu và lệ của mối tình câm đã ngập tràn, như muốn nhận chìm cả mối hờn căm đã từng sôi sục thuở vượt qua Nhạn Môn Quan để trả mối phụ thù.

Có mấy ai lại không động lòng trắc ẩn, thậm chí rùng mình, khi đọc đến đoạn Du Thản Chi, với xác thân tàn tạ, bò lết lại gần A Tử như một con chó trung thành, chỉ để được nhìn một gót chân hồng của cô với một tấm lòng hân hoan cảm tạ. Cái dung nhan kiều lệ của A Tử trong trang phục uy nghi của một quận chúa Khất Đan hiện ra trước mặt Du Thản Chi như một bậc thần tiên giáng thế. Chi tiết trên tưởng chừng như vô cùng tàn nhẫn, nhưng nếu chịu khó đọc kinh Hoa Nghiêm, thuật lại cuộc lịch hành chiêm bái của Thiện Tài đồng tử đi cầu Bồ Tát đạo, đến đoạn vị đồng tử kia đến chiêm bái Hưu Xả ưu bà di để vấn đạo, thì chúng ta mới cảm thấy được hết cái thâm hậu trong bút lực của Kim Dung:

Lúc ấy Hưu Xả ưu-bà-di ngồi tòa chơn kim, đội mão hải-tạng-chơn-châu-võng, đeo bửu xuyến chơn kim hơn cõi trời, rũ tóc xanh biếc, đại-ma- ni-bửu trang nghiêm trên đầu, sư-tử-khẩu-ma-ni-bửu làm bông tai, như-ý ma-ni-bửu làm chuỗi ngọc, bửu võng trùm trên thân. Trăm ngàn na-do-tha chúng sanh cúi mình cung kính...

Có ai thấy ưu-bà-di này thời tất cả các bệnh khổ đều trừ diệt, lìa phiền não, hết kiến chấp, xô núi chướng ngại, nhập cảnh giới vô ngại thanh tịnh. Tâm họ rộng lớn đầy đủ thần thông, thân không chướng ngại đến khắp mọi xứ. [1]

Dời qua một bình diện khác, hãy thử thay hình ảnh Hưu Xả ưu bà di bằng A Tử và để cho Du Thản Chi đứng vào vị trí của Thiện Tài đồng tử, thì chúng ta thấy được gì? Hình ảnh lộng lẫy của quận chúa A Tử trong đôi mắt của Du Thản Chi nào có khác gì hình ảnh tôn nghiêm của Hưu Xả ưu bà di, với pháp môn giải thoát *"lưu ly an ổn tràng"*, trước mắt Thiện Tài đồng tử? Quân hầu thị tỳ vây quanh cung phụng quận chúa có khác gì *"Trăm ngàn na-do-tha chúng sanh cúi mình cung kính"*? A Tử ưu bà di đang thị hiện kim thân trước đồng tử Du Thản Chi trong cuộc lịch hành chiêm bái giữa Mê Cung huyền ảo của tình yêu. Cái mỹ lực kỳ dị của hồng nhan thừa sức xua tan đi bao não phiền đau khổ. Đây gót sen hồng, đây bàn tay ngà ngọc với những với đường gân xanh nhỏ li ti, hỡi kẻ si tình hãy hôn đi, hãy chỉ một lần chạm nhẹ môi vào cũng

đủ để cảm nhận được vạn đại thiên thu về dồn tụ trong khoảnh khắc. Trong cái giây phút chiêm ngưỡng đắm say đó, ắt hẳn kẻ si tình kia hân hoan vô tả và cảm thấy được "*tất cả các bệnh khổ đều trừ diệt, lìa phiền não, hết kiến chấp, xô núi chướng ngại, nhập cảnh giới vô ngại thanh tịnh*"! Cái tâm si của con người khi yêu quả có đủ sức mạnh để kiến tạo nên một Thiên Đường lộng lẫy từ cõi Địa Ngục u minh.

Còn gì chua xót hơn khi Du Thản Chi tình nguyện dâng cặp mắt - cái vốn liếng duy nhất còn lại trên đời để y có thể đối mặt được với A Tử - với tâm nguyện cứu A Tử thoát khỏi cảnh mù lòa, dù biết rõ rằng điều đó sẽ khiến bi kịch tình yêu của mình thêm tan hoang đổ vỡ. *Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt, tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em.* Cái đui mù nghĩa bóng trong thơ đã được Du Thản Chi thực hiện theo nghĩa đen bằng tất cả khối si tâm. Lưỡi dao trên cung Linh Thứu khi đặt vào đôi mắt Du Thản Chi đã mở ra chân trời huyền mật trong tâm thức luyến ái của nhân gian!

Hình ảnh A Tử móc mắt ném trả Du Thản Chi, rồi ôm xác Tiêu Phong rơi vào vực thẳm mà đã được Bùi Giáng gọi là: "*triệt để mù lòa chạy vào sa mạc của tình yêu*", thế thì còn ngôn từ nào thiết tha hơn nữa sẽ dành cho hình ảnh Du Thản Chi mù lòa và cô đơn, kêu gào tuyệt vọng tên người yêu giữa cảnh trời chiều quan ải? Ngày vượt Nhạn Môn Quan với hiếu tâm bồng bột, để cuối cùng một mình đứng chết lặng giữa gió chiều với một khối si tâm. Cuồng điên máu lệ tình câm. Bước chân A Tử xa xăm muôn trùng. Bóng chiều qua ải mông lung. Y không biết rằng bóng chiều đang phủ xuống, vì trong hai hốc mắt kia bóng tối đã vĩnh viễn ngập tràn. Y cũng không biết rằng A Tử đã chết. Điều đó có nghĩa là y phải tiếp tục sống đọa đày trong nỗi đợi chờ khắc khoải. Hãy tưởng tượng một kẻ mù lòa si dại thất thểu giữa giang hồ để đi tìm một người yêu đã chết bằng một trái tim say đắm thiết tha! Kim Dung đã xây dựng một hình tượng làm tan nát cả lòng người. Ông không để Du Thản Chi chết ngoài quan ải, ông không muốn vùi chôn Du Thản Chi nơi đồng quạnh chốn biên cương mà muốn mai táng y trong muôn triệu tâm hồn của những tình nhân suốt vòm trời kim cổ. *Đẩy khối tình si đến chỗ tận tuyệt của thảm khốc đoạn trường có lẽ khó có ai qua nổi Kim Dung với hình tượng Du Thản Chi.*

Con người sinh ra chỉ để đi tìm lại "*một nửa của mình*", hay đi gieo một khúc phượng cầu như Tư Mã Tương Như thuở trước. *Phượng hề! phượng hề! Qui cố hương. Ngao du tứ hải cầu kỳ hoàng.* Con chim phượng rong chơi bốn bể để ngày qui hồi cố quận tìm lại được chim hoàng. Lời ca đó trong cung đàn của con chim phượng Tư Mã đã nhận

được hồi ứng từ con chim hoàng Trác Văn Quân. Chúng ta cũng đã bao lần gieo khúc phượng cầu? Nếu được ứng họa thì phượng và hoàng sẽ sánh đôi để cùng nhau nhả nhạc cho đời, còn nếu không được ứng họa hay lạc sai cung điệu thì, đối với chúng ta, trong đau thương vẫn có chút ngọt ngào, trong đắng cay vẫn còn niềm thơ mộng. Còn Du Thản Chi?

Nói bất cứ điều gì về Du Thản Chi chúng ta ắt hẳn đều cảm thấy có chút gì tàn nhẫn, vì nỗi khổ đau của y quá lớn, cảnh đoạn trường mà y trải qua quá độ thẩm sâu. Một nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết mà sao vẫn có thể làm cho chúng ta quay quắt thương đau đến thế, phải chăng vì hình tượng đó phản ánh được tiếng nói thực của con người trong tình mộng cuồng điên?

---

(1) Kinh Hoa Nghiêm, cuốn 4, bản dịch của thượng tọa Thích Trí Tịnh, Sài Gòn, Phật lịch 2511, tr 149-150

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Họa sĩ TẠ TỴ

đã mãn phần ngày 21 tháng 8 năm 2004
nhằm mùng 6 tháng 7 năm Giáp Thân
tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 83 tuổi

Xin chia buồn cùng tang quyến.
Nguyện cầu hương linh họa sĩ Tạ Tỵ sớm siêu thăng

Nguyễn Mộng Giác, Châu Văn Thọ, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nguyễn Ý Thuần, Trịnh Y Thư, Trần Doãn Nho, Nguyễn Trọng Khôi, Lương Thư Trung, Lâm Chương, Nguyễn Xuân Thiệp, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Vy Khanh, Hoàng Xuân Sơn, Tạ Chí Đại Trường, Phan Xuân Sinh, Song Thao, Luân Hoán, An Phú Vang, Đặng Hiền, Khánh Trường, Trần Hoài Thư, Thu Thuyền, Hoàng Chính.

đi tìm thơ hay

NGU YÊN

Đã nhiều lần tôi tự hỏi: Làm thế nào để làm một bài thơ hay? Đã nhiều lần tôi bỏ cuộc, không rốt ráo tìm câu trả lời. Điều gì đã khiến tôi dừng lại nửa chừng? Có lẽ nào một đầu bếp giỏi lại không biết thế nào là món ăn ngon? Nếu một bác sĩ giải phẫu mà không biết vị trí của ruột gan tim phổi ở đâu thì số phận các bệnh nhân sẽ ra sao? Tôi làm thơ đã gần 20 năm, đọc biết bao là sách viết về thi ca, về các thi sĩ nổi tiếng trên thế giới, sao tôi lại không có một câu trả lời dứt khoát, tự tin, thế nào là thơ hay?

Đúng, sai thuộc về Chân. Xấu, tốt thuộc về Thiện. Dở, hay thuộc về Mỹ. Có người thợ nề già kinh nghiệm và tài năng thiên phú. Ông đo đạc bằng mắt rất chính xác. Chỉ cần nhìn thoáng qua, ông có thể cho biết chiếc tòa lầu chọc trời kia cao bao nhiêu, căn nhà nọ rộng bao nhiêu. Vậy mà ông không thể biết lòng sâu của biển. Dở, hay thuộc về khả năng thẩm định mỹ học. Nhưng chính cái Mỹ lại là cái không một ai biết chắc chắn. Cái đẹp mơ hồ trong không gian, di động theo thời gian, khác nhau trong mỗi người, thay đổi theo từng thế hệ. Người ta biết có gió nhưng chưa thấy gió bao giờ. Chưa thấy gió nhưng người ta biết dùng gió trong nhiều lãnh vực, kể cả việc thoải mái như hóng gió. Một người bỏ cả đời để đi tìm cái đẹp, được gọi là nghệ sĩ. Còn người bỏ đời đi tìm gió, gọi ông là ai?

Dùng đẹp để đo lường giá trị của thơ ca cũng giống như dùng không khí để đo lường sức nặng. Biết là có không khí nhưng làm sao dùng không khí làm đơn vị cân đo sức nặng của một người dù vẫn biết nếu không có không khí, sức nặng kia sẽ tan thành cát bụi. Dùng đẹp để thẩm định thơ hay hoặc dở là chuyện tương đối và chủ quan. Người ta có thể lên cung trăng rồi đến Hỏa Tinh. Sẽ tìm ra trăm ngàn ngõ ngách trong vũ trụ nhưng sẽ không bao giờ tìm được phương pháp vẹn toàn để xác định giá trị của nghệ thuật.

Mỗi ngày có trăm triệu người khen người khác hay và vài tỷ người

chê người khác dở. Hay nằm trong cuống cổ. Dở nằm ngay đầu môi. Hay và dở cứ như thế tuôn ra một cách đại khái, tương đối, giả dối, vô trách nhiệm. Một bài thơ hay trăm bài thơ dở cũng được an bài như vậy. Sở dĩ hay ít hơn dở là vì người ta dễ đồng ý với nhau về dở nhưng khó thỏa thuận khi khen hay. Con người là sinh vật hẹp lòng với lý do chính đáng.

Nhà nào cũng có nóc. Nóc cao sẽ có nóc cao hơn. Trời thì cao vô tận, không ai biết ở đâu? Hay và dở ở trần gian chỉ tương đối thôi. Không cần phải nghĩ về cách nói đại khái, giả dối, giao tế, vô trách nhiệm và tối dạ. Hay và dở tương đối thường phát xuất từ lòng thành thật. Đáng tin cậy khi phát ra từ người có trình độ thâm cứu và có tài năng nhận xét phê bình. Làm thế nào để tìm ra người đáng tin cậy? Giống như tìm một người vừa là bác sĩ giỏi vừa là luật sư có lương tâm.

Lời nói là nguồn cội của thơ. Thơ là lời nói có nghệ thuật. Nói khoa học hơn, thơ là ngôn ngữ có kỹ thuật thơ ca để diễn đạt cảm xúc. Một người muốn nói hay, trước hết phải có điều gì hay để nói. Điều hay thì không cần kích thước, không cần trọng lượng. Chỉ cần thú vị, hấp dẫn, thuyết phục được người nghe. Muốn thuyết phục người nghe trước hết phải thuyết phục được chính mình. Người sáng tác phải thấy hay trước khi kể lại cho người thưởng ngoạn. Thơ cũng vậy. Có lắm bài thơ nằm nghiêng ngửa trên mặt giấy, rên la mà không nói được gì. Thậm chí không diễn tả được nỗi đau khiến thi sĩ rên la. Không có gì nói, đừng nói. Phim tàu bộ có câu rất hay: "Không nói, đừng sợ người ta nghĩ mình câm".

Nói hay là biết nói vừa đủ. Biết bắt đầu từ đâu, biết chi tiết nào đáng nói, biết lúc nào nên dừng. Nói ít quá như thơ Hài Cú, người sáng tác cần một trực giác bén nhạy, cảm xúc mạnh và cách diễn tả xúc tích. Nói nhiều quá như thơ trường ca, cần có sức rung động liên tục, dai dẳng kết hợp với trí tuệ, tổ chức tư tưởng và cảm tình. Nhiều nhà thơ tây phương đồng ý với nhau, một câu thơ tiêu biểu là câu thơ dài bằng hơi thở bình thường. Một bài thơ viết vừa phải, dài chừng một trang giấy. Nhưng có khi gặp nhau chỉ cần chào là đủ. Hai kẻ yêu nhau tha thiết không cần nói lắm lời. Một đề tài sâu sắc, trình bày vài tiếng đồng hồ vẫn thiếu. Thơ hay là thơ vừa đủ. Đôi khi thiếu vài điều cố ý, không nên dư, trừ phi cố tình.

Nói hay là nói với cả tấm lòng. Nói bằng đam mê. Nói vì lửa bốc cháy từ trái tim, đun sôi tri thức. Người nói hay thường say sưa với điều họ đang nói. Chính sự đam mê ấy đã lôi cuốn người nghe. Nghe càng tán thưởng, kể càng say men. Bài thơ thiếu lòng đam mê thường lộ liễu

sự sắp đặt. Tình tứ không tự nhiên và sức giả dối lem nhem vào hình ảnh hoặc câu truyện thơ.

Người nói đam mê là người tin vào điều mình phát biểu. Sự phát biểu trơn tru nhờ kiến thức vững chắc. Sự phát biểu chính xác nhờ kinh nghiệm trải qua. Sự phát biểu sâu sắc nhờ tư duy lâu ngày. Bài thơ hay có một phần đời người hoặc có hình ảnh của một đời người sáng tác. Bởi vậy, thơ hay phát triển theo tuổi tác. Có người làm thơ hay lúc hai mươi rồi thơ không theo kịp tuổi đời, khiến cho lúc đã sáu mươi, vẫn làm thơ như thuở ba mươi lăm. Bệnh chậm tiến này thường thấy ở những nhà thơ quá yêu hình bóng cũ của mình. Hoặc sợ mất đi sự ngưỡng mộ của người đọc trẻ ngày xưa. Họ quên rằng người đọc cũng già theo họ. Tôi vẫn thường bật cười khi đọc bài thơ yêu đương kiểu trẻ do một cụ già mày mò làm theo tưởng tượng. Khác nào bà ca sĩ quá lục tuần vút lên tiếng hát... *Em như cô gái vẫn còn xuân...*

Đoạn trường ai có qua cầu mới hay. Không phải dễ gì viết một câu thơ bất hủ như vậy. Thời nào câu ấy vẫn đúng, vẫn hay, vẫn ngậm ngùi. Có bị cuộc đời đá lăn lóc máu, có bị tình trường hãm thân tuyệt địa, mới viết được câu Chữ tài liền với chữ tai một vần. Thơ hay mang kinh nghiệm se sắt của đời người. Không những là kinh nghiệm sống, còn là kinh nghiệm sáng tác. Những loại kinh nghiệm chung, đã là người trước sau gì cũng vấp, được nghệ thuật hóa vào thơ, sẽ trở thành công ngôn.

Thơ hay đi trước thời đại. Khi kinh nghiệm sống được tư duy đưa thành phóng ảnh, được cảm xúc thẩm thấu thành ý tứ thơ. Thơ ấy thuộc vào tương lai. Trực giác là mũi nhọn của cảm xúc. Người ta phải mất gần hai ngàn năm mới lên đến cung trăng nhưng trực giác đã dẫn chú Cuội đến đó từ lâu. Bài thơ chỉ quẩn quanh với quấn quít mân mê tà áo, với thương nhớ ơ hờ, với yêu ai yêu cả một đời, với những rung cảm nhai lại, với những cảm xúc thiếu trực giác, thơ ấy hay cũng vậy thôi. Đã nhiều thơ hay như vậy rồi.

Có lẽ quan trọng nhất là cách nói. Nói hay phần lớn tùy vào cách nói. Mỗi nhà hùng biện có mỗi cách chinh phục khác nhau. Không những mỗi nhà thơ hay có mỗi cách nói hay mà mỗi bài thơ hay đều có mỗi cách diễn đạt hay. Cũng một câu chuyện, một ý tưởng, có người kể lại hay, có người kể rất tồi. Cũng câu chuyện đó, cũng người kể hay đó, mỗi lần kể lại khác nhau. Thông thường gọi là tùy hứng. Hứng là tiếng nôm na của trực giác châm ngòi cảm xúc.

Điểm khác biệt giữa lời nói và thơ là nhạc điệu tiết tấu. Những cây đàn hay phát âm khác nhau, nghe đều hay. Những điệu Bolero, Tango, Bossa Nova, Cha Cha Cha, Jazz, Rock... khác nhau, nghe đều muốn cử

động. Lời nói thường có thể chinh phục được lòng người nhưng không làm cho họ nhẩy múa. Họa hoằn là lời nói xách động, biểu tình. Nhạc điệu đi thẳng từ âm thanh vào bản năng. Ngôn ngữ thơ là lời nói có nhạc điệu. Khai thác âm nhạc trong thơ là một công việc khó ngang ngửa với việc tìm tòi ngôn ngữ trong ca khúc. Đã có lần người ta xem trọng nhạc trong thơ và đã dẫn đến thơ Ấn Tượng.

Nhạc trong thơ không giống nhạc trong khoa âm nhạc. Không có do re mi fa. Không có đen trắng móc gạch. Nhạc trong thơ được cấu tạo bởi âm sắc của chữ, bởi trường âm của chữ, bởi âm độ của chữ, bởi thanh vần, bởi vị trí của chữ, bởi dấu ngắt, phẩy, chấm, xuống hàng và cuối cùng, quan trọng nhất là liên hệ tương quan giữa các hình thức và nội dung của chữ. Thơ ít nhạc trở gần văn xuôi. Văn nhiều nhạc trở gần tùy bút.

Có cách nói dựa vào tiếng nói. Có cách nói dựa vào công lực. Có cách nói, nói theo ngoại hiếu. Tháng Ba năm hai ngàn lẻ hai, tôi phỏng vấn bốn ca sĩ tiêu biểu cho nền ca nhạc ở hải ngoại: Tuấn Ngọc, Vũ Khanh, Ý Lan, Khánh Hà, trên cùng một sân khấu, trong chương trình nhạc Tứ Quí "Bạn và Nghệ Sĩ 13", do Viet Art Production tổ chức tại Houston. Mỗi ca sĩ tôi đều hỏi chung một câu hỏi: Thế nào là một giọng hát hay? Trong khi Tuấn Ngọc và Khánh Hà đặt nặng về phẩm chất của tiếng ca, kỹ thuật và nghệ thuật hát. Ý Lan nghiêng về thái độ trình diễn, nghệ thuật nhìn và nghe, thưởng ngoạn âm nhạc, vóc dáng, nhan sắc, cử điệu cùng một lúc. Vũ Khanh nói rằng, một giọng hát hay là giọng hát có nhiều khán giả. Câu trả lời này, càng nghĩ càng thấm thía quan niệm, thưởng ngoạn định hướng nghệ thuật.

Thơ trong quan niệm cổ điển định giá bằng phẩm chất và kỹ thuật lúc nào cũng đúng. Đúng nhưng chưa đủ. Nghệ thuật hiện đại là nghệ thuật toàn diện. Phim ảnh là nghệ thuật tổng hợp nhạc, kịch, thơ, văn, âm thanh, ánh sáng... Nghe một ca khúc không còn chỉ chú ý nghe lời ca mà nghe nhạc, nghe hòa âm, nghe sáng tạo. Nghe toàn bộ một ca khúc trong dạng nhạc phẩm. Càng ngày người thưởng ngoạn càng gần gũi với truyền hình, video, sân khấu, nghệ thuật ca hát gắn liền với diễn xuất, nhan sắc và thời trang. Thơ sính theo quan niệm của Ý Lan không phải không đúng. Thơ Cụ Thể chẳng hạn. Trong thơ Việt, không thiếu gì thi sĩ dùng thời trang, diễn xuất ngôn ngữ, trình diễn thể thơ... nhất là những thi sĩ hiện tân. Quan niệm thơ sính theo Vũ Khanh là quan niệm giá trị thơ thuộc về người thưởng ngoạn. Không có người đọc, thơ bỏ vào quên lãng. Nếu nhìn về mãi lực tài chánh, người mua bao giờ cũng có lý cho người bán tồn tại.

Mười lăm năm trước, tôi mở tiệm buôn âu phục. Mỗi năm bốn mùa đi New York, Chicago, News Orlean, Dallas mua và đặt hàng may. Tôi lựa áo quần sang trọng, phẩm chất cao, họ may tên tuổi. Mỗi món hàng có một phần hồn tôi đặt vào với một số vốn và lòng kiêu hãnh. Năm năm sau, tôi đóng cửa tiệm. Mang thêm món nợ và một bài học không hiểu nổi. Trong một dịp đọc sách giải sầu, tôi đọc cuốn Những Nhà Buôn Trẻ của Arkla Monker thấy ông viết rằng: Hãy để người mua chọn trước món hàng họ thích. Người bán sẽ biết nên mua hàng gì để làm giàu.

Như tôi đã nhắc qua, nghệ thuật hôm nay là nghệ thuật kết hợp nhiều diện hoặc toàn phần. Khiến các diễn giả ngày nay trước khi diễn thuyết trước công chúng thường phải tập dợt trước gương hoặc trước các thành phần chuyên viên sửa chữa bộ điệu, lời nói, cách phục sức. Dù một nụ cười, một đưa tay, một dừng nghỉ đều được chú trọng tỉ mỉ, đều mang một ý nghĩa nào đó bổ túc lời nói. Thơ hôm nay cũng vậy. Thơ hay không phải chỉ có một phần hay. Càng nhiều yếu tố hay càng hay hơn. Như một cuốn phim hay, càng nhiều phương diện hay càng lãnh nhiều giải thưởng Oscar. Để phối hợp những nghệ thuật khác nhau từ âm nhạc, văn bản, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất, y trang, cảnh tượng v.v... cần có một đạo diễn tài ba. Đạo diễn của một bài thơ để kết hợp mọi yếu tố, ý, nhạc, lời, thể thơ, cảm xúc, kỹ thuật... chính là tài năng.

Tài năng như một ngọn đèn. Người ta cảm nhận được cái đầu tiêm mọc lên trong hồn nhưng không ai biết cái đuôi tiêm ở đâu. Chỉ biết cái tiêm ngâm vào một bình dầu vô hình. Không biết có bao nhiêu dầu và khi nào cạn. Khi thôi thúc như một dây sét đốt lên ngọn đèn. Ánh sáng tỏa ra khiến mọi vật bình thường bỗng hiện hình mỹ thuật một cách riêng. Trong ánh sáng ấy thi sĩ đam mê làm thơ, nghệ sĩ miệt mài sáng tác. Chính thiên thần cũng không biết lúc nào ngọn lửa ấy tắt. Hãy quên đi những câu hỏi: Tài năng là gì? Từ đâu đến? Làm sao để đo lường? Làm sao để thu thập? Cứ làm việc trong bóng tối như người mù tự học đời bằng cảm giác. Hoặc làm việc như người tù mò mẫm trong đêm khi xà lim sập xuống chấn song để viết một lá thư tình mà không biết sẽ gửi cho ai. Khi đã làm quen với bóng tối, ánh sáng sẽ bất chợt đốt lên. Ngọn đèn tài năng không như cây đèn thần. Chà chà sẽ có kỳ tích xuất hiện. Những nhà thơ chuyên chà sẽ bị thần thoại Ba Tư 1001 đêm bịt mắt dẫn về ảo ảnh công danh. Thơ hay phát ra từ tài năng hay. Thơ lớn phát ra từ tài năng lớn. Tài năng lùn không sinh ra thơ cao. Tài năng cao mà thiếu dinh dưỡng cũng chỉ sinh ra thơ lùn. Mặc dù không ai biết rõ về tài năng nhưng người ta biết rằng tài năng có thể bồi dưỡng

và nó có thể mập mạp tươi tốt hơn lúc mới về cư ngụ trong đứa trẻ thi sĩ.

Rốt ráo, thơ hay dù ít nhưng trải qua bao thế kỷ, thế giới đã sản xuất nhiều thơ hay. Thơ hay có nhiều loại, nhiều đảng, nhiều trường phái. Và nhân loại sẽ tiếp tục làm thơ hay cho đến khi trái đất nổ tung. Xét về mặt thuần túy của nghệ thuật làm thơ, không rờ đến tư tưởng, không rờ đến cái đẹp, thơ hay và thơ có giá trị sáng tác có chỗ khác nhau.

Những người đẹp tuy khác nhau nhưng có những số đẹp giống nhau. Mắt mũi môi răng cân đối, sắc sảo. Tay chân thân thể đều đặn, thanh tú. Đã là người đẹp đương nhiên phải có một số điểm tương đồng vì phát sinh từ nét đẹp chung. Thỉnh thoảng Thượng Đế sinh ra một người hơi lạc quẻ. Ốm nhom, cao như sậy, cả người chỉ có đôi mắt là lớn. Nhưng nhìn thấy là tê tái cả hồn. Ôi chao đôi mắt ấy hoang dã chiêu mời ta quì xuống van xin tình ái. Nét lạc quẻ ấy nổi bật ra khỏi đám đẹp thường hằng kia. Lúc bấy giờ, Thượng Đế mới thật sự ban bố sự sáng tạo.

Sáng tạo là chất men làm cho nho thành rượu. Là chất quan trọng nhất, cần thiết nhất để nghệ thuật có giá trị sáng tác. Sáng tạo làm nên thơ hay. Nhưng sáng tạo lâu lâu mới đến một lần. Khiến thơ hay tạo nên thơ đồng dạng, cũng hay. Bởi thơ hay gồm nhiều yếu tố nên không nhất thiết phải có sáng tạo, chỉ cần sáng kiến là đủ. Khi tài năng đốt lên ngọn đèn sáng. Ánh sáng tỏa ra. Nhà thơ bắt đầu câu thơ đầu tiên. Sức nóng của cái tiêm trong hồn kia là sức sáng tạo. Nó đốt sôi sục chữ nghĩa, ý tưởng, đam mê, hình ảnh, cảm xúc... nhộn nhạo. Mất hết hình thể lúc ban đầu của kiến thức, kinh nghiệm. Bốc hơi, lắng đọng thành một chất sáng ký khác hẳn chất liệu lúc ban đầu. Bao lâu sức nóng còn đốt, ánh sáng còn sáng, sáng tác còn nhảy múa.

Sáng tạo trong sáng tác là bất chợt nẩy sinh trong lúc sáng tác một con đường sáng tác khác hẳn những con đường đã đi. Ít khi là một đường riêng biệt chưa hề có ai đặt chân đến như ông André Breton và con đường Siêu Thực. Thường khi là những con đường khai phá giữa những lối đi của người khác như Hàn Mặc Tử với Ave Maria, Lý Bạch với trăng ngâm rượu, Bùi Giáng với ngôn ngữ và cuộc chơi thơ... Sáng tạo trong sáng tác có khi nằm trong ngôn từ, có khi nằm trong câu cú, có khi nằm trong hình thể, có khi nằm trong ý tứ, có khi nằm trong chủ đề, có khi nằm trong tiến trình, có khi nằm trong nhạc điệu, có khi nằm trong cách diễn đạt, có khi nằm ngoài không khí... Sáng tạo trong sáng tác làm tác phẩm có giá trị riêng, nét hay riêng giữa những cái hay đang ngự trị.

Tôi đi tìm thơ hay như kẻ đi chơi ham vui lục lọi trong phố xá, thị tứ rồi lần lựa vào khu rừng già. Mới đầu thấy dễ ợt. Nhiều lần tưởng mình đã túm được cái đuôi con thơ, chỉ cần kéo mạnh, nó sẽ tuột ra khỏi hang. Nhưng khi kéo ra, lại là cái ống quần của cổ nhân chôn theo dĩ vãng. Càng tìm càng cảm giác vô vọng. Có một người bỏ cả đời từ lúc mười lăm làm lụng đổ máu mòn xương cho đến lúc năm mươi mới thành triệu phú. Ông tưởng mình đã giầu. Gặp người bạn cũ, anh nói, giầu gì mà khổ quá vậy. Có tiền mà lo lắng đêm ngày. Đi chơi, không vui. Ngồi không, áy náy. Lúc nào cũng nghĩ cách bảo vệ tiền. Như vậy là giầu sao? Có tiền mà hay thì mới là kẻ giầu sang đúng nghĩa. Ở đời mấy kẻ giầu mà hay.

Thơ cũng như tiền. Một bên mua được vật chất. Một bên mua được khoan khoái. Thơ hơn ở chỗ không bị mất. Tiền hơn ở chỗ được kính trọng. Cũng như tiền, nhiều thơ không phải giầu. Thiếu hay dù triệu phú thơ cũng chỉ là kẻ có tiếng mà không có miếng.

Thơ Cụ Thể

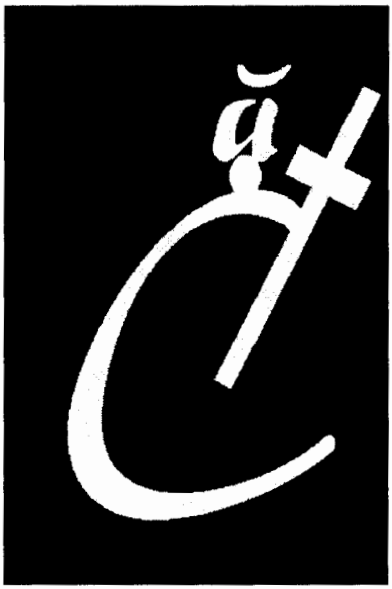

Tranh thơ: The King

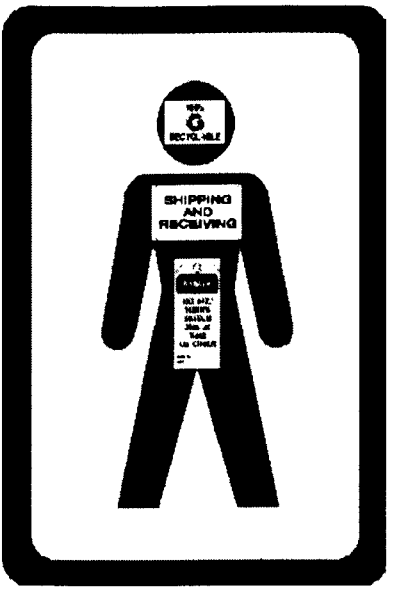
SHIPPING
AND
RECEIVING

nếu không mất ngủ?

PHẠM HẢI ANH

Nhân đọc "Về một tiếng chuông"- Mai Kim Ngọc, "Văn Học" số tháng 8-2004

Tôi quan tâm đến bài thơ "Phong Kiều dạ bạc" (PKDB) của Trương Kế theo cách thày lang băm theo dõi người mà ông ta đã suýt chữa từ lành lặn thành què quặt.

Năm 12 tuổi, tôi viết một bài bình văn được khen, lúc đó thật nở mày nở mặt. Tôi đã so sánh PKDB với một bài ca dao tả cảnh hồ Tây. Bài ca dao đó như sau:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Tất nhiên, một đứa trẻ hơn mười tuổi sẽ thích tiếng gà gáy hơn tiếng quạ kêu và mặt gương Tây Hồ buổi tan sương chắc chắn là đẹp hơn bến Phong Kiều nửa đêm đèn đóm lờ mờ. Kết luận, bài ca dao (của ta) hơn đứt PKDB của Tàu, nó sống động, tươi sáng và hướng tới những chủ đề mà văn học ưu việt cần có như tình yêu nước, yêu lao động, yêu cuộc sống... Thi sĩ Trương Kế không biết đến những bình văn kiểu ấy của lớp hậu sinh, nếu biết chắc ông sẽ có thêm lý do để thao thức, nhất là khi đã sẵn chứng mất ngủ (?)

PKDB có nhiều chú giải, gây tranh cãi loạn xạ, nhưng theo ông Mai Kim Ngọc trong bài "Về một tiếng chuông" thì:

"...ta thấy ngay hai điều trong bài thơ đã được mọi người tôn trọng, là Trương Kế mất ngủ và gần sáng ông nghe được tiếng chuông chùa. *Tôi nghĩ cốt lõi này đã bảo tồn được giá trị của bài thơ. Nên chi muốn lãnh hội hết được cái hay của bài thơ, tôi nghĩ phải lãnh hội được nguyên do và mức độ trầm trọng của bệnh mất ngủ của Trương Kế. Cái tâm*

càng khốn khổ trằn trọc dày vò bao nhiêu thì cái an lạc khi phục hồi được càng sảng khoái bấy nhiêu." (tr. 60)

Căn cứ vào tiểu sử Trương Kế, ông Mai Kim Ngọc suy đoán thi sĩ trong đêm đậu thuyền tại bến Phong Kiều mất ngủ vì một tâm sự đại khổ nạn và tiếng chuông chùa đem tới sự giải thoát:

"Phải có vận hội muộn màng và ngắn ngủi, phải có cái bơ vơ và bất an vì cảnh nước mất nhà tan sau loạn An Lộc Sơn, phải có cái đắng cay của một năm chạy loạn, thì cái sầu muộn làm ông mất ngủ mới đủ sâu xa như một đại khổ nạn. *Và cũng phải có tâm sự đại khổ nạn ấy, tiếng chuông chùa nửa đêm mới phát huy được tất cả khả năng tạo ra an lạc của nó. Nó không còn là âm thanh mà trở thành giọt nước cam lồ đức Quán Thế Âm tưới xuống thân phận nhà thơ" (tr.* 62)

Ông Mai Kim Ngọc đã viết rất hay về chứng mất ngủ của Trương Kế (và của chúng ta), hay đến mức tôi suýt đồng ý với ông về mọi điểm. Cho đến khi tôi chợt nảy ra câu hỏi cắc cớ: Có thật là Trương Kế đêm đó mất ngủ vì khổ sở (hay khổ sở vì mất ngủ) không?

Chợt thức bởi một tiếng chim kêu, mở mắt nhìn ra thấy trăng, sương, cây phong bên sông, lửa đèn chài le lói... Thú thực là tôi thấy Trương Kế lúc này (chưa nghe chuông chùa) được cảnh đẹp như thế bày ngay trước mắt đã sướng lắm rồi, nếu bảo rằng đấy là một khổ nạn, thì tôi thèm được khổ như ông ấy. Huống chi, thi sĩ hình như cũng không trằn trọc cho lắm. Có bài thơ làm chứng:

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên
Giang phong, ngư hỏa đối sầu miên
(Trăng lặn, quạ kêu, sương đầy trời
Cây phong bên sông, lửa thuyền chài soi vào giấc ngủ buồn)

Có lẽ thi sĩ đã làm được một giấc cho đến khi nghe tiếng quạ kêu, nhìn ra trời đất thấy còn sớm, lơ mơ ngủ tiếp. Tôi tự tưởng tượng mình là Trương Kế. Trong một hoàn cảnh khó khăn bất đắc dĩ, vật vờ trên thuyền cho qua đêm, ngổn ngang trăm mối lo, bị con quạ đánh thức, ngủ lại không được, tôi làm thơ bộc bạch nỗi niềm, hay đơn giản là để giết thời gian. Vậy tôi sẽ viết điều gì? Chắc đến chín phần mười rằng cái sự đời làm tôi mất ngủ sẽ len vào trong thơ, chứ tôi chẳng lòng dạ nào vẽ vời trăng với sương, dù nó đẹp. Nhưng mà Trương Kế thì hình như thả cả tâm hồn vào những cái vu vơ, bảng lảng bên ngoài thế sự. Ngay từ câu thơ đầu, chưa cần đến tiếng chuông, Trương Kế đã tự giải thoát như một thi sĩ đắm chìm trong cảnh đẹp đêm Phong Kiều. Nếu không có khởi điểm từ cái tâm bất dục ấy, thì sau này, dù chuông từ Tây Trúc e cũng không cứu được người khỏi vòng tục lụy.

Thi sĩ viết:

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Theo trình tự bài thơ, thì trước khi tiếng chuông tới thuyền khách, tâm ý của người khách đã vượt khỏi con thuyền, đến chùa Hàn San ngoài thành Cô Tô rồi. Với động từ "đáo" (đến) tiếng chuông thành một chủ thể tự đi và thuyền khách trở thành điểm đến. Tại sao giữa bao la trời nước Phong Kiều, tiếng chuông chùa lại chọn cho mình có một hướng để tới là thuyền khách? Bởi khách đã biết tới Hàn San tự nên chuông Hàn San gửi tiếng tri âm tới người tri kỷ? Tiếng chuông, phải chăng là sự "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" chứ không hẳn là ân huệ may mắn của sự giải thoát cho một người còn chìm trong bến mê.

Hồi trước, bà hàng xóm nhà tôi cứ năm giờ sáng là lại thỉnh chuông mõ lốc cốc, thú thật, tuy nghe tiếng chuông mà tôi không thấy Phật tính nổi lên, chỉ ước bà ấy im cho tôi ngủ. Cho hay giọt nước cam lồ tưới nhầm chỗ thì cũng chẳng có tác dụng gì. Tôi không tin rằng có chuông chùa là có giải thoát, cũng như cùng với thời gian, tôi hiểu rằng đêm tàn, trăng lặn có cái quyến rũ của nó, không cứ phải là "mặt gương Tây Hồ" mới đẹp. Cũng như vậy, ngay cả khi không mất ngủ, không cầu giải thoát, tôi vẫn thấy thích tiếng chuông đêm Phong Kiều, có thể chỉ vì tưởng ra cái âm thanh ngân lên trong sương mù của nó.

Nhắm mắt lại, tôi thấy PKDB hiện lên như một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp. Trăng tàn, tiếng quạ kêu đêm, sương giăng kín bầu trời như dự cảm về một tương lai bất định, bất an. Ánh lửa chài được làm nhòe bởi màn sương, tạo cảm giác xa xôi, chút sáng mơ hồ làm dầy thêm bóng tối, cũng như tiếng quạ kêu làm tăng ấn tượng về sự yên tĩnh trong đêm. Có trăng nhưng trăng đã lặn. Có trời nhưng trời ẩn sau sương. Có người, nhưng người đang ngủ. Có buồn, nhưng là buồn trong một giấc sầu... Cảnh lẫn tình đều mung lung, hư thực và chính nét hư ảo này tạo nên không khí đặc biệt của PKDB. Thi sĩ không "ưu" (lo) mà chỉ "sầu". "Ưu" là nỗi lo âu có nguyên nhân cụ thể do đó cũng có thể tìm cách tháo gỡ. Nhưng "sầu", một tâm trạng khá điển hình trong Đường thi, nhiều khi không chỉ là cảm xúc của một người, ở một hoàn cảnh, thời điểm, mà đôi khi cộng hưởng trong nó cả nỗi niềm vạn cổ, không rõ nguồn cơn, không sao giải thoát - như Lý Bạch có lần than "Người ta có thể đắp đê ngăn nước sông Hoàng Hà, nhưng ai có thể ngăn được nỗi sầu dâng lên trong lòng khi tuyết rơi và gió bấc thổi". "Sầu" có khi là rung động mà tạo hóa ưu ái ban cho những tâm hồn nhạy cảm khi đứng

trước cái Đẹp, cái bao la, hùng vĩ của đất trời. Trời đêm mịt mù sương, hàng cây phong và đốm lửa chài bên sông trở nên hữu tình hơn khi soi trong giấc sầu ("đối sầu miên") của thi nhân. Chỉ hạ một chữ "sầu", Trương Kế đã điểm nhãn cho hai câu thơ tả cảnh, khiến nó đạt tới mức "dung cảnh nhập tình". Nhưng chính vì thế mà bài thơ dường như lâm vào thế bí. Khi cảnh đã được miêu tả đến hết thần thái của nó, bất cứ sự tô vẽ thêm nào cũng trở nên dư thừa. Mười bốn chữ đầu của bài tứ tuyệt đã gom đủ trong lòng nó cả một vùng trời nước bao la, có thời gian, âm thanh, hình khối, có tĩnh - động, điểm sáng - bóng tối, có cả con người với động thái và tâm trạng. Độ hàm súc đến thế quả là đáng phục, nhưng ý thơ sẽ phải đi tiếp ra sao?

Câu thơ thứ ba là một bước chuyển đột phá:

Cô Tô thành ngoại, Hàn San tự

(Chùa Hàn San ở ngoài thành Cô Tô)

Nó mở ra một không gian mới, xa khỏi điểm đậu thuyền ở bến Phong Kiều, như thể bấy nhiêu trời nước còn là chưa đủ cho hồn thi sĩ. Sự thay đổi ở đây không chỉ về địa điểm được nhắc tới mà còn về giọng điệu. Tính xác định của địa danh có vẻ đối nghịch lại với không khí hư ảo, mơ màng của hai câu thơ đầu, như dấu hiệu của tỉnh thức, đồng thời cũng gợi lên những tò mò về điều sẽ đến, bởi câu thơ là một mệnh đề dang dở.

Câu thơ kết tuyệt diệu:

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

(Tiếng chuông nửa đêm đến thuyền khách)

Theo như bố cục điển hình: khai - thừa - chuyển - hợp của một bài tứ tuyệt thì câu thơ kết phải thâu tóm được toàn bộ ý tưởng trong bài và nâng nó lên một tầm cao mới. PKDB là một ví dụ xuất sắc về nghệ thuật kết của Đường thi tứ tuyệt.

Ngay từ đầu bài thơ, thời gian đã được biết là khi trăng lặn. Thông thường, có lẽ không cần thiết phải nhắc lại chính xác "dạ bán chung thanh" (tiếng chuông nửa đêm) nếu "nửa đêm" chỉ đóng vai trò như một thông báo giờ giấc. Sự lặp lại này nhấn mạnh tính chất của tiếng chuông chùa. Nó là một tiếng chuông bất thường, được ghi nhận chính xác cả về thời gian và không gian, từ nơi xuất phát đến đích tới. Nếu chỉ là để mở một lối thoát tinh thần cho người lâm khổ nạn thì tiếng chuông chùa mơ hồ nào cũng được, không cần phải xác định đến như thế. Vậy tại sao phải là chuông nửa đêm từ chùa Hàn San và nó liên quan gì tới tất cả bối cảnh đêm Phong Kiều?

Tôi lưu ý đến chữ "khách". Người ngủ đêm tại bến Phong Kiều chỉ

là khách độ đường, đến rồi đi, tạm bợ, không lưu lại vĩnh viễn. Tình cờ mà đến, tình cờ chợt thức để rồi được một mình thưởng thức tiếng chuông chùa tình cờ gióng lên lúc nửa đêm. Sự gặp gỡ giữa tiếng chuông đêm và người khách ở đây là một cơ duyên hiếm có, chính điều này làm đêm đậu thuyền ở bến Phong Kiều trở nên vô cùng đặc biệt. Nó không chỉ là một đêm chợt thức ngắm cảnh đẹp bến sông, nó còn là đêm không hẹn mà gặp tri âm. Độc đáo là đôi tri kỷ ở đây không phải người với người mà là người với cảnh giới vô hình nhưng hữu ý - tiếng chuông chùa. Tiếng chuông chùa có thể làm thay đổi nhận thức của người khách, đem lại niềm an lạc giải thoát hay không là chuyện về sau, không được bài thơ nói tới. Ta chỉ có thể cảm nhận được niềm vui của khách trước một duyên may hi hữu.Ý thức được duyên may ấy chính là dấu hiệu đầu tiên của giác ngộ. Có lẽ vì thế, mà trong hai câu cuối, thi sĩ chỉ đặc tả tiếng chuông chùa, tri ân món quà tinh thần ngoài mong đợi mà bến Phong Kiều tặng cho khách trên đường lưu lạc. Tiếng chuông chiếm trọn vẹn không gian, hợp nhất cảnh với người, nửa như chia sẻ nỗi sầu trước cảnh thế phù du, nửa như ngân nga niềm an lạc giác ngộ. Tiếng chuông từ chùa Hàn San, ngoài thành Cô Tô, băng qua sương mù tìm đến. Sự xa cách tương đối về không gian này, cùng với thời điểm nửa đêm làm tiếng chuông tuy có thực nhưng đồng thời lại mung lung đến khó tin. Nó hòa hợp tuyệt vời với không khí hư ảo, với nỗi sầu man mác đã phác họa ở hai câu thơ đầu. Thi sĩ đã đi từ chỗ "dung cảnh nhập tình" đến chỗ "tả cảnh nhập thần", không tả cảnh nhìn thấy mà thần của cảnh đã hiện ra.

Chuông đến thuyền khách ("đáo khách thuyền") nhưng gặp người thế nào? Không biết. Sự hội ngộ kia chỉ có thể đoán mà không thể khẳng định, chính vì thế mà nó cũng không kết thúc. Bài thơ lời hết mà tứ còn, mở ra một trời liên tưởng mới. Ở đó nỗi vạn cổ sầu hòa với duyên thức ngộ, nửa mơ, nửa thực, ngậm ngùi mà an lạc, bâng khuâng như tiếng chuông chùa đêm trong sương mù từ xa đưa lại.

Lại nói đến tiếng chuông chùa và sự giải thoát. Trong bài ca dao về hồ Tây, cũng có chuông chùa (Trấn Võ) nhưng nó không gợi nên Thiền ý. Tiếng chuông chùa Trấn Võ ngân lên rồi chìm sau đủ thứ âm thanh khác: tiếng gà gáy sáng, tiếng chày giã dó làng Yên Thái... Nó chỉ là một âm thanh trong muôn vàn âm thanh khác của cuộc sống mà người ta nghe, ghi nhận và quên đi. Như thế, sự giải thoát không nằm ở bản thân tiếng chuông chùa, mà ở tâm thế của người nghe nó. Tiếng chuông chùa Hàn San sở dĩ rung động lòng người đến thế, có lẽ vì nó đã đến vào đúng thời điểm. Rất có thể, trước cảnh đêm hư ảo bến Phong Kiều,

thi sĩ đã cảm nhận cuộc đời có khi chỉ như một giấc mộng sầu bên nỗi kê chưa chín. Thi sĩ đã nghe tiếng chuông chùa bằng cả kinh nghiệm đường đời và thế sự, bằng cả trời nước mù sương đêm Phong Kiều. Giả sử lúc ấy, Trương Kế không phải nghe tiếng chuông chùa mà nghe một âm thanh khác, như tiếng đàn thì sao? Có lẽ giống Bạch Cư Dị trong đêm đậu thuyền bến Tầm Dương chợt nghe vẳng tiếng tì bà để rồi viết nên thiên "Tỳ bà hành" trác tuyệt, Trương Kế cũng để lại một PKDB, nhưng sẽ là PKDB hoàn toàn khác. Tiếng chuông chùa Hàn San đã có duyên với Trương Kế cũng ngang như Trương Kế may gặp tiếng chuông chùa. PKDB là kết trái của nhân duyên tương ngộ.

Tương lai của con người bí ẩn như vòm trời sau màn sương dày đặc, biết rằng nó ở đấy, nhưng lại không có gì rõ rệt cả. Trong cái mù sương ấy là trùng trùng nhân duyên gặp gỡ và chia cắt, đôi khi có những niềm vui thoáng qua. Lúc ấy, không phải bên sông, không mất ngủ, không nghe tiếng chuông chùa, nhưng có thể tôi cũng trải nghiệm tâm trạng của Trương Kế trong PKDB. Đó là niềm tri ân khi biết mình đang hưởng trọn món quà của cuộc sống và bâng khuâng biết rằng rồi nó cũng đi qua. Cái hay của bài thơ có khi chỉ là ở cảm giác lãng đãng như thế, như một âm thanh xa xôi vọng lại, khuấy lên những mơ mộng, bồi hồi.

Tôi đã nói hơi nhiều về một bài thơ 28 chữ. Không phải để chuộc tội lại với tác giả bởi bài bình văn của đứa trẻ mười hai tuổi khi xưa. Cũng không phải để thuyết phục ai hãy tin tôi hơn tin ông Mai Kim Ngọc về giá trị cốt lõi của PKDB. Có rất nhiều con đường khác nhau để đến với một bài thơ. Tôi chỉ khác ông Mai Kim Ngọc ở chỗ đã chọn lối đi của một người không mất ngủ. Tuy thế, tôi xin được cảm ơn ông vì bài tùy bút của ông, giống như một tiếng chuông xa làm tôi đâm ra mất ngủ thật để nhớ và viết về bài thơ hay ít nhiều đã lãng quên này.

Amsterdam, 7-08-2004

Tìm mua tác phẩm mới của
nhà thơ Phan Xuân Sinh
Bơi trên dòng nước ngược
tạp văn
Sông Thu xuất bản, dày 206 trang, giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: Phan Xuân Sinh
121 Marlborough Rd, Salem MA 01970 USA
Phone: (978) 745-2022

quê nhà

HOÀNG NGA

1. Giọng Quảng

Đất quê tôi, thì người quê tôi viết đã nhiều, mà người khác khen cũng nhiều. Riêng anh Thái Tú Hạp còn làm cả một tạp chí chỉ viết về Quảng Nam - Đà Nẵng, mỗi năm ra bốn số. Tôi khen nữa, e địa phương tính, mẹ hát con khen hay!

Nhưng mà nói cho cùng, quê tôi có nhiều thứ đặc biệt, không viết ra không được. Như có lần ăn cơm trưa ở nhà tôi, Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, và Đỗ Quang Nghĩa đã cười đến chảy cả nước mắt khi nghe tôi và nhà văn Nguyên Ngọc, dân gốc Quảng Nam chính thống kể chuyện tào lao bằng giọng Quảng Nam chính thống. Dĩ nhiên là chúng tôi đã phải "dịch" ra giọng "bình thường", mọi người mới hiểu.

Và cái đặc biệt là nằm ở chỗ như vậy. Cũng như khi tôi nói đến chữ bình thường, nghĩa là phải có chút gì đó không bình thường trong giọng nói của người quê tôi, mặc dầu chẳng biết cái không bình thường ấy là điều hay hay dở.

Thông thường, theo như tôi nghĩ, thì giọng của một người dân xứ nào, miền nào cũng có dăm ba dialect, đôi thổ ngữ. Và cái thổ ngữ này, vẫn hay gây ra không ít cản trở, phiền phức giữa người địa phương và người từ xứ khác đến; hoặc cũng có khi là rắc rối cho chính mình khi đi xa khỏi xứ.

Riêng phần tôi, thật chẳng biết duyên phận kiểu gì, mà sinh ra ở Quảng Nam, sống ở Úc, rồi chuyển sang Đức, nơi cả ba ngôn ngữ Việt, Anh và Đức, đều đầy những âm sắc "lạ", dị thường, làm khổ tai thiên hạ cũng lắm. Nhiều người bảo, nghe được tiếng Anh của người Úc cách thông thạo là có thể nghe được hết tất cả các loại tiếng Anh khác trên thế giới. Tương tự, giọng Bavarian nơi tôi đang sinh sống tại Đức, cũng không hơn gì. Thỉnh thoảng trên đài truyền hình địa phương, nhất là những màn phỏng vấn, là y như rằng, rõ ràng người ta vẫn nói tiếng Đức đấy, vậy mà ở phía dưới vẫn phải có thêm hàng phụ đề, thể như đó

là một chương trình của người ngoại quốc được chiếu cho dân Đức xem vậy. Bavarian Language, Bayrische Sprache, thiên hạ hay giễu như thế khi nhắc đến cái giọng không chỉ làm đọa làm đầy cho những người dở tiếng Đức như tôi mà còn chung chung cho cả người dân nước Đức không sống tại vùng này, rồi người Áo, người Thụy Sĩ nói tiếng Đức nữa!

Nhưng nói tới nói lui, nói quanh nói co, nói lòng vòng như vậy từ nãy giờ, trước khi đi vào đề tài chính, đề cập thẳng đến giọng nói của người xứ tôi, thì bởi tại thì là mà, tôi sợ tôi không tránh được những điều khi viết ra, sẽ đụng chạm, mích lòng bà con đồng hương của tôi. Xấu che tốt khoe mà, trong khi tôi lại sắp sửa bắt đầu liệt kê ra toàn những bất bình thường. Và cũng thiên hạ, thường hay bảo, chửi cha không bằng pha tiếng; tôi dầu không pha tiếng, nhái tiếng vì tôi Quảng Nam chính hiệu con nai vàng ngơ ngác; nhưng khi nói đến hàng loạt cái thuộc loại "tối kỵ", "bí mật" kiểu này, e cũng dễ rắc rối lắm.

Tôi nhớ có lần, đọc trên tạp chí Văn Học, một truyện ngắn của một văn sĩ không phải gốc Quảng Nam, nhưng lại cho nhân vật mình nói giọng Quảng, tôi đã hết sức là bực mình. Vì với kiểu viết về giọng Quảng như vậy, cho nhân vật nói giọng Quảng kỳ quặc như vậy, tôi phải xin thưa đó là pha tiếng, nhái tiếng. Và thú thật là dầu mới chỉ đọc bằng mắt thôi, chưa nghe người ta chuyển đoạn đối thoại ấy lên thành thanh âm, mà tôi đã nghe nhức tai, nhức đầu. Rồi sau đó cái cảm giác bị "chửi cha", lại còn lẩn quẩn ở trong lòng tôi nhiều năm, đến nỗi có bận nếu không dằn được, tôi đã viết thư trách cứ nhà văn này đấy.

Người Bắc không phải dân Hà Nội, thường hay nói ngọng chữ "l" và "n". Điều này thì dường như ai cũng biết, và dường như ai cũng ngạc nhiên vì không hiểu nổi tại sao những người nói ngọng hai âm tự này đều có thể phát âm được cả "l" lẫn "n" một cách rõ ràng, mà khi nói năng trò chuyện hằng ngày, cứ đụng đến hai âm này, thì bỗng dưng lại bị lẫn lộn một cách hết sức kỳ quặc như vậy. Người Bắc gọi đó là những người nói ngọng. Như một hình thức bị khuyết tật. Nhưng còn người dân quê tôi, thì tôi có thể chắc chắn rằng, chúng tôi chẳng hề có cái sự cố nhầm lẫn nào cả. Bởi một cách hết sức "rạch ròi", hết sức tự tin, chúng tôi đã và đang và còn dài dài, biến tất cả âm "ao" thành âm "ô", ví dụ, cái bao sẽ thành cái bô, cái áo thành cái ố, cái ao thành cái ô.

Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả, là tôi không nhớ khi còn nhỏ, khi còn ngồi ghế tiểu học, thì bọn tôi đã được đọc chính tả như thế nào, mà lớn lên, mặc dầu sẽ được nghe phát âm hai chữ áo và ố hoàn toàn giống hệt nhau, đều là "ố" cả, nhưng trên giấy trắng mực đen khi viết ra, chắc

chắn chúng tôi sẽ phân biệt được một cách hết sức chính xác, minh bạch và dễ dàng, khi nào là "cái áo" và khi nào là "hoen ố". Như vậy, ở đây, tôi có thể tự khen, rằng khả năng đoán, hiểu, và phân tích của người quê tôi vượt trội hơn các vùng khác hay chăng?

Một âm phổ biến thứ hai, luôn luôn bị đọc trật trong giọng nói của người xứ tôi, là "ă" sẽ biến thành "e". Chẳng hạn, en cơm thay vì ăn cơm, bén súng thay vì bắn súng. Nhưng lại cũng, giữa "người quen" và "tóc quăn", thì khi đọc lên, dẫu đều là "quen", mà "e" hay "ă" trong hai từ ngữ này, đều không thành vấn đề đối với chúng tôi. Như vậy có đúng là diệu kỳ chưa? Thỉnh thoảng dân Quảng bọn tôi khi ngồi lại, cũng có mang ra vài ba chuyện giễu chung quanh ô hay ao, e hay ă để cười với nhau. Ví dụ như chuyện có người không biết gọi là xích lô hay xích lao, thành phố lên đèn hay thành phố lên đằng, cà phê đen hay cà phê đăng... Nhưng nói chỉ để cười thôi.

Mà thật ra, đôi lúc cũng có những accident xảy ra, nhưng thường chỉ xảy ra với người nhà quê ít học. Chẳng hạn bên họ của mợ tôi, có người đặt tên cho con, đứa thứ nhất là Cơ, đứa thứ hai là Đồ. Đất nước cơ đồ. Như vậy là ổn thỏa quá rồi còn gì. Nhưng đến đứa thứ ba mới trúc trắc, vì thằng nhỏ lại tên Mận; mà phải Đào mới Mận được chứ! Cho nên do đó mãi đến bây giờ, chúng tôi vẫn chưa biết được rằng người em của mợ tôi đã định đặt tên cho con là gì, vì hỏi ông, ông cứ bảo "hén tên Đồ"!

Thời còn ở Đà Nẵng, mặc dầu giọng nói tôi không nặng âm Quảng lắm, nhưng vì ai cũng như ai, tôi không để ý, cho đến khi gia đình tôi dọn vào Nam, mới thấy cực lòng. Và dẫu muốn hay không, chúng tôi cũng phải đổi giọng đi chút chút, để dễ hòa nhập. Tôi nhớ thằng em họ của tôi lúc mới ở ngoài Trung dọn vào Nam, chạy đi mua hàng giúp mẹ, nhưng khi về, lại về tay không. Hỏi sao, thằng nhỏ than "em núa em muốn mua tủa mà họ không hiểu". Nhịn không được, tôi phải phì cười, dạy thằng nhỏ nói lại, "mua tỏi".

Âm "oi", "oai", người xứ tôi, ở quê, đọc thành âm "ua" như trên. Con voi, được gọi cách tôn trọng, đã ngang nhiên biến thành "ông vua"! Nhưng ai nhầm thì nhầm, ai lẫn thì lẫn nhé, chứ dân tôi khi nghe kể chuyện một ông vua có vùa, thì biết chắc chắn người ta không nhắc đến một ông vua có ngai vàng nào đó, mà đang nói đến một con voi có vòi.

Những âm khác, như cái tai, thành cứa tưa (nói nhẹ đi một chút); hay cái tay thành cứa ta, "v" thành "đ", (chẳng hạn ông vua ở trên sẽ là ông đua), trời tối thành trời túi, cái môi thành cái mui, vân vân, là thuộc thể loại "dễ nghe", dễ chấp nhận. Cả chết thành chếch, khi nói lên,

người khác cũng có thể đoán hiểu được.

Tôi xa xứ lâu năm, năm 2000 về lại Đà Nẵng, nghe giọng Quảng thấy thương hết sức, nhưng cũng buồn cười khi nghĩ đến chuyện thiên hạ ở xứ khác dễ hiểu lầm hoặc không hiểu gì cả khi nghe chúng tôi trò chuyện. Thử mường tượng một anh Quảng Nam nói đặc giọng miền quê, tán tỉnh cô nào đó ở miền Nam, khi nhìn đôi môi đỏ mọng của nàng, mà phát biểu một câu rằng "cặp mui em đẹp lọa thường", thì có phải là... thôi rồi hay không!

Chuyện vui, tôi nhớ đến má lớn tôi. Má lớn tôi người Nghệ Tĩnh, ở Quảng Nam lâu, không biết sao bà chẳng còn chút Nghệ Tĩnh nào trong giọng nói, mà rất Quảng. Như người Quảng chính hiệu. Từ cách dùng chữ, cho đến lối phát âm. Tuy nhiên đối với những từ có âm "inh", âm "ich", thì dầu má tôi cố gắng bao nhiêu đi nữa mà vẫn chịu thua. Bà vẫn nói là "in", là "ít". Có lần má tôi than thở bị ăn cắp đồ đạc gì đó để ngoài vườn. Bà giận lắm vì dường như đó là lần thứ x, bà bị ăn cắp như vậy, cho nên bà đã nhất quyết đi tìm cho ra thủ phạm. Nhưng cuối cùng vẫn tìm không ra, bà bèn la toáng lên cho cả xóm cùng nghe, "thèng Bốn lỗ Đít chớ không ai!". Đó là ý má tôi muốn nói, chính là anh chàng tên Bốn, con của lão Đích ở gần nhà, chuyên hành nghề đạo chích!

2. Ngữ điệu Quảng

Người Quảng hầu hết là hiền, tôi nói thật, không nịnh, hay tự khen đâu. Hiền, chân chất, từ đàn ông đến đàn bà. Ai có vợ hay chồng Quảng Nam, thử kiểm tra lại xem tôi nói có đúng không!

Nhưng hiền thì có hiền thật, như... tôi nói vậy đó, mà tôi không hiểu sao khi người Quảng Nam mắng con, lại dùng từ hết sức nặng nề. Không tục tĩu, không chua chát, đanh đá, nhưng nặng. Lại dữ nữa. Ở đây tôi không muốn đề cập đến tông điệu, âm giọng, mà chỉ nói đến chữ dùng, cách dùng từ, của đa số người dân quê tôi khi lúc lên cơn thịnh nộ mà thôi.

Khoảng chừng hai năm trước đây, chúng tôi, một đám Quảng Nam, văn nghệ sĩ có, trí thức có, tình cờ gặp gỡ nhau ở Munich. Đồng hương, có dịp ngồi lại với nhau, rôm rả đủ chuyện. Từ chuyện ăn uống, phong cảnh, văn hóa, đến con người. Vân vân... Từ kiểu chùm khế ngọt, đến xa quê hương nhớ mẹ hiền, và chuyện nào nghe cũng hay. Nhưng thình lình trong bọn, có người, chả hiểu vì lý do gì bỗng... nổi khùng lên, nhắc lại chuyện ngày xưa còn bé hay bị mẹ la. Khởi đầu là mấy chữ, "tổ cha mi", rất tiêu biểu, khiến một người ngồi cạnh bên, cũng lây hứng góp chuyện vào. Thế là thay vì chỉ một ông, một người, nhắc đến "sự xưa

tích cũ"; mà cái đề tài không "gợi cảm" chút nào ấy bỗng chốc biến ra thành của cả bọn.

Chúng tôi xôn xao lên. Như thể buổi họp tổ, bình bầu cá nhân tiên tiến xuất sắc để lãnh bột ngọt đường muối. Và sau cùng thì một kẻ nào đó, có lẽ lúc nhỏ vẫn thường xuyên bị nghe kinh nhật tụng kiểu như vậy, đưa ra ý kiến là chúng tôi nên thử tổng hợp một số câu la mắng của cha mẹ ngày xưa, xem thử có... áp dụng được câu nào với bọn trẻ trong thời đại mới ở xứ người được hay chăng!

Và sau đây là bảng tổng hợp tạm thời của chúng tôi:

1. "Coi chừng tau cú cho một cái lủng sọ!". Đây là lời cảnh báo với giọng không trầm không bổng, không gay gắt, không dữ dằn cho lắm, khi lũ nhỏ mới vừa làm một chuyện gì đó tầm bậy, nho nhỏ thôi, không đến nỗi có thể ăn đòn, hay quì gối. Nhưng thiệt tình, chuyện nhỏ, mà một cái cú, ký đầu mà đến lủng cả sọ, kể cũng tội nghiệp cho "nạn nhân". Chúng tôi, sau khi bàn tán, đã đồng ý với nhau rằng, với một trình độ nội công thâm hậu kiểu ấy, thì các bậc phụ huynh của chúng tôi lẽ ra đã phải được tiên sinh Kim Dung cho ghi danh đi tranh tài ngũ lâm võ bá mới phải!

2. Chuyện nhỏ bỏ qua, chuyển sang chuyện lớn, khi lũ nhỏ cà chớn hơn, đáng bị quát nạt hơn, thì màn khủng bố hăm dọa tinh thần, "tau dộng cho một cái lòi tròng!" sẽ được thực hiện ngay bằng lời nói. Dộng, tiếng quê tôi, có nghĩa là đấm. Đấm, dộng mà kiểu ấy, chắc có lẽ là loại dộng đã được đương kim thống đốc tiểu bang California sử dụng trong loạt phim terminator hồi trước đây!

3. Qua chuyện lớn hơn, lạnh lùng hơn, thì mức độ chạy đua vũ trang của các bậc cha mẹ xứ tôi cũng tỉ lệ thuận, tăng dần hơn lên. "Tau tát cho một cái gãy răng". Tôi nghĩ nếu như Mike Tyson hồi mới ra đấu trường, hay hồi mới trở lại đánh đấm, mà tay võ sĩ này đã được các bậc cha mẹ xứ tôi dạy cho bài quyền, lối tấn công trên, có lẽ chàng đã chẳng cần phải dùng đến chiêu thức... cắn lỗ tai.

4. Tau quánh cho một cái sặc máu!

5. Tau đá cho một cái què giò.

6. Tau đạp cho một đạp dập mặt.

Vân vân. Và vân vân. Nghe mà kinh hoàng như đang ở trong phòng tra tấn! Và kinh hoàng hơn, là thử để ý xem, các bậc phụ huynh xứ tôi không cần... nhị thiên đường, tam tông miếu gì hết nhé, mà chỉ cần chơi một phát nhất dương chỉ thôi, chỉ cần "một cái" thôi, là đã tàn đời lũ nhỏ!

Nhưng như tôi đã nói, dân Quảng chúng tôi hiền, cho nên dầu la

mắng con kiểu rùng rợn, violent quá xá cỡ thợ mộc như vậy, nhưng chắc có lẽ chưa có ai sử dụng những loại trừng trị như thế đối với bọn nhóc, nên do đó mà ở quê tôi, chẳng có ai đi tù, chưa bị kết án về tội đấm đá dộng con cái sặc máu, lòi họng, gãy răng!

Thấy tếu, và lâu lâu cũng thèm nghe lại tiếng mẹ hăm dọa "tau quánh chết cha mi", tôi ghi ra cho... đỡ thèm.

Cũng xin nói thêm, bài này, trước khi viết xong, tôi có email hỏi thăm anh Phùng Nguyễn, cũng là người đồng hương của tôi, rằng tôi viết như vậy có "sao" không. Anh Phùng trả lời không sao. Nên nếu như có ai phiền hà tôi, thì tôi xin tuyên bố, tôi sẽ không chịu trách nhiệm một mình, vì ngoài tôi, còn có "quân sư quạt mo" của tôi nữa.

3. Mì Quảng

Anh Hoàng Lộc, trên website xứ Quảng, có viết một bài ngắn ngắn về cách làm bánh bèo chén Quảng Nam. Anh Nguyễn Hoàng Văn viết bài "Mì Quảng không biết cãi". Đọc bài của anh Hoàng Lộc, thật đúng như anh bảo, "để bà con thèm chơi"; và bài của anh Nguyễn Hoàng Văn, dầu anh làm bộ chê mì Quảng "mộc mạc, xuề xòa, không đạt tiêu chuẩn hóa" v.v... thú thật không phải mình tôi, nhiều người nữa, đã chảy nước miếng. Nhưng theo tôi, bài của anh Tưởng Năng Tiến viết về mì Quảng, nghe mới hết ý. Anh ca tung mì Quảng hết lời. Dân Quảng Nam nào đọc lên, không khoái, tôi không tin. Bởi vì người Quảng khen mì Quảng là chuyện thường tình, còn anh Tưởng Năng Tiến sinh trưởng ở Sài Gòn (hình như anh gốc Bắc kỳ di cư?), mà khen, mới "đã"!

Nói đến quê hương tôi, xứ sở tôi, là phải nhắc đến mì Quảng. Có người viết "mì" không với nguyên âm "i" mà với "y". Tôi xin thú thật tôi không rõ chữ nào đúng, vì xứ tôi đọc mì với "i" hay "y" đều giống nhau. (Tuy nhiên, tưởng cũng cần nói rõ, là con Thúy sẽ bị đọc thành con Thí nhưng thúi quá vẫn là thúi quá, không thay đổi gì cả).

Tôi nấu mì Quảng ngon, có chứng nhận, nếu cần cũng sẽ có bằng khen với chữ ký, của... mẹ tôi. Nhưng đó là lúc tôi còn ở Việt Nam, nấu mì với tôm còn nhảy lưng tưng, gà mới bắt ngoài vườn vào, hoặc mới mua ở chợ về vẫn còn đang cục tác tùm lum. Và mì, thì được tráng bằng gạo xay chung với nghệ tươi để có màu vàng. "Không phải cái màu vàng "đồng bóng" của nghệ hay màu vàng thổ nhà quê đâu. Sợi mì Quảng thường vàng tươi và chỉ đủ vàng để dung hợp với màu xanh của rau đi kèm..." (Tưởng Năng Tiến, "Vĩnh Biệt Mì Quảng").

Khen mì Quảng như anh Tưởng Năng Tiến khen vậy, tôi nghĩ là nhất rồi. Nghe anh tả cái màu vàng của sợi mì, đã thấy mê tơi; mặc dầu

anh có nhầm rằng sợi mì Quảng được làm bằng bột gạo rồi đem đi nhuộm vàng - cái màu vàng này, anh Nguyễn Hoàng Văn đã tỏ ra thất vọng não nề khi ăn một tô mì Quảng ở Sydney; thứ mì lại căng có màu trắng nhợt nhạt não nề như bánh phở. Ở đây tôi cũng xin mở ngoặc thêm, lúc mới đọc bài của anh Tưởng Năng Tiến đăng trên Việt Mercury, tôi có nhờ anh Ngô Nguyên Dũng chuyển cho anh Tiến một đoạn thư, kể cách làm sợi mì Quảng - mà dân xứ tôi gọi là con mì, không phải sợi đâu nhé-, sau, tôi nhận lại được email của anh Tiến cám ơn, nhưng anh lại bảo, chưa bao giờ thấy tôi cho nhân vật tiểu thuyết của tôi nấu ăn, hay làm nội trợ, mà cứ hết thương người xưa, lại nhớ người cũ, nên anh bảo, "tôi tin chị, nhưng tôi e rằng chị chỉ biết nấu mì... gói"!

Quê nhà tôi, nước không mặn, đồng không chua, nhưng vẫn là quê nghèo miền Trung, nên ngoài cái tô mì Quảng nhà giàu được nấu với đầy đủ tôm cua thịt gà thịt ba chỉ, người ta còn nấu mì cá, mì sứa nữa. Tôi không thích những loại mì này lắm, nhưng nếu gặp lúc thèm, có ăn chắc cũng đỡ ghiền! Và có lẽ xuất phát từ xứ nghèo, nên rổ rau sống ăn kèm với mì Quảng, thường có cây chuối non xắt mỏng, thứ rau, thứ cây ê hề ngoài vườn. Tuy nhiên có thể vì lâu ngày, cái sự cố "ăn độn" này, bỗng biến thành ra... truyền thống. Do đó có nhiều người Quảng cứ khẳng định, mì Quảng phải có chuối cây mới ngon! Những năm trước đây, tôi ở cái xứ Đức khó khăn đủ mọi chuyện về xuất nhập cảng, để kiếm ra được một hoa chuối, thái mỏng cho vào rau sống đã mệt, nếu không muốn nói, có khi phải "chiến đấu một mất một còn", tranh giành tùm lum với thiên hạ, ăn được rổ rau có chuối cây là chuyện mơ sao hỏa.

Và vì tình trạng thiếu rau thơm, rau chuối, tôi đã tự chế ra rau bắp cải, thái mỏng bằng máy, rồi nhắm mắt tìm thoáng hương xưa. Còn con mì, ra ngoài này, tôi không tự tráng hay mua được, đành phải lấy bánh phở khô luộc trong nước sôi có pha bột nghệ, do đó tô mì Quảng của tôi, cũng có được cái màu vàng "không đồng bóng", mà lần ăn cơm ở nhà tôi, nhà văn Nguyên Ngọc đã khen là "giống y"!

Anh Nguyễn Hoàng Văn, dân Quảng Nam, chủ nhà, nên bảo mì Quảng xuề xòa mộc mạc, còn anh Tưởng Năng Tiến, khách, nên nói nó "giản dị mà đậm đà và vô cùng đằm thắm". Tôi tin hết cả hai anh, nhưng có khi nghĩ đi nghĩ lại, và nhất là phải tự nấu lấy, nên thấy mì Quảng cũng phức tạp ghê gớm lắm. Bởi ăn tô mì Quảng mà chỉ cần thiếu một trong những thứ "phụ tùng" đi kèm, rồi vài yêu cầu khác không đạt, chẳng hạn bánh tráng nướng không dòn, đậu phụng rang không vàng, hành lá, rau thơm, hoa chuối hay cây chuối non không xắt

nhuyễn, ớt xanh không tươi, con mì không mát mắt..., là đã thấy mất ngon.

Và mì Quảng dẫu có được khen ngon, nhưng chắc có lẽ không được xếp vào hạng món ăn thanh ăn cảnh. Anh Tưởng Năng Tiến nhất định không chấp nhận cho ngồi dưới ánh đèn màu, bên cạnh hoa daisy, cũng không chịu cho phép dọn trong tô sứ, đĩa hoa; và anh Nguyễn Hoàng Văn thì bắt phải đứng chung với hàng chém to kho mặn, lại không cho phép được cãi cọ gì cả.

Tôi, cũng năm về thăm quê nhà, ra Nha Trang bạn rủ đi chợ Đầm ăn mì Quảng, thấy dọn lên tô mì quái dị, vàng thì có vàng thật, nhưng là thứ mì cọng nhỏ như sợi len đan áo, thường dùng để nấu mì gà mì vịt tiềm, và nước thì lai láng như lũ lụt; tôi bèn cười, bảo tô mì Quảng ở Nha Trang giống y như khuôn đúc tô mì xứ tôi nhờ mớ... đậu phụng rang rắc trên mặt. Sau đó tôi về đến Quảng, cũng bạn, đưa đi ăn mì. Lúc lên mâm lên chén, tôi chưng hửng. Vì con mì vàng không còn được tráng ở xứ tôi nữa. Người ta giải thích, lỡ bán không hết, thì không thể đem mì vàng đi nấu phở được.

Tuy nhiên cái chưng hửng thứ hai mới là ghê. Vì nằm trên chóp tô mì dị dạng màu trắng nhách như người bịnh ấy, là mấy cái trứng cút, và một miếng chả lụa. Tôi ngó tới ngó lui mấy lần, thấy đâu đâu cũng giống nhau; và vì không có ai giải thích cho tôi biết tại sao có thêm thứ phụ tùng tôi chưa bao giờ biết ấy; do đó tôi đoán, chắc có lẽ bạn tôi đã đưa tôi đi ăn mì... Lạng Sơn, hay mì... Nam Quan, nơi tiếp giáp, gần gần đâu đó xứ... Quảng Đông của Tàu!

Tìm mua, tìm đọc tác phẩm thứ sáu của
nhà văn Hoàng Nga
ừ thôi kiếp sau em nhỏ
tập truyện
Làng Văn xuất bản

Ảnh bìa của Dr. Andreas Reinecker
Sách dày 270 trang. Giá 14 Mỹ kim.
Sách hiện có bán tại các nhà sách.

đùa với đường thi

ĐÀN BÁCH KIẾM

Đường thi như đôi cánh nhạn nghìn đời bay lượn trên thân phận con người. Như đôi cánh hạc một đi đi mãi không trở lại. Tôi đọc và đùa dỡn với Đường thi như niềm hạnh phúc cô độc. Còn lại gì chăng, ngoài một mầu vàng hiu hắt muôn thuở? Bay về ổ chín tầng cao, con chim giã biệt quên chào mái hiên (BG). *Đôi cánh nhạn đã bay về ổ, thì xin một lần gắng gượng gọi nó trở về.*

Đàn Bách Kiếm

Mục Đùa Với Đường Thi ra mắt độc giả Văn Học bằng một bài thơ của Lý Bạch, để tưởng nhớ đến một tiếng thơ say đắm đã bỏ chúng ta vĩnh viễn bay về ổ: Cao Đông Khánh, đệ nhất anh tài An Phú Đông.

Tôi sống ở giữa thật là vinh hạnh
Giữa tứ chi em linh động lạ kỳ
Tôi có ngọn đèn thắp bằng ngôn ngữ
Thỉnh thoảng em về nhớ lại một khi
Thỉnh thoảng em về thăm lại trí nhớ
Thấy lại hai mùa mưa nắng rõ như gương

Thơ Khánh đó. Những câu thơ mãi mãi chẳng bao giờ tắt lịm. Vậy mà Khánh đã bỏ chúng ta đi mất. Đã hơn ba năm...

Tôi bước bước qua như một du khách
Thành phố ngày xưa, câu chuyện truyền kỳ...

Trời cũng rất xanh xanh ngoài kiếp trước
Giọt nắng dưới tàng cây khế lao chao...
Vài ly rượu thuốc thơm thơm mùi cỏ
Vạt áo bước vào yểu điệu phía sau

Tôi trở về nhà như một khách lạ
Gặp rất nhiều người hỏi giấy thế thân
Mẹ đã trồng cây trên đất hương hỏa
Trái bưởi Biên Hòa, thẻ quế rừng Thanh

Dạo còn rong chơi ở trần gian, Khánh đã sống đến tận cùng say đắm. *Trên sân khấu có em, tôi hiện hữu. Chiếc pháo thăng thiên bay tới kỳ cùng.* Đã kịch liệt cởi zipper cuộc đời để tìm kiếm khổ đau hạnh phúc. Đã hào hứng cởi zipper bóng đêm mà chào đón một bình minh chưa ló dạng. Đã ngạo mạn cởi zipper cái chết mà phải quấy đôi điều cùng đất trời mưa nắng. Đã móc con mắt giả đập giữa bàn tiệc mà ngâm thơ sang sảng.

Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế
Nắng rọi trong đầu những trắng bao la
Còn đôi mắt tôi ở Nhà Bè, ở Gia Định
Ở ngã tư Bẩy Hiền, ly nước mía, má môi

Tôi một bữa đợi em mòn con mắt
Từ Suối Máu em về xanh như lá cây
Những kẻ sống chết cho Độc Lập Tự Do bị xử tội phản quốc
Anh bỏ đi rồi em ở với ai

Em hãy kể tôi như trái cây lột vỏ
Để quá đêm ngày hôi gió thịt xương tôi
Như gái tỉnh lẻ thất thân nơi thị trấn
Lỡ một lần lỡ thêm nữa chẳng sao

Em rớt thăm thẳm xuống vực sâu thời cuộc
Sương Sài Gòn thấm lạnh áo mồ hôi

Mưa lất phất ngoài ngã năm ngã bẩy
Gió lọt vào em từ ngã bẩy ngã ba

Tôi ngủ mấy ngày đêm vẫn chưa mông mị
Tôi sống, cảm giác ngọn dáo đâm trước ngực

Ngay trước khi mất, Khánh làm việc cho một tờ tuần báo ở California có ấn bản riêng phát hành ở Houston. Mỗi tuần, vào chiều Thứ Năm hay Thứ Sáu, tùy theo chuyến bay giao báo từ Orange County, Khánh thường ghé văn phòng tôi rủ đi ăn tiết canh. Mồ hôi nhễ nhãi dưới nắng hè thiêu đốt của lão tặc thiên Houston cay nghiệt, lái chiếc xe van bít bùng không máy lạnh, Khánh bước vào văn phòng tôi ngực áo mở phanh, nói thọn lỏn hai chữ: Đi nhậu. Chúng tôi sang Brodard kêu một đĩa chim cô Phụng chấm muối tiêu. Và một đĩa tiết canh. Hôm nào sang thì có cognac, không thì uống bia đến tối. Cao hứng thì về nhà Khánh uống rượu thuốc. Rồi đọc thơ đến sáng. Ai đã một lần nghe Khánh đọc thơ sẽ không thể nào quên được cách đọc thơ Nam Kỳ đầy say đắm của Khánh. Từ dạo Khánh mất, tôi ít đi nhậu lang thang, mà thường ngồi uống rượu một mình. Và đọc Đường thi một mình. Hôm đọc lại Lý Bạch, Tuyên Châu Tạ Diễu Lâu Tiễn Biệt Hiệu Thu Thúc Vân (Trên Lầu Tạ Diễu Ở Tuyên Châu Tiễn Hiệu Thu Thúc Vân), thấy ý thơ đang ngậm ngùi man mác bỗng vút cao bay bổng. Lý Bạch đang buồn bã thương nhớ bạn, chợt nổi hứng khi nghĩ đến Trần Vương Tào Thực và dòng văn chương Kiến An hùng tráng thời Tam Quốc, nghĩ đến Tiểu Tạ (Tạ Diễu) và tiếng thơ thanh cao thời Nam Bắc triều. Và tôi, tôi nghĩ đến Cao Đông Khánh. Bèn cao hứng dịch bài thơ ấy như sau:

Ở Houston Uống Rượu Đọc Lý Bạch,
"Tuyên Châu Tạ Diễu Lâu Tiễn Biệt Hiệu Thu Thúc Vân",
Nhớ Cao Đông Khánh

Thơ về nắng sáng lừng bay
Gấp đi cánh phượng cho ngày rang ra
Hồ Dzếnh

Đã bỏ ta đi khuất,
Ôi ngày hôm qua bỗng dưng vội bỏ ta đi mất
Buồn lòng ta mấy nỗi,
Ôi ngày hôm nay sao ngập lòng ta nhớ nhung chất ngất!

Gió ngàn gió ngàn trời thu hề nhạn bay cao vút
Rót rượu một mình nhìn phong cảnh bốn bề
Văn chương nghìn năm hề mang mang hào phóng
Thơ rạng rỡ về lấp lánh núi sông
Hứng chí hề ý bay bổng
Muốn lên tận trời xanh ngắm nàng Hằng Nga xinh như mộng
Rút gươm xẻ nước, nước vẫn chẩy một dòng
Nâng ly đoạn sầu, sầu buộc càng day dứt
Sá gì cõi nhân gian chuyện không đầu không đít
Sớm mai ra khơi hề đạp thuyền xõa tóc
Nhớ bạn hề rượu uống mãi chẳng say
Khánh ơi Khánh ơi thơ Khánh hề nắng sáng lừng bay!
Đàn Bách Kiếm

Có ai ngoài kia đang nhớ đến Khánh? Xin chép ra đây bốn câu thơ Khánh làm trong một cơn mê sảng. Bốn câu thơ chưa từng in trong sách, chưa từng đăng báo. Bốn câu thơ khắc trên mộ bia Khánh:

Một hôm xuống núi xin hơi đốt
Tôi hỏi người ta ở chốn nào
Ở đây nơi đó không tư tưởng
Mưa nhỏ ngoài kia rất thản nhiên

Houston, tháng 8, 2004

Tuyên Châu Tạ Diễu Lâu Tiễn Biệt Hiệu Thu Thúc Vân

KHI NGÃ KHỨ GIẢ
Tạc nhật chi nhật bất khả lưu
Loạn ngã tâm giả
Kim nhật chi nhật đa phiền ưu
Trường phong vạn lý tống thu nhạn
Đối thử khả dĩ hàm cao lâu
Bồng Lai văn chương Kiến An cốt
Trung gian Tiểu Tạ hựu thanh phát
Cụ hoài dật hứng tráng tứ phi
Dục thướng thanh thiên lãm minh nguyệt
Trừu đao đoạn thủy thủy cánh lưu

Cử bôi tiêu sầu sầu cánh sầu
Nhân sinh tại thế bất xứng ý
Minh triêu tản phát lộng biên chu
Lý Bạch

Bản Dịch của Lê Nguyễn Lưu

BỎ TA ĐI MẤT
Ai mà giữ được ngày qua ngày
Làm lòng ta rối
Bao nhiêu phiền muộn chất hôm nay
Gió đưa cánh nhạn thu muôn dặm
Đối cảnh, lầu cao dốc chén say
Văn vẻ Kiến An phong cách nhã
Thanh tao nổi bật thơ ông Tạ
Lòng tràn hứng dật, tứ hùng bay
Trời xanh lên bất vầng trăng lạ!
Rút dao chém nước, nước càng trôi
Nâng chén tiêu sầu, sầu khó nguôi
Cuộc sống đời này không thỏa ý
Sớm mai xõa tóc dạo thuyền thôi!

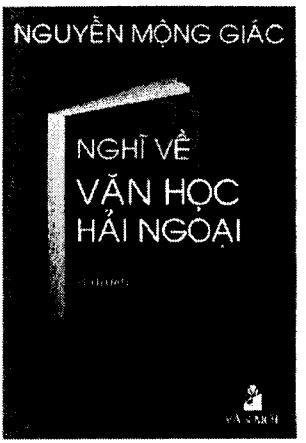

NGHĨ VỀ
VĂN HỌC HẢI NGOẠI
Tiểu luận của
Nguyễn Mộng Giác

Văn Mới xuất bản
Dày 260 trang. Giá 13 Mỹ kim

Liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Mới
hoặc Tạp chí Văn Học

TRỊNH Y THƯ

khi gió santa ana lên tiếng

Mươi bận mỗi năm tôi làm chuyến
du hành từ sa mạc đỏ rát luồn lách
qua khe núi vượt rừng lũng xanh và
thoát ra biển khơi. Dân dưới phố
nóng bức oán trách tôi đủ điều.

Lạ thật đám dân này, tôi đã có mặt
nơi đây từ khi tổ tiên họ còn lom
khom đi mót lượm đồ ăn trong rừng
già Phi châu, không, trước đó nhiều,
khi loài khủng long còn gầm thét trên
mặt đất, không chừng khi loài cá mới
mọc chân xệch xạc bước lên bờ.

Tôi không hề mời mọc họ đến đây để
biến nhà tôi thành bãi rác. Họ tranh
nhau từng lời nói miếng ăn và khi cần
giết chóc họ đem bom đạn ra tưới lên
kẻ khác miệng không ngớt nhân danh
những lí tưởng cao cả. Tôi thật không
hiểu nổi đạo lí con người. Họ luôn miệng
mắng nhiếc tôi, đổ thừa tại tôi nhà họ
cháy (mà không hề thú nhận chính họ
là kẻ cầm mồi lửa đi đốt cánh rừng.)

Có đám nhi nhô bắng nhắng còn so
sánh tôi với gió Lào. Tôi chưa từng
gặp người anh em đó của tôi ở bên
kia đại dương nhưng tôi biết chúng tôi
là những đứa con chân chính của
Thượng đế. Khi mặt trời này bùng nổ
vào ngày cuối, chỉ còn chúng tôi cùng
nhau vi vu trong bóng đêm huyền tẫn.
Loài người lúc đó thật sự đi vào lãng quên.

đất thổ

NAM DAO

C'est un dur métier que l'exil
Nâzim Hikmet

Tôi đến xứ này tìm N.

Con đường Istiklal Gadis khu Galatasara ăm ắp người. Thỉnh thoảng phụ nữ mới mặc *jellaba*, phần lớn là quần jean áo chẽn, không ai che mặt, để thiên hạ được ngắm những cặp mắt mi cong vút, sâu thăm thẳm, tròng trắng xanh ánh lân tinh dưới sắc vàng hực của nắng đổ lên mặt đất nhộn nhạo âm thanh. Chỗ này, cửa hàng bán CD nhạc cổ điển, tiếng hồ cầm thê thiết dạo đoản khúc allegro trong một Concerto của Bach. Ngay bên cạnh, quầy bán nhạc bình dân Ả Rập, kèn í o, chiêng leng keng đệm vào giọng hát một ca sĩ có bộ râu xồm xoàm đang nổi tiếng, ngày nào cũng xuất hiện trên màn ảnh TV với những bài hát khóc lóc tình yêu dang dở. Một thanh niên ở đâu chồm tới, tay chìa vào mặt tôi một tờ giấy. Thoạt đầu tôi nghĩ lại là một tờ quảng cáo. Nhưng không. Tôi đọc, *No to NATO, get out*. Dưới tờ truyền đơn, đề Turkish Communist Ligue. Ơ, tôi ngạc nhiên, ở đây mà cũng còn những tổ chức kiểu này sao? Và nhất là trên đất Thổ, đất có tiếng là không dung nạp những điều trái ý chính quyền! Bật cười, tôi thích thú nhìn lên, bắt gặp cặp mắt thiếu nữ mấp mênh bờ vai anh thanh niên. Tôi vui giọng, no to NATO, tìm sự đồng lõa kiểu một người con gái nghe câu tán tỉnh giả vờ lấy vẻ cả tin. Tôi hỏi nàng, tại sao? Nàng nói, nhưng tôi không hiểu hết, đại khái đoán là những nguyên thủ các quốc gia thuộc khối NATO sẽ họp với nhau trong ba tuần nữa ở Istanbul. Và rồi nào Bush, nào Blair, với những Saddam, Sharon, Arafat... trong một cuộc toàn cầu hóa tội ác. Tôi gật gật, nhưng thú thật, tôi chỉ thấy đôi mắt mầu xanh ve trong suốt thủy tinh. Tôi hỏi tên và xin nàng cho phép tôi chụp ảnh với xấp

báo nàng ôm trên tay, tên báo in bằng chữ mầu đỏ tưởng chỉ còn để đánh dấu một thời đã qua. Nàng cười, vẻ ưng thuận, nhưng bỗng có tiếng thất thanh ơi ới gọi. Rồi thoắt một cái, đám thanh niên thiếu nữ biến cả. Đám đông xô nhau đứng dẹp vào hai bên lề. Có tiếng hô. Tiếng giầy đinh lộp cộp nện lên đá xanh lót đường lẫn vào tiếng loảng xoảng kim loại chạm nhau. Một đoàn cảnh vệ diễu hành thị uy, đồng phục xanh rêu, đầu đội nón sắt, tay bồng tiểu liên, lưng dắt dao găm. Họ nhìn thẳng, mắt lạnh lẽo chất thép xám xì của nòng súng gếch lên trời. Tôi đưa máy ảnh lên định chụp, nhưng rồi thôi. Tôi đến xứ này tìm N, không phải để chụp ảnh.

*

Thằng bé ngồi sụp xuống, một tay chìa cái hộp gỗ trên đóng một cái đế, tay kia chiếc bàn chải, ngước lên nói, *shoes, dirty shoes*. Tôi lắc đầu, lách bước giữa làn sóng người lại tràn ra đầy lòng đường sau khi đoàn cảnh vệ đi qua. Nhắm hướng tháp Galata chọc trời, tôi định lấy xe điện ngầm xuống bến Karakoy, rồi băng ngang cầu bắc qua dòng sông nối vùng Beyoglu vào Eminonu. Đi được dăm phút, tôi vừa ngừng chân thì thằng bé không biết từ lúc nào đã đứng cạnh, khều tay, nhăn răng cười. *My friend, girl... beauty...* Tôi chắc khi nẫy nó thấy tôi chuyện trò với cô gái ôm xấp báo, tưởng tôi gạ gẫm gì đó. Tôi lắc đầu. Tiếp tục, tôi bước đi giữa làn sóng người.

Lát sau, ngay ngã ba cạnh ngôi nhà thờ Thiên Chúa nằm ngay khu buôn bán, tôi ngơ ngác tìm tên đường nơi khách sạn tôi đã đặt phòng. Một căn sạp rộng với những tấm áp-phích có đèn chiếu thu hút tầm mắt bộ hành. Tôi bước vào. Đây là chỗ bộ Văn Hóa Thổ đang quảng cáo cho Kịch Bóng - *shadow threater* - dùng hình tượng như trong đèn kéo quân nhưng không chỉ chạy vòng mà còn thủ những vai như kịch sĩ trên sân khấu, cũng cười, cũng khóc, và cũng hạ sát nhau trong những vở tranh giành quyền lực. Ở giữa sạp, ảnh người nghệ sĩ Thổ đầu tiên đưa hình thức nghệ thuật này lên sân khấu đâu khoảng kỷ thứ 9 đang nhếch mép vuốt râu. Cạnh đấy là bóng Sultan, và đây là bóng Thượng Tướng đang nắm quyền bính, nhưng ngài lại chót yêu Hoàng Hậu mặc dầu nàng đã hạ sinh Hoàng Tử. Cứ thế, những chiếc bóng đuổi bắt nhau, xoắn lấy nhau như oan nghiệp, buông nhau rồi lại xô vào tìm nhau trong một không gian phẳng có những gẫy đổ, đứt khúc, tròng trành nghiêng ngả. Một đoàn người ngựa xuất hiện. Bóng ông Thượng Tướng cầm quân có chiếc búa hình lưỡi liềm hiện ra choán gần hết sân khấu. Rồi thình lình, bóng Sultan díu lấy bóng Hoàng Hậu, bóng Hoàng Tử nép vào bóng

Sultan. Tôi chờ bóng một hiệp sĩ. Ở kỷ thứ 21, thật khó. Tôi tiếp tục chờ, nhưng vừa nóng ruột thì ai đó đến khều vào tay. Thằng bé, vẫn thằng bé đánh giày, lại lập lại, *girl... beauty*. Tôi bực bội gằn giọng, no. Nó kêu, *my friend, my friend*. Tôi sẵng, *no friend*. Nó không đóng kịch. Tôi cũng vậy. Và tôi, tôi có đâu đi lùng gái Thổ để về kể lại một chuyến đi có cả *sex* lẫn những màn kịch giữa những cái bóng của con người.

*

Lên khỏi đường hầm tầu điện, tôi băng qua chiếc cầu nối Karakoy vào Eminonu, khu phố cổ có từ 15 kỷ. Hai bên thành cầu, vẫn người là người, chen chúc thả cần câu xuống dòng Bogazici. Dưới chân họ, những xô nước nhung nhúc cá mòi trắng bạc; chúng cắn phải những con trùng móc vào sáu cái lưỡi câu cho mỗi sợi dây, con nào còn thoi thóp thì cố ưỡn mình quậy, con nào xổng ra ngoài thì nằm giãy đành đạch trên lối đi, há miệng hớp không khí cho đến khi nằm đuỗi ra. Bên kia cầu, mái vòm đền thờ Hồi giáo trên lưng đồi nhô thành những núm vú nghễu nghện chọc vào bầu trời thăm thẳm xanh biếc. Tít tắp, cây cầu mảnh dẻ nối châu Âu vào châu Á nhìn tựa giải yếm vắt ngang trũng ngực thiếu nữ đang nằm ngửa hứng nắng tươi.

Sân đền thờ Yeni ngay cạnh khu chợ Ai Cập đầy bồ câu. Chúng lăng xăng cạnh bước chân người, thỉnh thoảng lại đồng loạt bay lên, cánh đập gió phành phạch, chao qua liệng lại rồi đáp xuống, mon men đến chỗ hàng quán kiếm ăn. Đúng ngọ, tiếng cầu kinh ê a qua hàng loạt máy khuyếch âm cất lên khiến không khí chĩu nặng như có gì ghì xuống mặt đất. Cởi giầy, tôi bước vào, chân lướt trên tấm thảm len đan kết những mô-típ cổ truyền, hoa văn mầu sắc, trải ra có đến cả ngàn thước vuông. Đền thờ trống rỗng, không tượng, không đài, chỉ độc một chữ Allah, tiếng chỉ Thượng Đế, vẽ lên chiếc vòm cao ở trung tâm, ánh sáng hắt qua những mảnh kính đủ mầu sắc ghép với nhau che những khuôn cửa sổ hình chám. Sát cửa vào, hai căn phòng ngăn ra cách ly với phần còn lại. Nơi này dành cho phụ nữ. Họ cũng có quyền vào cầu Thượng Đế, nhưng chỉ ở phía sau, cách xa chiếc vách chắn hậu của ngôi đền ở đó vị chủ lễ nói vào micro trước hàng trăm người đàn ông xếp hàng, hàng trước hàng sau, lưng hướng về phía cửa đền.

Âm mo mek men

Người người quì xuống.

Âm mo mek men

Người người đứng lên, lưng khom, đầu cúi. Cứ thế, *âm mo mek men*... đứng, *âm mo mek men*, quì, rồi đứng, rồi quì...

Tiếng kinh cầu đều đều máy móc, lập đi lập lại, sơ cứng trong cái thế chịu đựng một thần linh vô hình đè nặng trên đầu trên cổ.

Tôi nghe nói, mỗi năm xứ Thổ đào tạo đâu cỡ năm hay sáu ngàn người tốt nghiệp những khóa học do giáo hội Hồi Chính Thống đỡ đầu. Học sinh học hết cấp trung học, quyển sách chính là kinh Coran, ngoài ra thì chỉ cần biết qua loa những kiến thức phổ thông. Họ ra trường, sống nêu gương cho chính thống giáo, giữ cương vị thủ đền imam, tác động lên đời sống tâm linh và đạo đức của những người xung quanh, sẵn sàng hóa thân thành những kẻ có khả năng tử vì đạo, ôm bom cho nổ tung xác mình để trừng phạt những kẻ họ coi là ác quỉ. *Kamikaze* không còn là nhãn hiệu độc quyền của xứ sở mặt trời mọc. Nay, ôm bom tự sát và đồng thời giết luôn cả kẻ thù lẫn những người vô can thành cách hành sử của tất cả những kẻ tuyệt vọng trên mặt đất đỏ lè trong trùng điệp hoàng hôn tóe máu. Tôi lạnh người, gom trí nhớ vào cuộc Thánh chiến kéo dài một trăm năm, một cuộc chiến nhân danh thiêng liêng nhưng thật ra chỉ dùng để tô vẽ cho những quyền lực rất đỗi con người. Cuộc Thánh chiến kia nào đã chấm dứt: có kẻ bảo, thế giới ngày hôm nay sẽ phải đương đầu với cuộc đụng độ máu lửa giữa những nền văn minh. *Những nền văn minh?* Hai chữ văn minh nghe cười ra nước mắt!

N là một người tự do nên N không thể ở đây. Tôi đến xứ này tìm N chứ không phải để cầu xin bất cứ một thần linh quyền uy nào.

Âm mo mek men

Tôi lùi, rồi bước ra. Nắng chóa ngoài trời đổ lửa.

*

Ngày hôm sau, tôi đi một mạch 12 kỷ, từ khi con đường lụa nối Á châu vào Istanbul, qua những nghệ phẩm bằng gốm trưng bầy trong cung điện Topkapi, gốm thời Hán, Đường, Tống, Minh cho đến Nguyên, Thanh. Tôi đi không ngoái lại một mạch hơn nghìn năm, lòng chớm ngậm ngùi. Lịch sử có còn gì ngoài những nét vân nâu xanh nổi lên uốn lượn trên nền tráng lớp men trinh bạch, chứng tích mang mang linh hồn những thời quá vãng. Con người, có thêm gì đắp vào cái phần bản năng ăn, ngủ, làm tình với lòng tham muốn vô bờ. Chính lòng tham ở lục địa này đã gây ra những đổ nát kinh hoàng của mười thế kỷ dòng dã đến nay.

Bước xuống con đường rải sỏi dẫn ra cổng cung điện, một lũ trẻ bán rong ào đến. Chúng vây quanh, đứa gí vào mặt những tấm *post-card*, đứa đưa lên ngang mày những cái *T-shirt*... Một đứa, có lẽ bé nhất bọn, nắm trong tay một chùm những con bông vụ. Không như con

vụ thuở thơ ấu của tôi, vụ xứ Thổ sặc sỡ đủ mầu, khi quăng ra sợi dây vẫn giữ con vụ lại, thả xuống chạm đất, con vụ xoay vòng vòng trên một cái đinh dài độ một phân. Thấy tôi ngẩn ngơ, thằng bé bán vụ quăng sợi dây cho vụ xoay, rồi nó rút tay, chụp con vụ, mắt hấp háy nắng, miệng nói

six US dollars, only six...". Tôi ngậm ngùi nhớ những con bông vụ của tôi. Chúng thường làm bằng gỗ mộc, cuốn dây vòng quanh rồi đập xuống đất là chúng quay tít thò lò. Và chơi, là bổ vụ "sống" trên dương gian vào những con vụ "chết" nằm trong một cái vòng tròn kẻ bằng phấn trắng bọn trẻ con chúng tôi gọi là địa ngục. Bổ hụt thì đến lượt vụ mình vào địa ngục nằm yên, đợi một con vụ sống bổ xuống. Và thầm cầu xin cái đầu đinh quái ác chệch sang bên cạnh một ly cho vụ mình văng ra khỏi địa ngục để lên làm người, chứ đừng cắm vào khiến vụ vỡ ra làm đôi làm ba. Hết tuổi ấu thơ, không hiểu thế nào tôi cứ bị ám ảnh bởi một ràng buộc vô hình những con bông cụ và những người đàn bà tôi gắn bó:

Em là sợi dây cuốn tròn quanh anh, con bông vụ
một vòng tròn anh khắc mặt trên
khi sợi dây quăng ra,
anh quay tít
trên những con đường tên lạ lẫn tên quen...

Vẫn một trò chơi, như tơ nhện, vây bủa. Với nàng, con bông vụ là trái tim tôi? Vỡ ra rồi chịu thua bỏ cuộc, hoặc là văng khỏi cái vạch phấn giới hạn dương gian và địa ngục?

Thằng bé đánh giầy ở đâu xô ra. Nó nhìn tôi, nháy mắt rồi đến cạnh thằng bán bông vụ nói một thôi một hồi. Móc túi lấy ra 500,000 lira Thổ, tức chưa đến 50 *cents* chứ chẳng phải là 6 đô, một tay nó đưa, tay kia giật ngay một con bông vụ. Đi về phía tôi, nó tươi cười, *gift for you... my friend.* Cám ơn, rồi giúi vào tay thằng bé đánh giầy tờ 500,000 lira, tôi quay bước. Nó đi theo, trả tôi, lập đi lập lại... *gift, gift.* Cứ thế, nó sóng bước bên cạnh, làm vẻ thản nhiên. Lát sau, nó ngần ngừ vừa đi vừa hỏi, mi làm gì? Tôi đáp, du lịch. Không, nó vừa làm dấu, vừa cố diễn nghĩa bằng thứ tiếng Anh bụi học trên đường phố. Tôi hiểu. Nhưng phải đáp thế nào? Hừ, không lẽ tôi bảo tôi là nhà văn! Văn chương gì, khi là lưu dân sống trong một xã hội cưu mang mình như một gánh nặng vì lý do nhân đạo. Khi viết bằng thứ ngôn ngữ thiểu số, vừa viết vừa sợ không có người đọc. Khi những điều mình viết không về được xứ sở gốc gác bởi sự hẹp hòi ngu xuẩn của quyền lực nhất thời được mùa độc đoán. Không, nói thế nó không thể hiểu. Có lẽ chẳng một ai hiểu. Và

chính bản thân, tôi cũng còn ngỡ ngàng, và thế nên vẫn chưa chấp nhận cái thân thế khốn nạn của mình. Thằng bé đánh giầy lại kéo tay, giục. Ừ, đơn giản thế này, tôi nhỏ giọng, tôi mang nghiệp-lưu đầy - *ce dur métier que l'exil*. N nói như vậy, và vì cũng là người Thổ nên may ra thằng bé nó hiểu chăng.

Không, nó không hiểu!

Tôi uể oải ngồi xuống chiếc ghế công viên. Tôi đến đây tìm N, không muốn biết ai, và cũng chẳng muốn ai biết tới tôi. Nợ nần gì, tôi muốn trả ngay cho sạch. Chìa chân ra, tôi nói "*dirty shoes, dirty*". Thằng bé lắc đầu, chỉ con bông vụ, miệng kêu "*...gif*", ý chừng nó không muốn tôi phải đền đáp gì cả. Tôi ngượng ngùng, hóa ra là tôi đã đơn giản hóa thằng bé vào hành vi trao đổi hàng hóa kiểu hai bên cùng có lợi. Thốt lên *sorry*, bấy giờ tôi mới nhìn kỹ vào mặt nó. Trề môi ra như trách, nó vẫn nhếch miệng cười, hàm răng đều đặn trắng muốt trên khuôn mặt mầu đồng mun già lửa. Tay hất lọn tóc quăn xòa xuống đôi mắy mầu nâu đục, nó chỉ, tay hướng về phía một tòa nhà nhô lên trong rặng cây xanh ngắt cuối tầm nhìn. Nó nói, nhưng tôi chẳng hiểu gì. Nó giằng lấy quyển sách hướng dẫn du lịch tôi mang theo, lật ra tìm, ngón tay chỉ vào, miệng la, *very good*. Thì ra đó là Bảo Tàng Khảo Cổ, rất danh tiếng ở Istanbul. Liếc mắt đọc qua, thấy có cổ vật Đông Á thời cổ đại, cổ vật Ai Cập và cổ vật Ả Rập thời tiền Hồi giáo trong địa bàn Mésopotamie. Chưa kịp nói, thằng bé đứng dậy lôi tôi đi. Đến trước cửa Bảo Tàng, nó đẩy tôi đến trước quầy vé, tay chỉ vào ngực, lắc đầu. Tôi ngần ngại, nhưng nó xua tay giục, miệng mỉm cười.

Lúc ra cửa Bảo Tàng, tôi ngạc nhiên thấy thằng bé ngồi trên một tảng đá ven lối đi. Nó nhẩy tót xuống, miệng lại nói, nhưng thật sự không cần vì tôi thừa hiểu là nó đợi tôi gần hai tiếng đồng hồ. Sau khi ăn xong miếng bánh kẹp kê-báp, loại thịt xiên trên một cái trục quay vòng nướng chín bằng cách quay cạnh một ngọn lửa đốt bằng khí cháy, tôi mới hỏi tên nó. Nó chỉ vào ngực, *my name* Mehmet, và đó là cách gọi cho gọn tên vị giáo chủ khai sáng Hồi giáo cách đây gần 14 kỷ. Nó vẫn nhai ngấu nghiến. Ăn xong, nó quệt miệng, nhưng còn thòm thèm nhìn tảng thịt cháy xém khêu gợi. Mua thêm cho nó, tôi đợi, nép vào tường tránh người nườm nượp trong khu chợ Kapali Karsi. Mỗi lúc một thấy ngột ngạt, tôi rủ nó về nhà quê, *a country side*. Tay đập vào ngực, nó kêu *tour-guide, Ok*?, mắt sáng lên khi tôi gật đầu. Nhẩy quẫng như con hoẵng phát dại, nó bí bô, tay chỉ trỏ, nhưng chắc chỉ Trời mới hiểu thứ tiếng Anh thoải mái pha vào tiếng Thổ như một điều tất nhiên của cuộc hội nhập toàn cầu rao giảng dăm bẩy năm nay.

Đêm về. Thành phố lên đèn, pha chiếu vào những đền đài nằm lưng đồi trên cao khiến Istanbul nay mang dáng dấp ngàn lẻ một đêm huyền ảo, khác hẳn một Istanbul trần trụi dưới ánh nắng ban ngày. Tôi lững thững thả bộ về khách sạn. Qua cầu, gió trên sông lồng lộng. Tôi nói, nhưng có lẽ nó không muốn hiểu, cứ lẽo đẽo theo chân cho đến cửa khách sạn. Nó giơ tay, khẽ nói *bye bye*, rồi lẩn vào bóng đêm trên con dốc dẫn xuống bờ sông.

*

Đọc e-mail xong, tôi lên phòng. Ngả mình nằm vật xuống giường, tôi nhắm mắt, tự hỏi tôi viết cho nàng những gì để nàng đáp *time does not flaw back, I can't re-learn desise*. Không khát khao. Thế thì nàng có khác gì cái xác bà hoàng Ai Cập ướp từ 40 kỷ nằm trong cái áo quan bằng đá nham cương trên nắp đẽo tạc những con sư tử nhe răng gầm ghè. Không khát khao gì, thế thì nàng có phải là vị nữ sa môn đem moi tất cả dục vọng ra phơi dưới ánh nắng gay gắt một thế kỷ hừng hực lửa, lửa trên thế, lửa dưới địa ngục, lửa xém vào cả thiên hà cằn khô nhựa sống. Không khát khao! Sống thế để xua đuổi cuộc sống, buộc những con người chung quanh phải đối mặt với hư vô ư ? Nhưng nàng là ai? Có phải là vết thương,

...đỏ bầm, tím thẫm, xưng phồng
vì bị nhai ngấu nghiến
nên chẳng còn chi
ngoài nơi cho nỗi đau điếng
nguyên sơ
chưa vẩn đục khát khao
ngu độn, không hình, không tướng
và không cả không có gì.

Tôi đưa tay lên vuốt mặt. Tôi vẫn đây. Tôi thò tay xuống hạ thể. Tôi vẫn đây. Chiều nay tôi thôi hất hủi thằng bé đánh giầy. Tức là tôi còn khát khao cái quan hệ giữa người và người. Và chấp nhận cái quan hệ với nàng, hẳn tôi còn khát khao, cách tôi thể nghiệm rằng tôi vẫn đây. Nay viết điều đó ra thành lời, hẳn tôi minh chứng cho sự tôi còn đó. Thiếp đi mộng mị, tôi tiếc sẽ không thể mơ thấy nàng, vô hình vô tướng, kẻ thay khát khao bằng một nỗi đau chưa chắc đã có thật.

*

Chỉ còn có tôi trong một đêm mầu mất rắn lục. Thế giới co rút thành một hành lang sâu thăm thẳm và im phăng phắc. Tôi men theo, trừng trừng nhìn về phía trước, hy vọng mắt thấy chút ánh sáng le lói, hy vọng tai nghe chút âm thanh mơ hồ. Nhưng không, không có gì. Cứ

thế, cứ bóng tối và im lặng, cho đến khi tôi bước vào một vạt sân rộng. Mầu đêm chuyển sang trắng đục như tròng mắt người thong manh, thấp thoáng bóng như bóng người. Tôi lần vào sân, chân vấp mô đá đau điếng. Không phải người mà là những bức tượng xếp đầy sân, chẳng theo một trật tự nào, ngả nghiêng, lổn nhổn. Tượng người nam, bắp thịt bụng xếp thành múi, cái đưa tay lên gân, cái cong người khoe những bắp đùi cuồn cuộn. Tượng người nữ, áo choàng vai, hở ngực, tay vờ che cặp nhũ hoa bầu bĩnh, hai chân khép chéo. Nhưng không có lấy một bức tượng toàn vẹn. Tất cả đều mất đầu. Tượng nữ gẫy tay. Tượng nam, cụt dương vật. Trên mặt đất, đầu tượng văng vãi. Cái sứt mũi, cái rã ra hóa xương đầu lâu, mắt trống hoác, vô hồn, trũng sâu xuống thành những hốc đen mù lòa. Những bức tượng kia đều tạc những người có thật, từng là Vua, là Chúa, là những anh hùng và những giai nhân sắc nước hương trời một thời vang bóng. Nhưng thời gian trôi, và nặng nề, khiến những bức tượng đá cũng không cưỡng nổi, nay đầu rơi, tay gẫy, mắt mù, thành những phế phẩm của lịch sử. Và trong im lặng. Một sự im lặng kinh hoàng khủng khiếp. Phản xạ từ bản năng sinh tồn, tôi đưa một tay lên đầu, tay kia thò xuống hạ thể. Còn hay mất? Nghe tim mình đập như trống nhạc *rapt*, tôi hiểu dẫu rằng còn hôm nay thì mai kia tôi cũng sẽ trở thành thứ phế vật của lịch sử. Nhưng trước mặt, tôi vẫn còn phải tiến tới. Và tôi lại đi.

Qua khỏi bức tường trên cắm những miểng chai nhọn hoắt ngăn khoảng sân khỏi hiện tại, ánh sáng vàng nhạt hắt ra từ một dốc hẹp. Dốc mỗi lúc mỗi cao. Tôi cắm cúi gò người bước, mãi mới đến đầu dốc, rẽ trái, đi thêm một đoạn trên con đường lát đá nhấp nhô. Im lặng, vẫn tuyệt đối im lặng. Cuối mắt, ánh sáng lúc một rực rỡ, thu hút và quyến dụ như ước hẹn. Vội vàng, tôi nhấn bước. Một quảng trường bát ngát hiện ra. Từ xa, thấp thoáng vô số người, đứng ngồi trong mọi tư thế. Đến gần, tôi ngửng lên đọc một bảng chữ đỏ như son, kẻ hai chữ Đại Đồng, bên cạnh là dăm ngôi sao vàng, nhưng không còn búa và liềm như thường thấy. Nhìn vào, người đủ sắc da trên năm địa lục, cả nam lẫn nữ, ở mọi tuổi tác. Họ cách nhau một khoảng cố định, chiếm hữu một diện tích bình quân bất biến, tất cả trần truồng, mặt mũi là mặt mũi những thiên thần rất đẹp nhưng lại hơi ngây ngô. Dưới luồng sáng rọi vào từ pha đèn óng ánh vàng rực, da họ ánh mầu nâu đỏ, bóng lên như tráng plát-tích, bất động tựa những phân tử rời trong một hệ thống kín, không va chạm, trao đổi, hết tiệt sức sống. Họ im lặng, mắt cùng nhìn về một phía. Tôi nhìn theo. Và hoảng hốt. Đó có phải là nơi lịch sử kết thúc?

Mầu sáng thình lình chuyển từ vàng sang sắc pha lê buốt giá. Ven sân, có tiếng động. Bỗng nhiên, hai cái bóng nhẩy ra. Tôi xáp lại, thấy một trai một gái. Chúng nó lùi, vẻ sợ hãi. Thằng con trai đưa tay lên bóc lớp plát-tích trên mặt, gân căng phồng hai bên thái dương, bất ngờ tiến đến dính vào má tôi. Ghê rợn, tôi đẩy nó ra, tai nghe tiếng nó giục, chạy đi em. Đứa gái hét, không tội nghiệp cho thân phận chúng tôi sao? Lùi lại, tôi xót xa giứt mảng plát-tích trên má, chưa kịp nói gì thì hai đứa đã xô nhau chạy về phía tôi đến. Tôi thét, đừng, ở đó chỉ có những bức tượng không đầu! Chúng nó vẫn chạy. Tôi gào lên vô vọng, đừng đi ngược hướng lịch sử. Và cứ thế, tôi lao về phía trước, chạy và chạy, cho đến khi mệt lả, ngã đập mặt xuống lớp đá lót đường.

Chỉ tỉnh dậy khi tiếng trống cuồng nộ bung lên kèm tiếng ghi-ta điện giằng giựt đánh thốc vào màng nhĩ, tôi đưa tay quệt máu rỉ rả trên trán, cố mở mắt, hoang mang chưa biết mình ở đâu. Chung quanh, toàn đàn bà và trẻ con. Họ lõa lồ, nhưng không im lặng như những bức tượng đá cụt đầu trong thế giới Đại Đồng, đồng thanh rên rỉ, rằng họ đang sống cảnh nô lệ ở thế kỷ thứ 21, thời đại con người đang trải nghiệm một cuộc cách mạng thông tin toàn cầu. Không còn gì ém nhẹm được nữa đâu, dù tường lửa dài như Vạn Lý Trường Thành. Hiện có 350 triệu người sống cảnh nô lệ dựa trên tiêu chuẩn định loại của những chuyên gia Liên Hiệp Quốc. Trong số đó, 150 triệu phải bán trôn nuôi miệng, kể cả những bé gái chưa được10 tuổi! Con người có khác chi hàng hóa khi Thị Trường Tự Do đã được biến thành một niềm tin tôn giáo qua cái vẫy tay của những nhà quỉ thuật, xếp nó vào một trong ba ngôi chí thượng, hai ngôi kia là Dân Chủ và Nhân Quyền. Tôi cố ngồi dậy. Những bàn tay đưa lên vẫy tôi. Có những tiếng cười đĩ thõa. Những tiếng van nài. Tiếng một ai đó nói với cái giọng quê tôi,... *anh giai ơi, em cũng người Nam Định! Vào chơi đi anh!*

Vào chơi? Chơi thế nào được trong thế giới này hở em? Tôi vùng chạy, chẳng biết là về phía trước hay phía sau. Ngậm ngùi, tôi thương cả tôi lẫn người đàn bà nói giọng quê tôi, thương thấm thiết trên từng bước chân hốt hoảng của loài nai mấp mé mép bờ tuyệt vọng.

*

Tôi chồm dậy khi chuông điện thoại reo. Tiếp tân báo có người đợi tôi dưới phòng khách. Đoán biết, tôi xỏ chiếc quần *jean*, cầm theo máy ảnh, ra cửa bấm thang máy. Khi tôi xuống, Mehmet đứng lên cười. Hôm nay, nó chải đầu gọn ghẽ, mặc sơ mi trắng boong, cứng ngắc trong chiếc quần dài là phẳng phiu. Tất nhiên nó là *tour-guide*, ăn mặc đúng tiêu chuẩn, không như thằng bé đánh giầy quần đùi áo thung hôm qua.

Dõng dạc, nó reo *good morning, my friend*! Tôi bật cười, chào lại và quên khuấy những cơn mộng mị đêm qua.

Chúng tôi đi dọc Istiklal Gadis đến quảng trường Taksim. Sáng ra, hàng quán lục tục mở cửa, người còn thưa, chiếc xe điện cổ xình xịch đi mà không cần lắc chuông leng keng như khi đông người. Quảng trường rộng, nhưng không có lấy một bóng cây xanh. Bên trái, Holliday Inn sừng sững, cờ quạt đủ thứ quốc gia phần phật gió. Bên phải, trên triền đồi, Mc Donald cũng sừng sững, bảng hiệu vẫn hai mầu đỏ và vàng cố hữu, nhưng chữ quảng cáo là chữ Thổ. Ở ngay chính giữa quảng trường là bùng binh, xung quanh xe phóng ào ào như chỗ không người, khói xăng bốc lên khét lẹt. Cảnh sát đã ra gác đường, chưa cần thổi tu huýt, và chưa cần chỉ trỏ cho xe chạy, nhưng tay vẫn để trên dùi cui, nét mặt vẫn cứ lạnh lẽo vô cảm.

Mehmet kéo tay tôi vào một cửa tiệm thực phẩm, miệng kêu *picnic*, tay chỉ vào những miếng *pizza*, những chiếc *sandwhich* kẹp thịt nguội và những thỏi xúc xích lủng lẳng treo trên quầy. Chúng tôi mua rồi băng qua bùng binh, men vòng thành cổ để đến bến xe buýt. Ra ngoại ô, xe còn vắng khách chứ không như những chuyến vào thành. Tôi ngồi phía sát cửa, kéo kính lên cho gió thốc vào mặt. Trời hôm nay không nắng như lệ thường. Một đám mây đen lơ lửng cuối tầm mắt bay như bị đuổi ra biển. Tôi chỉ, Mehmet nhún vai, lắc đầu, miệng khẳng định, *good day, no rain*... Xe đi ngang lâu đài Dolmabahce, men bờ Bogazici, đỗ lại những phố thị dọc đường lấy khách trên con lộ dẫn đến Sariyer, vùng eo biển Hắc Hải. Chúng tôi xuống khi xe ngừng ở trạm cuối cùng. Anh tài xế nhe hàm răng bịt vàng sáng chóe ra cười rồi nói vài câu với Mehmet. Nó ra dấu, tôi hiểu, móc túi đồng 1,000,000 lira ra cho tiền boa. Mehmet xách gói thực phẩm đi trước, tôi cuốc bộ theo sau, gò lưng lên một con dốc khá cao. Đến đỉnh dốc, biển đập vào mắt từ ba phía, nước lờ lờ, đục và vô hồn như cặp mắt người có tuổi, màng kéo lên che không cho thấy khoảng trời trên đầu đang chuyển mầu giông gió. Mây đen ngòm kéo từ phía Tây ùn ùn đua nhau chụp xuống, dăm hạt mưa li ti hắt vào mặt. Và tiếng cầu cứu Allah của Mehmet bật lên như than.

Kéo tôi chạy xuống triền đồi phía bên kia, Mehmet giục, *go home, go home*. Nó cắm cổ lao xuống, thỉnh thoảng ngoái đầu lại, miệng hò *go home, go home*. Từ chân đồi, chúng tôi băng vào một lối mòn một bên là đồng, một bên là những căn nhà xộc xệch, cửa khép hờ trổ ra ngoài vườn nằm sát đường đi. Mưa nặng hột, vỗ nhịp cho tiếng chó sủa đuổi theo chân. Qua những hạt nước li ti bám vào mắt kính, vũ trụ nhạt

nhoà hư thực, nứt rạn, vỡ ra thành những mảnh vụn huyền ảo. *Go home,* Mehmet lại hét. Nhưng nhà ở đâu bây giờ? Ngày lên đường đi sang xứ lạ, những người như tôi nghĩ chỉ vài năm học xong là về. Năm năm sau, đúng Tết Mậu Thân. Buổi trưa cô bạn sinh viên đi từ xứ Huế khóc nức nở chìa bức thư báo tử cả nhà, đến đêm cắt mạch máu tay tự tử. Đi đưa đám, chúng tôi bảo nhau, thôi chờ một hai ba năm nữa. Sau hai năm, lòng bảo lòng, về thôi, *go home, sweet home.* Người yêu vội viết thư, nếu vì em thì đừng, tháng này làm đám hỏi, hai tháng nữa em về nhà chồng. Mẹ cũng vội viết thư, em anh năm nay thi tú tài, anh ở lại giúp mẹ lo cho em ăn học bên đó. Nhưng thực ra, không phải vậy. Tất cả là vì mặt trận An Lộc, ngày đêm chịu pháo kích, ông anh rể Trung Úy Biệt Động Quân vinh thăng quan Ba khi đã nằm im trong chiếc áo quan trên có phủ cờ đèo bốn chữ Tổ Quốc Ghi Ơn. Tất cả là vì mặt trận Quảng Trị, thằng em con chú con bác mới vừa tốt nghiệp Võ Bị Đà Lạt đã bị mảnh pháo 105 ly phạt băng hai chân, tương lai trên đôi nạng gỗ chắc hẳn thấp cao khập khiễng. Cha khuyên, thôi con, báo hiếu thì đợi sau ngày ký kết hiệp định Paris, hết chiến tranh hãy về. Ký xong, vẫn bom đạn, mất Ban Mê Thuộc, rồi Đà Nẵng. Rồi Xuân Lộc. Điện tín mẹ gửi, con ơi, hãy cứu cả nhà! Nhưng làm sao đây? Cứu thế nào? *Go home,* sau 75 cuộc bể dâu đã thay hình đổi dạng núi sông, đi tìm trầm phải ngậm ngải, ngậm mãi đâm hóa cọp, đành cưỡng điệu lên gân nói quê hương tôi là tự do, tổ quốc tôi đồng nghĩa với lương tri và tiến bộ. Nói thế, nhưng sao vẫn có một phần hồn mất mát tàn tật, nằm têm hênh như rễ cây bật gốc sau giông bão, vô vọng tìm về lòng đất đã cạn kiệt lượng bao dung!

Mehmet lại rối rít *go home, go home.* Kiếp lưu đầy bắt đầu từ khi ra đi và kết thúc lúc chẳng còn biết đâu là nhà. Hai tiếng *go home* thôi thúc, nhưng tôi vẫn chỉ đuổi theo một cái bóng trước mặt. *Go home, chẳng phải chỉ để tránh cơn mưa ngoài trời mà còn là tìm một chỗ trú cho tâm hồn cho những kẻ như tôi, cái ngày bỏ kiếp lang thang để qui cố hương là điều không tưởng.* Tôi đến xứ này tìm N. Nhưng tôi vẫn chưa gặp, mãi còn bơ vơ trên con đường lầy bọc vòng một chân đồi dưới cơn mưa lúc một nặng hạt.

*

Đến trước một căn nhà xiêu vẹo, Mehmet đẩy cửa, thốt lên một tràng thanh âm, tay kéo tôi, kêu *my house.* Từ góc nhà, một người đàn bà đứng dậy, mặt nhô vào khoảng sáng ảm đạm hắt qua cánh cửa dẫn xuống nhà sau. Bà trên dưới bốn mươi, giọng líu ríu, nhìn lên, mắt trân trân bất động. Mehmet reo, *tourist.* Bà ta cười nửa miệng, nhưng vẫn lộ

ra hàm răng khuyết mất cái răng cửa. Tiếng chân ở dưới đi lên. Một cô gái mảnh dẻ dưới chiếc áo choàng *jellaba* trắng có những xọc dài mầu lơ óng ánh viền kim tuyến. Mehmet chỉ tay, giới thiệu, Sema. Cô gái gật đầu, mắt cũng trân trân nhìn như người đàn bà đứng tuổi, miệng hé ra nói nhỏ *salom*, tiếng ríu rít thứ chim lông vũ mượt mà đậu trên một cành cây chót vót.

Nhìn quanh, căn nhà có hai phần, trên và dưới, cạnh là cái trái dùng làm bếp trổ ra khoảnh vườn hẹp có trồng những loại rau cỏ lặt vặt. Nơi tôi đứng là phần trên, cũng chia làm hai, một bên tường tấm áp phích hình đội tuyển bóng đá Thổ, bên kia treo những bức ảnh lồng kiếng. Mehmet đẩy tôi đến, tay chỉ vào một bức đã chuyển sang mầu vàng ố. Bức ảnh có bốn người. Một cặp vợ chồng và hai đứa con, một trai một gái. Người đàn bà trên ảnh hao hao giống người đàn bà đứng tuổi, dĩ nhiên trẻ hơn, và rất nhan sắc. Metmet lấy ngón trỏ day vào hình đứa bé trai, mồm kêu, *me*, và chỉ vào hình đứa bé gái, kêu Sema. Tôi chưa kịp nhìn kỹ thì nó lôi tôi đến trước bức ảnh khổ lớn một người mặc quân phục, râu cá chốt, vai đeo lon, mũ có gắn một vành lưỡi liềm trên thêu những vì sao lớn nhỏ không đều. Nó khoe, giọng tự hào, *my dad*. Nói nói tiếp, nhưng tôi không hiểu, lắc đầu. Nó khom người như cầm súng, chạy vòng, bóp cò, miệng kêu bùm bùm bùm, rồi thình lình ôm bụng nhăn nhó nằm lăn quay xuống đất, tay chỉ ảnh cha, lè lưỡi ra giả chết.

Hai người đàn bà vẫn đó, nhìn trân trân, bất động. Ánh mắt Sema trong suốt thủy tinh, hàng mi cong khe khẽ đập như cánh bướm non trước cơn gió động. Góc nàng đứng sáng lên, toát ra thứ hào quang thánh thiện từ sắc đẹp tự nhiên, không son phấn và không kiểu cách. Nàng quay lưng, dòng tóc đen tuyền thướt tha đổ xuống ôm lấy bờ vai thon nhỏ. Người đàn bà thốt nói mấy câu. Mehmet nghe rồi bưng gói đồ ăn mua buổi sáng đặt lên chiếc bàn khập khễnh. Nó kê lại bàn, mở gói, miệng huyên thuyên, lấy *sandwhich* và *pizza* để vào tay mẹ, tay chị. Sema cười, cái nhìn vẫn cứ trong suốt, tay đưa miếng *pizza* lên mũi ngửi, hé răng cắn khẽ vào. Bà mẹ nhai ngấu nghiến, không để ý gì đến tôi. Họ nói với nhau, tiếng lẫn vào tiếng mưa, thỉnh thoảng lại chen vào tiếng sấm động gầm gừ nhắc nhở một cuộc chiến chưa bao giờ chấm dứt giữa người Thổ và người Kurd, ảnh những kẻ tử vong vẫn cứ lấp những khoảng còn trống trên hàng trăm hàng ngàn những bức tường loang lổ vết tang ma.

Hai người đàn bà tiếp tục nhai rồi nuốt như từ lâu rồi họ chưa ăn. Sema đưa vào miệng miếng *pizza*, răng nuột nà, môi cong lên, nhờn

nhẫy, thèm thuồng. Họ lâu lâu lại nói với nhau, âm sắc và gọn, mắt vẫn trân trân như thôi miên khoảng không trước mặt. Mehmet đi pha cà phê. Tôi uống, nhăn mặt vì đắng, lắc đầu nhìn lớp bột cà phê quánh đặc đọng ở đáy cốc. Vẻ hài lòng, Mehmet cười, cất tiếng hát nho nhỏ. Nó ra ngoài cửa bếp và khi quay lại tay ôm một đống củi khô, cẩn thận xếp vào cái lò sưởi chụm dăm cục đá ong ở một góc nhà. Lúc lửa cháy phừng phừng, hai người đàn bà không còn gì để ăn. Sema mút tay, thè lưỡi liếm mép, mắt khép hờ, người ưỡn ra phía sau ngả vào thành ghế. Sấm chớp bỗng đùng đùng. Trời chợt tối sầm, mưa xối xả tuôn xuống như lũ. Người đàn bà lần ra cửa sổ, tay khép, ngoái lại nói gì đó với Mehmet. Tôi không hiểu, nhìn Mehmet. Nó bảo, mẹ nó cám ơn tôi. Người đàn bà đến gần tôi, mũi hít hà, tay quơ, chân đụng vào chiếc ghế. Bà để một tay lên vai tôi, lại nói. Tôi lắc đầu, không hiểu. Bà phá lên cười ngặt nghẽo. Bỏ tay trên vai tôi xuống chỉ vào hạ thể, tay kia chỉ lên trời, bà ta rú rít Allah, Allah, hông nhếch lên uốn éo như trong những màn múa bụng. Mehmet lại nói, cái giọng hệt lần đầu nó gặp tôi, *girl... girl, beauty!*

Thì ra Mehmet vẫn làm cái việc dẫn khách. Và cho mẹ nó, trưa nay. Tôi lùi lại, nói gần như quát, *no*. Người đàn bà nhún vai, lắc lư đi xuống nhà dưới. Mehmet níu tay tôi kéo về phía Sema. Nàng vẫn trân trân ngó lên, môi mọng, nhờn nhẫy. Tôi lại gần nhìn vào đôi mắt nàng trơ trơ trong suốt. Nàng nhếch môi cười, để mặc Mehmet ấn tay tôi vào ngực nàng, miệng đưa giá, *fifty dollars... yes*. Tôi cảm thấy viền kim tuyến thêu trên ngực áo nàng đâm vào lòng tay tôi như những chiếc gai nhọn tẩm thuốc độc của loài hoa tuyệt tình tưởng chỉ quê hương tôi mới có. Sema cất tiếng, vẫn tiếng chim, nhưng sao tôi nghe, rất rõ ràng, *...anh giai ơi, em cũng người Nam Định!* Nàng ấp tay vào tay tôi, cười ngây ngo, và nhìn cái nhìn hoàn toàn vô hồn. Cũng như mẹ, nàng là một người mù, và Mehmet, đứa con trai mồ côi cha không tật nguyền là kẻ phải lo sinh kế cho cả ba. Nó khều khều, miệng nhắc, *beauty... fifty, Ok my friend!* Mùi da thịt Sema ngai ngái nồng nàn đến độ chẳng còn sức nào cưỡng được. Nàng đứng dậy, lần bước vào căn phòng có kê một chiếc giường đôi. Cởi *jellaba*, nàng quăng nó lên mặt thảm cũ xì, quay lại vẫy, miệng vẫn cười cái cười ngây ngô, mắt vẫn trân trân thả hững vào khoảng không trước mặt. Tôi đột nhiên lùi lại, Tôi đến xứ này tìm N. Mehmet đẩy, nhưng tôi gạt tay nó ra. Tôi tiếp tục lùi, dẫu đằng sau có thể là một vực bờ trong buổi trưa sấm sét này. Mehmet trở nên cọc cằn, mặt bạnh ra như rắn hổ, hỏi *why* rồi chửi *fuck your mother*! Tôi vẫn lùi. Nó vòng ra sau cản tôi lại. Quay người, tôi nghe nó thét *fuck me...*

ten dollars, rồi nó tuột quần, khom người chổng cái đít trắng hếu về phía tôi, giọng the thé gọi Allah và cứ thế nó tiếp tục gào *fuck me... fuck me... fuck me!*

Tôi tung chạy ra đường. Mưa quất vào mặt tựa những ngọn roi trời. Một ánh chớp lóe trên đỉnh đồi. Phải lên đó, và xuống cái dốc đồi bên kia để ra con đường có xe buýt chạy. Tôi không còn chọn lựa nào khác ngoài cái thế giới đại đồng bên này, hay cái thế giới có ba ngôi bên kia sao? Nhưng thế thì có gì gọi là chọn lựa, vì một cái đã chôn sâu vùi kỹ trong nấm mộ lịch sử. Còn cái kia đang hủy hoại con người nay chẳng còn sức đề kháng nào trên con đường rồi dẫn đến nơi một tận cùng của lịch sử. Và biết đâu nơi đó cũng là chỗ tận tuyệt của loài người.

*

Xuống đến con lộ men eo biển, mưa tạnh hẳn, nắng lên bắt vào những mái ngói nhuộm vạn vật một màu đất non tươi tắn. Không lấy xe buýt, tôi ra bến tàu, đợi chuyến đi về Eminonu. Thiên nhiên quả quay quắt, thoáng một cái đã không để dấu vết giông tố gì bên này triền đồi. Vài tay người Âu cởi trần, ngực lông lá, ngồi phơi nắng trên cảng. Bên kia dòng Bogazici, châu Á bình lặng chưa hề biết sấm chớp bên này châu Âu, mặc những con sóng nhỏ nhấp nhô vỗ bọt trắng vào bờ, thản nhiên đợi như tuyệt đối tin vào thứ sức mạnh không chỉ thuần vật chất.

Nhìn dòng nước trôi ngược, tôi ném vào đám bọt nổi lênh tênh trên sóng hình ảnh thằng bé đánh giầy, người mẹ mù, cô bé tên Sema và bức ảnh người cha chết trận treo trên tường. Tôi nhận cho chìm chuỗi sự kiện, từ đôi giầy bẩn, lời dẫn gái, đến con bông vụ sặc sỡ và buổi đi chơi gặp mưa khiến tôi biết ngày chẳng mấy khác đêm trên đất Thổ.

Tôi đến xứ này tìm N. Nhưng N lìa đời năm 1963, năm tôi bắt đầu hành nghề lưu đầy.

Sống 61 năm, N lâm cảnh lao tù ròng rã 20 năm, phần còn lại là 10 năm vật vờ ở Warszawa. Và rồi chết ở Moscova hai năm sau. Khát khao một thế giới mới, N theo Quốc Tế Đệ Tam, chống quân phiệt Đức phát xít, song cũng chính vì đeo đuổi khát khao đó mà N quay lại chống cả Stalin. Tôi, kẻ mang nghiệp - lưu đầy, cùng khát khao như N, nhưng cánh cửa tù ngục ngày nay là cả thế giới bị vây hãm bởi mầu xanh những đồng đô la ngửi kỹ có mùi máu, giấu sau hàng chữ *in God we trust* là những Mehmet, Sema, và người đàn bà đồng hương của tôi quê Nam Định. N chiến đấu như thế, biết mục tiêu không bao giờ đạt được trong cái giới hạn của đời sống mình. Nhưng phải chăng chính vì vậy nên cuộc chiến đấu ấy mới được nâng lên hàng cái đẹp. Và cuộc đời thành nghệ thuật, dẫu phải trả với giá những khát khao không thành!

Tôi đến xứ này tìm N, nhưng thật ra là vì nàng. N lìa đời năm 1963, năm tôi bắt đầu hành nghề lưu đầy. Khi ấy nàng còn là đứa bé gái. Và không lẽ ở tuổi đó nàng đã biết yêu, lại yêu một nhà thơ đã chết đến độ cạn kiệt mọi khát khao để hôm qua gõ *computer* chấm dứt mọi ngày mai bằng một câu, *I can't re-learn desire* rồi lạnh lùng nhấn nút *send.*

Tầu rẽ sóng chạy một mạch đến Yenikoy, chui qua gầm cầu Sultan Mehmet nối Âu vào Á rồi ghé bến Ortakoy. Tôi nhìn quanh, vẫn không thấy N đâu. Chắc tôi không tìm những cái thấy bằng mắt. Ngủ lịm đi, tôi để tiếng máy tầu xình xịch đẩy vào một vòng u minh, trong đó có nàng, người tôi chưa từng biết mặt, đang đẩy tôi quay một vòng hư thực hệt như đoạn kết bài thơ xưa:

Sợi dây hỡi, ơi sợi dây mềm mại
cho nhau xin một phút bình yên
Bởi khi quăng ra là rồi đời quay mãi
theo triền mi vòng trong cõi lặng thinh

Trên quĩ đạo giữa ngân hà trong suốt
bờ thực hư anh quay tít phận mình...

Tầu cặp vào bến cuối. Hành khách lục tục đứng dậy, xôn xao gọi nhau. Tôi bước lên boong, theo chân đoàn người đi ra. Xuống tầu, tôi băng ngang bến cảng, lên chiếc cầu hai bên thành có những người thả cần câu những con cá mòi trắng bạc. Qua cầu, tôi bỏ lại đằng sau thành cổ, đền Yeni với câu kinh *Âm mo mek men...* Tôi bỏ lại hết, trừ sự khát khao, điểm cố định độc nhất giữ tôi khỏi văng vào hư vô. Tôi hiểu đó là cách duy nhất cho những kẻ mang nghiệp-lưu đầy tồn tại.

Ra khỏi đường hầm có chiếc xe điện thời Thế Chiến Thứ Nhất đưa lên dốc để về Beyoglu, biểu ngữ *No to Nato, get out* chữ đỏ lại đập vào mắt. Vẫn những thanh niên thiếu nữ hôm nọ tôi gặp trên đường. Họ đang chiến đấu chống Chiến Tranh và Tội Ác qua sự rêu rao toàn cầu hóa cuộc chiến chống khủng bố. Và họ cũng biết, mục tiêu của họ không thể đạt ngay được, ngoài tác động đánh thức lương tri.

Nhìn quanh nhưng tôi không còn tìm N, biết chắc N vẫn đâu đây. Bâu giờ, tôi tìm cặp mắt xanh ve trong suốt thủy tinh chưa kịp hỏi tên hôm ấy. Tay vẫn ôm xếp báo, nàng đáp. Tôi nghe hình như là Sema, tên trùng với tên cô gái mù, giọng tiếng cười cũng hệt tiếng chim trên cành cao, nhưng đuôi mắt óng ánh bình minh soi sáng mặt đất này bằng khát khao trên những con đường trước mặt.

11-08-2004

HOÀNG XUÂN SƠN

gọi là

thời trai, với Ngô Vương Toại,
và những mùa hè ngợp hương yêu

1. Mùa hè. tiếng nấc phương xa
tiếng chim dụi mỏ
tiếng khà trong mây
tiếng hôn êm. mảnh
lên đầy
tiếng âm u một hàng cây
thở dài
tôi ngồi nhập tiếng khoan thai
nghe em tiếng khẽ
tóc cài trắng hoa
mùa hè mùa hè đi qua
mùi hương rậm gió
gọi là
hương yêu

2. Bay lên đời
bay lên
chiều
lên cái diều đẹp
bay theo
cánh đồng
yêu người vô lượng

không không
đứng yên dũng sĩ
bước trồng tim si
yêu hồi gió tạt vu vi
trăm năm bóng ngựa
dễ gì yên hoa
ngắm theo con mắt nắng
lòa
thiếu âm một độ
dương tà một khuyên
bay lên bay lên hồn quyên
sinh
là tận giữa triệu thuyền quyên
vây .

novembre .03

chữ tình

gởi Đức Phổ

Rợn gắt tử phù bé em đẹp
cái chăm ngón ngấm ngầm dưỡng nuôi
phong ba. Đêm gà tôi hóa cuốc
lẩn chìm nơi màu son cự tuyệt

Ngữ ngôn vẫn muôn đời rượu đắng
bài bản van xin mấy khúc xương
đồng. Chủ nhật đẹp buồn người đi
trách hạ úa thuyền trăng xưa. Lơ

lửng đầu sào mới đồng chiêm lèng
èng môi nước mặn. Bật khúc trăng
treo không đúng bữa ngoạt hồn sinh
linh du du nại hà du tử

Có biết chạc dây thừng cột vào
trăm búi thở rên xiết cung tơ
Qua hết mùa đông khinh cừu chiếc
áo hiến tặng bằng hữu đẹp ơi

đẹp tấm lòng như nôi ru. Hát
ru đắp đổi hết mùa này sang
mùa khác. Ru những mùa đông cuộc
đời giá băng nào chan thêm buồn

nhớ. Môi nồng em và bếp lửa
nhân quần tro than nguội lạnh dường
buổi âm ty ngời sáng. Vén thôi
áo xống trả nợ linh hồn xưa

Đã tấy sưng lên một nấm mồ
đá xương đất thịt đời mưa lũ
tả tơi. Trong lòng dăm lệ khô
đi theo con gió truy cùng tận

Hở hang em nhỏ đứng bên đàng
Đứng chi bên đàng thở than than
thở. Tội tình chi thôi áo hàn
khoác giùm cơn gió máy trăm năm

Một chữ tình vẹn tình. Ơi..... hỡi!

tháng bảy không hai

người và dã thú

kịch dài của NGUYỄN QUANG VINH

nhân vật

- Con Hổ Xiếc
- Con Hổ Rừng
- Cô gái dạy thú
- Phán - Cai đầu dài ở suối vàng
- Lê Máu - Chủ tịch xã
- Trần Ai - Cán bộ biệt phái của huyện
- Nguyễn Văn Phân
- Người đàn bà tưởng mình là đàn ông
- Nhung tóc trắng
- Tuyết Tuyết - Dân buôn vàng đãi
- Mộng Xanh -Vợ Phán
- Người đàn ông Khát Vọng
- Thằng bé mồ côi
- Thằng bé tóc ba phân
- Thanh niên, ông già, dân tình ở suối vàng.

Câu chuyện này xảy ra ở một vùng rừng núi đâu đó trên đất nước ta. Đây là một câu chuyện có thật, thật đến nỗi ngay cả những câu thoại dở nhất trong vở kịch này cũng là thật.

MỘT

Lán trại của những người đãi vàng. Tại lán của Phán - một cai đầu dài ở đây đang diễn ra trò múa hát ăn nhậu khá rôm rả mà đối tượng phục vụ là ông Lê Máu, chủ tịch xã. Các nhân vật trong kịch có mặt gần đủ: Vợ chồng Phán, Nhung tóc trắng, Nguyễn Văn Phân, Người đàn bà tưởng mình là đàn ông, thằng bé tóc ba phân, thằng bé mồ côi. Tiệc rượu chiêu đãi có vẻ đã tàn. Phán hả hê nhìn Lê Máu.

Phán: (*Với Lê Máu*) Thưa ông chủ tịch xã, ông thấy dân mình hồn nhiên vậy đó... Hễ đói là đố kị ghen ăn tức ở, là gào thét, đánh lộn nhau, nhưng nếu cho ăn uống no say là lập tức đoàn kết nhất trí, hò hát tưng bừng, có phải không ạ?

Nhung tóc trắng: (*Sà đến bên Lê Máu*) Thưa bác Lê Máu. Xin bác phát biểu cảm tưởng về cuộc đón tiếp bác hôm nay của anh em đãi vàng chúng em ạ.

Nguyễn Văn Phân: (*Bất ngờ lao tới bên Nhung tóc trắng, vật ngửa cô ta ra, lấy ngay cái đồng hồ Nhung giấu trong ngực áo*) Con ranh này... Thó nhanh thế à (*Với Lê Máu*) Thưa bác, con Nhung tóc trắng này là một nữ quái chuyên nghiệp. Bác thấy đấy, nó mới sà đến bên bác là thó ngay của bác cái đồng hồ Senkôphai. Xin giả bác.

Lê Máu: (*Đưa cánh tay lên*) Phải rồi, đồng hồ của tôi (*Với Nhung*) Cô này. Xinh gái thế mà lại đi ăn cắp. Cô không xấu hổ à?

Nhung tóc trắng: (*Cười cười*) Bác tha tội ạ. Nếu mà em biết xấu hổ thì em đã làm đến chức chủ tịch như bác rồi đấy ạ. Bác ơi, nào em có muốn lấy cái gì của ai đâu. Là bởi vì tiên sư cái bàn tay của em đây này. Buồn cười lắm bác ạ, hễ thấy của ai cái gì cầm vừa tay mình là cái bàn tay khốn nạn của em nó lại thó. Thế mới khổ. (*Cầm tay Lê Máu*) Cho em xem bàn tay của bác tí tẹo nào. Ôi giời ơi, bà con xem này, bàn tay bác Lê Máu giống bàn tay em y chang.

Phán: (*Vừa nháy mắt với Nhung vừa quát*) Nhung. Cô nói năng cho lịch sự chứ... Cô nói vậy hóa ra bác Lê Máu cũng cùng phường ăn cắp với cô à? Vô vẩn. (*Với Lê Máu*) Thưa bác, cho em xin lỗi bác đã không giáo dục bọn đàn em đến nơi đến chốn.

Mộng Xanh: (*Với Lê Máu*) Thưa bác. Em là Mộng Xanh, vợ của anh Phán đây ạ. Cho em phát biểu thế này ạ. Từ ngày bác cho phép vợ chồng em được cai quản số bà con lên đây đãi vàng, bác thấy vợ chồng em nộp luật cho địa phương ta và với cả cho bác nữa, sòng phẳng chứ ạ.

Lê Máu: Tốt. Cô chú đàng hoàng. Cam kết thế nào, thực hiện đúng như thế. Tôi biểu dương.

Tuyết Tuyết: Em xin có ý kiến ạ. Em cảm tạ bác Lê Máu, cảm tạ

vợ chồng anh Phán đã tạo điều kiện cho em lên đây mua bán vàng đãi. Dưng mà. Quả thật, tiền nộp luật của em với các bác có vẻ hơi căng căng ạ.

Phán: Sao? Làm ăn thì phải biết nộp luật, nếu thấy căng quá thì rút. Tự do. Dân chủ. Có phải vậy không bác chủ tịch?

Lê Máu: Thì tôi cũng có nói gì đâu. Nhỉ? Bà con nhỉ? Nhưng dân chủ thì phải tập trung. Làm ăn thì phải có chỗ đóng góp để tiếp tục được làm ăn. Mà ai đó nếu thấy sự đóng góp căng quá thì đi. Nhỉ? Cô cũng thế (*Với Tuyết Tuyết*) nhỉ? Nếu cô thấy căng thì để tôi kí lệnh trục xuất cô ra khỏi quốc gia xã tôi nhỉ? Cô nhỉ?

Tuyết Tuyết: (*Vội vã nhét vào túi Lê Máu một xếp tiền, cười cười*) Là em nói thế. Em chỉ nói hơi căng căng chứ đã nói căng đâu ạ... Là do cái miệng em nó hay phát ngôn lăng nhăng chứ trong lòng em cám ơn các bác lắm ạ... Em xin lỗi các bác.

Người đàn ông Khát Vọng: (*Đứng dậy, tay ôm cuốn sách dày quá cỡ, lật một trang, lẩm nhẩm*) Tất cả im đi. Nghe đây này. Trang 1435 dòng 12 dưới lên đã nhấn mạnh: Chừng nào trong bản thân con người vẫn quẫy cựa sự ngông cuồng của thú dữ thì khi đó con người vẫn còn gặp nhiều đau khổ. Ta thương các người lắm. Thương biết chừng nào. Các người suốt ngày đêm toan tính, lừa lọc, giành giật nhau, quay cuồng trong mớ tiền giấy lộn, không đoái hoài gì đến tâm hồn của mình. Còn tôi, tôi đang cố ngoi lên sự bận rộn cơm gạo áo tiền để nghiên cứu, để tìm kiếm một phương kế làm cho con người dứt bỏ được những đồng tiền, vươn tới một cuộc sống tinh khôi, một cuộc sống trong vắt như những giọt sương long lanh và những áng mây hồng.

Phán: (*Bước đến bên người đàn ông Khát Vọng, đưa tờ giấy bạc 5 ngàn*) Vâng. Kính cẩn nghiêng mình trước anh, người đàn ông Khát Vọng. Nhưng trước khi anh nghiên cứu thành công việc con người không cần tiền mà vẫn có cuộc sống long lanh như những giọt sương, xin anh hãy cầm 5 ngàn này, sang bên kia làm một bát phở tái đã. Đi đi. Khát Vọng gì thì cũng cần một bát phở tái lót dạ vào mỗi buổi sáng đấy.

Người đàn ông Khát Vọng: (*Cầm tiền, vừa đi vừa lẩm bẩm*) Tội nghiệp các người. Tuy nhiên xét về góc nhìn duy vật thì lúc này một bát phở tái cũng cần như cần những giọt sương vậy. Tội nghiệp các người. (*Đi luôn*)

Lê Máu: (*Nhìn theo Người đàn ông Khát Vọng*) Đâu ra cái gã đàn ông hâm tỉ độ thế nhỉ?

Phán: Vâng. Với chúng ta thì anh ta là kẻ hâm. Ai đời giữa nơi rừng núi này, tại suối vàng giành giật từng miếng cơm manh áo này lại có

một nhà trí thức ngày đêm nghiên cứu việc làm sao con người không cần tiền mà vẫn có cuộc sống long lanh như những giọt sương. Hắn là thằng mọt sách đến điên rồ. Người hắn toàn chữ... Hâm hâm nhưng em thích, em tự nguyện nuôi hắn.

Mộng Xanh: Chỉ tổ tốn cơm. Suốt ngày lẩm nhẩm những điều chẳng đáng vài đồng bạc... Ngứa cả mắt.

Nhung tóc trắng: Yên tâm. Tối nay em sẽ thó hết sách của gã.

Mộng Xanh: Không cần thó sách, cứ thó hết khát vọng của gã là được.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Chỉ mặt Mộng Xanh*) Vớ vẩn hết. Đúng là thứ đàn bà mạt hạng, lúc nào cũng toan tính.

Nhung tóc trắng: (*Nhìn người đàn bà tưởng mình là đàn ông*) Thế chị không phải là đàn bà à?

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Đừng hòng. Tao không phải là đàn bà. Tao là một thằng đàn ông cứng cựa. Nếu người đời tưởng nhầm tao là đàn bà vì trên người tao vẫn còn vương vãi những thứ của đàn bà. Tao không cần những thứ đó. Tao là đàn ông. Loại đàn bà chúng mày là đồ vứt đi, tham lam, ngớ ngẩn và hèn kém. Hiểu chưa?

Lê Máu: Lại thêm cô ả này, ở đâu ra vậy? Đàn bà xịn một trăm phần trăm, mông má vú vê đủ cả, thế mà tự dưng cứ vu khống mình là đàn ông, thế nghĩa là sao hả?

Phán: Em cũng tình nguyện nuôi báo cô chị ta đấy... Cũng hay chứ ạ. Lại có người đàn bà lúc nào cũng tưởng mình là đàn ông cũng thích chứ ạ.

Lê Máu: (*Chỉ tay và thằng bé tóc ba phân*) Thế còn thằng này, trẻ con mò lên vùng rừng này làm gì?

Phán: Lại thêm một thằng oắt con hâm hâm. Tự dưng nó tưởng tượng bố nó là bộ đội, thế là bổ nhào đi tìm, lại cắt tóc ba phân như bộ đội.

Thằng bé tóc ba phân: Chắc chắn bố cháu là bộ đội. Nếu tìm được bố cháu, chắc chắn ông ấy đã trung tá.

Thằng bé mồ côi: (*Với Phán*) Thế còn cháu, sao chú không giới thiệu?

Phán: Mày là thằng điên. Đang có bố có mẹ phơi phới ở thành phố lại bỏ lên đây, rồi gào lên với mọi người tôi là thằng bé mồ côi. Thật chả hiểu ra làm sao.

Thằng bé mồ côi: Có bố mẹ như cháu mà phải mồ côi thì mới đáng nói chứ. Thế còn chú? Chú không có bố mẹ bao giờ à?

Phán: Thằng điên. Không có bố mẹ thì tao chui ở đâu ra hả?

Thằng bé mồ côi: Có bố mẹ mà vẫn thấy mình như đứa mồ côi mới nên chuyện chứ lại. Đúng chú là dân nhà quê.

Phán nhảy tới thằng bé mồ côi định đấm vào mặt nó thì chợt Phán đứng sững, há hốc mồm. Hai gã đàn ông vác trên vai hai xác người toanh toe, máu me đầm đìa, lừ lừ đi vào, đứng như trời trồng trước mắt mọi người. Ai đó rú lên. Mọi người hoảng loạn.

Gã đàn ông 1: Hôm nay hai người.

Gã đàn ông 2: Ai vui cứ vui. Ngoài bãi đãi vàng, con hổ lại vồ chết hai người nữa. Khốn nạn cuộc đời..

Lê Máu: (*Hăng hái*) Tôi là tôi đã viết liên tiếp hai tờ trình gửi cho huyện về việc có một con hổ đang vồ chết người ở bãi vàng rồi cơ mà.

Phán: Tôi xác nhận. Các bác yên tâm. Đồng chí chủ tịch xã của chúng ta rất có trách nhiệm với bà con mình. Mấy ngày nay hễ có ai trong chúng ta bị hổ vồ, đồng chí Lê Máu đều viết ngay một tờ trình gửi huyện. Yên tâm đi.

Lê Máu: Thôi được, tối nay nhất định tôi sẽ viết tiếp tờ trình thứ ba.

Phán: Tôi không liên quan gì đến chuyện hổ vồ người. Các anh vác xác người ta đi đi, sao lại mang đến lán của tôi?

Lê Máu: Thôi mang đi, chôn tạm đâu đó rồi báo người nhà lên đưa xác về. Tôi hứa là tôi sẽ tiếp tục viết tờ trình. Đi đi..

Hai gã đàn ông vác hai xác người đi. Lúc đó Trần Ai xồng xộc bước vào.

Phán: Ôi giời, hay quá, kính chào bác Trần Ai, chuyên viên cấp cao của huyện nhà. Cán bộ cao quí như bác mà phải đặt bàn chân ngà ngọc của mình lên tận nơi khỉ ho cò gáy này thì đúng là quá vì dân.

Lê Máu: Anh vất vả quá. Sao anh lên mà không báo trước để bọn em đón tiếp chu đáo ạ. Thôi thì mời anh ngồi xuống, em nói mấy đứa chuẩn bị nướng con hoẵng anh xơi tạm ạ.

Phán: Bác Trần Ai đã lên tới đây thì cứ coi tụi em như người nhà. Nếu bác không thích ăn thịt hoẵng mà ăn loại thú khác bác cứ nói, tụi em chiều bác ạ. Có bác hôm nay làm sáng cả núi rừng. Giới thiệu với bác, có anh Nguyễn Văn Phân là xạ thủ số 1 ở đây, anh ấy đã không đưa súng lên thì thôi, đã nhằm nòng súng vào con thú nào, đòm một phát là có xơi ngay ạ.

Nguyễn Văn Phân: Em biết bác thích món hầm đuôi lợn rừng. Em sẽ biếu bác ngay bây giờ. Nói thật, em vốn là người khiêm tốn, nhưng bác yên tâm là khi em nâng súng lên nhằm vào đuôi lợn, thì chỉ có đuôi lợn trúng đạn đứt rời ra chứ tuyệt nhiên con lợn vẫn không hề hấn gì,

vẫn bảo đảm an toàn cho thú rừng. Bác thích ăn đuôi lợn cái hay đuôi lợn đực thưa bác. Hay đùi chồn hương nhé. Vâng. Em sẽ bắn một cái đùi chồn hương. Như hôm qua ấy, con bồ của em nó ngứa miệng, nó cứ thích ăn tai con lợn rừng, mà lại tai trái cơ, em đành vác súng vào rừng, bắn mỗi cái tai trái lợn về xào măng cho nó ăn.

Nhung tóc trắng: Nếu anh bắn cho em trái tim hươu, em làm người tình của anh suốt đời.

Nguyễn Văn Phân: Dễ. Con hươu mất tim nhưng vẫn sống. Dễ.

Trần Ai: (*Bước đến lừ lừ nhìn Phân rồi bất ngờ đập tay thật mạnh lên vai Phân làm anh ta giật bắn người*) Anh này là xạ thủ số 1 hả? (*Cười*) Cậu tuổi con gì hả? Chuẩn bị trúng số độc đắc đấy. Bà con nghe thông báo đây. Cách đây mấy ngày tại vùng rừng này, trên con đường chạy qua đây đã xảy ra một vụ tai nạn ô tô. Một chiếc xe tải nhỏ chở con hổ xiếc và một nữ diễn viên dạy thú đã bị lật xe, rơi xuống vực. Mất tích. Cũng trong thời gian đó, huyện đã nhận được liên tiếp hai tờ trình của địa phương gửi lên thông báo về việc hổ vồ chết người ở bãi đãi vàng. Sau ba cuộc họp tập trung, một cuộc họp riêng lẻ, năm lần hội ý, tám lần trưng cầu ý kiến tập thể, chúng tôi kết luận: Con hổ xiếc chính là con hổ đã vồ chết sáu mạng người ở bãi đãi vàng này. Xét năng lực cán bộ, kinh nghiệm tổ chức, tinh thần dám nghĩ dám làm của tôi, huyện đã ra quyết định số 4579 u đê qui đê điều động tôi lên biệt phái vùng này để làm chỉ huy trưởng chiến dịch diệt con hổ xiếc bảo vệ tính mạng cho nhân dân.

Những tiếng xì xào:

- Kinh quá nhỉ. Hổ xiếc là loại hổ đã sống gần con người, hiểu quá rõ về con người, nó đã không quyết xơi ai, nó đã quyết thì có chạy đằng trời.

- Hổ xiếc khôn lắm, ranh ma lắm, nó hiểu hết con người cả chỗ mạnh và chỗ yếu, gặp nó thì đừng hòng thoát mạng.

- Tiên sư mấy cái cô dạy thú. Đấy. Bao nhiêu người không mang ra làm xiếc, lại huấn luyện hổ để bây giờ nhá, nó đớp lại, chết cả đám.

- Loại hổ xiếc này ghê gớm lắm. Đừng hòng đào tạo, giáo dục tu dưỡng. Nó đang trả thù con người đấy. Chết thôi.

Người đàn ông Khát Vọng: (*Mở cuốn sách dày cộp ra*) Đừng bi quan như vậy. Hãy tin vào những điều ta đang đọc. Trang 456 dòng 35 viết: Nếu một con thú được thuần dưỡng, huấn luyện, dạy dỗ chu đáo nó sẽ trung thành với con người còn hơn cả những con người.

Tuyết Tuyết: (*Xáp mặt vào người đàn ông Khát Vọng*) Trung thành con khỉ. Nó vừa sổng ra đã xơi tới sáu mạng người còn không mở mắt ra

mà nhìn à? Kinh bỏ mẹ. Bắn chết mẹ nó đi.

Trần Ai: (*Khó chịu nhìn Tuyết Tuyết*) Cô này là ai?

Lê Máu: Cô ta chỉ là con buôn thôi ạ. Anh đừng quan tâm.

Trần Ai: Con buôn mà dám mở miệng đòi tuyên bố trước cả chủ trương của huyện à. Nghe đây này. Do con hổ xiếc đã hóa thú dữ, giết quá nhiều người, huyện chủ trương cho giết. Phần thưởng cho ai giết được con hổ xiếc là hai tạ gạo, bốn chục mét vải và hai chục triệu đồng.

Tuyết Tuyết: Ôi giời ơi, thưởng như thế mới gọi là thưởng. To quá... Xem nào... Hai tạ gạo giá bèo cũng 800 ngàn bạc, bốn chục mét vải đổ đầu một mét 25 ngàn đồng, vị chi là một triệu bạc nữa, thêm 20 triệu tiền mặt vị chi tất cả là 21 triệu tám trăm ngàn, tính ra vàng vị chi là 4 cây 3 chỉ 5 phân vàng 9999. Ngon quá. Các bác thấy không, chỉ cần cầm khẩu súng, bước vào rừng, gặp con hổ xiếc, đưa súng lên, nhẹ nhàng dí vào cò đòm một cái, ôi trời ơi, cuộc sống sao mà dễ kiếm tiền đến như vậy, vâng, chỉ cần đưa súng lên đòm một cái mà có ngay 43 chỉ 5 phân vàng 999.

Nhung tóc trắng: (*Sấn sổ bước tới trước mặt Tuyết Tuyết*) Này... Nếu ngon ăn thì chị vác súng vào rừng mà đòm đi. Chỉ sợ chưa kịp đòm, con hổ nó thấy cái mặt buôn gian bán lận của chị nó mới vụp một cái, bứt tươi cả mảng thịt trên mặt chị, khi đó tha hồ nhận tiền thưởng nhá. Sướng nhá.

Tuyết Tuyết: Khiếp. Con điêu. Các bác ơi cứu em với.

Phán: Em có ý kiến thế này ạ. (*Cầm tay Mộng Xanh*) Trong khi huyện đang phát động chiến dịch giết hổ để bảo vệ tính mạng của nhân dân yêu dấu, vợ chồng em tình nguyện đóng góp thêm vào tiền thưởng của huyện nhà. (*Nói nhỏ với Mộng Xanh: Mười triệu nhá. Mộng Xanh hất hàm: Điên à? Mình là cá nhân. Tám triệu là to lắm rồi.*) Vợ chồng em xin đóng góp thêm vào tiền thưởng của huyện 6,5 triệu đồng nữa được không ạ.

Tuyết Tuyết: Khiếp. Như mơ. Vị chi là thêm một cây rưỡi.

Nguyễn Văn Phân: Nào. Ai có thể tham gia giết hổ xiếc để giành giải thưởng đây? Không ai cả? Tiếc nhỉ? Chẳng lẽ một mình tôi bắn, một mình tôi lĩnh giải? Thế là các người đành khoanh tay đứng nhìn tôi ôm trọn món tiền thưởng ấy chứ gì? Vâng. Xin cám ơn.

Thằng bé tóc ba phân: Nếu mà cháu tìm được ông bố trung tá của cháu,với khẩu súng ngắn của bố, con hổ cũng mất dái. (*Chỉ tay vào thằng bé mồ côi*) Chúng cháu sẽ làm đệ tử cho chú, được không ạ?

Nguyễn Văn Phân: Tốt. Nhưng không ai chi tiền thưởng cho chúng mày hết.

Tuyết Tuyết: Em xin đề nghị cho em được mua bộ da hổ ạ.

Mộng Xanh: Em đăng kí mua bộ xương con hổ.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Đàn bà chúng mày. Hết vị chi là lại đến tranh giành mua bán. Tôi đăng kí đi bắn hổ.

Nguyễn Văn Phân: Này... Chị kia. Không ấm đầu đấy chứ, đàn bà con gái biết cái gì mà săn với bắn hả?

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Lao tới quật ngã Phân*) Mày. Đồ đàn bà tham lam.

Phán: Gì mà máu thế. Cứ ngửi thấy mùi tiền là nổi khùng lên ngay.

Trần Ai: Thôi thế này. Coi như anh Nguyễn Văn Phân phụ trách tổ xung kích diệt hổ vậy.

Nguyễn Văn Phân: Không có tổ đội gì cả đâu ạ. Tổ tiếc, tập thể tập thiếc cho lắm vào đến khi ăn chia tiền thưởng rách việc lắm.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Anh tưởng tôi thích được cùng anh đi săn hổ lắm đấy hả? Quên đi. Mỗi đứa một súng, gặp hổ là đòm, đứa nào đòm trước nhận hết tiền thưởng, không có lôi thôi.

Lê Máu: Tôi cũng đăng kí đi bắn hổ. Tôi là cán bộ, tôi phải đầu tàu gương mẫu.

Tuyết Tuyết: (*Cười cười*) Em nói khí không phải. Bác cũng vì 43 chỉ 5 phân vàng 999 và một cây rưỡi vàng thưởng thêm của vợ chồng anh Phán phải không ạ?

Lê Máu: Mất quan điểm. Trước nữa là vì nhân dân, thứ nữa là vì nhiệm vụ huyện giao phải hoàn thành, thêm nữa là vì tính cấp bách của tình hình, cuối cùng thì nếu tôi bắn chết con hổ xiếc, huyện trao thưởng chẳng nhẽ không nhận? Không nhận không được ấy chứ, cờ vào tay không lẽ không phất.

Nhung tóc trắng: Phần thưởng to quá nhỉ? Em móc túi cả đời cũng chưa chắc bằng.

Tuyết Tuyết: Móc túi thì nói làm gì. Bằng lương công nhân hai đời của bố tôi đấy.

Người đàn ông Khát Vọng: Lại mùi tiền. Tội nghiệp các người. Trang 870, dòng 12 đã chỉ ra rằng: Khi mùi tiền còn làm ngạt mũi những kẻ tham lam thì quan hệ giữa con người là thứ quan hệ tay trao tay, trừ trừ cộng cộng, đó là thứ quan hệ khốn khổ nhất mà con người phải gánh chịu. Cái mùi tiền đã làm hàng triệu người trên trái đất bị viêm xoang mũi, thứ bệnh không thể điều trị được.

Lê Máu: Tôi sẽ trực tiếp ra trận diệt hổ. Đó là sự thôi thúc của lương tâm cán bộ không phải mùi tiền.

Trần Ai: Anh Lê Máu này. Chúng ta là lãnh đạo, chúng ta chỉ ra chủ trương để nhân dân thực hiện. Khi nhân dân thực hiên thắng lợi, lĩnh thưởng cả cục, trọn gói, tiền tươi roi rói, tôi cạn nghĩ, chẳng nhẽ nhân dân có thể quên chúng ta? Rằng, e hèm, chẳng nhẽ nhân dân lại nỡ không nghĩ đến chúng ta để dành một số phần trăm gọi là của ít lòng nhiều, tấm lòng thơm thảo dành cho lãnh đạo. Có phải thế không các nhân dân?

Nguyễn Văn Phân: Đồng ý cái rụp. Đơn giản. Tôi xin trích 15% cho huyện, xã số tiền thưởng ấy.

Tuyết Tuyết: (*Nhanh nhảu*) Vị chi là hơn ba triệu bạc. Ghê. Làm lãnh đạo mà nhoằng cái được ngay hơn ba triệu bạc, chả cần cầm súng, chả cần đòm, thích thật, tự dưng em lại thích bỏ đi buôn làm lãnh đạo.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Gằm ghè nhìn Nguyễn Văn Phân*) Vớ vẩn. Keo kiệt như đàn bà. Tôi xin trích ngay 25% tiền thưởng tặng lại chính quyền.

Tuyết Tuyết: Vị chi là...

Nguyễn Văn Phân: (*Gạt Tuyết ra*) Im. Tôi tăng lên 35%.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Chà. Tưởng thế mà thoáng à? Đồ đàn ông mang váy. Tôi khẳng định 45%, trắng mắt ra chưa?

Nguyễn Văn Phân: (Gào lên) Tôi bẻ đứt nọc một nửa, 50%.

Nhung tóc trắng: Này. Hai xạ thủ hâm. Đã biết thế nào mà cứ rống lên việc ăn chia tiền thưởng hả? Thế ngộ nhỡ con hổ xiếc ấy nó lao tới các vị, nó xé xác phanh thây các vị ra thì ai đứng ra ăn chia tiền thưởng hả?

Người đàn ông Khát Vọng: (*Khóc*) Đến khi nào thì các người có thể vươn tới điều mà trang 478, dòng 34 dưới lên viết: Khi con người trả giá sinh mệnh của mình không phải bằng tiền mà bằng nước mắt và tình thương yêu thì khi đó, tiền bạc vô nghĩa, vật chất vô nghĩa, chợ búa vô nghĩa, vật trao đổi giữa thế gian này là những trái tim yêu và những trái tim yêu. Rồi sẽ đến một ngày, Chính phủ các Quốc gia sẽ tổ chức một cuộc đổi tiền vĩ đại, cuộc đổi tiền lấy những nụ hôn. Và sau đó nhân loại sẽ giao dịch với nhau bằng những nụ hôn thay tiền bạc. Ôi. Những nụ hôn.

Nhung tóc trắng: (*Với người đàn ông Khát Vọng*) Điên. Nếu thế giới không tiêu tiền, chỉ trao đổi những nụ hôn thì nghề móc túi của tôi cha truyền con nối để cho chó nó nhai à?

Bỗng ngay lúc đó nghe ào lên một tiếng hét thất thanh đến rùng rợn. Một người dân chạy vào, quần áo rách toạc, đầu tóc rối bời, ngã ngửa giữa sân khấu gào lên.

Người dân: Tên sư chúng mày, cãi nhau cho lắm vào, lí sự cho lắm vào, con gái tao bị hổ nó vồ mất cái chân trái rồi kia kìa. (*Khóc rống lên*).

Mọi người hoảng sợ vọt chạy mất tăm. Tiếng Trần Ai hét rất to, nhưng ông ta lại núp sau bóng của hai người đàn bà. Hỡi bà con hãy chiến đấu tiêu diệt con hổ xiếc. Hãy anh dũng tiến lên. Nói vậy nhưng Trần Ai lại quay lưng vọt chạy đầu tiên.

HAI

Một góc rừng. Con đường ô tô chạy vắt vẻo bên bờ vực thẳm. Con hổ xiếc đang cố dìu cô diễn viên dạy thú leo lên khỏi bờ vực và nhẹ nhàng bế cô đặt lên một tảng đá rộng. Con hổ xiếc liếm láp vết thương trên thân thể cô chủ. Cô diễn vên quờ quạng cánh tay, vuốt ve đầu con hổ xiếc.

Cô gái dạy thú: Bông ơi. Em đói lắm phải không? Gắng lên em, dù sao chúng ta cũng đã may mắn thoát chết. Chị hiểu mà. Em đã cứu chị. Rồi nhất định chúng ta sẽ được mọi người tìm thấy và đưa về nhà. Nhất định là thế. Chị thương em lắm Bông ạ... Chị thương em... Nhưng chị đau quá. Ôi... Hai cái chân của chị làm sao thế này.

Hổ xiếc: *Đưa miệng hít hà trên cơ thể cô chủ. Rồi nó cầm lấy chân cô chủ thử kéo. Cô chủ kêu lên đau đớn. Nó lùi lại, đứng thẳng người bằng hai chân sau, rồi cúi xuống bế cô chủ lên, nó quì một chân xoay thân thể cô chủ một vòng, hai vòng, ba vòng và lại đặt cô chủ nằm xuống. Nó giỏng tai lên, hai chân trước chắp vào trước ngực cúi gập xuống lại nhổm lên như động tác chào khán giả. Và mắt con hổ xiếc long lanh. Và hình như bên tai nó đang nghe dội vang tiếng vỗ tay nồng nhiệt của khán giả.*

Cô gái dạy thú: (*Khóc*) Bông ơi. Em nhầm rồi. Đây là nơi núi rừng xa lạ và nguy hiểm. Đây không phải là rạp xiếc em biết không? Không phải là rạp xiếc. Có thể mọi người sẽ không biết chúng ta đang ở đâu. Không ai biết chúng ta gặp tai nạn. Cả chú Hải lái xe nữa cũng đã mất tích đâu rồi. Chúng ta sẽ chết thôi Bông ạ. Thôi thì em đi đi, vào rừng, tìm lấy cái gì đó mà ăn mà sống, cứ để mặc chị ở đây. Đi đi em. Nghe chị nào. Đi đi, vào rừng đi.

Hổ xiếc: *Gầm gừ đi quanh cô gái dạy thú, nó vừa bước vừa rên ư hử và lại cọ đầu vào thân thể cô gái.*

Cô gái dạy thú: Đi đi em... Em hãy tìm đến nơi có những con người đang sinh sống. Họ sẽ cho em ăn. Em biết rồi đấy, mọi người ai

cũng yêu quí em, ai cũng muốn được chăm sóc em... Hãy tìm đến với họ... Đi đi... Rồi khi gặp mọi người, em hãy đưa họ đến cứu chị nghe chưa... Đi đi, ngoan nào. Đi đi nhé.

Đột ngột nghe một tiếng gầm dữ dằn. Một con hổ rừng đang kéo lê xác một người đàn ông. Con hổ xiếc quay ngoắt lại nhìn con hổ rừng. Con hổ xiếc gầm lên một tiếng.

Cô gái dạy thú: (*Đau đớn*) Trời ơi. Chú Hải... Chú Hải lái xe đấy Bông ơi.

Hổ rừng: *Buông xác anh Hải lái xe, bước tới phía con hổ xiếc, lại gầm lên một tiếng.*

Hổ xiếc: *Cũng gầm đáp lại và đứng che chắn trước mặt cô gái dạy thú.*

Cô gái dạy thú: (*Cố gắng chống tay ngồi dậy*) Bông. Cẩn thận. Nó là hổ rừng đấy... Nó không phải là bạn của em đâu... Cẩn thận... Em chạy đi. Em không thắng được nó đâu.

Hổ rừng: *Bước những bước mạnh mẽ quanh con hổ xiếc và cô gái. Nó có vẻ rất thèm thuồng. Rồi nó chồm tới.*

Cô gái dạy thú: (*Hét rất to*) Bông. Chạy đi.

Trong khi con hổ rừng và con hổ xiếc đang chuẩn bị lao vào nhau thì chợt vang lên một loạt đạn. Con hổ rừng vọt thẳng vào rừng mất tăm dạng. Con hổ xiếc vẫn đứng bên cạnh cô chủ của mình. Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông xách súng lao tới đứng sững lại.Thằng bé tóc ba phân và thằng bé mồ côi cũng chạy tới và đứng bên nhau nhìn.

Nguyễn Văn Phân: (*Thận trọng nép mình sau một mô đá*) Này cô kia. Muốn sống tránh ra.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Ngu thế. Lại còn nép mình bên con hổ, chạy đi, không sợ nó múc một nhát vào mặt à? Con điên.

Cô gái dạy thú: Các người định làm gì thế? Định bắn con hổ xiếc của tôi à?

Nguyễn Văn Phân: Của tôi? Điên. Tránh ra. Chuẩn bị đòm đấy.

Cô gái dạy thú: Không được bắn. Các người làm cái trò gì thế. Đây là con hổ xiếc, là diễn viên xiếc, không phải con thú.

Hổ xiếc: *Gầm gừ đứng thẳng dậy, đưa hai chân trước ra vỗ vỗ vào nhau và nó lại tưởng tượng ra tiếng vỗ tay nồng nhiệt của khán giả.*

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Hổ xiếc hả? Nó là con thú dữ. Cô tránh ra. Con hổ này đã giết chết sáu mạng người. Và đây nữa, mạng người thứ bảy, hiểu chưa? Tránh ra.

Cô gái dạy thú: Không đúng. Con hổ giết người là con hổ rừng.

Các người nhầm rồi. Đây là con hổ xiếc. Các người nhầm rồi.

Nguyễn Văn Phân: Nhầm hả? Nhầm mà huyện đã trao giải thưởng cho ai bắn được con hổ xiếc này hả? Nhầm mà như vậy hả con điên?

Cô gái dạy thú: Nói láo. Ai dám treo giải thưởng bắn chết con hổ xiếc của chúng tôi. Các người nói láo.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Rê súng về phía con hổ xiếc*) Đã bảo tránh xa ra. Nếu mà tôi bóp cò là cô chết thẳng cẳng đấy.

Nguyễn Văn Phân: Tránh ra.

Cô gái dạy thú: Nếu các người muốn bắn, cứ bắn chết tôi đi đã, không được bắn con hổ.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Đừng già mồm. Nếu bắn cô mà có tiền thưởng thì tôi đã đòm từ hồi nãy, nghe rõ chưa?

Nguyễn Văn Phân: (*Vừa ngắm vào con hổ vừa quay sang Người đàn bà tưởng mình là đàn ông*) Bây giờ thế nào đây?

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Còn sao với trăng gì nữa, bắn.

Nguyễn Văn Phân: Nhưng còn tiền thưởng? Bẻ đôi chứ nhỉ?

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Bẻ đôi a? Mơ. Tôi nhìn thấy con hổ trước, tôi hai phần, anh một.

Nguyễn Văn Phân: Ngớ ngẩn. Đàn bà. Thôi thì cứ đòm đi đã hậu xét.

Cô gái dạy thú: (*Choàng tay ôm ghì lấy con hổ xiếc*). Bông ơi, thế là bọn người xấu xa đã quyết định bắn chết em rồi. Hãy chạy đi nào. Chạy đi. Hãy nhớ bài học chị đã dạy cho em... Nhớ chưa. Nhất định chị em mình sẽ gặp nhau.

Cô gái dạy thú ghé sát tai con hổ xiếc và cô gái huýt lên một tiếng, con hổ xiếc gầm lên nghe đến rợn người và phóng chạy, lao qua đầu Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông khiến chúng ngã sấp người. Con hổ xiếc thoát nạn và mất hút.

Nguyễn Văn Phân: Đuổi theo, nhanh lên.

Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông xách súng đuổi theo con hổ xiếc. Thằng bé tóc ba phân và thằng bé mồ côi nửa muốn chạy tới cô gái dạy thú, nửa lại ngần ngại.

Cô gái dạy thú: Các cháu. Chẳng lẽ các cháu lại theo bọn người xấu kia ư? Giúp cô đi.

Thằng bé tóc ba phân: Cô ơi. Để cháu đỡ cô. Cô đừng khóc nữa.

Thằng bé mồ côi: Cô ngã hả cô?Không đau đâu cô ạ... Cháu đây này, ngã đến đầy sẹo cả chân tay mà cháu có khóc đâu.

Cô gái dạy thú: Nhưng tại sao người ta lại cứ cố tình bắn chết con

hổ xiếc? Tại sao? Ai đã ra mệnh lệnh tàn ác đó?

Thằng bé tóc ba phân: Huyện ra lệnh thật đấy cô ạ. Tại bãi đãi vàng này, con hổ xiếc đã về chết 6 người.

Cô gái dạy thú: (*Lết đến bên thi thể lái xe Hải*) Anh Hải ơi. Sao chúng ta gặp hoàn cảnh cay đắng thế này. Một tai nạn, anh chết, con hổ xiếc của em lại đang bị truy đuổi... Tại sao lại thế hả anh?

Ông Trần Ai cán bộ biệt phái của huyện cùng Lê Máu, Tuyết Tuyết, Mộng Xanh, Phán, Nhung tóc trắng chạy đến.

Trần Ai: (*Với cô gái dạy thú*) Kìa. Đồng chí. Đồng chí chính là nữ diễn viên dạy thú. Đúng rồi. Các đồng chí, khẩn trương khiêng đồng chí lái xe về huyện ngay và cho người đưa đồng chí diễn viên đi bệnh viện.

Hai thanh niên khiêng xác Hải lái xe vào.

Cô gái dạy thú: Ai?Ai đã ra lệnh bắn chết con hổ xiếc của chúng tôi? Ai?

Trần Ai: Đồng chí cứ yên tâm về nghỉ ngơi, chữa chạy vết thương. Việc giết con hổ xiếc là chủ trương của huyện, tôi là người chịu trách nhiệm thi hành... Nó đã thành thú dữ, đã giết 6 mạng người. Huyện đã trao giải thưởng cho ai giết được con hổ xiếc. Rất đáng tiếc nhưng vì sinh mệnh của nhân dân chúng ta phải thi hành đồng chí ạ.

Cô gái dạy thú: Hãy tin tôi. Trong rừng đang có một con hổ dữ, chính nó đã giết người. Con hổ xiếc yêu quí của chúng tôi không làm hại ai bao giờ, nó quí con người, nó thích gần gũi với con người, các bác các chú hãy dừng mệnh lệnh giết hổ xiếc lại, dừng ngay lại.

Tuyết Tuyết: (*Với Cô gái dạy thú*) Cô nói đi, màu lông con hổ xiếc như thế nào?

Cô gái dạy thú: Màu đỏ vàng. Mọi người hãy nhớ cho kĩ... Màu lông của con hổ xiếc là đỏ vàng bện với nhau... Còn màu lông con hổ rừng là đen trắng. Mọi người đừng nhầm .

Tuyết Tuyết: (*Cười toe toét*) Ôi trời ơi, số em gặp may rồi... Các bác biết không, lông hổ màu đỏ vàng cả thế giới chỉ còn đúng 5 con, nhất đẳng, bán đắt như tôm tươi.

Mộng Xanh: (*Nhảy bổ đến bên cô gái dạy thú*) Thế con hổ xiếc của cô bao nhiêu tuổi?

Cô gái dạy thú: Nó đã mười bốn tuổi. Em nuôi nó từ ngày nó mới một tuổi. Nó là con hổ rất thông minh và yêu người. Các bác đừng nhầm lẫn. Em coi nó như một thành viên trong gia đình mình, nó tên là Bông... Ai gặp nó, hãy gọi nó là Bông.

Mộng Xanh: (*Đu tay vào cổ Phán reo lên ngây ngất*) Đấy. Chúng ta kiếm món hời rồi. Bộ xương của một con hổ mười bốn tuổi bán ra cả

núi vàng đấy. Ha ha.

Cô gái dạy thú: Cái gì? Các người định biến con hổ xiếc của chúng tôi thành hàng hóa hay sao?

Lê Máu: Cô này nói mãi mà cũng không hiểu. Đồng chí Trần Ai chuyên viên cao cấp của huyện đã giải thích rằng, huyện ra lệnh bắn con hổ xiếc là nhằm diệt đi một mối hiểm họa, giữ yên cuộc sống nhân dân, thế mà cứ lằng nhằng.

Phán: Cô gái. Ngay tôi đây cũng sẵn sàng bỏ thêm 6,5 triệu đồng để góp vào tiền thưởng tiêu diệt hổ xiếc. Lúc này với nhân dân trên địa bàn, con hổ xiếc là kẻ thù duy nhất và nguy hiểm nhất. Chính nó đã ăn thịt người. Chính xác như vậy.

Cô gái dạy thú: Tôi lạy các bác các anh, con hổ rừng mới là con hổ ăn thịt người, tôi đã nhìn thấy nó, còn con hổ xiếc của chúng tôi không bao giờ biết làm điều ác. Đừng bắn nó... Không được bắn nó. Nếu các bác các anh cứ quyết định bắn nó thì bắn tôi đi đã, bắn đi.

Tuyết Tuyết: Lằng nhằng. Sốt ruột bỏ mẹ. Đã hổ là bắn. Bắn tất. Nhất là loại hổ màu lông vàng đỏ bện vào như vậy thì bắn ngay đi chứ để làm gì.

Thằng bé tóc ba phân: (*Hét to*) Con hổ đến kìa.

Mọi người giật bắn người khi nhìn thấy một con hổ - đúng là con hổ xiếc đang lừng lững đi tới. Nó dừng nhìn những con người. Nó đứng thẳng dậy bằng hai chân sau. Rồi nó đứng bằng một chân.Và nó lại nghe tiếng vỗ tay nồng nàn. Và đột nhiên, nó gầm lên một tiếng nghe đến rung chuyển cả trời đất - Tất cả mọi người la hét hoảng loạn. Tiếng Trần Ai: Các tay súng đâu cả rồi? Bắn ngay. Tiếng cô gái dạy thú: Không được bắn. Bông ơi. Chạy đi. Tiếng ai đó: Chạy thôi bà con ơi. Chạy. Con hổ xiếc lao tới với con người. Toàn bộ con người bỏ chạy. Mấy thanh niên kéo cô gái dạy thú đi trong khi cô vẫy vùng la hét: Đừng. Tôi không đi. Tôi cần ở lại với con hổ của tôi. Rồi sân khấu im ắng. Tiếng người cũng vắng. Con hổ xiếc buồn khổ đứng thẳng nhìn hút theo bóng dáng những con người và nó nằm thụp xuống, rên ư hử.

Vào lúc đó, sau một mô đá con hổ rừng xuất hiện, gầm lên một tiếng. Con hổ xiếc vùng dậy, đứng thẳng, căm thù nhìn con hổ rừng và cũng gầm lên một tiếng. Hai con hổ đi vờn quanh nhau. Đột ngột, con hổ rừng lao tới con hổ xiếc. Một trận chiến quyết liệt giữa hai con hổ. Tiếng đá lăn. Tiếng cây gãy. Tiếng gầm rú của hai con hổ. Tiếng quăng quật dữ dội. Cuộc chiến có vẻ như bất phân thắng bại. Rồi con hổ rừng xông vào, quật rất mạnh vào con hổ xiếc. Con hổ xiếc ngã gục xuống. Con hổ rừng gầm lên một tiếng đầy kiêu hãnh vì chiến thắng, nó phóng

đi. Con hổ xiếc cố sức vùng người dậy. Chân nó đi cà nhắc, cà nhắc và rên lên ư hử đến tội nghiệp. Con hổ xiếc ngó quanh ngó quất và nó cố sức vươn cao người kêu lên một tiếng như tiếng khóc nghẹn ngào.

BA

Bãi đai vàng. Những người đãi vàng đang đãi ở suối, số đang đào hầm vào chân núi. Trên ngực ai cũng đeo một cái lọ thủy tinh nhỏ tựa như lọ pênixilin. Vợ chồng Phán đang thu lệ phí. Tuyết Tuyết đang mua bán vàng vụn với một người đàn bà trông bộ dạng tiều tụy, khổ sở.

Tuyết Tuyết: Cái bà này lắm lời quá nhỉ, có một nhúm vàng bé như cứt muỗi mà đòi cho lắm tiền. Đây này, cầm lấy tiền, lằng nhằng con này không mua thì bán cho ma ở đây hả? Cầm lấy.

Người đàn bà: Xin chị thêm một chục ngàn nữa. Cả nhà tôi lên đây bị sốt rét hết, không đủ tiền mua thuốc chị à. Xin chị một chục nữa thôi mà.

Tuyết Tuyết: Này. Tôi không liên can gì đến hoàn cảnh nhà chị nhá. Thôi. Thêm năm ngàn đây này. Đi đi. Rách việc quá. (*Người đàn bà đi. Tuyết Tuyết nhìn ông già đang thu thu giấu giấu*)

Tuyết Tuyết: Ông già kia. Có vàng thì đưa đến bán, sao cứ thậm thà thậm thụt thế hả? Người ta mua bán đàng hoàng chứ ai ăn cắp trấn lột gì mà sợ run lên thế. Lại đây.

Nhung tóc trắng: (*Sà đến bên ông già*) Có vàng thì mang đến bán đi. Hôm nay vàng được giá lắm. Đi đi nào. (*Nhung tóc trắng vừa dìu ông già đến vừa nhanh tay thó cái gì trong túi áo ông già rồi huýt sáo bỏ đi*).

Ông già: (*Rụt rè bước đến Tuyết Tuyết, miệng ông nói lùng bùng tựa như đang ngậm cái gì đó*) Chị ạ. Tôi có đãi được ít vàng, xin chị mua hộ. Tôi cần tiền lắm. Hai cha con lên đây thì một đứa bị hổ vồ, tôi phải kiếm tiền mang xác cháu về quê. Xin chị nới cho ít giá.

Tuyết Tuyết: Đây làm nghề buôn bán nhé. Con ông bị hổ vồ chứ có bị sét đánh thì giá mua của tôi cũng không thay đổi nhá. Đưa cái lọ xem nào... Ái chà. Ông này may gớm nhỉ. Một lọ đầy cơ à. Ghê.

Ông già: Cả thảy được bao nhiêu tiền hả chị?

Tuyết Tuyết: Năm trăm ngàn. Cầm lấy.

Ông già: Không được. Sao rẻ thế?

Tuyết Tuyết: Không bán thì biến.

Ông già: Chị nơi nới giá cho. Tôi còn một lọ đây nữa. (*Thò tay vào túi*) ôi trời ơi, cái lọ vàng trong túi tôi đâu? Đứa nào ăn cắp? Hay cái

con ranh tóc trắng hồi nãy... Trời ơi... Chết tôi rồi.

Tuyết Tuyết: Thấy chưa? Tham thì thâm. Vùng này, bọn ăn cắp cả nước dồn về đây đấy. Cầm lấy tiền. (*Dúi tiền vào tay ông già*)

Ông già: (*Thụp xuống khóc*) Trời tru đất diệt lũ chúng mày. Ông già cả, vón vén được chút vàng vụn bán để mang xác con ông về quê chứ có làm giàu làm có gì mà chúng mày còn ăn cắp hết của ông.

Phán: (*Bước tới, đặt cả bàn chân mang giày lên vai ông già và đẩy mạnh, ông già ngã ngửa*) Ông già. Ông đến đây đãi vàng sao không chịu làm luật?

Ông già: (*Miệng lúng búng*) Tôi. Tôi chưa có đủ tiền. Xin anh. Xin các anh.

Phán: Cái gì ở trong miệng?

Ông già: Không. Không có gì. Tôi bị sưng răng mà.

Phán: (*Hất hàm với thằng đệ tử*) Móc miệng nó ra cho tao. *(Thằng đệ tử xông đến, vật ngửa ông già ra, cho đầu gối lên ngực ông già, dùng hai cánh tay hộ pháp của mình kéo bật miệng ông già và móc từ trong miệng ông ra một cục vàng. Phán bước đến cầm cục vàng, so so trên bàn tay và cười đắc chí.)* Mẹ kiếp. Lại còn biết giấu cục vàng to nhất trong miệng. Khốn kiếp.

Ông già: (*Chắp tay vái lạy*) Xin các anh... Xin các anh.

Đệ tử: (*Giật luôn cọc tiền trong túi ông già*) Còn đây là tiền phạt vì tội trốn luật. Cút. (Đạp ngã ông già. Ông già lết đi, vừa lết vừa khóc)

Những kẻ đang đãi vàng nhìn ông già, số ra vẻ thương cảm, số lại cười hô hố. Đột ngột nghe ầm một tiếng, một hầm đá bị sập chôn sống một thanh niên, chỉ còn lòi cái đầu lên. Trong khi mọi người đang nhốn nháo thì con hổ xiếc bước tới, dựng đứng cả hai chân sau và gầm lên một tiếng. Tất cả mọi người ù té chạy hết. Phán cũng vọt chạy nhưng bị vướng chân ngã, con hổ xiếc bước tới Phán. Phán hét to: Cứu tôi với. Vợ Phán cũng hét to: Cứu chồng tôi với. Nhưng rồi tất cả mọi người đều bỏ chạy, cả vợ Phán cũng bỏ chạy nốt. Chỉ còn lại trên sân khấu con hổ xiếc và Phán và người thanh niên đang bị chôn sống. Con hổ xiếc tiến lại trước mặt Phán lại gầm một tiếng. Phán há hốc mồm, khua chân khua tay.

Phán: (*Run sợ gào khóc*) Đừng. Con lạy ngài. Ngài đừng giết con. Con chưa muốn chết. Tử vi nói con sống ngoài tám mươi tuổi, không phải đoản thọ như thế này. Con lạy ngài.

Gã thanh niên bị sập hầm: (*Chỉ còn ngo ngoe mỗi cái đầu và một cánh tay, gào lên*) Ngài xé nát cái thằng mặt chó khốn nạn đó đi cho con. Vợ chồng hắn gian ác, chuyên sống bằng những đồng tiền mồ hôi

nước mắt của dân đãi vàng chúng con. Lòng tham của vợ chồng hắn không đáy. Xin Ngài hãy thay chúng con trả thù hắn, vụp bàn chân Ngài lên mặt hắn, băm vằm hắn ra cho con.

Phán: (*Cuống quýt nhìn con hổ xiếc đang tiến lại sát mình*) Ôi Ngài... Đừng. Con không muốn chết. Vợ con mà thấy con chết như thế này nó sẽ sống với thằng đàn ông khác ngay tắp lự. Ngài hãy tha thứ cho con một lần. Một lần này thôi. (*Con hổ xiếc gầm lên một tiếng rung chuyển cả núi rừng. Phán vội vã lột ngay sợi dây chuyền rất lớn trong cổ ra dâng lên trước mặt*) Đây. Con biếu Ngài. Ngài thông cảm, ở đây không có phong bì, chứ nếu có, con sẽ cho sợi dây chuyền này vào phong bì và kính chuyển đến Ngài. Tha cho con đi... (*Con hổ xiếc lúc lắc cái đầu và gừ lên*) Đây nữa. Con xin biếu Ngài hết. Ví tiền này... Nhẫn này. Cả cái đồng hồ này nữa. Dạ. Con xin biếu Ngài. Với con người, những thứ tài sản tiền vàng này là vô cùng quí giá... Ngài đừng giết con nữa... Tại đây, con được điều binh khiển tướng cả ngàn con người ở bãi đãi vàng, con cũng chỉ hối lộ cho chính quyền sở tại non nửa số tiền vàng này là đánh gục họ thôi Ngài ạ. Nhưng để cứu mạng sống của mình, con xin biếu Ngài tất cả. Ngài bằng lòng phải không ạ. Ngài cho phép con bắt đầu co chân chạy phải không ạ? (*Con hổ xiếc bước tới sát, đặt một bàn chân lên ngực Phán. Phán buông tay, rã rời. Gã thanh niên bị sập hầm cười hềnh hệch. Con hổ xiếc ngẩng đầu cao lên và nó lại nghe rền vang những tiếng vỗ tay. Đột nhiên, nó quay đầu nhìn sang gã thanh niên và bước về phía gã thanh niên. Phán lăn người co chân chạy bán sống bán chết và mất hút. Con hổ xiếc tiến đến gã thanh niên đang bị sập hầm. Gã thanh n iên hét lên kinh hoàng*).

Gã thanh niên sập hầm: Ôi kìa Ngài. Vô lí lắm Ngài ơi. Sao lại thả thằng khốn nạn đó mà sang đây. Ngài không ăn thịt con thì đằng nào con cũng chết cơ mà. Con đã bị sập hầm, sớm muộn chi con cũng chết cơ mà. Có ai cứu con đâu. Ngài đi đi. Con muốn chết lành lặn chứ không phải chết nát bươm dưới nanh vuốt của Ngài. Ngài đi đi. Đi đi. Hay chính Ngài cũng cảm động trước những món tiền vàng mà thằng đó hối lộ cho Ngài. Trời ơi, chẳng lẽ tiền vàng mua được con người mà còn mua được loại thú dữ như Ngài ư? Thế thì con chịu. Con là kẻ bị sập hầm sắp chết... Tay trắng. Con không có gì để hối lộ cho Ngài hết. Không có gì hết. Đừng. Đừng tiến lại nữa... Hãy để con chết một cách lành lặn. (*Con hổ xiếc dựng đứng chân lên và gầm một tiếng*) Thôi thế này. Ngài vẫn muốn con có một món quà nào đó rồi Ngài mới tha thứ phải không ạ? Thế thì con hát tặng Ngài nhé. Con hát đây. Con hát ngay bây giờ đây này. (*Hát véo von bài này nối bài khác.*)

Con hổ xiếc dừng như lắng nghe. Rồi nó còn vỗ tay. Và nó lại tưởng tượng ra những tiếng vỗ tay rầm rộ ở phía khán giả - Người thanh niên cứ hát,hát một cách bắt buộc, hát tốc hành, còn con hổ xiếc lại đi xung quanh anh ta và có lẽ nó đã hiểu ra một điều gì đó, con hổ xiếc dừng bước. Nó bước tới, dùng hai chân cố sức đào bới đất đá quanh người gã thanh niên và cắn vào cổ áo gã lôi ngược gã lên khỏi hố đất. Gã thanh niên vẫn mếu máo hát và chạy, chạy mất hút, vừa chạy vừa quay lại vái con hổ xiếc.Còn lại một mình, con hổ xiếc tội nghiệp dựng đứng người thẳng lên, ngóng đôi mắt thương nhớ về hướng gã thanh niên vừa bỏ chạy gầm lên một tiếng. Lúc này, con hổ xiếc không hề biết có hai nòng súng đang rê theo nó. Một đầu người nhô lên sau tảng đá, đó là Nguyễn Văn Phân. Một đầu người nữa lại nhô lên sau một mỏm đá. Đó là Người đàn bà tưởng mình là đàn ông.

Cũng lúc đó thằng bé tóc ba phân và thằng bé mồ côi dìu cô gái dạy thú đi ra.

Cô gái dạy thú: (*Đã nhìn thấy con hổ xiếc*) Ôi Bông, em đây rồi, chị em mình đã gặp nhau đây rồi. Lại đây với chị đi em.

Thằng bé mồ côi: (*Hét lên*) Đừng. Họ đang bắn đấy.

Cô gái dạy thú: Bông. Chạy đi. Huýt. Huýt.

(*Nghe tín hiệu của cô gái, con hổ xiếc lao thẳng. Mấy tiếng súng nổ. Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông lao theo con hổ. Cô gái dạy thú sụp người xuống*) Trời ơi. Đừng. Đừng giết con hổ xiếc yêu quí của tôi. Đừng.

Phán: (*Lao ra*) Mẹ kiếp, lại bắn trượt hả? (*Với cô gái dạy thú*) Sao thế? Tiên sư chúng mày. Còn thương xót gì con thú dữ khốn kiếp đó hả. Hồi nãy, tao mà không hối lộ cho nó, nó đã băm vằm tao ra cả trăm mảnh rồi hiểu chưa? (*Với hai đứa bé*) Tao đã bảo chúng mày không được đưa cô ta vào rừng cơ mà.

Thằng bé tóc ba phân: (*Với Phán*) Chú ơi, chúng ta nhầm thật rồi... Con hổ xiếc không phải là thú dữ. Hồi nãy, chính anh thanh niên sập hầm đã được con hổ xiếc cứu thoát.

Phán: Câm mồm đi. (*Nhìn thấy Nguyễn Văn Phân đi tới*) Này, vừa rồi ai đòm?

Nguyễn Văn Phân: (*Hậm hực nhìn cô gái dạy thú*) Hễ lần nào nâng súng lên lại có mặt con chó này. Nó cứ toét miệng ra hét thì đòm trúng thế nào được. Cút mẹ mày đi.

Vừa lúc, con hổ rừng đang kéo xác một người ra. Mọi người hét lên. Phán chạy. Hai đứa trẻ kéo cô gái dạy thú chạy. Nguyễn Văn Phân cũng chạy. Con hổ xiếc xuất hiện và lao tới con hổ rừng. Con hổ xiếc

đánh vỗ mặt con hổ rừng. Con hổ rừng hoảng loạn bỏ chạy. Con hổ xiếc bước đến, nâng xác người lên và quay một vòng. Nó lại nghe rền vang tiếng vỗ tay của khán giả. Con hổ xiếc rú lên một tiếng kêu cô đơn giữa núi rừng.

BỐN

Đêm.Tại cái lán của vợ chồng Phán. Đống lửa cháy bập bùng. Vợ chồng Phán đang nói chuyện với Lê Máu, chủ tịch xã.

Mộng Xanh: (*Với Lê Máu*) Bác cứ đùa bọn em (*Đưa ra tờ giấy*) Bác làm rơi cái giấy này nên em mới biết nhá. Khiếp. Hóa ra tiền thưởng của huyện cho người bắn chết con hổ xiếc cao vòi vọi như vậy mà các bác lại tuyên bố là... (*Cười toe toét*).

Lê Máu: (*Cười cười*) Cô này khôn cứ như con chuột ngày ấy nhỉ? Đúng là không có gì qua mặt được đàn bà các cô. Đúng là tiền thưởng của huyện cho người bắn được con hổ xiếc là 40 triệu, chúng tôi có để lại một nửa gọi là.

Mộng Xanh: Các bác quá đáng thật ấy. Tiền thưởng rõ ràng minh bạch như vậy mà các bác ăn bớt những một nửa là hai chục triệu. Làm lãnh đạo như các bác thích thật. Làm lãnh đạo có nhiều quyền quá, cả quyền ăn bớt của dân phải không ạ?

Lê Máu: Đừng nói lãnh đạo chúng tôi ăn bớt của dân là mất quan điểm. Khoản tiền ấy gọi là vận dụng. Cứ như khi triển khai dự án nào tại địa phương chúng tôi cũng phải trích ra một khoản kinh phí gọi là vận dụng chi phí vào tiếp khách, quà cáp, giao dịch, cám ơn cấp trên... Khoản vận dụng ấy mà.

Mộng Xanh: Vâng. Thì vận dụng. Nhưng tiền huyện thưởng cho dân bọn em bắn hổ được bốn chục triệu, các bác vận dụng đứt một nửa là hai chục triệu, có vẻ trần văn nhiều đấy bác nhẩy?

Lê Máu: Lại thắc mắc rồi. Thế nếu không có chúng tôi họp hành ra chủ trương thưởng thì tiền thưởng lấy đâu ra nào? Rồi đến khi có chủ trương thưởng, nếu không có chúng tôi triển khai chiến dịch thì làm sao tổ chức được nhóm người đi săn hổ nào? Tiền vận dụng này cho nhiều người chứ đâu phải riêng tôi.

Phán: Em nhiệt liệt ủng hộ chủ trương vận dụng ăn bớt lại tiền thưởng của các bác. Thế dưng mà em cũng nhiệt liệt đề nghị bác phải làm sao tống cổ con diễn viên dạy thú ấy về huyện, nếu cứ có mặt nó lởn vởn ở đây, thì đến tết mới bắn được hổ. Mà chưa bắn được hổ thì tiền thưởng vận dụng của các bác vẫn chưa được thanh lí hợp đồng có phải vậy không ạ?

Mộng Xanh: Bác thấy đấy. Đã mấy lần anh em săn hổ chuẩn bị bắn chết tươi con hổ xiếc thì lại gặp con ranh con diễn viên ấy. Không hiểu nó có bùa phép gì mà nó chỉ huýt một tiếng, con hổ xiếc lại chạy mất tăm tích. Tình hình cứ thế này đến khi nào chúng ta đòm được con hổ đây. Điên quá. Mà bác ạ, tự dưng em lại nghĩ, con hổ xiếc nó sợ, nó chạy bố sang khu rừng thuộc địa phương khác quản lí thì bác hết quyền lãnh đạo bắn hổ, đã hết quyền lãnh đạo bắn hổ thì cũng hết quyền vận dụng tiền thưởng. Tình hình đang trở nên nguy hiểm thế đấy bác ạ.

Phán: Hay. Vợ em hôm nay tự dưng lại thông minh đột xuất thế nhỉ, không bù cho ngày thường.

Mộng Xanh: Cho nên theo em, nếu đuổi cô diễn viên ấy khó quá thì bác cứ gọi tay bác sĩ thú y của xã ấy tiêm cho cô ta một mũi thuốc gây mê gì đó cho cô ta ngủ li bì. Khi cô ta tỉnh lại, thì ta lại tiêm một nhát thuốc ngủ nữa. Nếu tỉnh lại thì tiếp tục tiêm một nhát nữa cho đến khi đòm được con hổ xiếc thì thôi.

Lê Máu: Cô chú cạn nghĩ lắm. Bây giờ thế này. Tôi quyết định cho cô diễn viên ấy vào rừng tìm con hổ xiếc.

Mộng Xanh: Ôi giời ơi. Thế hóa ra bác đang bàn lùi đấy à?

Lê Máu: Lùi là lùi thế nào? Tiến đấy chứ. Này nhé. Chỉ có cô diễn viên ấy mới có thể gọi con hổ xiếc ấy đến cùng mình được. Khi đó ta bố trí các tay súng bám theo cô diễn viên. Trong khi con hổ xiếc ấy bước lại bên cô diễn viên, các tay súng thân yêu của chúng ta chỉ cần đưa súng lên mà đòm, đơn giản, quá đơn giản đúng không? Nếu không làm vậy thì đến ngày nào mới bắn được con hổ xiếc. Mà nếu không bắn gấp, con hổ xiếc dạt sang rừng của địa phương khác thì tôi chẳng còn quyền hành gì nữa, hết luôn nguồn vận dụng, thế thì bao nhiêu tiền chi ra đón tiếp cán bộ biệt phái của huyện về nằm vùng tại địa phương, lại còn ăn uống hút xách, lại còn mật ong, mật gấu, lại còn ăn chơi nhảy múa thanh toán thế nào?

Vợ chồng Phán-Mộng Xanh vỗ tay tán thưởng. Người đàn ông Khát Vọng lừ lừ đi tới, trên tay vẫn là cuốn sách dày cộp.

Người đàn ông Khát Vọng: Các ngươi không ăn ngon ngủ yên được cũng chỉ vì bị vướng chân tay vào những toan tính đồng tiền. Trang 3465 dòng 12 trên xuống đã than vãn: Con người đang sa lầy vào một tấn bi kịch khủng khiếp. Tự con người tạo ra đồng tiền và cũng chính con người bị ngay những đồng tiền làm cho quay quắt, khô héo. Phải nhanh chóng gạt bỏ ngay trong ý thức con người sự bận bịu với những đồng tiền. Trước khi con người bước đến tương lai, hãy biết trở lại thời tiền sử, khi mà những con người tổ tiên chỉ cần săn bắn và hái lượm,

sống cùng bầy đàn, không ghen ghét đố kị, không tự cao tự đại, không níu chân níu tay, không mơ tưởng quyền cao chức trọng, chỉ có những bầy đàn thân ái giữa những bầy đàn và thiên nhiên, và cây cỏ, và khí trời trong vắt. Hãy trở lại thời tiền sử trước khi bước tiếp đến tương lai. Ôi. Tôi mơ ước hoàn thành công trình nghiên cứu của mình, một công trình thế kỉ của nhân loại, tôi mơ ước chuyển những đồng tiền thành những nụ hôn để con người khi đến với nhau không phải tay trao tay, không phải nhìn vào túi áo nhau mà trao nhau chính những nụ hôn tinh khôi, nụ hôn long lanh như những giọt sương.

Mộng Xanh: (*Dài miệng nói theo*) Vâng ạ. Em nghe như nuốt lấy từng lời vàng ngọc của anh đấy... Hay lắm... Sâu sắc lắm. Nhưng chả hiểu cái cóc khô gì cả.

Phán: Thắc mắc làm gì. Bỗng dưng trên thế giới lại có người như anh ta luôn lẩm nhẩm những điều trong sách vở mà không màng gì đến tiền nong cũng lạ đấy chứ.

Lê Máu: Thằng cha này như ma nhỉ? (*Đột ngột Lê Máu té ngửa hét*) Ôi trời ơi, kìa.

Con hổ xiếc ở đâu xuất hiện, đứng trước mặt người đàn ông Khát Vọng. Người đàn ông Khát Vọng dừng, rời mắt khỏi cuốn sách và nhìn con hổ xiếc. Cả hai đau đáu nhìn nhau. Thậm chí con hổ xiếc còn dựng đứng hai chân lên, rên ư hử và nhìn Người đàn ông Khát Vọng. Lê Máu, Phán và Mộng Xanh sợ hãi co cụm lại với nhau. Lê Máu: Chạy. Chết cả lũ bây giờ. Phán: Thằng Khát Vọng đã đến giờ chết. Tôi muốn chứng kiến cảnh con hổ xiếc xé xác thằng Khát Vọng như thế nào. Mộng Xanh: Trời ơi, ở đâu ra cái thằng ngu như thế. Sao không bỏ chạy? Sao cứ đứng trơ mắt ra mà nhìn. Đằng kia, người đàn ông Khát Vọng vẫn đứng nhìn con hổ xiếc và lại còn giở sách ra đọc sang sảng: Trang 3079, dòng 12 trên xuống viết rằng: Con người ta đều bắt đầu từ nguồn gốc loài vật. Muôn đời tổ tiên con người và loài vật là thân thiết. Chỉ có những kẻ ác mới bị loài thú dữ căm thù. Chỉ có hành động tham lam gian ác của con người mới khiến thiên nhiên thù hận. Con người thánh thiện, con người trong veo lúc nào và bao giờ cũng là nơi tìm đến của các loài thú. Con hổ xiếc đu một chân lên cổ người đàn ông Khát Vọng và đè ngửa anh ta nằm xuống đất một cách nhẹ nhàng. Rồi con hổ xiếc ôm ghì lấy người đàn ông Khát Vọng. Cả hai vờn nhau, âu yếm. Đằng kia, Mộng Xanh, Phán và Lê Máu há hốc mồm ra nhìn. Con hổ xiếc đặt cả hai chân trước lên người đàn ông Khát Vọng, ngẩng cao đầu. Và nó lại nghe rền vang những tiếng vỗ tay vang dội. Rồi con hổ xiếc quay người bước đi khuất. Người đàn ông Khát Vọng ngồi dậy, tay vẫn cầm

cuốn sách,đ au đáu nhìn theo con hổ xiếc.

Phán: Thằng này nhờ cuốn sách mà thoát chết. Có thể cuốn sách kia có phép thuật gì đó.

Lê Máu: Có thể con hổ xiếc lại tưởng nhầm cuốn sách là một tảng thịt.

Mộng Xanh: (*Cười toe toét*) Hóa ra lâu nay em vẫn tưởng mình nuôi báo cô cái anh chàng mọt sách nào hay linh thiêng dữ. Nhiều chữ cũng hay nhỉ? Hay là con hổ xiếc nó chê thằng nhiều chữ, nó không thèm xơi?

Lê Máu: Phải tận dụng cuốn sách của thằng này họa may nhử được con hổ, thậm chí có thể bắt sống nó.

Mộng Xanh: Giời ạ. Bắt sống được con hổ thì cứ phải hốt cả trăm triệu.

Phán: (*Bước lại bên Người đàn ông Khát Vọng*) Này. Hồi nãy anh và con hổ xiếc nói chuyện với nhau đấy à?

Người đàn ông Khát Vọng: (*Vẫn như bị hút hồn vào những trang sách, sang sảng đọc*) Một nhà hiền triết vĩ đại không có kẻ thù. Với nhà hiền triết, kẻ thù chính là sự bất lực của trí tuệ, của sự lười biếng và tính tự cao tự đại. Tâm hồn nhà hiền triết cao cả. Khi đã có một tâm hồn cao cả như vậy thì nhà hiền triết có thể sống cùng năm tháng, sống cùng trái đất, sống hòa đồng cùng thiên nhiên.

Phán: Vâng. Tôi công nhận rồi. Cả loài người đều công nhận ông anh là nhà hiền triết vĩ đại rồi. Công nhận thật sự. Có thế thì vừa rồi ông anh mới không bị con hổ xiếc nó xé xác ra trăm mảnh. Bây giờ tôi lại muốn làm nhà hiền triết vài ngày. Xin anh cho mượn cuốn sách này được không. Anh có thể về lán của tôi tự do nghỉ ngơi..

Người đàn ông Khát Vọng: Tốt thôi.

Người đàn ông Khát Vọng trao cuốn sách cho Phán. Trước khi trao, Người đàn ông Khát Vọng hôn đánh chụt vào cuốn sách. Phán cầm cuốn sách, nhìn theo người đàn ông Khát Vọng đang đi khuất dần và lại cúi xuống hôn đánh chụt vào cuốn sách. Mộng Xanh le te chạy đến cũng cúi rạp hôn đánh chụt vào cuốn sách.

Mộng Xanh: Ôi dào, hóa ra chữ thơm nhẩy... Chữ này làm ra tiền tấn đây. Cho chị hôn em cái nữa nào (*Hôn vào cuốn sách*). Chị xương em nắm sách ạ... xương nắm, xương nắm, xương chữ của chị nắm í. Cố nên em nhé... Cố mà bắt sống con hổ xiếc để chị kiếm tiền tấn em nhé... Chút chút chút. Xương xương xương.

Con hổ rừng từ trên cao lao xuống gầm lên một tiếng. Phán, Mộng Xanh và Lê Máu xô giạt vào nhau run lẩy bẩy.

Mộng Xanh: (*Đẩy Lê Máu ra*) Bác đái cả ra chân em rồi.

Lê Máu: Chết đến nơi rồi, đái điếc gì. Xem kìa. Bây giờ mà vọt chạy thì nó lao vụt tới là bỏ mẹ đấy.

Phán: (*Tự tin nâng cuốn sách lên*) Dùng chữ trị thú dữ. Có cuốn sách đây còn sợ gì. Nhớ nhé. Khi con hổ và tôi bắt đầu thân thiết ôm lấy nhau như anh em ruột thì bác nhớ dùng dây rừng trói bốn chân của nó lại nghe chưa. Thời cơ đến rồi đấy.

Lê Máu: (*Vừa thậm thụt dưới váy của Mộng Xanh vừa hổn hển nói như người thụt lưỡi*) Này. Sao tôi phải trói con hổ? Tôi là lãnh đạo, tôi chỉ ra chủ trương thôi chứ. Cô này này... Ra trói con hổ chứ ai vào đó nữa.

Mộng Xanh: Được. Càng tốt. Vợ chồng tôi bắt sống con hổ, bán đứt, bác nhát gan vậy thì cấm có vận dụng lại đồng bạc nào đấy nhé. Anh Phán, tiến lên đi.

Phán cầm cuốn sách tiến đến trước mặt con hổ rừng. Cũng làm như một nhà hiền triết, Phán nâng cuốn sách dày cộp lên, giở cái roạt và đọc sang sảng nhưng nếu tinh ý vẫn nhận ra tiếng Phán run run vì sợ: Hổ ơi, hãy nghe cho rõ đây, tại trang 2467, dòng, xem nào, một, hai, ba, dòng 7 trên xuống viết như thế này nhé: Với một nhà hiền triết, chữ nghĩa là thứ vũ khí vô cùng mạnh mẽ, chữ có thể biến ta thành sức mạnh mà thiên nhiên cũng phải bó tay khuất phục. Chữ là gạch xây nên những tường thành vững chắc chống lại bất cứ kẻ thù nào.

Con hổ rừng hằm hằm nhìn Phán đang vừa đi tới vừa đọc. Đột ngột nó gầm lên một tiếng và lao ngay tới, bập một chân trước vào bả vai của Phán. Phán hét lên và vọt chạy. Mộng Xanh và Lê Máu cũng vọt chạy. Con hổ rừng gầm lên một tiếng nữa và lao theo những bóng người.

NĂM

Giữa một khu rừng. Hai cái cũi gỗ lớn, cao, đặt giữa rừng bên bờ vực. Trong mỗi cái cũi là Nguyễn Văn Phân và người đàn bà tưởng mình là đàn ông, tay họ lăm lăm súng. Quanh cũi, treo những cái đùi lợn và những tảng thịt lợn đỏ tươi. Nguyễn Văn Phân đang ngủ gà ngủ gật.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Với Phân*) Này. Ngủ gật cho lắm vào, đến khi con hổ xuất hiện, đây đòm trước là hốt tiền thưởng trước đấy.

Nguyễn Văn Phân: Khốn nạn thật. Bỗng dưng nhốt mình trong cũi thế này để săn hổ, nhục như con chó.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Không nhốt thế này đến

khi nào mới gặp được hổ. Mà có gặp hổ thì đã chắc gì bắn được? Cứ ngồi trong cái cũi gỗ chắc chắn, hổ đến xơi những đùi lợn tươi rói này, mình ngồi trong cũi đưa súng lên đòm, chắc ăn một trăm phần trăm.

Nguyễn Văn Phân: Điên đến chết đi được. Sung sướng không muốn, lại nhốt mình vào cũi, ăn uống tại chỗ, cái gì cũng tại chỗ, khác gì hai con lợn, thế mà cô cứ toen toét ra cười.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Cứ phải công nhận là sáng kiến đi. Ta nhốt mình trong cũi, quanh ta treo đầy thịt lợn tươi, ông nội con hổ xiếc cũng thèm rỏ dãi, thế nào chẳng mò đến. Lúc đó tôi đòm, anh đòm, giải thưởng bẻ đôi.

Nguyễn Văn Phân: Đừng nhắc đến giải thưởng nữa mà khùng. Mẹ kiếp. Hóa ra các cha huyện, cha xã cứa đứt mẹ nó một nửa tiền thưởng là hai chục triệu. Khốn nạn thật. Đã vậy còn lôi nhau vào đây, nhốt người trong cái cũi gỗ chó chết này, căng mắt ra mà đợi, trong khi đó, các ông ấy thì nằm nhà, vui chơi nhảy múa và chờ chúng ta đòm là bắt đầu cứa đứt một nửa tiền.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Này. Thế ai đã nghĩ ra sáng kiến này hả? Ai đề nghị nhốt mình trong cái cũi này để săn hổ hả?

Nguyễn Văn Phân: Thì tôi đề nghị sáng kiến nhưng cô cũng phải biết đề xuất chứ? Chúng nó có làm cũi thì cũng làm một vừa hai phải, đóng cái cũi to tổ bố, chắc như cái chuồng bò thế này thì thoát ra đằng nào? Đây này. Bây giờ tôi muốn về lắm rồi cũng không chui ra mà về được. Đau bụng bỏ mẹ cũng chịu nhịn. Chẳng nhẽ lại tương bừa nó ra tại chỗ à? Như thằng tù. Nhục.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Nói năng cái gì thế hả? Nếu mà không đóng cái cũi cho chắc chắn,c on hổ nó xé nát cũi ra để nó nhai nát mặt chúng mình đi à. Cứ càm ràm như đàn bà.

Nguyễn Văn Phân: Mắc lừa chúng nó rồi.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Ai lừa ai?

Nguyễn Văn Phân: Chúng nó lừa ta vào cũi, đến khi ta đòm được con hổ thì chúng nó nhào ra lăn tôi và cô xuống vực chết ngủm củ tỏi, sau đó chia nhau tiền thưởng chứ gì nữa. Ngu mẹ nó rồi. Ai đời lại nghĩ ra cách nhốt mình trong cũi để săn hổ thế này. Ngu mẹ nó rồi.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Anh là người đề xuất chuyện đóng cũi săn hổ nhá, anh là cái thằng ngu nhá, quá ngu, bây giờ thì ngay cả việc chúng nó bỏ đói thôi thì tôi và anh cũng đã chết héo rồi. Mà sao tôi lại theo anh nhốt mình trong cũi thế này nhỉ? Đời này bao nhiêu kẻ thông minh tài giỏi mình không theo lại theo cái thằng ngu lâu là anh nhỉ?

Nguyễn Văn Phân: Phải. Tôi công nhận là tôi ngu, nhưng chỉ là ngu đột xuất, đến khi săn được con hổ, nhận tiền thưởng, khi ấy thì cô cứng lưỡi nhá. Nói thế thỏa mãn chưa? Đúng là đàn bà. Hễ thắng lợi thì reo réo ca ngợi, hễ khó khăn là miệng cứ xoen xoét rên rỉ.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Tôi là đàn ông xịn, anh mới là loại đàn bà đốn mạt. Tôi khẳng định thế đấy, anh làm gì tôi nào?

Nguyễn Văn Phân: Làm gì à? Tôi mà không bị nhốt trong cũi thế này tôi lột truồng cô ra cho bàn dân thiên hạ tự thấy cô là đàn ông hay đàn bà. Khi nào cũng leo lẻo tôi là đàn ông đến khi phỉnh bụng chửa ra mới bạc cả mặt. Vớ vỉn.

Thằng bé mồ côi, thằng bé tóc ba phân và Nhung tóc trắng mang cơm nước đến.

Nhung tóc trắng: Hùa chặc chặc. Hùa chặc chặc.

Nguyễn Văn Phân: (*Hét*) Con ranh, câm mồm đi. Mày làm cứ như bọn tao là lũ chó bị nhốt trong cũi không bằng. Chặc chặc... Hu hu mả mẹ mày.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Chúng nó là đàn bà, chấp làm gì.

Thằng bé mồ côi: (*Với thằng bé tóc ba phân*) Này. Người lớn kể cũng lạ, chỉ vì mấy đồng tiền thưởng mà sẵn sàng biến mình thành lợn đực, lợn cái nhỉ?

Nguyễn Văn Phân: Tiên sư chúng mày, tao mà ra khỏi cũi, tất cả ba chúng mày vỡ mặt.

Nhung tóc trắng: Lại còn dọa. Đã nhốt mình trong cũi thế kia lại còn to miệng dọa đánh người ta. Này. Nghe người ta chửi đây này. (*Gào lên chửi*) Hu ba hồn bảy vía thằng Nguyễn Văn Phân khốn nạn, tham lam đã sánh duyên với con đàn bà dở hơi kia khi nào cũng tí ta tí tởn, xí xa xí xớn ngỡ mình là đàn ông. Rồi đến khi có chửa sĩnh bụng lên thì đẻ ra thằng Nguyễn Văn Phân con con nhá.

Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông lồng lộn trong cũi vì tức giận nhưng không làm gì được Nhung. Cả hai ngồi thụp xuống thở.

Thằng bé tóc ba phân: (*Đưa cặp lồng cơm đến đặt cách cũi một quãng*) Nào. Mời sư phụ xơi cơm.

Nguyễn Văn Phân: (*Toác miệng cười*) Hay lắm. Biết điều đấy. Đói hoa cả mắt. (*Cố thò tay ra khỏi cũi để lấy cặp lồng cơm nhưng cố mãi mà lấy cũng không được. Hai thằng bé và Nhung ôm nhau cười*)

Nguyễn Văn Phân: Chúng mày lại chơi xỏ ông hả. Hừ. Không dùng tay được thì ông dùng chân nhá. Tiên sư chúng mày. (*Dùng chân*

cố sức khều cơm đến ăn nhưng cũng không khều được. Nguyễn Văn Phân hì hục khiêng cả cũi nhích đến từng tí một.)

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Cố mà nuốt đi. Ăn miếng cơm thú không dễ đâu.

Nhung tóc trắng và hai thằng bé cười và bỏ đi.

Nguyễn Văn Phân: Nhục như chó. Mẹ kiếp.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Đứng phắt dậy*) Có gì nhục. Làm thằng đàn ông phải như vậy. Có chửi cũng không chịu nhục. Này... Đứng thẳng lên. Phá tan cái không khí ảm đạm này đi... Hát đi... Hát thật to vào. Khí thế vào, hoành tráng vào. Không cho chúng nó thoát. Không cho chúng nó thoát. Chúng bay vào là không có đường ra.

Khi mà Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông đang đứng dạng chân, tay ôm súng, gào thét hát một cách điên cuồng thì sau lưng hai người, một con hổ rừng xuất hiện và nó lao xuống, quật mạnh cả thân thể nó vào hai cái cũi đến nỗi hai cái cũi lăn nhào, vo tròn hai người lại. Mặc cho Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông gào thét thê thảm, con hổ rừng gầm thét, quật mạnh vào cái cũi, trong chốc lát, hai cái cũi tan nát, người chạy đằng người, súng văng luôn xuống vực, con hổ rừng gầm lên một tiếng và bỏ đi. Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông bổ nhào lên nhau nằm thở, sợ đến run rẩy. Cả hai lồm cồm ngồi dậy, đầu tóc rối bời, quần áo rách tả tơi trông như hai kẻ ăn mày.

Lê Máu, Phán, Mộng Xanh chạy ra.

Lê Máu: (*Xông tới túm lấy cổ áo Nguyễn Văn Phân dựng ngược lên*) Thằng này. Con kia nữa. Chúng mày đồ ăn hại. Đồ hèn. Đã nhốt mình trong cũi mà khi con hổ đến cũng sợ vãi đái ra không bắn được một phát nào. Thế mà cũng tự xưng là xạ thủ số 1.

Mộng Xanh: Vợ chồng tao tiêu tốn cho chúng mày nào cơm bưng nước rót và cả con lợn thịt 50 phẩy 25 ki lô gam để nhử hổ ai ngờ chúng mày ra đây lại rửng mỡ lên với nhau, không bắn được hổ là sao hả? Đồ ăn hại.

Nguyễn Văn Phân: Tôi là tôi khẳng định cho các người biết nhá. Chẳng qua là con hổ nó tấn công bất ngờ nhá. Còn các người, các người phét lác nữa đi, kia kìa, nó vẫn đang ở trong rừng kia kìa, các người có giỏi thì vác súng vào mà bắn. Tôi là tôi đếch cần bắn hổ nữa nhá.

Phán: Súng đâu hả? Súng đâu nữa mà bắn hả? Thằng chó? Súng vứt mẹ nó xuống vực rồi có phải không?

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: (*Bất ngờ hét*) Nó đến kìa. Con hổ đến kìa.

Nghe tiếng hét của Người đàn bà tưởng mình là đàn ông, cả bọn xô giạt lại với nhau. Thảm hại nhất là Lê Máu ngồi bẹt dưới váy của Mộng Xanh. Đằng kia con hổ xiếc đang tiến đến, miệng nó ngậm hai khẩu súng. Rồi con hổ xiếc dừng. Nó dùng chân trước ngoắc vào cò súng bóp cò. Những tiếng nổ dội vang. Cả bọn nhúm lại khiếp sợ. Lê Máu ôm ghì lấy hai chân của Mộng Xanh. Con hổ xiếc dừng bắn, thả súng xuống, dựng đứng hai chân lên gầm một tiếng và nó đưa hai chân trước lên vỗ tay theo tiếng vỗ tay rầm rộ của khán giả mà nó vừa tưởng tượng như đã hoàn thành một tiết mục xiếc xuất sắc. Rồi nó bỏ đi. Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông nhào đến cầm lấy súng lao theo con hổ xiếc.

Dưới váy Mộng Xanh, Lê Máu thò đầu ra hét: Bà con chú ý... Xung phong... Xung phong...

SÁU

Đêm. Giữa rừng. Lán của Người đàn ông khát vọng. Như muôn ngày, muôn đêm, người đàn ông khát vọng vẫn cắm cúi đọc những cuốn sách dày quá cỡ. Mộng Xanh trong bộ váy ngủ khêu gợi, bóng cô loang loáng qua ánh lửa trông càng khêu gợi. Mộng Xanh bước đến bên người đàn ông Khát Vọng, quì xuống trước mặt anh, đắm đuối nhìn anh.

Mộng Xanh: Anh ạ. Đừng nhìn vào sách nữa, nhìn vào em đây này. Tại sao khi nào anh cũng cắm mặt vào những trang sách ngớ ngẩn ấy làm gì.

Người đàn ông Khát Vọng: Còn điều gì thánh thiện hơn bằng những trang sách. Trang 7890 dòng hai mươi tám đã viết rằng: Con người tạo ra những trang sách. Những trang sách vun dày tinh thần và trí lực của con người. Mỗi trang sách là một bậc thang, ngàn trang sách là ngàn bậc thang để cho cái trí, cái đức, cái dũng của ta ngày một đi lên cao hơn cái ta đang có, cao hơn ta, cao hơn dục vọng, cao hơn miếng cơm manh áo hằng ngày. Hãy đắp đầy thân xác ta bằng những con chữ chứa muốn vàn tri thức, đừng để thân xác ta lún sâu vào tiền bạc, vào dục vọng. Ôi. Tôi thèm khát được nhanh chóng hoàn thành Khát Vọng cao cả của mình nhằm biến con người tham lam và đáng thương thành những ngôi sao sáng trong giữa muôn trùng vũ trụ. Ôi. Ta yêu quí nhường nào khát vọng của chính ta.

Mộng Xanh: (*Gạt nhanh cuốn sách, cầm tay Người đàn ông Khát Vọng, ve vuốt, hôn hít đầy thèm khát*) Nhưng anh ơi, em cần anh trong đêm nay, em thích anh ngay trong đêm nay, hãy nhìn em đi nào, hãy gạt

bỏ đi Khát Vọng sách vở, hãy trở lại với thực tế là em đây này. Anh.

Người đàn ông Khát Vọng: Hình như tôi đang nghe những lời rủ rê, những lời đường mật của chính lũ quỉ dữ đang đến bên tôi để cám dỗ, để lung lạc, để dè bỉu chữ nghĩa và những trang sách. Không. Sách đã răn dạy ta rằng, chỉ có giấc ngủ bình yên có thể giúp ta chống lại mọi cám dỗ của con người.

Người đàn ông Khát Vọng xoài người nằm xuống. Mộng Xanh cũng xoài người nằm xuống bên cạnh. Người đàn ông Khát Vọng đứng dậy, ôm cuốn sách bước đi. Và con hổ xiếc cũng đang trườn vào và nằm xuống bên cạnh. Mộng Xanh choàng tay ôm lấy con hổ và giật mình ngồi dậy khi phát hiện thấy con hổ xiếc. Cô ta run sợ đến rúm ró cả người. Người đàn ông đang bước. Mộng Xanh định lao theo thì Phán hầm hầm bước vào.

Phán: (*Tức giận chỉ tay vào mặt Mộng Xanh*) Con đĩ. Mày bạc tình với tao hả. Đang đêm mày mò sang với thằng Khát Vọng hả? Tao giết.

Mộng Xanh hoảng hốt lùi và chỉ tay về con hổ xiếc, miệng ngọng lại không nói được câu nào. Con hổ xiếc vùng dậy gầm lên một tiếng. Phán ngã ngửa người dưới chân Mộng Xanh. Hai người ôm ghì lấy nhau sợ hãi.

Phán: Chạy. Chạy đi chứ. Chết.

Mộng Xanh: Hãy tha thứ cho em, anh.

Phán: (*Vẫn lấm lét nhìn con hổ xiếc*) Chuyện ngoại tình của cô lúc này còn ý nghĩa gì nữa. Chết đến nơi rồi. Chạy đi. Cố mà thoát thân. Phải làm cách nào thoát được nanh vuốt con hổ đây này.

Mộng Xanh: Không. Em không muốn sống. Em muốn chết anh ạ.

Phán: Ngu thế. Sao lại chết dưới nanh vuốt của con hổ. Phải sống. Phải thoát khỏi nanh vuốt của nó.

Mộng Xanh: Em sợ nếu chúng ta sống, thể nào anh cũng băm vằm em ra vì tội ngoại tình.

Phán: Phải lắm. Tôi mà thoát được, tôi sẽ cào nát mặt cô ra... Con đĩ.

Con hổ xiếc đột ngột gầm lên khi nhìn thấy con hổ rừng. Cả hai con gầm lên. Một tiếng súng nổ. Hai con hổ vùng chạy nhưng Mộng Xanh lại ngã vật ra. Nguyễn Văn Phân lao tới, tay xách súng. Phán bế xốc Mộng Xanh lên, trợn mắt nhìn Nguyễn Văn Phân.

Phán: Chính mày đã bắn vợ tao?

Nguyễn Văn Phân: Không. Không phải là vậy. Tôi bắn con hổ nhưng mà...

Phán: (*Đặt vợ nằm trên tảng đá, bước đến, giật khẩu súng trên tay*

Phán rồi chĩa vào mặt anh ta) Máu phải trả bằng máu. Đứng im đấy. (*Phán nổ một phát súng dưới chân Phân. Phân nhảy cẫng lên. Phán lại bóp cò. Phân lại nhảy cẫng lên*).

Nguyễn Văn Phân: Cho... cho tôi có ý kiến. Tôi xin nói để anh hay... Tôi nhỡ tay bắn vào vợ anh, anh xử tôi thế nào tùy. Nhưng nếu anh bắn chết tôi thì lấy ai bắn con hổ? Nếu anh tha cho tôi, tôi thề là tôi sẽ nhường toàn bộ tiền thưởng bắn hổ cho vợ chồng anh. Tôi thề.

Phán: Cho mày nhắc lại lời thề đi.

Nguyễn Văn Phân: Tôi thề là, nếu anh tha mạng cho tôi thì tôi sẽ nhường lại toàn bộ số tiền thưởng tôi bắn hổ cho anh.

Mộng Xanh: (*Đột nhiên chống tay ngồi dậy*) Được đấy... Nhận lời đi anh, mấy chục triệu tiền thưởng to lắm... (*Và lại ngã vật xuống ngất xỉu*).

Phán: (*Trao súng cho Phân*) Quân tử nhất ngôn. Cầm súng và đi đi... (*Phân đi. Phán vỗ vào mông vợ rất mạnh.*) Dậy. Bị trượt tí da có làm sao mà còn giả vờ chết hả. Về. Con đĩ. Mày sẽ biết tay ông.

Phán đẩy Mộng Xanh đi khuất.

Cô gái dạy thú và hai thằng bé xuất hiện.

Cô gái dạy thú: Khoan đã các cháu. Rõ ràng chúng ta nghe rất rõ tiếng súng mà, chỉ ở quẩn quanh đâu đây.

Thằng bé tóc ba phân: Cô ơi, xem này, có vết máu.

Thằng bé mồ côi dìu cô gái bước đến gần.

Cô gái dạy thú: Lẽ nào chúng nó đã giết mất con Bông của chị rồi... (*Khóc*) Lẽ nào lại thế Bông ơi.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông xách súng, xách đuốc chạy bổ tới.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Nói láo. Tao không bắn được con hổ thì thôi chứ ai được quyền bắn? Xem nào. Ha ha ha. Máu người. Đây nữa. Chiếc dép của thằng Nguyễn Văn Phân... Ha ha... Tiên sư thằng Phân, mày định qua mặt tao bắn con hổ, không ngờ nó vồ chết tươi mày rồi phải không con? Thế là bây giờ một mình tao một giải thưởng, không có đối thủ nữa phải không con?

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông cầm đuốc đi vừa đi vừa cười ha hả.

Thằng bé tóc ba phân: (*Với cô gái dạy thú*) Cô ơi, thế là con hổ xiếc của cô vẫn chưa hề hấn gì đâu. Đừng buồn nữa cô. Đêm nay nhất định chúng cháu sẽ giúp cô tìm được nó.

Cô gái dạy thú: (*Im lặng lắng nghe*) Im các cháu. Hình như là tiếng con Bông. Đúng rồi... Cô nghe tiếng con Bông ở đâu đây, gần

lắm, tiếng kêu của nó tội nghiệp lắm, thương lắm.

Thằng bé mồ côi: (*Cố gắng lắng nghe*) Cháu không nghe gì hết. Chỉ có tiếng gió rừng, tiếng suối chảy, tiếng vượn tác, không nghe thấy tiếng con hổ cô ạ. Không nghe thấy gì cả.

Cô gái dạy thú: Đấy. Lại tiếng gọi của con hổ xiếc... Nào các cháu, hãy giúp cô đứng cao hơn một chút, thế... được rồi. Kìa... Tiếng con Bông đang gọi cô đấy. Ôi... Con Bông tội nghiệp. Nó đang gọi đấy.

Cô gái dạy thú chụm hai bàn tay lại hú lên một tiếng dài, tha thiết như tiếng gọi con. Và ở đâu đó giữa trùng điệp núi rừng, vọng đến tiếng gầm thương nhớ của con hổ xiếc.

Thằng bé tóc ba phân: Cháu nghe rồi. Tiếng con hổ xiếc đang gọi. Nghe rõ lắm. Nghe rõ lắm.

Thằng bé mồ côi: Cháu cũng nghe rõ lắm. Tiếng kêu con hổ xiếc như tiếng kêu của em bé mồ côi cô ạ.

Cô gái dạy thú: (*Cố vươn người cao hơn*) Nó đang gọi cô đến. Nó đang thương nhớ cô lắm. Đấy... Lại tiếng của nó đấy. Ôi. Gần lắm rồi. Hình như con hổ xiếc đang chạy đến với chúng ta. Trời ơi... Các cháu ơi. Có nghe thấy không, con hổ xiếc yêu quí của cô đang chạy đến với chúng ta.

Tiếng cô gái dạy thú reo vang giữa trời đêm tĩnh mịch.

BẢY - CẢNH KẾT KỊCH

Buổi sáng, ngay giữa khu rừng đại ngàn. Nguyễn Văn Phân và người đàn bà tưởng mình là đàn ông đang đi thì cùng giật mình quay lui nhìn. Lê Máu, Phán, Mộng Xanh, Nhung tóc trắng đang bước sồng sộc tới. Hai bên nhìn nhau lầm lì. Không khí căng thẳng.

Lê Máu: (*Sấn sổ bước tới, chỉ thẳng tay vào mặt Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông*) Tôi nhầm. Tôi nhầm. Một đời hoạt động lãnh đạo ở địa phương tôi chưa hề nhầm cái gì, thế mà bây giờ thì tôi nhầm. Tôi tưởng các người sau một ngày là có thể lôi xác con hổ xiếc về cho tôi để lĩnh thưởng, nào hay, gặp nó lần nào các người cũng run như cầy sấy. Hèn. (*Đưa ra tờ giấy hươ qua hươ lại trước mắt Phân và Người đàn bà*) Kéo hết mắt ra mà nhìn đi. Nhìn thấy chưa? Huyện đã ra chỉ thị đây này. Vì không bắn được con hổ, ngày kia phải đóng cửa khu vực đãi vàng để bảo toàn tính mạng cho nhân dân.

Phán: (*Cũng gào lên*) Mà đóng cửa khu vực đãi vàng là chết cả lũ, hiểu chưa? Mẹ kiếp. Tao vừa mất đứt một đống tiền để đầu tư cho chúng mày diệt hổ, vừa chấm hết giai đoạn làm ăn đang béo bở. (Hét

lên) Không thể như thế được. Không thể vì sự bình yên của nhân dân được. Nhân dân bình yên nhưng cái túi tiền của tao làm sao bình yên hả? Tiên sư chúng mày. Thuê. Thuê ngay lập tức. Tốn kém bao nhiêu cũng thuê, thuê hàng chục, thậm chí là hàng trăm tay súng của cả vùng, cả huyện lên ngay đây để vây bọc, bắn cho được con hổ xiếc. Thuê ngay...

Nguyễn Văn Phân: (*Cũng gào to không kém*) Không... Không được. Thuê cả đống người lên bắn hổ như vậy thì tiền thưởng ăn chia làm sao? Không được. Tôi thề, tôi xin thề. Nội trong ngày hôm nay tôi sẽ bắn nát mặt con hổ xiếc. Không bắn được nó, thì các ông bắn chết tôi luôn. Xin thề.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Tôi cũng xin thề.

Nhung tóc trắng: Cho em xin thề với. Em xin thề với các bác là chúng ta đã nhầm. Con hổ xiếc không ăn thịt người, chính con hổ rừng mới là con thú giết người ở vùng này.

Người thanh niên: Em cũng thề là chính em đã được con hổ xiếc cứu thoát trong khi em bị sập hầm đá.

Phán: (*Với Nhung*) Im mồm đi. Tao cần bắn chết một con hổ, không biết là hổ gì, phải có ngay xác chết một con hổ, hiểu chưa?

Lê Máu: (*Nhìn Nhung tóc trắng*) Con ranh. Mày ăn cắp tài liệu trong túi tao hả?

Nhung: Em công nhận là em có ăn cắp một tài liệu trong túi bác nhưng sau khi đọc xong em đã trả lại túi bác. Mời bác xem.

Lê Máu: Đúng như con này nói. Huyện đã khẳng định con hổ xiếc không phải là con thú ăn thịt người mà có khả năng trong khu rừng này có một con hổ khác. Thế mới bỏ mẹ.

Phán: Thế con hổ xiếc là con nào? Con hổ rừng là con nào? Thằng nào kết luận mà ngu thế hả? Ngồi ở thị trấn dưới kia biết cái gì mà kết luận, ngu.

Lê Máu: (*Với Phán*) Tôi cấm anh ăn nói lăng nhăng. Huyện có ngu cũng phải khen ngợi huyện, không được chửi là ngu... Tôi đồng ý với anh là chúng ta không cần biết hổ nào với hổ nào hết.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Đúng. Cứ thấy hổ là đòm. Hổ xiếc càng dễ đòm. Bắn được hổ, lấy thưởng xong, nếu nhầm thì chỉ cần địa phương in mấy dòng thông báo rằng: Chúng tôi đau đớn báo tin là các dũng sĩ diệt hổ do quá say mê thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho nhân dân đã bắn chết tươi con hổ xiếc. Xin cáo lỗi cùng các đồng chí và các bạn. Thế là xong. Chẳng lẽ ra tòa? Bắn người, tù người oan sai còn lên chức vùn vụt nữa là. Khỏi lo.

Trần Ai, cán bộ biệt phái của huyện xuất hiện.

Lê Máu: Ôi anh. Anh lại lên mà không báo trước để xã nhà tiếp đón.

Nhung tóc trắng: (*Với Lê Máu*) Bác khỏi lo. Trước khi vào rừng, bác Trần Ai đã làm một nhát Karaokê ở dưới kia rồi đấy ạ.

Trần Ai: (Trừng mắt nhìn Nhung) Bép xép.

Nhung tóc trắng: (*Sà đến bên Trần Ai*) Em... xin nỗi

Trần Ai: (**Với Lê Máu**) Ngày mai, tôi thay mặt huyện yêu cầu địa phương chuẩn bị ba mươi suất cơm. Huyện sẽ thanh toán.

Lê Máu: Có đoàn nào về đông thế hả anh?

Trần Ai: Ba mươi tay súng thiện xạ nhất sẽ được cấp trên đưa về đây không phải để bắn chết con hổ xiếc mà bắn thuốc mê để bắt sống con hổ xiếc về giao lại cho Rạp xiếc. Từ ngày kia, ai bắn chết con hổ xiếc, tù. (*Cho tay vào túi quần giật mình*) Trời ơi, cái máy di động của tôi đâu?

Nguyễn Văn Phán: (*Lao ngay tới Nhung tóc trắng*) Đưa đây. Lại mày lấy cắp chứ ai vào đây.

Nhung tóc trắng: (*Cười cười lấy trong lưng quần ra cái máy di động*) Khiếp... Em kính trọng bác. Bác bận trăm công ngàn việc thế mà mất cái gì trên người là biết ngay. Máy bác moden bác nhỉ?

Tuyết Tuyết: Tiếc nhỉ? Thế là hỏng đứt mối hàng bộ da hổ.

Mộng Xanh: (*Thở dài*) Cả bộ xương nấu cao cũng không còn.

Người đàn bà tưởng mình là đàn ông: Đồ đàn bà, tiếc vớ tiếc vẩn, người ta mất đứt hai chục triệu tiền thưởng của huyện và sáu phẩy năm triệu tiền thưởng của riêng anh Phán còn phải ngậm đắng nuốt cay mà chịu nữa là...

Trần Ai: Ai bảo là hai chục triệu tiền thưởng của huyện, nhớ lại đi, bốn chục triệu.

Lê Máu: Thưa anh, em hỏi cái này khí không phải, thế hai chục triệu tiền thưởng anh bảo cất lại, đưa cho anh trước, bây giờ không được bắn hổ nữa thì làm sao ạ?

Trần Ai: Hỏi ngớ ngẩn gì thế hả? Dù bảo cất lại cho tôi thì anh cũng phải tìm cách thanh lí đi chứ, sao lại hỏi tôi?

Lê Máu: Kìa anh. Làm thế này em chết. Thanh toán vào đâu ạ?

Trần Ai: Bé miệng lại. Để nhân dân nghe thấy cán bộ bàn bạc chuyện tiền nong thì còn ra làm sao hả? Không biết giữ uy tín lãnh đạo hả?

Phán: (*Ranh ma*) Này... anh em mình đi vào trong kia để các bác các anh bàn việc lớn nhé.

Tất cả tạm rút. Còn lại Trần Ai, Lê Máu và Phán.

Trần Ai: (*Với Phán*) Sao? Chỉ còn ngày mai nữa, bắn được không?

Lê Máu: Ôi anh ơi. Một ngày thì làm sao bắn xong khoản tiền hai chục triệu ấy được ạ? Hay là anh cứ đưa lại cho em rồi thì là...

Trần Ai: Tôi hỏi là trong ngày mai liệu các tay súng của địa phương anh có bắn chết con hổ xiếc ấy được không cơ mà? Nên nhớ, cũng chỉ vài ngày nữa đoàn cán bộ của Rạp xiếc sẽ lên tới đây để cùng cô diễn viên dạy thú mang con hổ xiếc ấy về đấy. Nếu ngày mai bắn chết con hổ xiếc thì vẫn được nhận thưởng an toàn. Hiểu cả chưa? Chưa gì đã run lên... Thanh toán... Thanh toán... Anh làm như anh mới tham ô lần đầu không bằng. Năng lực lãnh đạo gì ở anh mà kém thế không biết. Năng lực của cán bộ lãnh đạo là phải phát huy cao độ vào cái thời điểm nước sôi lửa bỏng này này.

Lê Máu: Chim trời cá nước, làm sao em có thể khẳng định trong ngày mai sẽ bắn chết con hổ xiếc được ạ?

Trần Ai châm thuốc, đi lại tư lự. Phán lò dò bước đến.

Phán: Bác ạ... em muốn...

Trần Ai: Có ý kiến gì phát biểu đi.

Phán: Em không phát biểu gì cả đâu, chỉ khẳng định thôi ạ.

Lê Máu: Có cái gì mà khẳng định nữa.

Phán: Em khẳng định với các bác rằng, con hổ xiếc đã được bắn chết.

Trần Ai: Cái gì?

Lê Máu: Thằng này, khùng...

Phán: Em thiết tha đề nghị các bác khẳng định một cách chắc chắn như vậy, rằng, con hổ xiếc đã chết. Em thấy nếu các bác đồng ý cùng khẳng định với em như vậy thì tức là câu chuyện chúng ta đang bàn bạc sẽ vô cùng đơn giản, đơn giản như phim truyền hình nước ta. Ngay hôm nay, các bác viết ngay thông báo về huyện, lời lẽ trong thông báo thật vui mừng, rằng, bằng ý thức trách nhiệm cao, bằng tinh thần diệt hổ để bảo vệ cho cuộc sống nhân dân yên vui, với lòng dũng cảm tuyệt vời, các xạ thủ diệt hổ của địa phương đã không quản ngại muôn vàn khó khăn gian khổ, vượt suối băng đèo, và cuối cùng thì các xạ thủ đã giết chết con hổ xiếc.

Trần Ai im lặng vỗ tay.

Lê Máu: Nhưng còn chứng cớ? Chứng cớ đâu? Xác con hổ xiếc đâu? Bộ da hổ đâu? Bộ xương hổ đâu? Thế nhỡ ra khi nhận được thông báo, một đồng chí cấp trên nhã ý muốn xin tôi một bộ chân hổ để ngâm rượu thì lấy đâu ra, chẳng nhẽ lấy chân lợn?

Phán: Chuyện đơn giản. Trong thông báo ấy, các bác nói rằng, con hổ xiếc đã chết và rơi xuống một vực sâu. Hiện địa phương đang chỉ đạo anh em thanh niên tìm xác hổ. Các bác hứa với cấp trên trong mười ngày nhất định sẽ mang xác hổ nộp cho họ. Với thời hạn mười ngày đó, các tay súng của ta sẽ bắn nát mặt con hổ xiếc. An toàn tuyệt đối.

Lê Máu: Khoan đã. Thế nhỡ ra khi gửi báo cáo về việc đã bắn chết con hổ xiếc mà tại đây con hổ lại xơi tái vài người dân thì ăn nói thế nào? Không được đâu. Chết.

Phán: Ôi bác ơi... Em biết bác nói như vậy là bác lo cho dân lắm. Nhưng bác cứ bình tĩnh nhớ lại coi,c on hổ đã ăn thịt 7 người ở bãi đãi vàng, tất cả họ đâu có ai là dân địa phương mình nào. Dân đào vàng là dân tứ xứ, nếu xảy ra trường hợp con hổ ăn thịt vài người thì mình cứ tạm thời dấu tiệt đi. Hề hấn gì.

Trần Ai: (*Đi lại, miệng lẩm nhẩm*) Coi như mọi việc xong. Thông báo gửi về huyện sẽ được viết như thế này: Thông báo số 1 chấm Vào lúc 13 giờ kém 2 phút ngày 28 tháng 10 phẩy tại tọa độ Z2378 phẩy bốn tay xạ thủ của địa phương đã hạ gục con hổ xiếc trong khi nó đang vồ chết một cô gái trẻ chấm Con hổ xiếc rơi xuống vực sâu phẩy hiện đang được các lực lượng thanh niên tìm kiếm chấm Chúng tôi sẽ chỉ đạo địa phương nhanh chóng tìm xác con hổ xiếc mang về huyện chấm Như vậy phẩy chiến dịch săn hổ đã kết thúc thắng lợi chấm Có được kết quả đó là nhờ sự chỉ đạo phẩy lãnh đạo vô cùng sáng suốt phẩy kịp thời và sáng tạo của tập thể lãnh đạo huyện chấm Sau khi con hổ xiếc bị bắn chết tinh thần của nhân dân vô cùng phấn khởi phẩy vô cùng tự hào phẩy vô cùng yên tâm và gửi đến huyện nhà lời chúc mừng thắm thiết nhất chấm Khi có thông tin về xác con hổ xiếc chúng tôi sẽ có báo cáo số 2 chấm Thay mặt ban chỉ huy chiến dịch giết hổ phẩy trưởng ban đã kí Hai chấm Trần Ai chấm hết.

Cả ba nhìn nhau cười và bước đi khuất. Một lát, cô gái dạy thú đi trước, phía sau, con hổ xiếc đang cõng trên lưng thằng bé mồ côi. Thằng bé tóc ba phân đi bên cạnh. Con hổ vừa đi vừa nhún nhảy theo nhịp vỗ tay của cô gái dạy thú.

Thằng bé tóc ba phân: Cô ơi, nhất định lần này cô sẽ cho chúng cháu về Rạp xiếc cùng cô chứ?

Cô gái dạy thú: Cô hứa với các cháu rồi mà. Chính cô và các cháu sẽ cùng con hổ xiếc biểu diễn cho khán giả xem những tiết mục thật mới lạ.

Thằng bé mồ côi: Bố mẹ cháu mà đi xem cháu biểu diễn xiếc hổ thì ngất nhá. Để rồi cho ông bà ấy lác mắt, đừng bao giờ chửi cháu là

đồ mất dạy, đồ vô giáo dục, đồ rác rưởi nữa nhá. Cháu sẽ thành một diễn viên xiếc hổ nổi tiếng và mỗi ngày đài truyền hình sẽ dành ba tiếng đồng hồ phỏng vấn cháu.

Thằng bé tóc ba phân: Nếu ông bố trung tá của cháu đi xem xiếc thì chắc chắn bố cháu sẽ rất tự hào về cái thằng con trai tóc ba phân của bố, cô nhỉ?

Thằng bé mồ côi: (*Ôm cổ con hổ xiếc*) Cháu sẽ không bao giờ rời xa con Bông của cô đâu, Bông nhỉ?

Cô gái dạy thú: Các cháu đã xem tiết mục của con Bông nhảy theo nhịp vỗ tay của cô chưa nhỉ?

Hai thằng bé: Chưa ạ... Chưa ạ...

Cô gái dạy thú: Này nhé. Bông ơi. Bắt đầu nhé.

Cô gái dạy thú vỗ tay theo nhịp. Con hổ xiếc dựng đứng cả người lên và nhún nhảy rất thích thú theo tiếng vỗ tay.

Ngay lúc ấy thì từ hai góc sân khấu,Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông xách súng lao ra.

Thằng bé mồ côi: (*Hét to*) Không được bắn.

Cô gái dạy thú: (*Gào lên*) Không được bắn. Đây là con hổ xiếc. Tôi cấm các người nổ súng. (*Thằng bé tóc ba phân lao tới Nguyễn Văn Phân. Nguyễn Văn Phân quật thằng bé ngã gục. Thằng bé mồ côi lao tới Người đàn bà tưởng mình là đàn ông, cô ta quật ngã thằng bé mồ côi. Cô gái dạy thú ghì lấy con hổ, òa khóc.*) Đừng bắn. Tôi chắp tay tôi lạy các người đừng bắn. Đây là con hổ xiếc. Đây là tài sản nhà nước. Đừng bắn... Con hổ xiếc không có tội. Nó thương yêu con người. Muốn gần gũi con người. Suốt đời con hổ xiếc chỉ biết mua vui cho con người. Con hổ rừng mới là con thú ăn thịt người. Các người lùi lại đi... Lùi lại... Lùi lại... Tôi cắn cỏ tôi lạy các người. Bông ơi. Lạy họ đi em. Lạy đi. (*Con hổ xiếc chắp tay lạy Phân và Người đàn bà nhưng cũng ngay lúc đó đồng loạt vang lên hai tiếng nổ. Con Hổ xiếc ngã gục trong tư thế đang quì lạy. Cô gái dạy thú gào lên*) Không. Không. Trời ơi. Bông của chị ơi...

Rất đông người chạy ra: Nhung tóc trắng, Mộng Xanh, Phán, Anh thanh niên. Cuối cùng là Lê Máu và Trần Ai.

Trần Ai: (*Gần như không để ý cô gái dạy thú đang khóc nức nở bên xác con hổ xiếc, ông ta bước lại bắt tay Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông và trao cho họ hai gói tiền*) Cám ơn... Cám ơn... Nhiệt liệt cám ơn... Hãy cầm lấy tiền thưởng của các vị.

Phán: Cũng bắt tay Phân và Người đàn bà, nói lặp theo Trần Ai) Cám ơn, cám ơn, nhiệt liệt cám ơn. Hãy cầm lấy tiền thưởng của các vị.

Mọi người vỗ tay, chúc mừng Phân và Người đàn bà. Người đàn ông Khát Vọng bước đến phía con hổ xiếc và cô gái dạy thú. Anh đứng lặng.

Cô gái dạy thú: (*Ngẩng khuôn mặt đẫm nước mắt đau đớn nhìn Người đàn ông Khát Vọng, nghẹn ngào*) Anh ơi... Còn gì trên đời nữa mà Khát Vọng hả anh? Hết rồi? Hết rồi. Hết cả rồi anh ạ...

Người đàn ông Khát Vọng không nói gì, đau buồn xé từng trang sách thả rơi lả tả trắng xóa, vun cao trên thân xác con hổ xiếc trông như một nấm mộ.

Người thanh niên: (*Gằm ghè*) Chính con hổ xiếc đã cứu tôi. Nó không phải là con hổ ăn thịt người... Không phải... các người đã cố tình bắn bừa chỉ vì mấy đồng tiền thưởng... Tôi sẽ tố cáo các người...

Hai thằng bé: (*Chỉ mặt Phân, Người đàn bà, Lê Máu, Phán*) Chính các người mới là hổ ăn thịt người.

Phán: (*Hét lên*) Bắn tất. Cọp hổ nào chẳng là con hổ hả? Bắn tất. Chúng mày cứ tố cáo đi. Tố cáo ai? Tố cáo bác xã đây hay bác huyện đây. Ha ha ha... Tố cáo ai? Lũ dân con kiến lại đi kiện củ khoai. Hâm... Nào, vui lên, reo mừng lên, bãi vàng tiếp tục được cày xới, nhân dân yên ổn, vui lên, vui lên... Vỗ tay đi... Hét to lên đi. Chúng ta đã chiến thắng. Đã chiến thắng. Hét to lên...

Trần Ai: Tất cả im lặng. Ai lại làm ầm lên thế. Đúng là chúng ta đã lập công to. Nhưng mà thắng không kiêu, bại không nản cơ mà. Phải khiêm tốn chứ. Tất cả nghe đây. Bức điện thông báo số 2.

Nhưng khi lời của Trần Ai chưa dứt thì đột ngột con hổ rừng từ phía sau lao tới quật ngã Nguyễn Văn Phân, lại quật ngã Người đàn bà tưởng mình là đàn ông và băm vằm nhai giật giằng xé thân xác họ. Những xếp tiền thưởng trong tay Phân và Người đàn bà bị hất tung lên trời rơi lả tả như những giọt nước mắt. Mọi người bỏ chạy. Tất cả bỏ chạy. Chỉ còn lại góc kia là cô gái dạy thú bên xác con hổ xiếc cùng Người đàn ông Khát Vọng và hai đứa bé.

Con hổ rừng sau khi đã giết chết Nguyễn Văn Phân và Người đàn bà tưởng mình là đàn ông thì lao vụt lên một mõm đá rất cao, đứng nghếch đầu, gầm một tiếng rung chuyển trời đất tựa như tiếng cười đắc thắng của kẻ ác.

Hết kịch

17-1-2002

hồ sơ của một phiên tòa

SÂM THƯƠNG

Chiều đang xuống dần. Xa xa một khoảng trời rộng với những mảng màu đậm nhạt, phối hợp một cách hài hòa trên nền trời trong xanh, đẹp đến lạ lùng như bản dạo đầu của một khúc giao hưởng không tên. Những cơn gió thổi lạnh. Vân đưa tay gài lại nút áo ngoài, tiếp tục thả bộ về khách sạn.

Đã mấy năm rồi Vân mới có dịp quay trở lại Đà Lạt. Thành phố này đã và đang trải qua những đổi thay, những biến chuyển hằng ngày, hằng giờ, như nhiều nơi khác. Nhưng cứ mỗi lần đặt chân đến đây Vân lại có cảm tưởng tất cả mọi thứ vẫn thế, vẫn như những ngày Vân còn dạy học ở đây. Mặc dù những người quen biết, những học trò của Vân của thời đó đã không còn mấy ai, bằng chứng là đã ba hôm rồi, Vân chưa gặp một người quen nào. Trong thâm tâm, Vân thật sự không có ý định gặp ai, vì người mà Vân muốn gặp chắc chắn không còn ở đây. Nhưng từ trong tiềm thức, hình như anh vẫn như chờ đợi, như mong ngóng, mà không biết chờ đợi ai, mong ngóng để làm gì.

Đối với Vân, những con đường ngoằn ngoèo, chập chùng hai bên rừng thông, đồi dốc, mặt hồ tĩnh lặng, những mái nhà cổ kính, con gà trống trên chóp giáo đường, những khu vườn đầy hoa, những buổi sáng sương mù, những kỷ niệm về mối tình của Vân và Tường Vy, mọi thứ đều trở nên gần gũi, thân quen. Vân có cảm giác như mình chưa bao giờ xa rời nó, vẫn là nó trong tâm tưởng, vẫn là nó trong suy nghĩ của mình.

Vân vẫn còn nhớ cuộc chia tay với Tường Vy buổi chiều hôm nào. Chuyện như mới xảy ra hôm qua, ngay chính khúc quanh của con dốc này. Một cuộc chia tay bất ngờ, lạ lùng đến khó hiểu. Nó vẫn là câu hỏi đậm nét và ray rứt trong đầu Vân mỗi khi nhớ lại vết thương cũ.

Chiều hôm đó, cả hai lẳng lặng đi bên nhau rất lâu, không nói với nhau một tiếng nào, không khí có vẻ nặng nề, trầm uất. Như đã có chủ định, Tường Vy dừng lại, quay nhìn thẳng vào mắt Vân. Nàng nhẹ nhàng đưa tay vuốt mái tóc, cử động đó làm đôi gò ngực nhô cao, thách thức mời gọi. Giọng nàng thật nhẹ:

- Ngày mai em sẽ ra đi. Việc này em đã muốn làm từ lâu.

Vân hụt hẫng, mặt đất dưới chân tưởng như chao đảo, cuộn xoáy, và không có điểm tựa. Nhưng Vân vẫn cố kiềm chế:

- Còn tình yêu của chúng ta?

Nụ cười vụt biến mất trong đôi mắt Tường Vy:

- Ở đây, đã bao lâu rồi em vẫn cứ như một người khách trọ, luôn sống trong trạng thái hờ hững, thụ động. Em cảm thấy không có trách nhiệm với ai, không trách nhiệm bất cứ điều gì, kể cả với anh. Có thể em mơ ước một điều gì đó, mà chẳng bao giờ em có được... Không lẽ em cứ ngồi đây mãi mãi nhìn sương mù mỗi sáng mỗi chiều, trong khi thời gian cứ lặng lẽ trôi qua.

Vân nhìn chăm chú vào đôi mắt Tường Vy. Đôi mắt mà lần đầu tiên anh cảm thấy hoàn toàn xa lạ, không giống Tường Vy như anh đã biết, đã từng thốt lời yêu thương gắn bó và cận kề với anh hơn một năm qua. Đôi mắt Tường Vy quá đẹp mỗi khi bắt gặp ánh nhìn lướt qua anh, nụ cười hay nỗi buồn của cô sẵn sàng nhấn chìm, dẫn dắt anh đến một chân trời lạ, một thiên đường huyễn hoặc, không biên giới.

- Nhưng tại sao em khóc?

Tường Vy không trả lời, nàng quay lưng bỏ đi, không muốn nhìn anh, không muốn nghe anh nói. Nhưng điều bất ngờ chính là anh đã không lên tiếng níu giữ nàng lại, anh cứ để mặc nàng bỏ đi. Anh đứng một mình ở khúc quanh của con dốc nhìn theo, nàng rẽ trái và bóng nàng xa dần, tan loãng trong sương chiều. Con đường bỗng thênh thang im vắng như một nghĩa trang. Anh đau đớn, hụt hẫng, nhưng hình như trong lòng anh không một chút oán giận. Anh đưa mắt nhìn quanh lần cuối trước khi quay về nhà trọ. Trên đường về, anh nghe có tiếng hót của bầy chim nhỏ trên cành cây cao, tiếng thì thầm của cỏ cây, hoa lá... Không hiểu sao, ngay trong phút giây đó anh nghĩ đến cái bảng đen ở lớp và những khuôn mặt hồn nhiên, nghịch ngợm của đám học trò. Tự nhiên, anh cảm thấy rất thanh thản, một tình cảm bao dung, vị tha như mạch nước ngầm, như tiếng suối chảy réo gọi trong tim anh. Anh không giải thích được và cũng không muốn lý giải nó. Anh ngạc nhiên về tâm trạng của chính mình: đổ vỡ một tình yêu mà anh đã từng tưởng như đó là tình yêu duy nhất, là tương lai và chính cuộc đời anh. Nhưng sao mọi chuyện lại có thể nhẹ nhàng, đơn giản như thế. Đáng lẽ, anh đã rất đau khổ, đã rất thống hận; và có thể anh đã phải nhảy ào xuống dòng thác đổ, ngâm mình thật lâu trong cơn xoáy và mặc cho nước mắt trào ra. Một chiếc xe vụt qua, Vân chợt tỉnh, thoát khỏi giấc mơ quá khứ. Khi Vân đến gần căn nhà có giàn hoa thiên lý. Bất ngờ, một đứa bé gái,

khoảng 10, 12 tuổi, khuôn mặt xinh đẹp với đôi mắt đượm buồn, huyền hoặc. Cái nhìn của cô bé làm Vân chạnh lòng, phải rồi, cô bé có đôi mắt đẹp và bướng bỉnh như của Tường Vy. Cô bé như có vẻ giận dữ một điều gì đó, ném mạnh vỏ chuối đang cầm trên tay ra đường.

Vân hơi bất ngờ và hụt hẫng khi nhìn thấy vỏ chuối trên mặt đường, Vân cảm thấy mình bị xúc phạm, như mũi nhọn đâm thẳng vào trái tim. Vân nhìn đứa bé, buột miệng:

- Sao...?

Nhưng rồi anh im bặt. Đứa bé gái khựng lại trước cái nhìn của anh, nhưng không biểu lộ điều gì. Vân nhìn vỏ chuối trên mặt đường, một thoáng lưỡng lự, đôi tay anh thừa thãi một cách vô lý, hình như anh cảm thấy có một cái gì đó bất ổn, không an tâm trong đôi mắt của cô bé. Vân không dám quay lại, bước vội lên dốc.

Vân thoáng nghe có tiếng đùa giỡn của một đám trẻ nam có nữ có, rồi một chiếc xe buýt chở khách du lịch đổ dốc rất nhanh. Tiếp theo, anh bỗng nghe tiếng thét thất thanh từ phía sau dội tới.

*

Sau khi người du khách đi qua. Bé Lan nhớ lại, đặc biệt cái nhìn và giọng nói của ông ta. Trong cái nhìn của ông, bé Lan cảm thấy như có một chút gì đó hụt hẫng, thất vọng, tuy giọng nói của người đàn ông vẫn trầm ấm và kiên nhẫn. Bé Lan có cảm giác như người du khách hàm ý trách bé. Không, hình như ông không phải phiền trách bé, mà như muốn trách chính bản thân mình. Tại sao? Điều gì đã thôi thúc người du khách, bé Lan đoán vậy, chắc chắn ông ta không phải là người địa phương này rồi. Nhưng trong đôi mắt ông ta, bé thấy được ông ta thực sự gắn bó với thành phố này hơn chính bé, người đã sinh ra và lớn lên ở đây. Chính điều đó làm bé cảm thấy ngượng ngùng, nhưng với bản tính cương cường, không chịu khuất phục, bé Lan làm như mình không nghe thấy, quay ngoắt vào nhà.

Hồi nãy, ném cái vỏ chuối ra đường, bé không chủ tâm, bé chỉ muốn trút cơn giận. Dì Thanh, mẹ kế của bé trước khi lấy xe đi đón em ở nhà trẻ đã bảo bé dọn dẹp cho sạch sẽ nhà cửa. Dù dì Thanh nói bằng giọng nhẹ nhàng, thân tình, nhưng bé vẫn không chấp nhận hay đúng hơn, bé căm ghét người đàn bà đã chiếm chỗ của mẹ bé trong căn nhà này, sau khi mẹ Lan mất, bé nghĩ như vậy. Bất cứ điều gì dì Thanh nói ra, bé Lan đều muốn làm ngược lại, muốn tỏ cho dì Thanh hiểu là bé công khai chống đối, và sẽ chống đối cho đến bao giờ dì nản lòng bỏ cuộc, rời khỏi căn nhà này. Nhưng oái oăm, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Dì Thanh đã sinh đứa con trai cho ba, và đã vĩnh viễn chiếm chỗ

trong trái tim của ba. Bé Lan đã trở thành một kẻ ngoại cuộc. Bé luôn nghĩ như vậy.

Chợt nhiên, bé Lan nhớ lại khuôn mặt nghiêm nghị của mẹ mỗi khi bé có lỗi, bỗng bé òa khóc tức tưởi. Bé cảm thấy xấu hổ, biết mình có lỗi, thật sự có lỗi. Người du khách lúc nãy đã phản ứng rất đúng, bé không nên vứt bỏ cái vỏ chuối ra đường. Bé Lan bất ngờ vùng dậy, bước nhanh ra cửa, bé thập thò ngước mắt về phía dốc, người khách vẫn lặng lẽ leo dốc. Như sợ người khách quay lại bắt gặp, bé chạy rất nhanh ra giữa đường, với ý định nhặt cái vỏ chuối. Bé Lan cảm giác có tiếng nói cười, đùa nghịch của một đám trẻ trước mặt, bé đưa tay chụp lấy vỏ chuối. Đột nhiên, bé nghe thấy một cái gì đó như cơn bão thổi mạnh, đang ào ào xô tới. Bé thét lên:

- Mẹ ơi! Cứu con với!

*

Khoảng 17 giờ 45, người tài xế lái xe trở về khách sạn, trên xe do anh điều khiển có mấy chục hành khách, phần lớn là người nước ngoài. Anh nôn nóng mau trả khách về khách sạn, anh sẽ về nhà, lấy xe gắn máy chở con gái đi dạo một vòng thành phố. Bé Hồng, con gái anh vẫn thích bố chở đi một vòng sau khi ăn cơm tối xong, rồi mới chịu ngồi vào bàn học. Từ ngày vợ bỏ anh đi theo người tình, anh dồn tất cả tình thương của anh cho bé Hồng. Dù thiếu vắng vợ, nhưng mỗi khi chở con đi trên những con đường quanh bờ hồ, nhất là khi Hồng nũng nịu, dựa đầu lên ngực anh, anh cảm thấy một niềm rung cảm tràn ngập cả tâm hồn. Anh cảm thấy hạnh phúc mà anh đang có cũng đủ cho anh sống trọn kiếp người. Anh cúi xuống hôn lên má con.

Có lần, đôi mắt của bé Hồng tròn xoe ngước lên nhìn anh mỉm cười. Nó nhỏ nhẹ hỏi anh:

- Bao giờ thì mẹ về với cha con mình hở ba?

Anh như nghẹn ứ ở cổ và đau thắt ở tim, nhưng vẫn cố mỉm cười trả lời con:

- Khi nào xong công việc thì mẹ về.

Bé Hồng hình như vẫn chưa chịu thôi:

- Công việc gì quan trọng đến nỗi mẹ không về, hay mẹ không yêu thương cha con mình?

Anh lắc đầu, nói như để che giấu nước mắt:

- Không! Mẹ rất yêu thương con. Chỉ có điều do ba thiếu trách nhiệm... Nhưng thôi, chuyện này khi lớn lên con sẽ hiểu.

Xe anh đang đổ dốc. Bất ngờ, trước mắt anh xuất hiện một đám trẻ khoảng bảy tám đứa, trai có, gái có, tuổi chừng 16, 17 đang đùa giỡn

chạy túa ra giữa đường, ngay trước xe anh, chỉ cách có mấy thước. Rất nhanh trong đầu, anh biết không thể đạp thắng. Vì nếu thắng gấp xe nhất định sẽ lật, tính mạng mấy chục hành khách trên xe sẽ bị đe dọa. Anh bẻ tay lái rẽ về phía trái, nhắm thẳng vào đụn đất cao bên đường phía trước mặt. Ngay phút giây đó, từ trong căn nhà có giàn hoa thiên lý bỗng có mộ bé gái chạy vọt ra. Anh không biết bé chạy ra làm gì, hình như cháu định lấy cái gì đó thì phải, anh chỉ đoán vậy. Anh hoàn toàn thụ động, không còn có sự chọn lựa nào khác.

Anh nghe tiếng thét thất thanh, và cảm nhận ngay được sức nặng của chiếc xe đang nghiến lên một thân xác, một thân xác mềm nhũn, không giống với những lần anh đã vô tình cán chết một con thú rừng băng qua đường giữa đêm. Một cảm giác khác hẳn. Trái tim anh tê cứng, thắng thốt đến ngây dại. Sau khi xe chạm vào đụn đất bên đường, dừng hẳn lại. Anh không quan tâm đến những hành khách trên xe của mình, mà hấp tấp mở cửa, bước xuống, đi ngược lại, đến bên xác nạn nhân. Anh không nhìn rõ mặt của đứa bé, chỉ thấy cánh tay phải của cháu vươn ra, cái vỏ chuối còn nguyên trên tay. Đứa bé gái, cũng bằng tuổi con gái anh đã hứng chịu hậu quả thay cho đám trai trẻ kia. Anh giận đám trẻ, nhưng anh vẫn cảm thấy mình có tội, một sinh mạng có thể bị kết liễu dưới tay anh. Sinh mạng của một con người là quan trọng, không gì đánh đổi được, dù anh không cố tình, dù anh đã cố gắng chọn lựa một cách thế ít tổn hại nhất. Nhưng tại sao người này lại phải hứng chịu thay cho người kia, ai cho anh quyền chọn lựa đó?

*

Khi Huy về tới gần nhà, bất ngờ một lúc Huy thoáng thấy một chiếc xe du lịch đang đổ dốc, một đám trẻ đang đùa nghịch chạy túa ra đường, và từ trong nhà anh, bé Lan, con gái anh bất thần chạy vọt ra. Tim anh thắt lại, như muốn ngưng đập. Bất ngờ chiếc xe quẹo về phía bé Lan, lướt qua trước mặt anh. Huy há hốc mồm, tê cứng không một phản ứng. Huy nghe tiếng thét và tiếng xao động chung quanh.

Chỉ mấy phút, Huy mặc kệ chiếc xe gắn máy đổ xuống, Huy xông thẳng về phía đám đông, quỳ thụp xuống bên xác con gái, ôm chầm lấy bé:

- Con gái của ba... Tại sao? Tất cả do lỗi tại ba.

Huy gục xuống như một thân cây gãy đổ, vừa kịp đôi tay của vợ anh giăng ra.

*

Khi nghe tiếng thét thất thanh, rồi tiếng ồn ào náo loạn, Vân hốt hoảng quay lại, anh chạy thật nhanh xuống dốc. Rẽ đám đông, anh thấy

đứa bé gái mà anh đã tình cờ gặp mới mấy phút trước. Bé nằm sóng soãi trên vũng máu... Đặc biệt, cánh tay của bé vươn ra, trong lòng bàn tay vẫn còn nắm chặt lấy cái vỏ chuối. Anh run run nhìn rất lâu vào bàn tay của bé, và ngay lập tức anh hiểu lý do tại sao thảm kịch đã đến với bé. Chỉ cần một chút hững hờ với cuộc sống, bi kịch đã có thể xảy ra cho bất kỳ ai đó, những người cùng sống với chúng ta ngày hôm nay trên trái đất này. Nói gì đến những tâm hồn mang lòng thù hận, hay tham vọng riêng tư đối với cuộc sống. Anh ôm đầu đau xót, thầm trách phản ứng nửa vời của mình. Nếu như anh cúi xuống nhặt chiếc vỏ chuối thay vì lẳng lặng bỏ đi, mọi việc đã không xảy ra. Anh thật sự đã trở thành một kẻ sát nhân.

Ngay lúc đó, một chiếc xe cứu thương đỗ xịch lại, những người cấp cứu gạt đám đông, bước vào, đặt bé Lan lên xe cứu thương. Xe cấp cứu hụ còi phóng đi. Trên hiện trường, các nhân viên của cơ quan điều tra đang tiến hành lập biên bản.

*

Vào khoảng hơn 10 giờ tối, dưới ánh sáng lù mù của những bóng đèn tròn, bám đầy bụi, dọc theo hành lang trước phòng giải phẫu của bệnh viện tỉnh. Trên những băng ghế dài, ngoài người cha và người mẹ kế của bé Lan, còn có Vân - người du khách, anh tài xế và đám thanh niên gồm bốn nam, bốn nữ. Họ là những chứng nhân của tai nạn hay ít ra họ là những người có liên quan đến tai nạn của bé Lan hồi chiều nơi khúc quanh của con dốc. Họ ngồi rải rác, hoặc đi qua đi lại, không ai nói chuyện với ai, ngoài đám thanh niên, những người còn lại chưa từng quen biết nhau. Họ đang chờ đợi kết quả cuộc giải phẫu đang tiến hành ở bên trong để biết về số phận của bé Lan.

Bỗng có tiếng huyên náo, một phụ nữ tiều tụy, khuôn mặt như ngây như dại, áo quần xốc xếch, tay chân múa may, miệng hát lảm nhảm không biết từ đâu đi thẳng vào hành lang. Đến trước mặt đám đông, ngưng hát, nhăn mặt cười trước khi lên tiếng hỏi:

- Mấy người có gặp con gái của tôi không?

Một cô gái trong đám trẻ nhanh nhẩu hỏi lại:

- Con gái dì là ai? Bạn ấy như thế nào?

Người phụ nữ chăm chú nhìn cô gái, ánh mắt hoang dã và vô cảm, làm cô gái hoảng sợ thụt lùi. Người phụ nữ đưa tay huơ huơ trước mặt đám đông:

- Các người là những kẻ đồng lõa, là một lũ sát nhân, đã nhẫn tâm giết chết con gái tao.

Giọng người phụ nữ thấp xuống, thật nhỏ như không muốn ai nghe,

HUỲNH LIỄU NGẠN

bến sông bãi nọ

gió đưa cây cải về trời
rau tăm ở lại chịu lời đắng cay
Ca Dao

với tay em đã xa rồi
mây giăng lối có luân hồi với anh
đường đi em cứ hỏi rằng
bến sông bãi nọ còn ngăn nẻo về
lâu rồi anh thật nhớ quê
làng trên xóm dưới bờ đê ruộng đồng
con sâu con dế côn trùng
tỉ tê hôm sớm buồn không dặm trường
ngọn rau ngọn cỏ con đường
em đi gió thoảng vô thường theo sau
đời trôi theo mấy nhịp cầu
sao không trôi cả nỗi sầu qua sông
đêm qua nước lụt lên đồng
xóa đi hết cả bụi hồng ngày xưa
thà như mây thà như mưa
thà như cây cải gió đưa về trời

bà ta muốn nói với chính mình:

- Sao con nỡ vứt bỏ giọt máu của con, tự hủy diệt con? Mẹ sẵn sàng nuôi cháu mà... ai không nhận mặc họ.

Người phụ nữ ngờ nghệch bước nhanh đến bên cánh cửa, ghé mắt qua lỗ khóa nhìn vào bên trong phòng giải phẫu một cách chăm chú, tò mò. Bất giác, nét mặt hốt hoảng, sợ hãi, ôm ngực quay lưng bỏ chạy như bị ma đuổi. Đám đông nhìn theo ái ngại, không hiểu.

Không khí im lặng bao trùm. Thỉnh thoảng, đám đông đang có mặt lại đưa mắt nhìn về phía cửa phòng giải phẫu với ánh mắt thấp thỏm, lo âu, dáng vẻ giống như những kẻ tội phạm trước giờ phiên tòa xét xử .

25.7.2002

những người mang đôi mắt buồn
(Hay bốn người đàn bà và một đám tang)

ĐỖ HOÀNG DIỆU

Chiếc xe tang trườn chậm chạp những cung bậc sau cuối. Cung bậc ngọn đồi mang tên vĩnh biệt. Lẫn trong nhang khói, gương mặt chàng trai trên tấm ảnh tấu lên hình hài của sự chia ly. Sự chia ly được báo trước trong đôi mắt to buồn và lông my cong rợp thăm thẳm. Sự chia ly ẩn sau nhân trung ngắn, rõ ràng bên trên đôi môi đỏ chon chót. Cả vài cọng tóc xoăn nhẹ ôm lấy vầng trán cao rộng mênh mông những ưu phiền. Tấm ảnh chẳng nói lên điều gì, chẳng nhắn nhủ với ai điều gì, vô hồn như nấm mộ chốc nữa sẽ được đắp lại.

Trời vẫn rơi mưa đều đều. Không to mà cũng chẳng nhỏ, rả rích từ mấy ngày nay, hình như từ 30 Tết. Đường phố ảm đạm thưa thớt bóng người qua lại, ai cũng trùm kín, ẩn mình trong lần ni lông xanh vàng đỏ tím trừ ra đôi mắt rỗng rãng chẳng mang thông điệp nào. Giờ này ngày Tết chẳng ai dại dột ra đường. Mưa phùn và gió mùa đông bắc, những cuộc vui đêm qua, những cốc chén chai lọ bia rượu cụng nhau chan chát đêm qua, những sum vầy và những cô đơn chẳng ai ra đường vào bảy giờ sáng ngày Tết. Phố xanh xao nhìn cây trống rỗng, mưa ngâm thơ giữa không gian cô quạnh. Có cả thảy mười vòng hoa trắng quanh chiếc xe tang. Màu trắng hôm nay cũng trở thành xanh xao như màu chia cách. Người tài xế có đôi mắt lồi đưa tay che miệng ngáp, chiếc áo khoác màu xám của anh ta lợt lạt sờn cũ, yếu ớt. Chẳng có cái gì nhập vào cái gì. Trên đầu chiếc quan tài, chỗ đặt bát nhang, người mẹ rì rầm cầu nguyện. Cây thánh giá trên ngực bà dài xuống trong bàn tay mập mạp nhưng tím tái. Vào đoạn đường xấu, chỉ lõm bõm những tiếng a-men, cứu rỗi, tội lỗi, thiên đường nhẹ bẫng trong mưa phùn. Chẳng biết người đàn bà ngoan đạo dám từ bỏ Tu viện dòng Mến Thánh Giá cách đây hơn ba mươi năm để theo một người đàn ông siêng năng lễ Chùa mỗng Một ngày Rằm có gọi được Chúa về để cầu xin Người đưa đứa con trai tội nghiệp lên Thiên đường? Bên cạnh bà, người đàn ông tóc

muối tiêu nhàu nhĩ từng nếp nhăn tay lần tràng hạt rì rầm kinh Phật. Người đàn ông đã bất chấp tất cả vượt tường đưa tu sĩ dòng Mến Thánh Giá ra ngoài và cưới làm vợ năm nao đang Nam mô a di đà phật mong Bồ tát cứu rỗi nỗi đau mất mát sinh tử. Những người còn lại trên xe tang im lặng hoàn toàn, từng cặp mắt trống rỗng vô hồn thỉnh thoảng lăn ra vài giọt nước mắt. Trời còn khóc huống gì người thân. Chàng trai chia lìa sớm quá, tròn ba mươi. Cái tuổi sung nhất của một người đàn ông, lại là người đàn ông thông minh và thành đạt.

Chiếc xe tang bươn bả xuống dốc ngọn đồi vĩnh biệt. Vẫn mưa, những dòng chảy thẳng băng như ngàn nỗi đau bề trên ban phát xuống nhân gian. Khi chiếc xe tang chạm đến lũng sâu nhất ngọn đồi vĩnh biệt, tấm ảnh chàng trai tự dưng lật nghiêng và rơi xuống bát nhang bốc khói. Lúc người ta lấy được nó ra thì đôi mắt thăm thẳm đã không còn. Trơ lại hai cái hốc đen ngòm. Và mưa trút nặng hạt, dòng chảy bắt đầu xiên xẹo. Trong cơn mưa hình như có tiếng chó sói đang tru lên hòa bản nhạc ma quái đón chào một linh hồn.

*

Trời xanh dần lên. Căn nhà hoang hoác. Người bố ngồi trong phòng khách ôm tràng hạt đếm từng từng hạt, từ khi đứa con trai mới ra đời đến hạt thứ ba mươi. Có lẽ Bồ tát đã không thể dung thứ cho ông ham mê sắc dục làm trái những lời Phật dạy, kết hôn với một nữ tu dòng Mến Thánh Giá. Người đã bắt mất đứa con trai độc nhất của ông.

Người mẹ vẫn quỳ trước hình Chúa Giê-su lầm rầm cầu nguyện. Bà muốn hét to lên: lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng, sao Chúa nỡ bắt mất con trai con? Chúa Giê-su dang tay bình thản trên cây thập ác không nhìn bà, không nhìn những nỗi đau của bà. Hay Chúa muốn người mẹ tội nghiệp khóc đến khi nào nước mắt nhỏ thành hồ rộng và Người lấy ánh sáng của bà ban cho kẻ ngoan đạo khác? Khi ấy, khi bà không còn nhìn thấy, Chúa sẽ giăng mình ra khỏi cây thập ác, ra khỏi nỗi đau của người nhìn thẳng người mẹ bất hạnh mà rót vào không trung: "Chúa nhân từ và công bằng, kẻ có tội phải chịu tội". Người mẹ dang tay ôm lấy bàn chân Người đúng lúc chiếc điện thoại di động bên phòng đứa con trai rộn ràng reo bản Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ trầm hùng. Âm thanh nổi điện thoại đời mới nhất làm bản nhạc càng thêm hào hùng. Người mẹ rời bỏ đôi bàn chân Chúa chạy sang phòng con trai. Màn hình điện thoại nhấp nhánh hiện lên dòng chữ Người cứu rỗi. Bản nhạc vẫn ngân vang. Người mẹ đưa tay cầm chiếc điện thoại nhấn nút OK, nhắm mắt: "Lạy Chúa lòng lành, con trai tôi đã lên Thiên đường"

rồi bà buông rơi nó trên chiếc giường vẫn còn hơi ấm đứa con yêu. Bà lẳng lặng xếp lại chăn nệm và ngồi lên chiếc ghế hằng ngày con trai bà vẫn ngồi bật máy vi tính, lên mạng gửi E-mail cho ai đó hay đọc tin tức gì đó trước lúc ngủ. Hai đêm rồi nó không ngồi trên chiếc ghế này và bây giờ thì nó ở đâu giữa cõi vô biên? Bà sắp xếp lại tài liệu, giấy tờ trên bàn giúp nó. Những tập tài liệu tiếng nước ngoài bà không hiểu. Chiếc phong bì màu vàng đập vào mắt bà. Nét chữ còn nguyên màu mực, nét chữ tài hoa bà vẫn thường tự hào mà lâu lắm rồi bà không còn nhìn thấy nó viết nữa. "Gửi Mẹ yêu quý, Chúa của con." Bà run run mở bì thư, những dòng chữ quen thuộc và chữ ký ngoằn nghèo. Nó đã dùng bàn tay nó cầm bút viết cho bà chứ không đánh máy và in ra. Ôi, đứa con trai thân thương! Gương mặt bà nhíu lại, nếp nhăn hằn gấp khi đọc bức thư. Bà đọc đi đọc lại nhiều lần rồi bằng một động tác dứt khoát cất nó trở lại bì thư. Bà ngẩng mặt nhìn bức ảnh con trai treo trên tường: "Con trai của mẹ, mẹ sẽ làm theo lời con dặn. May ra mẹ có thể biết được tại sao con bỏ mẹ về với Chúa, tại sao Chúa bắt con về bên Người." Mắt bà ráo hoảnh, bà đưa tay bỏ chiếc điện thoại vào túi áo. Từ nay lúc nào nó cũng phải bên cạnh bà. Người mẹ không để ý, khi bà nắm chặt chiếc điện thoại, có âm thanh rên khe khẽ như tiếng reo vui và ngoài song cửa làn gió lao xao nâng trên đôi cánh của mình vệt sáng lóng lánh. Linh hồn chàng trai không về bên Chúa, anh lang thang ngoài khu vườn, trong sự chuyển động mây gió, trăng sao, chập chờn ẩn hiện giữa nhập nhoàng sóng điện thoại. Anh không thể xa rời trần thế, nơi anh chỉ mới bắt đầu sự sống đích thực, nơi có những người anh yêu thương và nơi có những điều bí ẩn anh muốn khám phá. Bề trên, Chúa trời hay Bồ tát đã giúp anh, cha hay mẹ đã giúp anh, anh không biết. Nhưng anh là người chết đang sống, anh muốn được nghe tiếng nói thực lòng những người đàn bà khi biết tin anh không còn tồn tại. Không còn người đàn ông hiện hữu sờ sờ cao lớn, đẹp trai, thông minh, thành đạt. Chỉ là linh hồn, một cuộc sống mới chỉ có linh hồn. Thể xác anh trả về cho vụng dại từ giọt máu thai nhi bên bức tường cao tu viện dòng Mến Thánh Giá, trả về cho những người con gái từng chia sẻ thịt da, môi mắt với anh.

*

Người mẹ quỳ ngay hàng ghế thứ nhất buổi lễ sáng Thứ Bảy. Bài giảng của Cha về lòng vị tha của Chúa, những lời khuyên dạy của Người về sự bao dung. Nếu ai biết cười với kẻ thù của mình, kẻ ấy đã đặt được một bàn chân đến cửa Thiên đàng. Giọng nói trầm trầm, đều

đặn của Cha ru ngủ bao uất hận, căm phẫn chìm sâu trong tiềm thức hay vừa thành hình sáng sớm nay. Người mẹ vẫn quỳ một mình ở hàng ghế thứ nhất thinh lặng. Hồi năm ngoái con trai bà bị một cậu thanh niên choai choai tóc nhuộm nửa vàng nửa đỏ phóng mô tô như xiếc trên phố cổ chiều ngang chưa đầy ba mét đâm vào người. Kết quả con trai bà gãy chân phải bó bột nằm viện gần hai tháng, cậu thanh niên choai choai nửa vàng nửa đỏ gãy chân trái nằm chung phòng. Con trai bà dũng cảm không rên la mỗi khi đau đớn còn an ủi động viên cái đứa động cỡn đâm phải mình khi nó kêu rống lên như bò đau đẻ. Miếng ngon nào bà mang vào nó cũng mời cái thằng động cỡn ấy ăn cùng. Như thế là nó có lòng vị tha, riêng chuyện này nó đã đặt được một bàn chân lên cổng Thiên đường. Cặp mắt u buồn của người mẹ váng vất nụ cười hanh hao. Bỗng bà chồm lên, mọi người xung quanh đồng loạt chòng chọc vào bà. Ô hay, khi nghe Cha làm lễ các con chiên chỉ được lắng nghe lời Chúa cớ sao còn chú ý đến những tiếng động xung quanh? Chiếc điện thoại di động đang dồn dập bản Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ trong túi áo người mẹ. Chúa trời biến mất. Bà nuốt tiếng A-men vào cổ họng đang sưng tấy lách ra ngoài. Hành khúc dồn dập lên đến cao trào. Cả dàn nhạc khổng lồ phừng phừng lên dốc. Bên ngoài nhà thờ gió lùa buôn buốt từng cơn. Màn hình vàng lên từng đợt nhấp nháy. Duyên dáng đang gọi. Bà định thần nhớ lời dặn con trai. "Người có tên Duyên Dáng gọi mẹ hãy trả lời con chết vì tai nạn giao thông." Ngón tay tím tái của người mẹ nhấn nút OK.

"A-lô"

"Dạ, xin lỗi, cháu muốn gặp anh Sơn. Cháu tên Thảo ạ."

"Chào cô Duyên Dáng. Cô không hay biết chuyện gì ư? Cô có phải bạn thân con trai tôi không?"

"Dạ, cháu là bạn rất thân của anh ấy ạ."

Người mẹ chuyển sang chất giọng gầm gừ tra khảo.

"Mấy ngày hôm nay cô có gặp nó không cô duyên dáng?"

"Dạ, từ chiều ba mươi Tết đến giờ cháu không gặp anh ấy, cháu nóng ruột nên điện thoại. Có chuyện gì thế, thưa bác?"

Trong tiếng nói cô gái đã lun phun run rẩy mưa phùn.

"Con trai tôi bị tai nạn giao thông chết từ sáng mồng Một Tết rồi."

Không một âm thanh vọng lại. Tiếng gió rít trong đường dây không trung. Trên nóc nhà thờ, nơi vút lên đầu cây thánh giá, linh hồn chàng trai đang lơ lửng. Anh nghe tiếng rơi của nước mắt trên gương mặt vô cùng âu sầu. Gương mặt thánh thiện với những đường nét thanh tú anh ước ao được đụng chạm dù chỉ là cụng đầu vào cái trán cao rộng ấy.

Anh cho rằng đó là sự đụng chạm thiêng liêng nhưng chưa một lần anh được hưởng. Anh không dám đụng chạm đến cô. Cô là nữ thần, là Chúa trời linh thiêng anh đâu dám sàm sỡ. Anh luôn mang cho cô những bông hồng trắng muốt mỗi buổi sáng Thứ Bảy và trao cho cô khi cô tan lễ nhà thờ. Người ăn mày tàn tật đội chiếc nón lá ngồi bên cây sấu già trước cổng bao giờ cũng ngước nhìn cô gái giơ hai tay đón bó hồng, cúi mặt ngượng ngùng. Hình như ông ta mãn nguyện vì được chia chung với người trai trẻ cái cười ý nhị, lung linh. Nhiều lần anh đã có suy nghĩ sáng Thứ Bảy tới sẽ đứng chờ cô với bó hồng đỏ. Nhưng anh sợ, anh sợ cô sẽ tức giận không bao giờ bước đến gốc cây sấu già nữa. Cô sẽ đi hướng khác về nhà mỗi buổi sáng Thứ Bảy. Cô cũng không mặc áo dài màu thiên thanh, cô sẽ mặc một màu áo nào đấy mà anh không thích. Linh hồn chàng trai rời nóc nhà thờ vội vã theo sóng không trung đến nhà cô gái. Lúc nãy anh nghe tiếng nước mắt rơi trên khuôn mặt âu sầu, anh vừa vui vừa xót xa. Anh muốn cô nghĩ đến anh, muốn nhín thấy một lần nước mắt cô rơi vì anh nhưng anh không muốn làm cô buồn.

Khi linh hồn người đàn ông luẩn quẩn ngoài song cửa dịu dàng vờn bay tấm rèm thiên thanh, cô gái vẫn ngồi náu lặng, xanh xao trong chiếc váy màu thiên thanh. Làn da cô xanh, váy cô xanh và tấm rèm cửa xanh một màu buồn bã. Trước mắt Thảo, tất cả tan biến hư không. Thảo thích chàng trai ấy ngay từ lần đầu tiên khi nhìn thấy anh đến đón một người đàn bà trông sang trọng quyền quý nhưng u buồn sau buổi lễ Phục Sinh. Sau này Thảo biết đấy là mẹ anh. Anh nói từ khi lớn lên anh đã thấy người mẹ của mình mang gương mặt u buồn như vậy. Mỗi tuần Thảo chỉ mong đến Thứ Bảy để được gặp lại anh, được nhận từ tay anh những bông hồng muốt trắng. Có một lần trước Noel anh ý tứ thăm dò Thảo về chuyện anh sẽ đổi màu hoa vào Thứ Bảy tuần sau. Thảo nhìn ông già ăn mày bên cây sấu cổ thụ cười tủm tỉm nhưng miệng lại bật ra câu nói: "Hoa hồng trắng đẹp hơn anh Sơn ạ, Thảo thích màu trắng." Ông già bên gốc sấu liếc nhìn Thảo, hình như ông ấy mỉa mai Thảo, ông ấy biết Thảo dối lòng mình. Một lần Thảo đã nhận lời ngồi sau xe gắn máy của anh. Lần ấy mẹ anh vào Sài Gòn nhưng tan giờ lễ buổi sáng anh vẫn đứng với ôm hồng trắng. Anh nói muốn đưa Thảo đến một nơi chỉ toàn hoa hồng muôn màu ở ngoại thành. Ông già ăn mày nghển cổ nhìn theo thiên thanh áo dài của Thảo bay trong gió thu. Anh đưa Thảo đến một cánh đồng chỉ có hoa hồng, những nụ hoa thanh tao ngẩng đầu kiêu hãnh chúa tể một vùng trời. Thảo nghĩ mình nằm mơ. Thảo muốn được anh bồng Thảo chạy giữa vườn hồng ấy nhưng rồi vội đỏ mặt gạt ý nghĩ ấy khỏi đầu. Thảo là con chiên ngoan đạo, Thảo là

người hát thánh ca trong nhà thờ, Chúa đã răn phải giữ mình trong trắng.

Đúng đêm ba mươi Tết Thảo nằm mơ một giấc mơ khủng khiếp. Thảo và anh đứng trên một ngọn đồi mù sương. Cô mặc áo dài đỏ thắm như máu. ở phía vườn hồng giông bão cuồng phong ầm ầm. Chiếc máy ủi từ từ tiến vào khu vườn hất tung những nụ hoa mỏng manh chưa kịp nở. Thảo vùng khỏi tay anh định chạy xuống khu vườn nhưng không sao nhấc nổi chân. Chiếc áo dài màu đỏ bó chặt lấy Thảo, bó chặt nỗi đau của cô. Chiếc máy ủi vẫn lừ lừ san lấp, hất tung. Thảo choàng tỉnh với tay định gọi điện thoại cho anh nhưng rồi ngần ngại. Đến hôm nay không thấy tin gì của anh, Thảo băn khoăn. Thảo đã nghĩ kỹ rồi, Thảo sẽ gọi cho anh, Thảo sẽ nói: "Anh Sơn mang hồng đỏ cho em đi, em thích màu đỏ." Nhưng không ngờ anh đã về bên Chúa.

Linh hồn chàng trai tự nhiên thấy cả căn phòng cô gái hắt lên những ánh đỏ như máu. Chiếc váy biến thành màu đỏ, tấm rèm chói rực và cô gái hét lên: "Sơn ơi, hồng đỏ của em đâu?" Một tia nắng chói chang ập xuống, linh hồn chàng trai tung lên mênh mang trời đất.

*

Đêm hôm trước hoa quỳnh nở trên ban công tầng ba. Phòng chàng trai ở đấy, chỉ cần mở cửa sổ là có thể chiêm ngưỡng những cánh hoa linh thiêng hé mở. Một mình quỳnh tỏa hương chẳng có ai nhìn, ngôi sao di chuyển trên bầu trời cúi xuống quỳnh nhưng không ngừng lại, bình thản trôi đi. Linh hồn chàng trai mải mê dò tìm sóng điện thoại, thoảng nghe mùi hương quyến rũ chạy về thì quỳnh đã xòe hết cánh. Chỉ còn biết làm làn gió dịu nhẹ mơn man ve vuốt. Sáng sớm người bố dậy chuẩn bị đi lễ Chùa. Ông tắm kỹ càng, cạo sạch râu và ăn mặc tề chỉnh. Ông sẽ đi sắm lễ và một mình đến Chùa. Ngày trước còn con trai bao giờ đầu năm hai bố con cũng cùng nhau đi lễ. Sơn không bao giờ khấn vái, Sơn chỉ chở bố đến, mang lễ đặt lên bàn thờ Phật, lặng lẽ nhìn mọi người rì rầm. Có lần ông hỏi thẳng con trai: "Con theo Chúa của mẹ hay theo Phật của bố?" Con trai ông cười hiền lành, chưa khi nào ông thấy nó hiền như vậy. Nó không trả lời ông. Ông nghĩ rằng nó không thể trả lời, nó yêu mẹ vô cùng và cũng yêu ông không kém. Nó chở mẹ đến nhà thờ lễ sáng Thứ Bảy và chở ông lễ chùa ngày Rằm, mồng Một. Nó chưa làm điều gì để bố và mẹ phiền lòng. Bước chân đưa ông đến cửa phòng con trai. Tất cả vẫn nguyên vẹn, bức ảnh trên tường mỉm cười tinh nghịch nhìn ông. Nó thật dễ thương. Ông ngửi thấy mùi thơm nồng nàn nhưng rất thanh tao đâu đó. Tựa như mùi hương mà

ông cảm thấy lúc còn là một anh phóng viên năng nổ và hào hoa được phép Cha Bề trên cầm giấy giới thiệu bước vào cổng tu viện dòng Mến Thánh Giá để lấy tư liệu viết bài. Mùi hương phảng phất làm anh chới với. Khi anh định thần nhìn quanh thì bất gặp gương mặt thanh tú trong chiếc khăn choàng bước những bước nhẹ đến đau lòng. Nhưng anh kịp nhận ra đôi mắt đen đến bất tận ấy mới liếc nhìn mình. Bắt đầu từ đấy, bắt đầu từ mùi hương thanh tao ấy, từ đôi mắt thẳm sâu bất tận ấy, anh làm cuộc hòa hợp giữa Chúa Trời và Bồ Tát. Giờ đây sau hơn ba mươi năm người đều đặn lễ Chùa, người siêng năng xưng tội cầu kinh trước Chúa, ông vẫn nhớ mùi hương ấy. Ông mở cửa sổ phòng con trai. Một ngày mới, ông muốn ánh sáng ùa vào như thể cuộc đời vẫn thế, gia đình ông vẫn đủ đầy và đang mải miết làm cuộc hòa hợp linh thiêng. Hoa quỳnh, quỳnh nở đêm qua, cánh đã bắt đầu hơi rũ nhưng vẫn đẹp diệu kỳ. Ông bê chậu quỳnh đặt vào giường con trai, những giọt nước mắt ông nhỏ xuống cánh hoa bắt đầu tàn. Ông lẳng lặng bước. Ngang qua phòng người mẹ, ông nghe dồn dập Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ, đấy là tiếng chuông điện thoại di động của con trai. Ông nhớ có lần nó hỏi ông bố thấy nhạc chuông điện thoại con dùng có hợp với con không. Ông đã cười hiền hậu gật đầu với nó. Bản nhạc dồn dập lên. Ông chạy, ông không chịu được nữa, ông muốn òa khóc. Con trai ơi bây giờ con ở đâu? Bước chạy đau đớn của người cha lẫn trong hành khúc reo vang. Người mẹ sau khi nhìn kỹ dòng chữ hiện ra trên màn hình, lẩm nhẩm những dòng thư dặn dò của con trai, đưa tay bình tĩnh nhấn OK. Cánh cửa phòng bà tự dưng hé mở.

"A-lô, chào cô Ngoại Tình."

"Xin lỗi đây là máy của Sơn phải không?"

"Tất nhiên là đúng rồi, tôi là mẹ nó. Cô tên gì?"

Người mẹ cau mày. Giọng nói này kẻ cả.

"Cô tìm Sơn có việc gì, cô là gì của Sơn?"

"Xin lỗi bà nhưng tôi có việc cần gặp Sơn, tôi là một người bạn."

"Bạn thế nào? Có phải bạn gái không?"

"Tôi có chồng con rồi, bạn gái gì. Nếu bà không muốn cho tôi gặp Sơn thì thôi đừng gặng hỏi nữa."

Đã có chồng con, giọng kẻ cả, biệt danh Ngoại Tình, con trai lại dặn trả lời nó bị giết. Hay là Sơn tằng tịu với cô ta và chồng cô ta đe dọa giết con trai bà? Người mẹ run rẩy, sự run rẩy từng cơn có thể chảy máu mũi, máu mắt.

"Tôi báo cho cô biết con trai tôi đã bị giết hôm mồng Một Tết. Cô không tham dự gì vào âm mưu ấy đấy chứ?"

Người mẹ nghe bên đầu dây tít tít liên hồi. Linh hồn chàng trai giật mình. Anh nghe dường như là âm thanh chó cái kêu ăng ẳng lúc giao phối. Sơn biết người đàn bà ấy đang dùng tay bóp chặt hai bầu vú núng nính của mình và ép chúng lại với nhau. Chúng trều cả lên mặt Vân Anh. Sơn đã nhiều lần bị cô ép chặt vào bầu vú ấy đến ngạt thở. Đã nhiều lần Sơn dùng đôi bàn tay mạnh khỏe chàng trai ba mươi ăn uống bổ dưỡng bóp bầu vú ấy nhưng vẫn nghe tiếng la: bóp mạnh nữa lên, bóp mạnh nữa lên! Sơn nhìn thấy người đàn bà to cao ấy đang ưỡn người, tay chân đập loạn xạ, cấu cấu vào bất cứ thứ gì. Gương mặt đỏ au, mũi cao, môi mọng, sản phẩm nhiều lần làm giầu cho thẩm mỹ viện ấy đang bị mớ tóc nhuộm màu nâu vương vãi trùm kín. Có thể Vân Anh sẽ làm dấu nhân danh Cha và Con và Thánh Thần như mỗi khi đạt khoái cảm với Sơn. Vân Anh bảo chỉ với Sơn cô mới đạt đến đỉnh cao, chỉ với Sơn cô mới hiểu thế nào là truy hoan xác thịt. Người chồng Vân Anh trông thì bảnh bao, bệ vệ, lên xe xuống nệm đấy nhưng chẳng làm ăn được gì. Chỉ có Sơn, Sơn là cứu cánh, Sơn là mạnh mẽ, Sơn là khoái cảm, Sơn là phi cơ bay không cần tiếp nhiên liệu. Chỉ có Sơn mới làm cho Vân Anh biết mình là đàn bà đích thực.

Linh hồn chàng trai thấy thương hại người đàn bà. Sơn không phủ nhận Vân Anh là người đàn bà làm anh thấy rã rời xác thịt, đê mê cảm xúc phần Con trong người mình. Mỗi tuần gặp Vân Anh một lần là mỗi lần Sơn thấy mình vĩ đại. Mỗi khi Vân Anh làm dấu nhân danh Cha và Con và Thánh Thần là mỗi lần anh thầm gọi Thảo ơi. Sơn biết người đàn bà ấy đang cuồng lên vì tuần này sẽ không còn được gặp Sơn, có thể cô đang nhớ đến cái đàn ông của Sơn đưa vào cô nhấn xuống thế nào. Cô đang cuồng lên vì biết không bao giờ có nó để nhấn vào nữa. Nhưng Sơn hiểu Vân Anh chỉ cuồng lên trong chốc lát, rồi sáng mai cô ấy lại váy áo sang trọng, trang điểm kỹ càng, lại đến liên hệ làm việc ở một công ty nào đấy và lại liếc mắt lúng liếng với một kỹ sư trẻ nào đấy đẹp trai như Sơn. Rồi cô ấy sẽ lại làm dấu và lại sẽ bảo chàng trai kia là đàn ông đích thực. Cơn cuồng loạn bây giờ vì biết Sơn chết qua nhanh như cơn khoái cảm của cô ấy, kéo dài có được bao lâu.

Linh hồn chàng trai suy tư lững thững kéo cặp kính cận, tay đút túi quần thở hắt ra.

*

Người mẹ có ý ngóng đợi. Đám tang đã được ba ngày, không biết bao nhiêu lời sám hối, cầu nguyện bà đã xin Người. Bà tin con trai bà sẽ đến được Thiên đường. Chiều nay bà ăn bát cơm với rau và cá đã

nhận được mùi vị của cá và rau. Chồng bà ân cần hơn bao giờ hết. Khi ông đưa bát cơm cho bà, bà thấy hình như ông đang cười. Những nếp nhăn chồng chéo lên cái cười của ông. Trào lên trong lòng bà xúc cảm tưởng không còn nữa. Tưởng đã chết ngay từ lần ân ái đam mê đầu tiên bên bức tường Tu viện một đêm tối trời khi bà trốn ra với ông, vĩnh viễn bước qua sự trinh trắng. Sau giây phút say sưa, cô tu sĩ òa khóc biết mình không thể bước lại qua cánh cổng kia vào với Chúa được nữa. Người tu sĩ đã rời bỏ Chúa, đã không dâng hiến cho Chúa mà dâng hiến cho một người bình thường trái với thề nguyền một lòng vì Chúa. Khi bà bước theo ông về căn nhà này, cảm xúc đam mê cũng đi cùng lúc với sự ăn năn ập đến. Bây giờ khi nhìn những nếp nhăn chồng lên nụ cười an ủi, bà bỗng thấy lại được cảm xúc ấy. Bà đã yên lặng ngồi nhìn ông cho đứa giúp việc đi nghỉ mà tự tay đơm cơm, rau cá thịt để lên bàn thờ con trai và khấn vái mời nó về ăn cơm. Bà không tin nó có thể về ăn cơm, bà biết nó đã lên Thiên đường. Nhưng nhìn bàn tay run run của ông khi xới bát cơm, bà bỗng mong con trai trở về ăn bát cơm mà bố nó vừa đơm.

"Mình đã báo cho cháu Lan chưa?"

Ông hỏi đúng vấn đề mà bà đang băn khoăn.

"Em chưa mình ạ. Không biết Lan đi đâu mà Tết nhất không thấy đến nhà lại cũng không biết tin ấy mình nhỉ?"

"Cũng lạ thật. Hay là chúng nó giận nhau?"

Bà nhìn ông khẽ lắc đầu qua chuyện. Bà không muốn tiết lộ bí mật về lá thư mà con trai để lại. Bà linh cảm Lan sẽ gọi tới tối nay. May ra có đầu mối để bà tìm nguyên do cái chết của đứa con trai xấu số. Thực lòng bà không quý mến mà cũng không ghét bỏ Lan, người mà con trai bà dắt về nhà giới thiệu. Một cô gái không có gì đặc biệt, nhàn nhạt như bao cô gái bình thường khác. Nếu để lên bàn cân đo đếm tính thì đấy là một cô gái sạch sẽ mọi bề, đàn ông vẫn thường cho như vậy là đủ tiêu chuẩn làm một người vợ tốt. Nhưng linh cảm sâu xa cho bà biết con trai bà không có rung động mãnh liệt với cô gái này. Cái rung động của bố nó ngày xưa trong khuôn viên tu viện khi ngửi thấy mùi hương kỳ diệu từ bà. Nó lớn rồi, bà để nó tự quyết định. Nếu nó lấy Lan bình bình ổn ổn cuộc đời cũng là điều tốt.

Mai là Thứ Bảy. Buổi sáng Thứ Bảy không có con trai đưa bà đi lễ. Người mẹ rùng mình ớn lạnh. Chiếc đồng hồ trên tường phía trên bàn thờ con trai dõng dạc báo hiệu tám giờ tối. Trời có vẻ sáng, dự báo thời tiết trên truyền hình ngày mai có nắng nhưng nhiệt độ vẫn thấp. Nếu con trai bà còn sống thể nào nó cũng bâng quơ bảo bà ngày mai trời

nắng mẹ mặc áo dài màu xanh đi lễ. Nó rất thích màu xanh, ấy thế mà người yêu nó lại chuyên mặc màu hồng và màu đen, thỉnh thoảng thì màu vàng. Bà để ý nhiều lần, bà hỏi thì con trai bà mỉm cười chẳng trả lời. Bà nhìn thấy trong cái cười của nó có nỗi u hoài.

Người mẹ đang nghĩ mai sẽ mặc áo dài màu xanh mà con trai bà thích đi lễ ngày mùa đông có nắng thì Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ chợt tấu lên. "Vợ" đang gọi. Người mẹ chạy khỏi dòng liên tưởng âm thầm, áp chiếc điện thoại xinh xắn lên tai.

"Lan phải không cháu? Bác Vỹ đây, cháu đang ở đâu thế?"

"Ơ, bác! Anh Sơn đâu mà bác lại cầm máy? Cháu đi cùng gia đình về quê nội ăn tết mới vừa tới Hà Nội được vài phút. Cháu gọi nói anh Sơn đón cháu đến chúc Tết hai bác. Hai bác ăn Tết có vui không? Cháu..."

Lại vẫn liến thoắng cái miệng không để cho người khác kịp thở. Linh hồn chàng trai đậu trên vạt áo dài tang lễ của người mẹ treo trên song cửa chồm lên phẩy tay. Sóng bắt đầu chập chờn.

"A-lô, bác Vỹ còn ở đấy không ạ?"

"Thực sự thời gian này hai đứa không giận dỗi nhau gì đấy chứ Lan?"

"Không, chúng cháu bình thường mà bác. Có chuyện gì thế bác Vỹ?"

Người mẹ bất giác thở dài, tiếng thở dài chán ngán.

"Cháu không có linh cảm gì sao, cháu không cảm thấy nóng ruột à?"

"Về quê cháu hết ăn rồi đi thăm bà con rồi ngủ. Cháu béo đẫy ra. Nhưng có chuyện gì thế, bác nói cho cháu biết đi bác Vỹ, anh Sơn cháu đâu?"

Linh hồn chàng trai cười, điệu cười rất nhạt. *Anh Sơn cháu, bao giờ Lan cũng xem anh là vật sở hữu của cô.* Đến cơ quan Lan luôn miệng kể với bạn bè anh Sơn mình đẹp trai và giỏi giang, về nhà cô vừa tung tăng soi gương vừa dí tay vào đứa em gái: sau này em phải tìm được người đàn ông như anh Sơn chị mà lấy làm chồng. Đầu tiên Sơn cũng cảm thấy hãnh diện. Dần dà anh đâm khó chịu, sau này thì bực bội. Lan chăm chút anh từng ly từng tí như một đứa trẻ. Luôn miệng cô dặn anh mặc thế nào, ăn thế nào, đối xử với đồng nghiệp ra sao... Thôi thì trăm ngàn thứ, mỗi lần gặp anh mỗi lần miệng Lan ca bài ca bất tận. Đúng là một người vợ mẫu mực. Sơn biết Lan sẽ là người vợ chỉn chu, một người mẹ tốt. Con cái của anh và Lan sẽ được nuôi dậy tử tế, có nền nếp. Đàn ông cần một người vợ như thế, anh cũng đã đến tuổi lập gia đình. Tặc lưỡi cho xong chuyện, tình cảm yêu đương vô vọng đã làm Sơn đau tim

nhiều phen mà cuối cùng chỉ có Lan ở bên cạnh. Linh hồn chàng trai buông thõng hai tay cúi xuống người mẹ đang có vẻ phân vân.

"Sơn, Sơn nó bị nhồi máu cơ tim đã qua đời, chôn cất xong xuôi rồi Lan ạ."

"Sao, bác nói gì cơ? Ai nhồi máu cơ tim? Ai qua đời? Chôn cất cái gì?"

"Cháu bình tĩnh lại đi, Sơn về với Chúa rồi"

"Không, không, không, bác nói dối, bác nói dối..."

Linh hồn chàng trai bịt chặt đôi tai mỏng mảnh của mình. Tiếng thét quá lớn. Những giọt nước mắt tràn trề tuôn rơi đầm đìa gương mặt với đường nét bình thường như bao cô gái bình thường khác. Môi trái tim, mũi không cao mà cũng không tẹt, mắt không to cũng chẳng ti hí. Như vậy là ổn. Bây giờ gương mặt ấy nhoe nhoét nước mắt, chiếc miệng nhỏ thét lên tiếng thét động trời rung đất. Tiếng thét vì mất mát vật sở hữu quý báu, của cải đáng giá ngàn vàng. Sơn tự hỏi sao khi ân ái cùng anh Lan không một lần thét lên như vậy, không một lần run rẩy cùng cực, không chồm lên thít chặt lấy Sơn? Chỉ là sự nằm dưới im lìm giống như một cam chịu. Lan bảo như thế mới là phụ nữ ngoan hiền. Mỗi lần nghe Lan nói thế, Sơn chỉ cười. Điệu cười của Sơn lúc ấy không mang bất cứ sắc thái nào, đơn giản chỉ là cử động của hai làn môi lên xuống, ngang dọc. Náu yên trong bình hoa đỏ chói cắt tỉa gọn ghẽ, Sơn nhìn cô gái đang khóc rống lên. Anh bỗng sực nhớ cách đây mấy tháng khi con chó cưng nhà Lan ăn phải bả chuột chết thẳng cẳng bên cổng sắt cô cũng khóc rống lên như vậy. Đúng là đau thương nào cũng giống đau thương nào, cũng là mất mát với Lan. Nhưng dù sao Lan rất tốt với anh. Sơn định sà xuống lau nước mắt cho cô. Vừa lúc linh hồn Sơn rời khỏi cánh hoa đỏ chói xòe tưng bừng thì tiếng khóc thét bỗng im bặt như khi nó cất lên. Nước trên mặt Lan cũng tan biến theo vẻ mặt kiên quyết của cô. Lan ngồi phịch xuống giường, cởi bỏ đôi tất đỏ, vò mạnh và với tay bật ti vi. Chương trình hài kịch, mấy anh chàng diễn viên đóng giả con gái chạy nhảy lung tung, múa may tiết *mục Cái chết của thiên nga*. Lan không nhịn được cười. Lẫn trong tiếng nhạc, linh hồn Sơn nghe Lan rít khẽ: "Thế là năm nay vẫn không có đám cưới, phải nhanh chân kiếm người đàn ông khác thôi." Sơn lại cười, điệu cười không mang âm sắc. Bầu trời đêm Sơn nhìn thấy rất đỏ, đỏ độc ác.

*

Đêm qua sau khi trả lời điện thoại đứa con dâu hụt, người mẹ cứ nghĩ Lan sẽ chạy ào đến nhà bà lăn lộn trước bàn thờ Sơn, ôm đầu bứt

tóc kể lể bao kỷ niệm từ ngày quen nhau. Nhưng không có ai đến, chỉ tiếng mênh mông vô tận của bầu trời đêm. Im ắng lạ thường. Bà muốn có một ngọn gió để bà gửi vào lời thì thầm nhấn nhủ, thế nào con trai bà ở thiên đường cũng nghe. Nó vẫn nói rằng nó không tin có Chúa, nó cũng chẳng tin có Phật nhưng nó tin trên đời này có linh thiêng. Sự linh thiêng do tâm linh con người tạo ra. Bà không bằng lòng cũng không phản đối, trong lòng bà nghĩ sự linh thiêng mà nó nói chính là linh ứng của Chúa trời. Chồng bà dán mắt lên ti vi nhưng bà biết ông đang nghĩ đến sự linh thiêng của nước Phật nào đó. Có lần con trai bà tự nhiên nói một câu vu vơ: "Con thấy hầu hết tu sĩ trong tu viện và ni cô ở chùa đều rất xinh đẹp, tại sao họ lại đi tu nhỉ?" Chẳng ai trả lời cho nó câu hỏi ấy được, may chăng chỉ có sự linh thiêng là lời giải đáp. Mà sự linh thiêng không hiện hữu trên đời để ai cũng nhìn thấy.

Bà lấy những tấm hình cũ của con trai ra xem lại. Từ nhỏ tới lớn lúc nào trông nó cũng dễ thương. Đôi mắt nó quá u buồn như một niềm dự cảm cho số phận. Mắt bà cũng buồn và mắt bố nó lại càng buồn. Tấm hình gia đình đi nghỉ mát ở Sapa, ba người đứng im lặng dưới sườn núi, những đôi mắt chao nghiêng cả đại ngàn. Bà ngắm đi ngắm lại tấm hình. Bà nhớ con trai hơn bao giờ hết, đứa con độc nhất sinh ra từ đam mê và cả hối tiếc của người mẹ mạnh mẽ mà yếu đuối. Bà lôi chiếc điện thoại từ túi áo ra ngắm nghía. Chỉ còn một người nữa gọi đến mà bà phải trả lời. Bà muốn kết thúc nhanh nhiệm vụ con trai giao phó. Bà sẽ tắt máy, cất vào ngăn kéo bàn làm việc trong phòng nó. Cứ như vậy, mãi mãi như Sơn vẫn đang ở cùng bà. Bà nhớ biệt danh người cuối cùng chưa gọi, Áo Chàm, biệt danh này con trai bà muốn ám chỉ điều gì? Vang lên trong đầu bà câu nói: "Con thấy các tu sĩ trong tu viện và ni cô trong chùa ai cũng xinh đẹp..." Hay là, hay là nó giống bố nó ngày xưa? Sao nó không nói cho bà biết, sao lại thế Sơn ơi? Con biết mẹ có thể làm tất cả để con được hạnh phúc mà.

Cuối cùng thì Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ cũng vang lên. Màn hình nhấp nháy và Áo Chàm đang muốn nói chuyện với con bà. Chỉ còn người cuối cùng, biết đâu bà có thể tìm ra manh mối vì sao con trai bà chết. Bà phải bình tĩnh, phải dằn giọng, phải đe dọa.

"Tôi nghe đây"

"Xin lỗi hình như tôi nhầm máy. Tôi muốn gặp anh Sơn."

Giọng nói nhẹ và thanh đến vô cùng. Tiếng rơi của mây, ánh sáng của trăng và điệu cười gió heo may

"Cô không nhầm đâu cô Áo Chàm. Đây chính là số máy của Sơn."

Giọng nói này, giọng gió thoảng mây bay thế này chắc đã làm mê

hoặc con trai bà. Nhưng giọng nói của thiên thần không thể làm hại nó. Ẩn sau những bông huệ buồn bã trên bàn thờ mình, Sơn lặng lẽ nghe tiếng nói thánh thiện, lòng anh căng thẳng. Anh lo lắng không biết Thanh sẽ đón nhận tin anh chết thế nào, Thanh có đủ sức chịu đựng nổi không? Cô mong manh như một cánh huệ, nhạy cảm quá đỗi, cô sẽ thế nào. Tim Sơn thắt lại, trái tim của một linh hồn đầy trắc trở.

"Dạ, cháu có thể gặp anh Sơn được không, thưa bác?"

"Cô tìm Sơn có việc gì, cô quan hệ thế nào với con trai tôi?"

Thoáng chút im lặng. Mơ hồ tiếng thở nhẫn nhục và cam chịu.

"Thưa bác cháu là người thương yêu con trai bác."

Người mẹ giật mình sau câu trả lời. Bỗng nhiên nước mắt bà ứa ra.

"Cháu ơi, Sơn đã tự kết liễu đời mình, tang chay xong xuối hết rồi. Cháu ở đâu mà không hay biết?"

Linh hồn Sơn nhảy ra khỏi hoa huệ, run rẩy quờ quạng không trung. Người mẹ khóc nức nở. Thinh không tĩnh mịch, sóng điện thoại chập chờn lên xuống.

"Mô Phật, xin bác đừng quá đau buồn. Phật đã dạy đời là bể khổ nhưng nỗi khổ nào cũng kết thúc. Sơn đã tự giải thoát cho mình khỏi kiếp này. Ngày mai cháu sẽ đến nhà thăm gia đình, thắp nhang cho anh ấy nếu được bác cho phép, mô Phật."

Tiếng gõ mõ chầm chậm vang lên cùng lời cầu nguyện. Sơn biết Thanh đang chìm đắm vào cõi không có gì, một cõi vô hình. Anh muốn chạy đến căn nhà gạch đỏ rêu phong trong khu vườn tĩnh mịch, bước qua cánh cổng sờn cũ, vuốt mái tóc đen nhức mắt chảy tràn của Thanh. Mái tóc mà đã hai lần sư trụ trì Chùa Giác hoa từ chối cắt. Thầy bảo Thanh còn mắc nợ nhiều chuyện nhân gian, mang nặng kiếp đời phàm tục chưa thể xuống tóc làm người tu hành. Giây phút này Sơn nhìn thấy mái tóc ấy vương dài ra tựa dòng sông huyền hoặc, bên trong mái tóc ấy có trái tim co thắt lại đón nhận những giọt nước mắt chảy ngược vào trong, trí óc thì cố đưa thân xác đến chốn chẳng có gì. Anh thương cô gái thông minh, đa sầu đa cảm ấy xót xa. Không phải tình thương yêu trai gái mà là sự quý mến, sự cảm thông, sự thấu hiểu, sự hòa hợp của hai tâm hồn nhạy cảm. Sơn nhớ trước Tết quãng một tháng Thanh đã đưa anh về căn nhà ngoại thành cô tịch một thân một mình của cô, mời anh uống trà ướp hương bưởi, nhẹ nhàng ngồi đối diện anh, đôi mắt to sáng vu vơ niềm khắc khoải. Thanh nói bằng giọng nói nhẹ như gió thoảng rằng trải qua nhiều mất mát và bội phản của con người, cô không còn tin ai nữa, cô không đủ sức chống chọi, cô quá yếu đuối dù trái tim luôn khát khao được sống, được yêu. Chỉ có anh là người duy nhất có

M.LOANHOASỬ

qua sông

vác cày mà lội qua sông
cày không rớt được nặng lưng nặng người
em à em đã chán tôi
cũng đành nước chẩy huê trôi em à?

thể mang lại cuộc sống bình thường cho cô, cuộc sống có mái nhà ấm cúng, tiếng reo đùa trẻ thơ và những cái vuốt tóc dịu dàng. Sơn như hóa đá trước lời thì thầm gan ruột của Thanh. Anh nói anh còn yếu đuối hơn cô nhiều, anh không đủ mạnh mẽ để che chở cho tâm hồn dễ thương tổn của cô. Anh là người yếu hèn, anh không xứng với sự yêu thương thánh thiện của cô. Nếu cô gắn bó với anh chắc gì cô đã hạnh phúc. Hay là anh chỉ mang thêm cho cô những niềm đau? Thanh nghe giọng anh trầm tĩnh, ánh mắt dịu hiền đến không thể hiền và dịu hơn được nữa. Rồi cô mỉm cười, hàm răng đều đặn trắng như sứ. Cái cười không phải của kẻ phàm trần. Đến bây giờ chắc Thanh đã tin anh là người yếu đuối hơn cô, yếu đuối đến mức không đủ can đảm lê vào cửa Phật như Thanh mà đã tự giải thoát cho mình. Trong khu vườn tịch mịch cây cối xưa cũ, linh hồn Sơn quanh quẩn cả đêm. Vết chân tâm linh anh hằn vào cô độc ngôi nhà hình hoa sen kỳ diệu.

*

Sáng mai người mẹ mặc áo dài xanh da trời đi lễ. Phố sáng bừng, thứ ánh sáng linh thiêng mà Chúa ban phát cho ngày mùa đông. Đêm qua bà ngủ ngon kỳ lạ. Không còn sự dằn vặt tại sao con trai bà lại chết trẻ, có phải Chúa bắt nó vì lỗi lầm bà đã bỏ Người khi xưa. Chiếc điện thoại nhỏ xinh xắn yên lặng trong ngăn kéo. Nó sẽ chẳng bao giờ còn ngân nga Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ. Hành khúc ấy đã bước vào hư vô. Bà tin rằng con trai bà đã thực sự lên Thiên đường và đang hạnh phúc trong nước Chúa dưới ân phước của Người. Người đàn ông tàn tật bên cây sấu già ngước mắt trông lên nóc nhà thờ chỗ đầu cây thánh giá vút lên bầu trời trong xanh. Khi người mẹ bước ngang qua cây sấu, người đàn ông chỉ tay lên nóc nhà thờ nói trong tiếng cười viên mãn: "Con vừa nhìn thấy một linh hồn bay lên thiên đường, thưa bà."■

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

xuân ca

"từ đỉnh chiếc dù của bi-ca nàng-xiếc-mùa-xuân đang đu xuống."

đó là trò ví-von của em về nỗi hân-hoan của đời với những mũi xanh non nau-náu rứt toát từ chiếc áo dài lông cừu già cỗi mà mùa đông đa tình vụng nói vụng tính khổ lòng lo lót cho; tôi lúng-túng không biết vay mượn từ đâu đôi kính sương để nhìn thấy ý ngụ trong lời em: sự đầu-tư năng-lực kỳ tuyệt của màu-đen-là-chiếc-nôi-của-màu-hồng (trong đó đang ngó-ngóe vạt lưng linh-thiêng chờ đến phiên ưỡn ngực).

tôi ngượng-ngạo bịa cớ gió thơm về làm cay mắt kiếu-từ sớm ghé thư-viện tra hết trăm quyển tự-vị bề-thế kiêu-sa đứng trấn thủ trên trăm giá gỗ chung quanh: mùa xuân được đồng-nhất định-nghĩa là cuộc đầu-thai của cái-chết-vừa-chết 90 ngày trước đó

(vậy, ngay trong định danh của nó, mùa xuân đã mang sẵn tính đổ, vỡ để trường-tồn).

chuyến xe hàng chạy bằng năng-lượng-mặt-trời đến ngang tôi thì thả khói tròn định tàng hình tôi; trong khói tôi nghe được lời điệp: mùa xuân đang tấm táp và sẽ hạ thế trong căn phòng tôi vắng vẻ, hử! tôi lãnh cảm chần-chừ gì mà không phi nước kiệu về chào? ừ, nếu thế thì tôi có cơ mà cảm ơn buồng phổi đã bơm hơi và độn tôi suốt 90 ngày qua nổi lềnh trên dòng sông non-nã để lúc này, thời-gian tuyển lọc, còn ngửi được hơi tiết vàng giáng-sinh (chỉ là trùng tự, không hàm nghĩa tôn-giáo).

rảnh tâm rồi, nhớ lại những gì em kể bên tôi (mọi gấm hoa em hái dọc đường đi được em chuốc cả vào: màusắc, dánghình, kíchthước: mỗi một loài là mỗi đặc-thù); tôi nghe mà cảm thấy chòm râu xuân rất thọ quét bong trời (lung-lay cả bọc giấy điều lì-xì trong túi áo của cậu-học-trò-tôi); chín chín trong trăm lần thì mi nhấm tay chắp vái tạ; lần cuối cùng thì tựa như gối băng tự tạo nên địa-chấn, rạn; từ sợi rỉ li-ti kia, từ hành động bình thường của mỗi chúng ta là giữa im ngủ, cựa mình, thì ('vô phúc' sao là) tôi nếm được cái mà em trước kia tước bỏ, giả tảng làm ngơ: ấy chính là sự-dịu-dàng-cam-chịu-lành-lặn-bẩm-sinh của kẻ si mê. Nhờ em, tôi bắt đầu nghi-vấn, vì lẽ gì con người xông-pha đến vậy mà yên nhiên trùm chăn ủ ấm trong nôi của mùa?

ít ai hoài-vọng mua vé trở về rồi không làm chuyến lên đường lại; mùa xuân bất-tử là vì có nguồn nhớ vắng trong mọi cõi; mùa xuân được em khâu-vá vào sự-trở-dạ-của-mặt-sau-của-nỗi-thống-khổ là ước-ao tìm gặp.

đòn rơi ngờ-vực (quả táo đời chua-và-quáng-lưỡi đâu thua quả táo trời!) đập tôi vỡ trán thánh-thót ngân rằng tôi yêu em là tự-nguyện và có-ý-thức

(như thế thú-vị hơn nhiều chứ em cái mà hồi xưa tôi chấp-nhận như một định-đề là yêu em trong thân-phận kẻ tội đồ hôn-muội)?

tháng bảy, 04

bay

CỔ NGƯ

Ánh sáng yếu dần. Ông cảm thấy những ngón bé nhỏ của bàn tay Mimi đang cố xòe ra thật lớn để càng lúc càng bấu chặt lấy cườm tay ông. Đèn vừa tắt hẳn. Cuốn phim bắt đầu.

Thằng bé há hốc mồm nhìn lên màn ảnh. Peter Pan chao liệng, đáp nhẹ lên đám mây, rồi thoắt cái, lại vút vào không trung. Mũi hỉnh. Tóc cháy nắng hung hung râu ngô. Thằng bé thấy nó đó, chính nó đó, đang bay, đang quần thảo với bọn cướp biển, đang múa hát bên ánh lửa bập bùng cùng bộ lạc da đỏ. Chỉ cần một chút phấn tiên, những đứa trẻ bình thường như nó bỗng trở nên nhẹ như giấy, như bông, bay lên, bay lên. Dễ dàng vậy thôi sao? Đơn giản vậy thôi sao?

Tuổi thơ đi qua. Giấc mộng con lớn dần theo năm tháng. Peter đã chiếm một chỗ đứng vững chắc trong thế giới những thần tượng: Vua Quang Trung, Đức Trần Hưng Đạo, Napoléon Đại Đế, Thuyền trưởng Ulysse, Hiệp sĩ Zorro, Người rừng Tarzan... Bây giờ hắn hiểu, không tìm đâu ra được phấn tiên trên cõi đời này, nhưng, lơ lửng giữa tầng không gian kia, con người đã thực hiện được mơ ước. Hắn phải thực hiện được mơ ước. Thành phi công thời chiến, hắn bay. Dưới mắt hắn, không phải Xứ Huyền Hoặc, mà trải rộng từng địa danh, hải danh hắn đã thuộc nằm lòng. Tấm bản đồ địa lý mở ra những khung trời bát ngát. Có khi đó là biển bạc buổi bình minh hắt sáng, rực một vùng. Có khi, vượt một núi mây, trời quang bất ngờ, đồng ruộng bày ra bàn cờ từng ô mạ xanh chuyển màu đuổi nhau xa tít tắp. Đất phương Nam, trù phú sông ngòi, chằng chịt kinh lạch, mênh mông ruộng, rừng. Đôi lúc, hắn tưởng mình là một giống cò, hay chim hồng, chim lạc huyền thoại, dang thẳng cánh dọc dài theo gió, nghiêng chao cùng màu diều giấy tuổi thơ... Nhưng, những phi vụ hắn liên tục thực hiện gặm mòn dần cái cảm giác lâng lâng bay bổng ấy đi. Không chỉ có tơ trời. Không còn đơn

thuần là đánh kẻ gian ác, cứu người hiền lương. Hắn biết, những khối bom mà hắn nhấn nút trút xuống dưới cánh phi cơ đã phá nát, đốt tiêu rừng rậm, ruộng đồng, làng mạc của chính quê hương hắn. Kẻ thù có thể bị vùi dập, nhưng những người dân lành, những con trâu, con nai vô tội, có thoát khỏi sự hủy diệt của chiến tranh không? Kẻ thù. Hắn nhớ đến thằng Vọng, thằng Mùi, những thằng bạn phố cửa Đông đã cùng hắn mê say Peter Pan trong cái rạp ciné Majestic cũ kỹ của thành phố Nam Định. Chúng nó ở lại. Những kẻ đứng bên kia lằn ranh của trò chơi u mọi. Đương nhiên, biến thành kẻ thù. Hắn cũng không quên Hào, Mến, Tuyển, những đồng đội còn trẻ măng, những đứa bé vừa kịp lớn, đã vội quên mất hạt phấn tiên, để một ngày tan xác giữa không trung, mất dấu. Đôi khi, hắn nghĩ, phải tập quên đi gương mặt vài đứa bạn-tử thù, mấy đồng đội-tử sĩ, để có thể tiếp tục sống, thi hành nhiệm vụ, làm tròn những bổn phận ngày càng nặng nề chồng chất, ngày càng xa lạ khó hiểu. Cứ thế, hắn đi qua chiến tranh, nỗi đau vón lại thành những mảnh than ngún úm kỹ trong từng nếp óc, đôi khi bén lửa cháy phừng từ hốc mắt đỏ ngầu, rừng rực giữa khuôn mặt trơ lì gỗ đá.

- Ông ơi, nhìn kìa, Peter Pan!

Peter Pan xuất hiện đúng lúc, cứu Jane trước khi cô bé rơi xuống biển, như đã từng làm vậy với Wendy, năm mươi năm trước. Năm mươi năm rồi sao? Peter Pan trước mắt ông vẫn tươi nguyên, không một nếp nhăn, không một sợi tóc bạc. Peter Pan vẫn bay bổng, nháy mắt, mỉm nụ cười trẻ thơ, tinh quái. Chỉ có ông, lụn xuống với đôi chân xiêu. Còn cánh lông đã rời rã từ muà lửa tháng Tư năm ấy. Mặt trời chân lý thuộc về người phía bên kia chiến tuyến, ông đứt hơi khi trò chơi tàn cuộc, đời đâm thẳng xuống vùng đêm. Đáy vực... Cái bóng xanh đang vun vút trên màn ảnh kéo ông lao ngược thời gian để tìm về những khuôn dáng cũ. Mùi ơi! Vọng ơi! Chúng mày còn sống không, hay đã chết vùi chết dập đâu đó sau từng ấy năm sắt máu? Đứa nào cũng muốn sắm vai anh hùng, đóng giả Peter Pan, chứ đời nào chịu làm hải tặc, dù cho đó có là thuyền trưởng Móc Sắt lẫy lừng trời đất, phải không? Những trò trẻ, đánh bi đánh đáo, giận hờn, gây gổ, bươu đầu sứt trán, rồi gươm gỗ dao nhựa thoắt cái được thay bằng súng bom, đạn mìn. Máu không còn chảy từng giọt ở những vết thương trầy da, máu phun thành vòi từ các lỗ sâu toác thịt. Đã ba mươi năm, cảnh ấy không còn, nhưng sao ông không thoát khỏi nỗi ám ảnh cứ nằm chực ở đó, chỉ rình đợi lúc trí tưởng bất đầu lan man là nhảy xổ vào, bày biện xương máu. Có nhiều đêm, ông lăn từ giường xuống, ú ớ khua chân vung tay. Không thiếu những lần, mồ hôi đầm đìa cả khoảng lưng áo. Một phần ba cuộc đời của ông,

khoảng thời gian thanh xuân nhất, phơi phới nhất, đã bị phí hoài, tiêu cháy trong chiến tranh, tù tội. Đôi khi, ông tự hỏi: cứ như Hào, như Tuyển, như Saint-Exupéry, mất tích trong một phi vụ, nghĩa là mãi mãi bay cao, mãi mãi là Peter Pan, là Hoàng Tử Bé trong tâm trí những kẻ còn ở lại, có khi lại đẹp hơn, thơ hơn. Sống thêm, liệu có ích gì, khi hoài bão sụp đổ, ước mơ gãy vụn, mỗi đêm đến là mỗi lần hãi hùng chờ đợi sự trở về của cơn mộng ác?

Ông nhìn xuống Mimi. Mắt nó to tròn, lóng lánh phản chiếu ánh sáng. Những sợi lông mi cong mướt. Ông biết Mimi đã tự nhập thân vào Jane. Mắt nó vui, buồn, lo lắng theo từng hành động của cô bé bướng bỉnh trên màn ảnh. Thằng bé mơ làm Peter Pan trong ông đã chết lâu rồi, nó không sống nổi qua những bể dâu. Bây giờ, có lẽ ông chỉ còn trông đợi nơi Mimi một chút lây lan hồn nhiên, mà chỉ ở độ tuổi của nó mới có thể hào phóng ban phát cho mọi người chung quanh. Ông cảm thấy gần gũi cháu gái nhiều hơn với hai đứa con của mình. Thằng Thế lớn lên trong chiến tranh, khi ông rày đây mai đó với phi đội. Con Thương lớn lên trong hòa bình, khi ông chuyển từ hết nhà tù này sang đến trại cải tạo khác. Chúng nó lớn lên, hầu như không thấy mặt bố. Còn ông, chưa bao giờ theo kịp được nhịp tăng trưởng của các con. Có những khoảng trống, ở đó, ông chịu trận, mù tịt, không mong tìm được gì trong ký ức, hình ảnh đôi kính cận đầu tiên của Thế hay những bước chân lẫm chẫm bụ bẫm của Thương chẳng hạn, chỉ là những góp nhặt, sao chép từ lời kể, từ những tấm ảnh mà vợ ông gửi kèm vào thư; ông không sao tưởng tượng ra được chúng trong một không gian ba chiều. Tất cả dẹp dí trên mặt giấy, và đã tiêu cháy từ lâu. Với Mimi, ông sống kề cận từng ngày, từ hơn bốn năm nay. Ông thấy nó mọc từng chiếc răng, chuyển từ tã giấy sang quần lót, tập nói rồi hát véo von, vẽ loằng ngoằng và tô xanh tô đỏ từng con gà con cá. Ông vui sướng thoát khỏi giấc đêm, sáng sáng dẫn cháu đến trường, xế trưa đã nôn nả chờ giờ tan học. Mimi có ông, có bà, có *papa*, có mẹ quây quần cạnh bên, hạnh phúc giản dị mà trước kia, cả vợ chồng ông, cả Thế cả Thương không cách nào với nắm được. Sau chiến tranh, sau tù tội, khi ông vừa bắt đầu một cuộc sống bình thường của người chồng, người cha, cũng là lúc các con trưởng thành, vào đời bay nhảy. Rồi chuyến ly hương, nơi ăn chốn ở mới, chuyện học, việc làm... đẩy các con ông dần xa hơn nữa. Có lẽ cho đến cuối đời, khoảng cách giữa ông và các con không bao giờ có thể thu hẹp xít xao để được tiêu biến. Ông biết gì về Thế? Ông đã kỳ vọng nhiều ở nó. Những ngày về phép hiếm hoi, ông cố rèn thằng trưởng nam bằng thứ kỷ luật sắt của quân đội. Ông cấm nó mặc quần

áo đẹp. Ông cấm nó thổi nến ngày sinh nhật. Ông cấm nó khóc trước mặt người khác, dù lạ dù quen. Vậy mà khi ông tròng sợi dây chuyền thép có móc chiếc thẻ bài khắc tên Mến vào cổ thằng con trai của bạn, ông đã không kềm được nước mắt. Thương cho đứa bé mồ côi trạc tuổi con mình, thương bạn hay tủi thân, ông cũng chẳng rõ. Nhưng khi ấy, ông thấy rõ ràng Mến ngồi đó, búng *guitare* hát một bản tình ca, đứng dậy, cất đàn, ra phi đạo, leo lên máy bay, vút vào núi Chúa, tan tành. Không đầy một chớp mắt. Đứa con của Mến mất cha, con trai của ông không có quyền thản nhiên sung sướng, ông đã quyết định, rõ ràng và đơn giản như vậy. Nhưng thật sự, sau mấy mươi năm, ông biết gì về Thế? Ông đã hét vào mặt nó: "Tao từ mày, thằng khốn nạn, thật nhục nhã, nhà này có bao giờ lại sản sinh ra mấy đứa lại cái!" khi Thế muốn giới thiệu với vợ chồng ông người bạn trai mà nó đã chung sống từ mấy tháng nay, ở Paris. Thế nhìn bà, nhìn ông, đôi mắt của nó ngân ngấn nước sau tròng kính cận. Nó lẳng lặng đi, cúi đầu, khép cửa. Thằng con trai trưởng, ít nói, rụt rè, cứ lúng ba lúng búng mãi mới xong điều nó muốn kể, để nhận lấy sự trừng phạt thẳng tay. Bà không nói gì với ông mấy ngày liền. Rồi cũng nguôi ngoai. Một hôm, đọc báo, thấy viết "...Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến các trẻ trai yêu người cùng phái, là việc các em không được dịp gần gũi hoặc không được sự quan tâm đúng mức của người cha. Sự thiếu vắng tình phụ tử sẽ dẫn các em đến việc đi tìm sự bù đắp ở bạn bè cùng phái, hoặc ở những người lớn tuổi hơn...", ông ngồi lặng lẽ khóc. Đổ lỗi cho ai bây giờ? Cho chiến tranh? Cho tù ngục? Và lỗi của ông, bao nhiêu phần trong đó? Ông rủ bà lấy vé xe lửa lên Paris thăm Thế. Nhìn vào mắt, ông biết nó và ông đã thông cảm, tha thứ lẫn nhau. Nhưng còn ước mơ có một thằng cháu đích tôn nối dõi tông đường, làm sao có thể thực hiện được bây giờ? Dòng họ đã ba đời độc đinh của ông, đến đây chắc phải dứt.

Thương lấy Tây. Ông bất bà không được đi dự đám cưới. Lần đầu tiên trong cuộc sống vợ chồng mấy mươi năm, bà lớn tiếng phản đối, nhất định có mặt. Ông cáo bệnh, nằm nhà. Và hối hận. Ông đến nơi khi tiệc gần tàn, cô dâu chú rể bắt đầu tiễn khách về. Thương khóc nhòe cả bộ mặt được trang điểm kỹ lưỡng. Ông bắt tay André, và, đột ngột, ôm chầm lấy rể, vỗ vỗ lưng, lặp đi lặp lại lời xin lỗi. Thương thút thít trong vòng tay ông, nồng mùi thơm của nước hoa, son phấn và keo xịt tóc. Hình như chưa bao giờ ông kề cận con đến như vậy. Thương. Không phải ông đặt tên cho con. Giữa khi chồng tù tội, một mình xoay sở, con dại cái mang, ông vẫn không hiểu tại sao bà lại chọn tên Thương cho con. Những đứa bé sinh vào năm ấy mang tên Hòa Bình, Toàn Thắng,

Thống Nhất. Con gái ông tên Thương. Yêu Thương hay Đau Thương? Con bé Thương ngày nào ngồi gọn trên gác lửng nghịch búp-bê nhựa, nhìn ông về đứng trước nhà với bộ quần áo vá, gậy vác vai, một đầu lủng lẳng tay nải, đầu kia giỏ lan rừng chăm chút nơi lán trại, gọi với vào trong: "Mẹ ơi, nhà có khách!" Con bé Thương của ông, thuở ấy, chưa biết mặt bố. Mãi một tuần sau, nó mới dám mon men đến gần, tin tưởng chọc ngón trỏ nhỏ xíu, trắng ngần của nó vào giữa lòng bàn tay đen đúa, chai sần của ông, rủ chơi "chi chi chành chành", trò chơi tuổi thơ mà ông chỉ còn nhớ lõm bõm vài câu cuả bài vè, chữ còn chữ mất.

Bây giờ, bàn tay của Mimi nằm ngoan trong tay ông. Lũ cướp biển bị đánh đuổi. Peter Pan đưa Jane về nhà, gặp lại mẹ Wendy. Bố cũng về sau chiến tranh. Kết thúc đẹp. Mimi rút tay, vỗ rối rít, miệng tía lia: "Phim hay quá ông ơi! Cháu muốn làm Jane! Cháu muốn làm Jane!" Ừ, Mimi ơi, cháu đang là Jane đấy, yên vui với mẹ với cha. Nhưng còn ông, còn viên ngọc ước biến thành Peter Pan trăm tuổi cứ trẻ mãi không già, mãi nhanh như chim, nhẹ như gió kia, ông đã lỡ tay để chìm mất từ lúc nào chẳng rõ, giữa những đợt ác mộng vẫn trở về, cuồng nộ mỗi đêm.

MASSY 05.2004

Sách mới của **Trần Sĩ Hải**
do nhà Hương Văn vừa xuất bản:

Đường Thanh Niên
"Những suy nghĩ của một người trẻ về quãng đường đã đi qua và con đường sẽ tới của thanh niên Việt Nam"
Sách dày 134 trang, giá 12 Mỹ kim.

Quản trị học nhập môn
sách dành cho những người làm công tác quản lý và sinh viên
Sách dày 206 trang, giá 15 Mỹ kim.

Tiếp thị và Quản trị Thương mại
Sách dày 212 trang, giá 15 Mỹ kim.
Địa chỉ liên lạc mua sách: Lam Tran (check đề Lam Tran)
PO Box 2104 Westminster CA 92684

phùng quán, tố hữu và nguyễn khoa điềm

SỔ TAY
TƯỞNG NĂNG TIẾN

Có lần, tôi nghe Phùng Quán kể chuyện "Xông Đất Nhà Thơ Tố Hữu" - đại lược - như sau:

"Sáng mùng một Tết năm Canh Ngọ. Như thường lệ, vợ chồng chúng tôi xuất hành vào 9 giờ sáng, đến chúc Tết những gia đình họ hàng nội ngoại. Năm đó, chúng tôi quyết định xông đất đầu tiên gia đình nhà thơ Tố Hữu."

"Trong mối liên hệ gia tộc, tôi gọi nhà thơ bằng cậu... Mọi năm, trên đường đi chúc Tết, tôi vẫn thường đạp xe đi qua trước cổng biệt thự của nhà thơ trên đường Phan Đình Phùng. Cảnh tượng tưng bừng, tấp nập trước cổng biệt thự tôi không tả nổi; chỉ đoán chắc cả Hà Nội cũng chỉ năm bẩy nhà sánh kịp mà thôi ..."

"Nhưng tết này, trước cổng biệt thự của nhà thơ quang cảnh vắng teo. Không có chiếc ô tô con nào, không công an cũng chẳng lính cảnh vệ. Cái cổng sắt mọi ngày nom như hẹp hẳn lại, hai cánh cửa khép hờ, ai vào cứ việc đẩy cửa mà vào y như thể dân thường. Hai vợ chồng chúng tôi xuống xe đạp đứng tần ngần một lúc trước cổng sắt."

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo.

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...

"Hai câu thơ của bà huyện Thanh Quan bỗng đột ngột hiện ra trong trí nhớ của tôi với toàn bộ vẻ đẹp u trầm và sâu sắc đến kinh người của nó..."

"Thưa cậu, năm mới vợ chồng cháu xin đến chúc Tết, mừng tuổi cậu mợ và các anh chị..." Sau ba mươi năm không gặp lại, nhà thơ vẫn nhận ra tôi. "Vợ chồng Phùng Quán" – nhà thơ nói như muốn giới thiệu luôn với mấy người khách – Sao lâu nay cháu không đến cậu?" Giọng nhà thơ ân cần, có pha chút trách cứ của bề trên..."

"Sau khi khách khứa ra về chỉ còn lại ba cậu cháu. Tôi đã uống đến ly Ararat thứ năm. Rượu bắt đầu ngấm làm tôi trở nên mạnh dạn. Tôi hỏi nhà thơ câu hỏi tôi muốn hỏi từ lâu: - 'Thưa cậu, cháu rất muốn biết, bây giờ thực sự cậu mong muốn điều gì?'. Một thoáng trầm ngâm nhà thơ nói: 'Cậu ao ước còn đủ sức khỏe, đạp một chiếc xe đạp về trong quê mình, sống lại kỷ niệm của thời ấu thơ, thời hoạt động sục sôi của tuổi thanh niên, rồi đặt những bài vè... tìm đến nơi đồng bào, bà con tụ tập, đọc lên cho bà con nghe... Cậu mong muốn được làm người hát rong của nhân dân...'

"Có lúc nhà thơ đã đạt đến chức Tam Công trong bộ máy quyền lực của đất nước, nhưng cuối đời lại chỉ mong ước được làm một nghệ sĩ hát rong của nhân dân mà không hy vọng thực hiện được. Trong khoảnh khắc đó, lần đầu tiên tôi lĩnh hội được hết vẻ cao sang của thi ca đích thực."

"Vợ chồng tôi xin phép cậu ra về... Bước xuống khỏi những bậc tam cấp, nhà thơ nói với vợ tôi: 'Thằng Quán nó dại...'. Khi ra gần đến cổng sắt, nhà thơ dừng lại, nói tiếp như vẫn không dứt dòng suy nghĩ của mình: -mà cậu cũng dại" (Ngô Minh et al. Nhớ Phùng Quán. Phương Nam Corp., 2003).

Nếu được sống lại đời mình, và cũng ở vào hoàn cảnh cũ, tôi tin rằng Phùng Quán sẽ vẫn cứ "dại" y như thế, nhưng Tố Hữu thì chưa chắc. Ông ấy đủ khôn ngoan để biết rằng *"mong ước được làm một nghệ sĩ hát rong của nhân dân"* sẽ không thể thực hiện được, nếu cứ tiếp tục dại dột làm những câu vè (bậy bạ) kiểu như:

Vui biết mấy khi nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin!

Nếu Tố Hữu không phải là một người làm thơ, không phải bận tâm đến chuyện hèn mọn hay "cao sang của thi ca" thì sự dại dột của ông cũng... tốt thôi. Ông được ban phát bổng lộc hậu và chức quyền cao nhờ thế. *"Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt"* thì lại là chuyện khác.

Để ở nhà cao cửa rộng, để *"đạt đến chức Tam Công trong bộ máy quyền lực của đất nước,"* Tố Hữu không chỉ sống xa rời nhân dân mà còn nhúng tay vào vào (hơi) nhiều tội ác. "Nhìn Lại Vụ Án Nhân Văn – Giai Phẩm Cách Đây 40 Năm", có người đã viết như sau:

"Trong cái bể bộn rối rắm của sự việc, chân lý lại thường ở dạng rất đơn giản. Tôi đã thấy được cái đuôi chuột thò ra ở sự cấm đoán sáng tác nghiệt ngã với anh em Nhân Văn – Giai Phẩm kéo dài quá đáng. Những 30 năm. Nhờ vậy mà tôi nhìn

ra cái mạch ngầm, cái cốt lõi, cái nguyên nhân xâu sa, là sự đố kỵ tài năng, được phủ đậy lên bằng tấm màn đấu tranh tư tưởng, đấu tranh giai cấ ... Ông Tố Hữu lãnh đạo thời đó, hẳn phải biết tài thơ của các ông Hữu Loan, Quang Dũng, Hoàng Cầm, Trần Dần, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Quán... Nếu mà họ tồn tại thì thơ của ông khó mà được suy tôn như người ta đã suy tôn. Vậy tốt hơn hết là triệt đi, không cho họ viết báo in sách nữa..."

"Tiếp theo là bắt bớ, tù đầy, và hàng loạt văn nghệ sĩ phải đi cải tạo lao động ở các nhà máy hoặc ở nông thôn trong nhiều năm trời. Sau nữa là sự quản thúc, sự cấm đoán sáng tác kéo dài hàng vài chục năm. Đến khi được cởi trói cho văn nghệ sĩ thì nhiều người đã đầu bạc, da nhăn nheo, người thì bại liệt; người tâm thần; có người chết trước khi được cởi trói..." http://diendandanchuvn.com/sangtac/HoangTien/HT-nhinlaivuNVGP.htm).

Nhận xét này của nhà văn Hoàng Tiến tuy không sai nhưng thiếu. Đó *"chỉ là phần nổi của một tảng băng sơn."* Phần chìm của nó *"là cả một nền văn học, nghệ thuật giáo dục, đạo đức của miền Bắc bị lụn bại, méo mó, què quặt và hầu như cả một thế hệ trí thức, văn nghệ sĩ miền Bắc bị đánh gục, bị dìm trong nỗi sợ triền miên."* (Trần Minh, "Nhân Văn - Giai Phẩm, Một Tư Trào, Một Vụ Án, Một Tội Ác," *Thế Giới Ngày Nay*, Nov. & Dec. 1994).

"Vụ án" này lịch sử chưa xét đến nên Tố Hữu đã lo trước việc "chữa chạy" với hy vọng được giảm khinh hay trắng án. Cũng theo Hoàng Tiến, người đã có dịp đọc bảo thảo "Nhà Thơ Tố Hữu Tâm Sự" (viết xong vào tháng Năm năm 1977) thì Tố Hữu vào lúc cuối đời *"hoàn toàn khác với Tố Hữu đã sống trước đây... có hai Tố Hữu khác hẳn nhau như nước với lửa, như lòng bàn tay với mu bàn tay... Trong lời tâm sự Tố Hữu, Nhật Hoa Khanh ghi không thấy lời nhận lỗi hoặc xin lỗi những nạn nhân trước đây của mình, ai cũng được ông Tố Hữu đánh giá rất cao, chỉ thấy khen là khen. Những thế hệ bây giờ không biết chuyện cũ, cứ tưởng ông Tố Hữu rất tốt với mọi người, rất đáng kính và rất đáng yêu, ông không thù ghét ai, làm sao ông Tố Hữu lại có thể đánh những tài năng văn nghệ như anh em Nhân Văn – Giai Phẩm được?"* ("Sự Thật Ở Đâu?" http://www.geocities.com/hoangmaidat/opinion/0730hoangtien.html).

Tôi e rằng Hoàng Tiến đã lo xa quá, và sự lo lắng này không cần thiết. Mọi cố gắng gian giảo để "phi tang" của Tố Hữu đều đã muộn màng và (hoàn toàn) vô ích. "Sự Thực Ở Đâu" ai mà không biết.

Tôi biết nó, cả nước này biết nó
Việc nó làm tội ác nó ra sao?

Hai câu thơ vừa dẫn [viết về Người (khác)] bỗng chợt hiện - dù tôi đang không ngồi trong phòng thẩm vấn - và tiện tay nên tôi ghi lại chơi cho vui vậy thôi, chứ thực không có ý muốn mượn lời Nguyễn Chí Thiện để luận tội hay kết án gì nhà thơ Tố Hữu. Chúng tôi sinh ra và sống trong một thời đại mà mọi người đều vội vã. Không ai rảnh để đi đá vào những con chó chết.

Tôi xin dùng thì giờ có được hôm nay để nói chuyện với ông Nguyễn Khoa Điềm, Ủy Viên Bộ Chính Trị, Bí Thư Trung Ương Đảng, và là kẻ đang giữ chức Trưởng Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương. Cũng như ông Tố Hữu, ông Nguyễn Khoa Điềm – xem chừng - cũng... dại!

Phải đợi đến bốn mươi năm, Hoàng Tiến mới nhìn ra "cái tâm" của Tố Hữu trong vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm nhưng chỉ cần bốn ngày sau chuyện tường lửa xảy ra với website *talawas* thì mọi người đều thấy được "tấm lòng" của ông Nguyễn Khoa Điềm.

Vì phở quốc doanh không người ăn, cà phê quốc doanh không người uống, cửa hàng quốc doanh không có hàng bán, tu sĩ quốc doanh không có tín đồ, bác sĩ quốc doanh không có bệnh nhân, văn sĩ và thi sĩ quốc doanh không có độc giả, web site quốc doanh không có người xem...; do đó, ông Nguyễn Khoa Điềm đã dùng đến "hạ sách" là dựng tường lửa để ngăn những trang webs (đất khách) ngoài vòng kiểm soát của mình.

Và đó chỉ là chuyện nhỏ. Người ta có thể nhìn thấy con người của ông Nguyễn Khoa Điềm - qua nhiều chuyện nữa, tệ hại hơn - trước đó. Xin đan cử một thí khác.

Tối mồng một Tết nguyên đán Giáp Thân (2004), Hà Nội đã long trọng tổ chức buổi Lễ Trao Giải Thưởng Cuộc Thi Trí Tuệ Việt Nam do ông Nguyễn Khoa Điềm chủ tọa. Giải nhất được trao cho nhóm người "sáng tạo" ra phần mềm (software) "Hệ Thống Quản Trị Nội Dung". Họ là bốn sinh viên, gọi là nhóm iCMS. Đây vừa là tên nhóm vừa là tên sản phẩm của họ: Content Management System.

"Tôi nhớ một chi tiết hôm xem lễ trao giải được truyền hình trực tiếp. Khi nghe đọc tên nhóm trúng giải, đề tài và lời giải thích sản phẩm trúng giải, anh tôi la lên: 'Thấy chưa, nó trao giải Nhất cho Quản lý nội dung thông tin. Hừm!' Tiếng la của anh đã gợi ý cho tôi viết bài này..."

"Đó là buổi trao giải nhiều ý nghĩa. Nó mang tên là 'Trí Tuệ Việt Nam.' Giải nhất là 'Kiểm soát thông tin.' Người trao giải là Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Trưởng Ban Tư Tưởng và Văn Hóa Trung Ương."

"Đầu não tinh túy nhất của nhà cầm quyền đã chọn việc kiểm soát thông tin làm trí tuệ Việt Nam. Nếu đồng ý ngu dốt là thiếu thông tin và do thiếu thông tin, thì họ đã muốn lấy ngu dốt làm sách lược trị nước" (Lê Lô, "Trí Tuệ Việt Nam: Hệ Thống Quảng Trị Nội Dung," *Thế Kỷ 21*, May 2004:31).

Ngoài chuyện chủ trương kiểm soát thông tin, xây dựng tường lửa - điều mà những người tiền nhiệm không phải bận tâm - thời ông Nguyễn Khoa Điềm làm Trưởng Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương, những "vụ án gián điệp", những tác phẩm bị thu hồi, và những bản thảo bị tước đoạt hay... mất cắp (xem ra) có phần "phong phú" hơn thời Tố Hữu.

"Ông Tố Hữu, là một nhà thơ trung bình, được Đảng Cộng Sản Việt Nam trọng dụng cho phụ trách công tác văn nghệ, đã dùng quyền lực cũng trấn áp tù đầy, làm thui chột đi nhiều tài năng văn học. Ông cũng kéo lùi nền văn học Việt Nam ít nhất là 30 năm, tính từ 1957 cho đến thời kỳ đổi mới mở cửa 1987."

Đó là một nhận xét khác của nhà văn Hoàng Tiến khi "Nhìn lại Vụ Án Nhân Văn Giai Phẩm". Hoàng Tiến lại đúng nhưng vẫn... thiếu. Trách nhiệm của Tố Hữu (e) không đơn thuần chỉ giới hạn trong lãnh vực văn học và cũng không phải chỉ ảnh hưởng đến một thế hệ mà thôi. Những thế hệ kế tiếp tuy không đến nỗi méo mó, què quặt nhưng (rõ ràng) rất khó nuôi vì... còi cọt.

"Vừa rồi, Bộ Kế hoạch Đầu tư công bố chỉ tiêu về trí tuệ, trình độ ngoại ngữ, khả năng thích ứng với điều kiện tiếp nhận KHKT của thanh niên Việt Nam theo tiêu chuẩn thang điểm 10 của khu vực khiến người ta giật mình: trí tuệ đạt 2,3/10đ; ngoại ngữ là 2,5/10đ và khả năng thích ứng với điều kiện tiếp cận KHKT chỉ đạt hơn 2/10đ! Điều đó chứng tỏ thanh niên chúng ta đang tụt hậu rất xa so với khu vực, đấy là chưa kể yếu tố sức khỏe, thể lực" ("Thanh Niên Việt Nam Đang Tụt Hậu Từ A Đến Z" http://tintucvietnam.com/News/PrintView.aspx?ID=52975).

Ngoài những câu thơ dại dột, và những ngôi nhà lộng gió (không thể mang theo về thế giới bên kia), hiện tượng "Thanh Niên Việt Nam Đang Tụt Hậu Từ A Đến Z" là "di sản" mà Tố Hữu (đã góp phần không nhỏ) để lại cho hậu thế. Tôi hy vọng là ông Nguyễn Khoa Điềm, một người (vẫn) còn sống, sẽ sống khôn ngoan hơn những người tiền nhiệm của mình - chút xíu.■

Trên một bàn nhỏ, cạnh áo quan, có cái ảnh phóng đại trong một khung thếp vàng, chân dung của tôi. Chẳng giống thằng người nằm trong áo quan chút nào cả. Cái ảnh cũ, hồi tôi mới tốt nghiệp, mới lấy vợ. Trẻ măng, chưa để râu. Ngay cả tôi, cũng có thể bảo rằng đó không phải là người nằm trong áo quan. Chẳng biết khi khách khứa đi qua, nhìn thằng người chết lần cuối, có nhận ra đó là tôi không. Có tới ba đứa: "tôi" xác chết trong áo quan, "tôi" trong chân dung, và "tôi", người đã chết rồi nhưng còn loay hoay đây... Chẳng biết "tôi" nào là tôi thật.

Sáng Thứ Năm vừa qua, tôi không dậy sớm như thường lệ. Hoa sờ vai tôi, hỏi: "Anh... OK?". Tôi nói: "Anh OK", rồi trở mình, ngủ tiếp. Lơ mơ nghe Hoa dậy, tiếng động nhỏ trong bếp, con chim *mocking bird* hót lảnh lót ngoài vườn, con chó nhà bên sủa vu vơ, tiếng bà hàng xóm gọi mèo... Rồi, sau đó, một khoảng trống, trống hốc, trống hoác, nay không còn nhớ gì cả. Sau này, mới biết là Hoa ăn sáng một mình xong, lái xe đi thăm đứa cháu ngoại bị sốt siếc chi đó, rồi về. Thấy nhà vắng vẻ, lặng tờ, nàng vội vào phòng ngủ, sờ nhẹ vai tôi: "Anh ơi, 11 giờ trưa rồi đó!" Nhưng tôi không trả lời, không dậy. Tôi đã chết. Và bây giờ, tôi thấy thằng người nằm trong áo quan đó, chờ được đem đi thiêu. Và tôi nghe người ta thì thầm với nhau. Về cái chết của thằng người đó.

Một ông hỏi:

- Thế giảo nghiệm bảo sao?

- *Autopsie* xong rồi. Không có gì lạ.

- Kỳ cục. Không có gì lạ!? Sao lại không? Thế anh Vinh chết vì gì? Phổi? Gan? Tim? Thận?

- Người ta không cho biết. Chính chị Hoa đưa tôi xem tờ giấy từ văn phòng quận...

- Không có gì lạ cái con khỉ! Chết phải có lý do chứ. Súng bắn, dao đâm, ung thư, viêm gan, nghẽn mạch máu... Thiếu khối gì lý do. Người ta giấu mình cái gì đây.

- Đúng! Đúng vậy. Người ta giấu mình cái gì đây. Hừm!

Hai ông ngưng bàn cãi, ngồi lại ngay ngắn, hai tay để trên gối, mặt buồn hiu.

Mấy anh nhân viên nhà quàn lăng xăng, thăm hỏi, xun xoe. Anh nào cũng "mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao".

Ngồi yên được một lúc, ông mặc bộ xám lại quay qua thầm thì với ông mặc bộ nâu:

- Này, chẳng biết thằng Bush có đánh I-Rắc không nhỉ?

- Đánh chứ. Sao không? Tụi nó chuẩn bị đâu đó cả rồi. Thù chung.

Thù riêng. Đánh là cái chắc.

- À, nghe nói bên Cali, có ông tướng, ông tá nào đó rục rịch tuyển chí nguyện quân, qua I-Rắc đánh giúp Mỹ.

- Có thế kia à? Ông nghĩ sao?

- Vô liền, chứ sao! Có chí nguyện quân là tôi vô liền. Bộ đồ ngon vậy mà lâu quá không được mặc. Kẹt cái là sắp đi "vây-cây-sân"**. Hứa hẹn cả rồi. Kẹt quá!

Hai ông bạn lại im lặng, ngồi ngay ngắn, hai tay để trên gối, mặt buồn hiu.

*

Lâu lắm rồi, tôi có nói với Hoa rằng chết, đem hỏa thiêu là hay nhất. Rẻ, gọn, sạch. Có người nói không thích. Bảo nóng quá. Nóng thì nóng thật, nghe đâu tới mấy ngàn độ F. Nhưng chết rồi, nóng, lạnh, ăn nhằm gì. Tôi đi theo mấy chàng nhân viên lò thiêu, xem họ làm việc.

Áo quan cho người chết đem đốt là thứ gỗ xoàng. Họ đẩy linh cữu vào lò, điều chỉnh nhiệt độ, bấm nút. Chiều Thứ Bảy, đốt cái xác cuối cùng trong ngày, mấy anh lò thiêu có vẻ rảnh rang. Họ ngồi uống bia, đấu láo với nhau.

Tôi nhìn ra ngoài. Sân cỏ còn xanh mướt, lốm đốm vài vạt tuyết nhỏ tuần qua. Mấy cây đào *kwansan* nở rộ. Gió lay, cánh hoa rơi đầy thảm cỏ. Những chấm hồng xác pháo. Mắt thì nhìn những cây đào xinh đẹp, nhưng tai vẫn nghe mấy thằng lò thiêu nói chuyện.

Mấy thằng quỉ! Mới dăm phút trước, nơi quàn người chết trang nghiêm như vậy mà ở đây, cũng người chết đó, chúng nó lại nói chuyện ngả ngớn, tục tĩu, chửi thề tùm lum... Sự tương phản làm tôi bật cười, thành tiếng.

Tôi nghe tôi. Nhưng không ai nghe tôi cả. Ai nấy mặt mũi buồn hiu. Tôi thử cười lớn. Chẳng ai để ý. Người sống nói, tôi nghe. Nhưng họ không nghe tôi. Vì tôi đã đi ra ngoài thế giới của người sống? Hay là vì lòng tôi nguội lạnh? Hoa ngồi đó, thỉnh thoảng đưa mùi soa lên chặm mắt. Mấy đứa con ngồi bên. Tôi nhìn vợ, nhìn con... "Chết là hết", có nghĩa vậy sao? Người chết dửng dưng với người sống. Người sống không nghe người chết, mặc dù người chết cười lớn ngay bên cạnh. Người chết quẩn quanh trong vùng câm nín của mình. Để mặc người sống đi cho hết đường đời. Một mình. Sự thật của "chết là hết", vậy đấy à? Người sống không nghe người chết, nhưng tiếc thương khôn cùng. *Không biết ba trăm năm sau, thiên hạ có ai khóc Tố Như không?* Có, có vô số người khóc cụ. Hiện nay, cụ đang ở đâu? Chết rồi, cụ đi đâu, làm gì? Cụ chết như vậy là mới chỉ gần 200 năm. Chưa tới 300. Cụ lo xa quá!

Tôi nhớ, trước khi chết, có đọc một bài tùy bút của ông bạn già. Cực kỳ thấm thiết. Nhớ mãi một hình ảnh thật linh động: "Một đợt gió xoáy qua nghĩa trang, thổi tung hai tà áo. (...) Thu vẫn đứng yên mà không đưa tay giữ áo. Cái dáng khổ đau của người đàn bà này, hình ảnh hai tà áo quần quại trong đợt gió đã dừng lại rất lâu trong đầu tôi."*** *Đã dừng lại rất lâu trong đầu tôi!* Câu này "Tây" quá. (Vì ông này trước có học và làm việc nhiều năm ở Tây Âu chăng?) Nhưng hai chữ *quần quại* trước đó vô cùng đắc địa! Bà Thu, mang kính mát, đến nghĩa trang tiễn người chồng cũ. Không thấy nói ông chồng cũ nghe, thấy ra làm sao. Bởi vì ông đã chết? Bạn tôi, tác giả bài tùy bút, còn sống nhăn răng. Làm sao biết được!

Phải chết, như tôi bây giờ, mới biết được. Thì ra chỉ người sống mới lắm chuyện: Lễ lạc, thủ tục, nghi thức, khóc lóc, tiếp đãi... để vuốt ve người còn sống. Người chết, nhẹ bâng. Như tôi bây giờ. Cái gì tôi cũng thấy tức cười. Hoa, vợ tôi, hết khóc rồi, mà cứ đều đều đưa tay chặm mắt. Mấy nhân viên nhà quàn lăng xăng, săn đón, xun xoe. Cái áo màu tươi của thằng bồ cô bé Lan. Nét mặt hầm hầm của anh Lân. Anh bực nhưng thỉnh thoảng không quên nắn nắn cục nơ cà-vạt. Mấy thằng đàn ông phét lác, tục tĩu ở lò thiêu.

Mồng một Tết. Tiết trời se se, hiu hắt. Tuy không có pháo, sân cỏ tuyết tan hoa đào rụng hồng. Mưa lâm thâm.

2003

---

*Hà Thúc Sinh, "Giấc Năm Mươi", *Ông H.O.*, Thế Giới, 1993, tr. 140

**Anh ngữ: *vacation* (ngày nghỉ, đi hưởng ngày nghỉ)

***Trúc Chi, "Gió trong hương trà", Văn học số 206, 6- 2003, tr. 59

Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha
và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam
tác phẩm viết bằng Pháp ngữ của Roland Jacques
Nguyễn Đăng Trúc, Trần Duy Nhiên, Nguyễn Bá Tùng,
Hồ Ngọc Tâm chuyển ngữ.
Định Hướng Tùng Thư xuất bản, 2 tập, tổng cộng 650 trang.
Một tài liệu nghiên cứu quan trọng
về lịch sử Công giáo và ngôn ngữ học Việt Nam.
Liên lạc: Định Hướng, 13 G rue de l'Ill, 67116 Reichsterr - France

đom đóm

MURAKAMI HARUKI

PHẠM VŨ THỊNH dịch

Lời người dịch:

*"Hiện nay, Murakami Haruki là tác giả văn-học-thuần-túy (*pure literature*) duy nhất cứ mỗi lần tác phẩm mới phát hành là đạt ngôi vị sách bán chạy nhất (*Nhật Bản*). Tác phẩm mới nhất của ông là "Kafka Bên Bờ Biển - UmibeNo Kafuka" ngay trong tháng đầu tiên (*tháng 9, 2002*) đã bán được 600 ngàn cuốn". Đó là nhận xét của Koyama Tetsurô của hãng thông tấn Kyodo News.*

Truyện ngắn "Đom Đóm - Hotaru" ra mắt độc giả năm 1983, là hạt giống sau nầy tăng trưởng thành tác phẩm đã đưa Murakami Haruki lên địa vị "siêu sao" là "Rừng Na Uy - NoruueiNo Mori" xuất bản năm 1987, tính đến nay đã bán hết 2 triệu bộ (1 bộ 2 cuốn Thượng và Hạ). Thực tế, toàn bộ truyện ngắn nầy nằm lọt trong hai chương 2 và 3 của "Rừng Na Uy", và những uẩn khúc trong truyện được giải đáp trong các chương kế tiếp.

"Đom Đóm - Hotaru" là truyện đầu tiên trong tuyển tập "Đom Đóm; Đốt Nhà Kho; và Các Truyện Ngắn Khác - Hotaru, NayaO Yaku, SonoTaNo Tanpen", được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật trong bản bỏ túi do nhà Shinchô tái bản lần thứ 32, tháng 2 năm 2003.

Ngày xửa ngày xưa... Nói cho oai vậy thôi chứ chỉ đâu chừng 14, 15 năm trước, tôi đã có thời sống trong một cư xá sinh viên. Lúc ấy tôi 18 tuổi, vừa mới chân ướt chân ráo vào đại học. Địa lý Tokyo thì hoàn toàn mù tịt, thêm vào đó chưa từng sống một mình bao giờ, nên bố mẹ tôi lo lắng, tìm cách lo cho tôi vào được cái cư xá ấy. Tất nhiên tài chính cũng là một lý do chính khác. Chi phí sinh hoạt trong cư xá rẻ hơn rất nhiều so với việc sống một mình ở Tokyo. Riêng tôi thì thật tình muốn thuê một căn phòng trọ sống một mình cho thoải mái, nhưng nghĩ đến các món tiền nhập học, tiền đóng mỗi học kỳ, thêm với khoản sinh hoạt phí mà bố mẹ sẽ phải gửi cho hằng tháng, tôi không thể đòi hỏi như ý mình được.

hai người mọit phòng, lên năm thứ ba, thứ tư thì được phòng riêng. Phòng hai người rộng cỡ sáu chiếu [3] xếp hàng dọc dài và hẹp. Tường trong cùng có cửa sổ khung nhôm. Vật dụng trong phòng thì cực kỳ đơn giản mà bền chắc. Hai cặp bàn ghế, giường hai tầng, hai tủ áo, và một kệ đóng vào tường. Trên kệ thường để máy nghe đài bán dẫn, máy xấy tóc, bình điện đun nước, lọ cà phê uống liền, soong nồi để nấu mì ăn liền, và chén bát, ly tách. Tường quét vôi, dán những trang giữa của tạp chí Playboy. Kệ sách đặt trên bàn học, có sách giáo khoa chen với vài cuốn tiểu thuyết thời thượng.

Phòng của phái nam nên nói chung là dơ bẩn kinh khiếp. Giỏ rác thì dưới đáy còn dính vỏ quít đã mốc meo, lon-bia-không thay gạt-tàn-thuốc thì đóng tàn thuốc đến cả tấc. Cà phê đóng cặn dính cứng trong cốc. Sàn phòng đầy những giấy bao mì ăn liền và lon-bia-không lăn lóc tán loạn. Hễ có gió là bụi từ sàn phòng bốc lên như sương khói. Lại còn mùi hôi nữa. Áo quần cần giặt nhét vào dưới gầm giường. Chăn màn lâu ngày không phơi phóng nên mảnh chăn nào cũng hút giữ đầy mồ hôi và mùi thân thể lưu cữu.

So với tình trạng điển hình ấy thì phòng tôi đúng là sạch sẽ khác thường. Sàn phòng không có chút bụi, cái gạt tàn thuốc lúc nào cũng được rửa sạch. Chăn đắp mỗi tuần phơi ít nhất một lần. Bút chì cắm vào lọ đựng bút cẩn thận. Trên tường thay vì hình gái đẹp thì treo hình chụp kênh đào ở Amsterdam. Được thế là vì bạn ở chung phòng là người ưa sạch sẽ đến mức bệnh hoạn. Nó giành hết mọi việc quét dọn, giặt phơi của cả hai. Tôi khỏi phải động đến một ngón tay. Tôi vừa uống xong lon bia đặt xuống bàn là ngay lập tức lon-không bay biến vào sọt rác.

Bạn chung phòng của tôi chọn ngành Địa lý học. Buổi sơ kiến, nó nói:

"Tô... tôi ... tôi học đị ... địa... địa lý".

"Cậu thích địa đồ à?" Tôi hỏi.

"Ừm, tương lai là vào Viện Đị... Địa... Địa lý Quốc gia, làm đị... địa... địa đồ".

Thế gian nầy có đủ thứ hoài bão thật. Từ trước đến nay, có bao giờ tôi thắc mắc do động cơ nào mà người ta chế ra địa đồ đâu. Đã thế, một anh chàng cứ động đến hai chữ địa đồ là lắp ba lắp bắp, mà lại nuôi chí vào làm trong Viện Địa lý Quốc gia, thì quả là trớ trêu thật. Cậu ta nói lắp cũng tùy chữ, thế nhưng mà hễ gặp chữ "địa đồ" là chắc như bắp, trăm phần trăm, lần nào cũng nói lắp.

Nó hỏi tôi:

"Còn cậu chuyên ngành nào?"

Tôi đáp:

"Kịch nghệ".

"Kịch nghệ thì là diễn tuồng đấy phải không?"

"Bậy nào. Có diễn tuồng gì đâu. Chỉ nghiên cứu kịch bản thôi. Racine, Ionesco, Shakespeare, vân vân..."

Nó nói ngoài Shakespeare ra mấy cái tên kia nghe lạ hoắc. Mà chính tôi cũng chẳng rành gì mấy cái tên ấy, thấy có ghi trên tờ khái yếu của môn học thì biết thế thôi.

Nó lại hỏi:

"Nhưng mà, chắc cậu thích ngành ấy lắm nhỉ?"

Tôi đáp:

"Cũng chẳng thích gì lắm".

Nó ngơ ngẩn. Càng ngơ ngẩn lại càng nói lắp tợn. Tôi có cảm giác đã làm điều không tốt, liền giải thích:

"Học ngành gì cũng tốt thôi. Triết Ấn Độ hay là Sử Đông Dương, ngành nào cũng tốt, đối với tôi. Chỉ là tình cờ mà chọn kịch nghệ đấy thôi".

"Khó hiểu thật". Nó nói. "Tô... tôi... tôi ấy à, thích đi... địa... địa đồ mới chọn ngành ấy đấy. Muốn thế nên mới lên tận Tokyo nầy để vào đại học, bắt bố mẹ chi cấp mọi thứ. Thế mà cậu thì lại khác..."

Điều nó nói rất phải, nên tôi dẹp chuyện giải thích thêm. Hai đứa bắt thăm xem ai nằm giường tầng trên hay tầng dưới. Nó được tầng trên. Nó hay đóng bộ cánh quần đen, áo sơ mi trắng. Cao, tóc cắt sát, xương má gồ lên. Đi học thì mặc đồng phục học sinh. Giày và cặp sách đen tuyền. Trông nó có vẻ là một sinh viên khuynh hữu, mà chung quanh lắm người cũng tưởng thế, nhưng thật ra, nó hoàn toàn trăm phần trăm chẳng lý gì đến chính trị. Ăn mặc như thế là vì nó lười chuyện chọn áo quần, vậy thôi. Quan tâm của anh chàng thu hẹp trong phạm vi những sự kiện địa lý, như là biến đổi của đường bờ biển hay là chuyện hoàn thành một đường hầm xe lửa mới. Tôi mà lỡ mồm động đến mấy chuyện đó là nó vừa cà lăm vừa thao thao bất tuyệt, từ giờ nầy sang giờ khác, cho đến khi tôi hét lên, hay ngủ thiếp đi, nó mới ngưng.

Mỗi buổi sáng, cứ đúng 6 giờ là nó thức dậy, quốc ca thay cho đồng hồ báo thức. Xem thế thì chuyện thượng kỳ mỗi sáng cũng không đến nỗi vô ích. Thế rồi nó thay quần áo, ra nhà vệ sinh đánh răng rửa mặt. Mà chuyện đánh răng rửa mặt của nó rất là mất thì giờ. Đến nỗi tưởng như nó lấy từng cái răng ra chùi rửa cẩn thận rồi mới nhét trở lại không bằng. Về lại phòng là vuốt cho thẳng cái khăn mặt, treo thẳng thớm lên móc áo. Bót đánh răng và xà phòng trả ngay ngắn vào ngăn kéo. Xong

rồi nó mở máy nghe đài, bắt đầu tập thể dục theo đài.

Tôi hay thức khuya, lúc đã ngủ thì ngủ rất say. Giờ nó bắt đầu tập thể dục theo đài thì lắm lúc tôi vẫn còn mê man ngủ. Thế nhưng, đến phần nhảy tại chỗ của nó thì tôi phải thức dựng đứng lên ngay. Chứ mỗi cú nhảy của nó, mà tay nầy lại nhảy rất cao, làm cái đầu của tôi cũng phải nhảy theo, lên xuống có đến 5 phân trên mặt gối, hỏi làm sao mà ngủ cho được. Chịu đựng đến ngày thứ tư, tôi bảo nó:

"Xin cậu. Thể dục theo đài thì làm trên sân thượng có được không? Chứ cậu làm ở đây thì tôi không làm sao ngủ được".

"Ấy, đâu có được". Nó trả lời. "Làm trên sân thượng thì tụi ở tầng ba kêu ca. Còn ở đây tầng trệt, dưới đâu có ai".

"Vậy cậu ra sân giữa mà tập".

"Ra đấy không được đâu. Dù thế nào, cũng không có đài bán dẫn để có nhạc. Mà không có nhạc thì không thể tập-theo-đài tốt được".

Đúng là nó chỉ có máy nghe đài chạy điện nhà, tôi thì có đài bán dẫn nhưng lại chỉ nghe được các băng tần FM thôi, không có nhạc cho thể dục theo đài.

"Thôi thì cậu vặn nhạc nhỏ lại, và bỏ cái khoản nhảy tại chỗ hộ tôi tí. Chứ cậu nhảy thì cả người tôi cũng nhảy tưng tưng theo ấy. Chịu phiền tí nhé?"

"Nhảy tại chỗ gì?" Nó ngạc nhiên. "Nhả... nhảy... nhảy gì kia?"

"Đấy, có đoạn cậu nhảy tưng tưng lên ấy mà".

"Nào có đâu".

Tôi cảm thấy nhức đầu, thôi thì mặc nó muốn làm gì thì làm. Nhưng mà đã lỡ nói ra rồi, đến đây mà rút lui thì cũng không được, nên tôi vừa hát bài đệm thể thao thứ nhất của đài phát thanh quốc gia NHK, vừa nhảy tưng tưng trên sàn phòng.

"Đây, đoạn nầy nầy. Có đấy chứ sao không".

"À, có đoạn nhả... nhảy... nhảy thật đấy nhỉ. Có để ý đâu".

"Thì đấy". Tôi năn nỉ. "Chỉ đoạn ấy thì cậu bỏ hộ cho. Các đoạn khác tôi gắng chịu được".

"Không được". Nó nói thẳng thừng. "Đâu có đoạn nào mà bỏ được. Mười năm liên tiếp tập thế rồi, cứ bắt đầu là không cần suy nghĩ... nghĩ... nghĩ gì cũng làm đủ một chuỗi các động tác ấy. Bỏ một đoạn là tịt ngay, không sao làm hế... hết... hết được".

"Vậy cậu đừng tập gì cả là xong".

"Nói thế không tố... tốt... tốt đâu. Sao lại ra lệnh cho người ta".

"Nầy, tôi có ra lệnh gì đâu. Tôi chỉ muốn được ngủ ít nhất là đến 8 giờ. Mà cho dù có phải thức dậy sớm hơn thì cũng muốn tự mình thức

dậy tự nhiên thôi, chứ không muốn bị đánh thức như kiểu súng lệnh chạy đua giành bánh ấy. Chỉ có thế thôi. Cậu hiểu cho tôi không?"

"Chừng ấy thì hiểu chứ".

"Vậy, cậu nghĩ thế nào?"

"Thế thì, cậu cũng dậy tập thể dục theo đài với tớ là tốt nhất chứ gì".

Tôi chán nản, ngủ lại. Và hắn sau đó vẫn tiếp tục thể dục theo đài, ngày nào như ngày nấy.

*

Tôi kể chuyện bạn cùng phòng và cách tập thể dục theo đài của nó cho em nghe, em cười khúc khích. Không định kể chuyện cười, mà rồi kết cuộc tôi cũng cười theo. Đã lâu lắm tôi mới được thấy lại nét em cười, dù chỉ trong giây phút rồi tan biến đi mất.

Tôi và em rời tàu điện ở ga Yotsuya, bước đi trên con đê ven đường rầy tàu điện, về hướng Ichigaya. Một buổi chiều Chủ Nhật của tháng Năm. Cơn mưa buổi sáng đã dứt đâu khoảng trưa, những đám mây màu tro u ám, trĩu thấp nặng nề, đã bị luồng gió Nam thổi bay đi mất. Đám lá anh đào màu xanh đậm đà theo gió xao động lấp lánh. Ánh nắng đã bắt đầu có mùi hương tinh khôi của những ngày đầu mùa hạ. Những người đi ngược chiều phần nhiều đã cởi áo khoác, áo len, vắt lên vai. Sân quần vợt có những thanh niên chỉ mặc quần đùi ngắn, quơ những chiếc vợt vành kim loại lấp lánh phản chiếu mặt trời chiều.

Chỉ có hai bà phước đang ngồi cạnh nhau trên băng ghế là còn mặc áo chùng mùa đông màu đen phủ kín. Vậy mà cả hai như đang vui say câu chuyện, đến tưởng chừng mùa hạ vẫn còn ở nơi nào xa lắm.

Đi bộ đâu 15 phút là mồ hôi đã rịn ra khắp lưng áo. Tôi cởi bớt chiếc áo sơ-mi bằng vải dày, chỉ còn mặc áo lót. Em cuốn tay áo của chiếc áo thể thao màu tro nhạt lên đến khủy tay. Chiếc áo qua nhiều lần giặt đã phai nhạt đi, tôi tưởng chừng đã thấy em mặc từ kiếp nào xa lắm. Nhưng chỉ có cảm giác thế thôi. Dạo nầy tôi không nhớ ra được tinh tường nhiều sự việc; tất cả mọi chuyện đều như xảy ra từ kiếp nào xa lắc.

"Sống chung với người khác có vui không anh?" Em hỏi.

"Nào biết đâu. Đã sống chung thế được bao lâu đâu mà biết".

Em dừng chân lại trước vòi nước uống, uống một ngụm nhỏ, rồi lấy khăn tay trong túi quần ra lau miệng. Em cúi xuống cột lại dây giầy quần vợt.

"Em có sống như thế được không nhỉ?"

"Sống chung với người khác ấy à?"

"Vâng". Em nói.

"Thấy vậy chứ cũng có nhiều chuyện phiền phức hơn mình tưởng đấy. Chẳng hạn như các quy luật nhỏ nhặt, hay chuyện thể dục theo đài ấy".

"Ừ nhỉ". Em nói, suy nghĩ một lúc rồi nhìn sâu chăm bẳm vào mắt tôi. Mắt em trong suốt một cách dị thường. Tôi lạ lùng sao từ lâu không để ý mắt em trong suốt đến như thế. Cảm giác trong suốt dị kỳ, như nhìn vào khoảng không.

"Vậy mà, đôi khi em nghĩ cần phải sống chung như thế. Nghĩa là..."

Em nói, mắt vẫn nhìn sâu vào mắt tôi, môi cắn nhẹ, rồi em nhìn xuống.

"Em cũng chẳng hiểu nữa. Mà thôi vậy..."

Đối thoại ngưng ở đấy. Em lại tiếp tục bước đi.

Đã nửa năm rồi tôi không gặp em. Trong vòng nửa năm ấy, em đã gầy đi trông thấy. Đôi má phính đặc trưng ngày nào đã biến đâu mất, chiếc cổ tròn cũng đã thon nhỏ hơn. Thế nhưng em hoàn toàn không có vẻ xương xẩu gì cả. Tôi lại thấy em xinh đẹp hơn bao giờ. Định nói với em điều ấy, nhưng rồi chẳng biết nói như thế nào, đành thôi.

Hai đứa đến Yotsuya nầy cũng chẳng phải vì có mục đích gì, chỉ tình cờ gặp nhau trong tàu điện trên tuyến đường trung ương. Cả tôi lẫn em đều không có dự định gì. Em bảo xuống xe đi, tôi cũng nghe theo. Xuống rồi mới biết là ga Yotsuya. Còn lại hai người mà thật cũng chẳng có chuyện gì để nói. Tôi không hiểu em bảo tôi cùng xuống ga nầy vì lý do gì. Ngay từ đầu, đã không có chuyện gì cần nói với nhau.

Rời ga xong, em chẳng nói gì, xăm xăm bước đi. Tôi cũng bước như đuổi theo em. Giữa em và tôi vẫn có khoảng cách chừng một thước. Tôi bước đi vừa nhìn lưng em. Rồi thỉnh thoảng em ngoái đầu lại nói, và tôi có lúc trả lời được, có lúc không biết trả lời sao. Cũng có lúc em nói gì tôi không nghe rõ. Nhưng em có vẻ không để ý gì đến điều ấy. Nói điều muốn nói xong, em quay đầu lại phía trước mà tiếp tục bước tới.

Hai đứa rẽ phải ở khoảng Iidabashi, rời khỏi hào, vượt qua ngã tư Jimbocho, leo dốc Ochanomizu, xuyên qua khu Hongo. Rồi đi dọc theo đường tàu điện lộ thiên, đến tận Komagome. Khoảng cách khá xa. Đến Komagome thì trời đã tắt nắng.

"Đây là đâu anh?"

"Komagome đấy". Tôi đáp. "Đi một vòng xa quá".

"Đến đây làm gì thế?"

"Em dẫn đi cơ mà. Anh chỉ đi theo đấy thôi".

Hai đứa vào quán mì Nhật cạnh ga, ăn nhẹ. Từ lúc gọi mì cho đến khi ăn xong không nói một lời nào. Tôi thì đi bộ mệt, thân thể gần như rã ra, còn em có vẻ suy nghĩ gì lung lắm.

"Em có sức gởm nhỉ?" Tôi nói sau khi ăn mì xong.

"Ngạc nhiên lắm hả?"

"Ừ".

"Xem thế nầy chứ hồi trung học đã là tuyển thủ chạy đường dài đấy nhé. Thêm vào đấy, bố em thích leo núi, nên hồi nhỏ, cứ Chủ Nhật là đi leo núi. Cho nên bây giờ vẫn *lưng vững chân mạnh* đấy chứ".

"Nhìn thì chả thấy thế đâu".

Em cười.

"Thôi, để anh đưa về nhé?"

"Không phiền anh đâu, em về một mình được mà. Khỏi phải lo".

"Anh hoàn toàn không bận gì cả đâu".

"Thật tình không sao đâu, em về một mình quen rồi".

Thật ra, em nói cho như thế, tôi cũng nhẹ nhõm một phần. Nhà trọ của em, phải đi tàu điện hơn một tiếng đồng hồ mới đến nơi, mà suốt quãng đường ấy, hai đứa không có chuyện gì để nói, cứ im lặng tựa lưng vào ghế như thế, cũng chán. Kết cuộc, em về một mình, và tôi chịu phần trả tiền bữa ăn. Lúc sắp chia tay, em nói:

"Anh nầy, nếu tiện... nếu không có gì phiền, có thể gặp nhau nữa không? Tất nhiên, em vẫn biết là không có quyền gì để hỏi như thế cả".

"Có gì mà phải nói đến chuyện quyền?" Tôi ngạc nhiên.

Em thoáng đỏ mặt, có lẽ vì thấy tôi ngạc nhiên.

"Khó nói quá". Em phân trần. Em bối rối cuốn hai tay áo lên đến khủy tay xong lại cuốn ngược trở lại. Ánh đèn nhuộm những lông măng trên cánh tay em màu vàng óng thật đẹp.

"Em không định nói là quyền. Định nói một lời gì khác kia".

Em tựa khủy tay lên bàn, nhắm đôi mắt lại tìm lời nói cho đúng, nhưng lời nói ấy không thấy đâu.

"Không sao cả đâu". Tôi nói.

"Không làm sao nói cho đúng ý mình được. Dạo nầy em cứ bị thế mãi. Lúc nào có chuyện định nói, cũng chỉ có những lời nói trật chìa thốt ra, lúc thì sai, lúc thì hoàn toàn ngược lại với điều muốn nói. Rồi vì muốn đính chính những lời ấy, lại nghĩ ra những lời sai hỏng khác, cứ xáo trộn cả lên mà nói trật chìa hết. Cảm thấy như thân thể tách ra làm hai, nửa nầy đuổi bắt nửa kia. Như ngay chính giữa có cây cột thật to, hai nửa ấy cứ đuổi nhau chạy vòng vòng quanh chiếc cột. Lời nói đúng ý mình thì lại nằm trong nửa kia, còn em trong nửa nầy cứ phải chạy

đuổi theo mà không bao giờ bắt kịp".

Em đặt cả hai bàn tay xuống bàn, nhìn tôi đăm đăm, nói tiếp:

"Điều ấy, anh hiểu được không?"

"Cảm giác ấy không ít thì nhiều ai cũng có đấy". Tôi nói. "Ai cũng có lúc không sao diễn tả được ý mình, nên thấp thỏm, thế thôi".

Nghe tôi nói thế, em có vẻ thất vọng.

"Điều đó khác chứ". Nhưng em chỉ nói thế, không thêm gì hơn.

Tôi nói:

"Gặp nhau cũng đâu có sao. Bề nào anh cũng đang rảnh. Không làm gì cả thì chi bằng đi bộ với nhau như thế nầy lại tốt cho thân thể hơn".

Hai đứa chia tay ở ga. Tôi nói:

"Em về". Em cũng nói em về.

*

Lần đầu tiên tôi gặp em là khoảng mùa xuân năm tôi học năm thứ hai trung học. Em cùng tuổi với tôi, và đang học trường Dòng con gái dành cho con nhà gia giáo. Giới thiệu em cho tôi là đứa bạn thân của tôi. Hấn và em là người yêu của nhau. Hai người là bạn chơi với nhau từ hồi còn bé, từ Tiểu học. Hai nhà cách nhau chừng trăm thước. Cũng giống như nhiều cặp bạn bè từ thời thơ ấu, hai người không có nguyện vọng muốn gặp riêng chỉ hai người với nhau, mà thường qua nhà nhau ăn uống vui đùa chung với cả gia đình. Tôi có vài lần cũng đi chơi hẹn hò hai cặp cùng với họ, nhưng lần nào cặp của tôi cũng không đạt đến kết quả luyến ái nào, nên cuối cùng, tôi cùng hấn và em trở thành một bộ ba đi chơi với nhau. Mà như thế lại thoải mái nhất. Vai trò của tôi là khách, hấn là chủ, và em vừa đóng vai phụ tá, vừa đóng vai chính.

Hấn đóng vai trò chủ chốt rất tài tình. Có khuynh hướng châm chọc người khác có hơi thẳng thừng, nhưng bản tính vốn tử tế và công bình. Hấn châm chọc cả tôi lẫn em bằng những lời bỡn cợt không phân biệt bạn hay người yêu. Thấy bên nào yên lặng là hấn lại gợi chuyện rất khéo để bên ấy tham gia vào câu chuyện chung. Hấn có khả năng nắm bắt tình hình tức khắc và đối ứng thích đáng. Hấn lại có cái tài ít người có là nhìn thấy được nhiều điểm lý thú ngay trong những câu chuyện nghe qua chẳng thú vị gì của người đối thoại. Thế nên nói chuyện với hấn, tôi nhiều lúc cảm thấy như mình cũng đang sống một đời lý thú.

Nhưng một khi hấn rời đi là tôi và em chẳng còn biết nói chuyện gì với nhau. Hầu như giữa tôi và em không có câu chuyện gì chung. Những lúc như thế, tôi và em thường chẳng trao đổi lời nào, chỉ mân mê cái gạt

tàn thuốc trên bàn, hay nhấm nháp ly nước, chờ hắn trở lại. Có mặt hắn thì lại chuyện trò rôm rả như trước.

Ba tháng sau đám tang hắn, tôi và em chỉ gặp nhau một lần. Có chút chuyện cần nên hẹn gặp nhau ở quán trà. Chuyện cần ấy giải quyết xong thì rồi chẳng có chuyện gì để nói với nhau. Sau đó, tôi có thử gọi điện thoại cho em vài lần, nhưng lần nào câu chuyện cũng chấm dứt nửa chừng. Thêm vào đó, cách nói chuyện của em khiến tôi cảm thấy vương vướng góc cạnh gì đấy. Có vẻ như em giận tôi vì một lẽ gì đấy mà tôi không hiểu. Rồi tôi và em xa nhau.

Có thể em giận tôi vì người cuối cùng gặp được hắn lại là tôi mà không phải là em. Nói thế có lẽ không nên, nhưng mà tôi có thể thông cảm tâm tình ấy. Tôi muốn hiểu cho em, nếu được. Nhưng mà kết cuộc chuyện đã xảy ra như thế thì đâu có thể làm gì được nữa. Chuyện một khi đã xảy ra rồi thì cố gắng cách mấy đi nữa, cũng đâu có thể xóa đi làm lại được.

*

Buổi chiều tháng Năm ấy, tôi và hắn trên đường từ trường về, nói cho đúng thì không phải học xong, mà là bỏ buổi học nửa chừng, ghé quán bi-da chơi khoảng bốn ván. Tôi chỉ thắng ván đầu, còn thì hắn tóm gọn cả ba ván sau, nên đúng như giao hẹn, tôi đã trả trọn tiền bàn.

Đêm ấy, hắn chết trong nhà xe. Ống cao su nối vào ống thải khí của chiếc xe N360 [4], dẫn vào trong xe đã đóng cửa kín mít, và băng nhựa to bản đã bít kín các khe hở cửa sổ, cứ như thế mà cho nổ máy xe. Không hiểu bao lâu sau thì hắn chết, chỉ biết bố mẹ hắn đi thăm người bà con bị bệnh trở về thì thấy hắn đã chết rồi. Máy nghe đài trong xe vẫn mở suốt. Kẹp vào que gạt nước mưa trên kính xe là tấm biên nhận của cây xăng.

Di thư đã không có mà động cơ tự sát cũng không ai hiểu. Là người đã gặp hắn lần cuối cùng, tôi bị cảnh sát thẩm vấn. Tôi khai là hoàn toàn không thấy có triệu chứng gì khác thường ở hắn, vẫn y như mọi ngày tôi gặp hắn. Có ai định tự sát mà lại thắng liên tiếp ba ván bi-da đâu. Cảnh sát có vẻ có ấn tượng không mấy tốt về cả hắn lẫn tôi. Chắc họ nghĩ những đứa mới trung học mà đã trốn học đi đánh bi-da, thì có tự sát cũng không có gì lạ. Chỉ có một mảnh tin nhỏ trên báo, chấm dứt sự kiện. Chiếc N360 màu đỏ của hắn đã xử trí xong. Bàn học của hắn trong lớp được chưng hoa trắng một thời gian.

Lúc vừa xong trung học, lên Tokyo, tôi chỉ tâm niệm một điều duy nhất. Đó là việc gì cũng vậy, gắng không suy nghĩ thâm sâu quá. Tôi

dặn lòng là phải quên quách đi cái bàn bi-da phủ vải nhung màu lục, chiếc N360 màu đỏ, cánh hoa trắng trên bàn học... Cả cục chặn giấy nặng trịch đặt trên bàn ở phòng tra vấn của cảnh sát. Tất cả mọi thứ, phải quên hết đi. Lúc đầu thấy có vẻ thuận chiều như ý định ấy thật. Thế nhưng trong trí tôi vẫn có cái gì đấy, lởn vởn mơ hồ như không khí. Theo với thời gian, không khí đó bắt đầu kết tụ rõ rệt dần, thành một thứ hình dạng đơn giản, mà tôi có thể dùng lời nói để phô diễn như thế nầy: "*Tử không phải là đối cực của Sinh, mà tồn tại như một phần của Sinh*". Nói quách ra thành lời như thế thì hóa ra có vẻ tầm thường đến phát chán. Hoàn toàn tổng quát. Nhưng mà lúc bấy giờ, tôi đã cảm nhận điều đó, không phải bằng lời nói như thế, mà như một khối không khí bên trong thân thể mình. Cái chặn giấy cũng vậy mà bốn trái banh bi-da sắp hàng trên bàn bi-da cũng vậy, Tử đã tồn tại sẵn bên trong. Và mọi người giống như đã hấp thụ Tử như hít một hạt bụi li ti vào sẵn trong phổi mình mà tiếp tục sống.

Từ trước, tôi nhận thức Tử như một tồn tại độc lập, phân ly khỏi mọi thứ gì khác trên đời. Nói rõ hơn: *Tử một ngày nào đó chắc chắn sẽ tóm được ta. Nhưng thế cũng có nghĩa ngược lại là cho đến khi Tử tóm được ta, thì ta vẫn chưa bị Tử tóm.* Đối với tôi, như thế là tư duy vô cùng nghiêm trang và luận lý. Sinh hiện hữu ở phía bên nầy, còn Tử hiện hữu ở phía bên kia.

Nhưng cái đêm bạn tôi chết mất đi đã vạch một lằn ranh, từ đó tôi không còn có thể nhận thức Tử một cách đơn thuần như thế nữa. *Tử không phải là đối cực của Sinh. Tử đã có sẵn trong Sinh rồi.* Cố gắng cách mấy đi nữa, tôi cũng không thể quên được điều ấy. Bởi vì cái đêm tháng Năm tôi 17 tuổi đó, Tử đã bắt đi bạn tôi mà cũng vừa bắt được cả tôi nữa.

Tôi nhận thức rõ ràng như thế, đồng thời, tôi vừa tránh không suy nghĩ thâm sâu về điều ấy. Mà làm thế là chuyện vô cùng khó khăn cho tôi, lúc ấy mới 18 tuổi, còn non dại quá để có thể truy cứu đến trọng tâm của chuyện đời.

*

Từ ngày ấy, tôi vẫn tiếp tục hẹn hò với em mỗi tháng một hai lần. Nói hẹn hò cũng tạm đúng, mà tôi cũng không tìm ra chữ nào thích đáng hơn.

Dạo ấy, em theo học một đại học dành cho nữ sinh ở ngoại vi Tokyo, một đại học xinh xắn và trang nhã nổi tiếng. Từ nhà trọ của em đi bộ đến trường không đến 10 phút. Trên đường có lạch nước thật đẹp,

thỉnh thoảng em vẫn dạo quanh đấy. Có vẻ em không có bạn bè nào. Em vẫn nói nhỏ giọt như trước. Mà tôi cũng ít nói vì thật cũng chẳng có gì cần nói. Gặp nhau, hai đứa cũng chỉ im lặng bước đi. Nhưng không vì thế mà hoàn toàn không có tiến triển gì cả đâu. Khoảng gần hết kỳ nghỉ hè thì em dần dần đã bước sóng đôi bên cạnh tôi một cách tự nhiên. Vai bên vai, lên dốc xuống dốc, qua cầu qua đường, hai đứa đã đi bên nhau rất lâu. Cứ đi bên nhau như thế chẳng cần phải đến đâu hay làm gì. Đi một hồi, lại ghé vào quán cà-phê, uống xong lại tiếp tục đi. Chỉ có thời tiết là thay đổi, mùa nầy tiếp mùa khác trôi qua như thay phim dương bản. Mùa thu đến, sân giữa của cư xá phủ đầy những lá khô của cây cử. Áo len mặc vào đã có hương của mùa mới. Tôi cũng mới mua một đôi giày da Thụy Điển.

Mùa thu qua, khi gió lạnh bắt đầu thổi, thỉnh thoảng em tựa người vào cánh tay tôi. Xuyên qua lớp vải dày của chiếc áo khoác có mũ, tôi cảm nhận được nhịp thở của em. Nhưng chỉ có thế thôi. Tôi vẫn đút hai tay vào túi áo khoác, bước đi như mọi khi. Cả tôi lẫn em đều đi giày đế cao su nên thường không nghe tiếng chân bước. Chỉ khi nào dẫm lên lá ngô đồng khô nhăn nhúm mới nghe có tiếng chân khô khốc. Có vẻ em không tựa lên cánh tay tôi, mà em đang tựa lên cánh tay ai đó. Em không tìm hơi ấm của tôi, mà em đang tìm hơi ấm của ai đó. Không biết có đúng như thế không, nhưng quả thật tôi đã có cảm giác như thế.

Tôi càng thấy đôi mắt em trong suốt hơn trước, cái vẻ trong suốt chơi vơi mãi như thế. Đôi lúc dưng không em nhìn sâu đăm đăm vào mắt tôi, làm dấy lên trong lòng tôi một nỗi buồn man mác.

Tụi bạn trong cư xá hễ thấy tôi ra đi mỗi khi nhận được điện thoại của em ngày Chủ Nhật, là trêu chọc. Không trách được tụi nó nghĩ là tôi có người yêu. Mà tôi cũng mặc kệ tụi nó, vì không sao giải thích được, mà cũng chẳng có lý do gì phải giải thích. Từ chỗ hẹn hò trở về là thế nào cũng bị một tên trong bọn hỏi chuyện làm tình có "đã" không. Và lần nào tôi cũng đáp: cũng tàm tạm.

Cứ thế, tuổi 18 của tôi cũng qua đi. Mặt trời lên, mặt trời lặn, quốc kỳ lên, quốc kỳ xuống. Chủ Nhật thì hẹn hò với người yêu của bạn mình đã chết. Tôi hoàn toàn chẳng biết mình đang làm gì lúc nầy, và sẽ làm gì từ đây về sau. Ở lớp học, tôi đọc Claudel, đọc Racine, đọc Eisenstein, thấy họ viết câu văn nào ra câu văn ấy. Nhưng cũng chỉ học có thế thôi. Tôi hầu như không có bạn bè nào trong lớp học. Giao tế với tụi bạn trong cư xá thì vẫn không có gì thay đổi. Thấy tôi như lúc nào cũng đọc sách, tụi nó nghĩ tôi định sẽ là tiểu thuyết gia, nhưng thật tình tôi chẳng muốn thành tiểu thuyết gia, mà cũng chẳng muốn thành gì cả.

Tâm tình ấy, tôi đã lắm lần định tỏ bày với em. Tôi mường tượng rằng em thì có thể hiểu đúng được điều tôi nghĩ. Nhưng rồi tôi cũng không nói được với em. Như có lần em đã nói, lúc nào tôi cố tìm cho ra lời chính xác để diễn đạt ý mình, thì lời chính xác ấy cũng rời xa khỏi tầm tay với của tôi mà chìm tuốt xuống hố tối thăm thẳm.

Cứ đến tối Thứ Bảy là tôi lại ngồi trên ghế ở hành lang cư xá, chờ điện thoại của em. Có khi suốt ba tuần không có điện thoại, cũng có khi có điện thoại hai tuần liên tiếp. Nhưng dù có hay không có, mỗi tuần cứ đến tối Thứ Bảy là tôi lại ngồi trên ghế ở hành lang cư xá, chờ điện thoại của em.

Tối Thứ Bảy, phần lớn sinh viên trong cư xá đều đi chơi cả rồi nên hành lang thường im vắng. Tôi ngồi nhìn đăm đăm vào những hạt ánh sáng nổi lên trong cái không gian trầm mặc ấy, cố gắng xác định lòng mình. Người ta, ai cũng tìm kiếm cái gì đấy từ người nào đấy. Hẳn thế, nhưng từ đó trở đi thì tôi không hiểu gì hơn. Chỉ một chút xíu ngay trước ngón tay tôi với ra đã là bức tường không gian mờ ảo.

Trong mùa đông, tôi đi làm thêm ở một quán nhỏ bán đĩa nhạc ở Shinjuku. Dịp Giáng Sinh, tôi đã tặng em đĩa nhạc hòa tấu Henri Mancini có bản "Dear Heart" mà em thích. Tôi đã tự mình bao giấy bóng, gắn thêm nơ màu hồng nữa. Giấy bao đặc biệt cho dịp Giáng Sinh có hình những cây thông xanh. Em đan cho tôi bao tay bằng chỉ len, ngón tay cái có hơi ngắn, nhưng mà ấm áp. Kỳ nghỉ đông ấy, em không về quê, nên tôi đến nhà trọ của em ăn tối trong mấy ngày đầu năm.

Mùa đông năm ấy đã có nhiều sự kiện xảy ra. Cuối tháng Giêng, bạn cùng phòng với tôi đã sốt đến 40 độ, nằm liệt hai ngày. Vì vậy, tôi đã phải bỏ hẹn với em. Tên bạn như sắp chết đến nơi rồi, mà tôi bỏ đi cũng không đành. Ngoài tôi ra, nó chẳng có ai coi sóc giùm cho. Tôi mua nước đá về bỏ trong bao nhựa để chườm cho nó, lấy khăn tẩm nước lạnh lau mồ hôi cho nó, và cứ mỗi giờ lại đo thân nhiệt một lần. Nguyên một ngày, nhiệt không suy giảm. Nhưng sáng hôm sau, nó nhổm bật dậy như đã chẳng có chuyện gì xảy ra, và thân nhiệt cũng đã hạ xuống chỉ còn 36 độ 2.

"Lạ quá". Nó nói. "Từ trước đến nay, có khi nào tôi bị nóng đâu".

"Nóng suốt hôm qua đấy cậu". Tôi nói, rồi chìa cho nó xem hai cái vé mời nghe nhạc vì nó bệnh mà tôi và em đã phải bỏ phí.

"May là vé mời không tốn tiền, nên không sao cả nhỉ". Nó nói!

Tháng Hai có vài lần tuyết rơi. Khoảng cuối tháng Hai, vì một chuyện chẳng đáng gì, tôi gây gổ và đánh một sinh viên lớp trên ở cùng dãy trong cư xá, tống đầu vào tường xi-măng. Rất may, không bị thương

tích gì cả. Tôi bị gọi lên phòng trưởng cư xá nhận cảnh cáo. Do thế mà thấy bực bội trong đời sống cư xá.

Rồi tôi lên năm thứ hai, 19 tuổi. Tôi rớt vài đơn vị, thành tích hầu như toàn C với D, chỉ một ít đơn vị được B. Còn em thì lên năm thứ hai không rớt một đơn vị nào. Thế mà đã một vòng bốn mùa qua rồi.

Đến tháng Sáu thì em 20 tuổi. Tôi có cảm giác là lạ: em mà 20 tuổi rồi sao. Thấy như cả tôi lẫn em đều thật sự chỉ qua lại ở tuổi 18 và 19. Hết 18 đến 19, hết 19 đến 18. Như thế thì còn hiểu được. Nhưng mà em 20 tuổi thật rồi. Và tôi cũng sắp 20 mùa đông tới. Chỉ có người đã chết mới ở mãi tuổi 17 thôi.

Sinh nhật em, trời mưa. Tôi mua bánh ngọt ở Shinjuku, leo tàu điện đến nhà trọ của em. Tàu điện đông người mà lại chao đảo nữa, vì thế, chiều tối khi tôi lê được đến nhà em trọ thì chiếc bánh đã nát như di tích cổ thành La Mã. Dù sao, vẫn cứ dựng lên bánh 20 cây đèn cầy, châm diêm đốt. Màn cửa sổ đóng lại, tắt đèn trần đi thì cũng khá có không khí sinh nhật. Em mở một chai rượu vang. Hai đứa ăn bánh, và một bữa ăn tối nhẹ.

"Hai mươi tuổi! Nghe có vẻ ngớ ngẩn thế nào ấy". Em nói.

Ăn xong, hai đứa cùng thu dọn chén đĩa rồi ngồi xuống sàn uống nốt chai rượu vang. Tôi xong một cốc thì em đã uống hết hai cốc.

Điều lạ là hôm ấy, em nói rất nhiều. Chuyện thời con nít, chuyện trường học, chuyện gia đình, chuyện nào cũng dài dòng. Không chỉ dài dòng mà chuyện nào cũng rành mạch, tỉ mỉ. Chuyện nầy đang kể nửa chừng thì bắt qua chuyện kia như một phần của chuyện đang kể, rồi chuyện kia lại bắt qua chuyện nọ nằm trong chuyện kia, cứ thế mà tiếp tục. Liên miên không dứt. Lúc đầu tôi cũng gắng gật gù đệm nhịp, cuối cùng phải chịu thua. Tôi cho chạy đĩa hát như để đệm nhịp cho em nói, đĩa nầy xong đổi đĩa khác. Một vòng hết đĩa lại quay về đĩa đầu tiên. Bên ngoài trời vẫn chưa thôi mưa. Thời gian từ từ trôi, em vẫn chưa thôi nói một mình.

Đến khi đồng hồ chỉ 11 giờ đêm, ngay cả tôi cũng đâm ra lo sợ. Em đã nói liên tục như thế suốt hơn 4 giờ đồng hồ rồi. Giờ tàu cuối của tôi cũng gần kề. Tôi chẳng biết làm sao, nửa thì nghĩ cứ để cho em nói cho đến khi nào em hết chuyện, nửa thì nghĩ hay là rình chỗ nào ngắt được thì xen vào bắt em ngừng nói. Băn khoăn như thế một hồi, cuối cùng tôi quyết định ngăn em lại, bởi dù gì đi nữa thì em cũng đã nói quá lâu rồi.

"Nán lại trễ quá cũng không tốt, thôi anh về đây". Tôi nói. "Rồi lại gặp nhau ngay ấy mà".

Không hiểu điều tôi nói có truyền được đến em không. Em ngưng

trong giây lát, rồi lại nói tiếp. Tôi đành chịu thua, châm thuốc hút. Ngó bộ cứ để cho em nói kỳ hết những điều muốn nói là hơn. Đến đâu hay đó vậy.

Nhưng chuyện em nói đến đấy cũng không còn bao nhiêu. Sực nhìn lại thì em đã ngừng rồi. Lời nói cuối như bị ngắt đuôi, treo lơ lửng trên không. Chính xác thì chuyện em nói đã ngừng đâu, chỉ đột nhiên mất hút nơi chốn nào thôi. Em vẫn còn gắng nói tiếp nhưng đã chẳng còn lời nào phía trước nữa để mà tiếp theo. Có gì đấy đã rơi đâu mất tăm. Em vẫn còn mở nhẹ môi, nhìn lơ đãng vào mắt tôi, như đang nhìn xuyên qua một màng mờ đục. Tôi cảm thấy như đã làm điều gì rất không nên. Tôi nói chậm rãi như xác nhận từng tiếng một:

"Không định ngăn em lại, nhưng mà đã khuya quá rồi, vả lại..."

Chưa nói xong, đã có dòng nước mắt ứa tràn mắt em chảy xuống gò má, rơi thành tiếng trên bìa đĩa nhạc. Một khi giọt nước mắt đầu tiên ứa ra, là dòng nước mắt tuôn theo không dứt. Chống hai bàn tay xuống sàn phòng, em gập người lại khóc như người đang nôn thốc. Hầu như vô thức, tôi nhè nhẹ vươn tay chạm vai em đang rung lên từng đợt ngắn. Tôi bàng hoàng kéo em lại. Em gục mặt lên ngực tôi, khóc không thành tiếng. Hơi thở nóng ấm và nước mắt em ướt đẫm áo tôi. Mười ngón tay em lang thang tìm kiếm gì đấy trên lưng tôi. Tay trái tôi ôm giữ thân hình em, tay phải vuốt làn tóc sợi nhỏ của em. Trong tư thế ấy một lúc thật lâu, tôi chờ em nín khóc, nhưng em vẫn khóc mãi, khóc mãi như không bao giờ ngưng.

*

Đêm ấy, tôi ngủ với em. Tôi không biết làm thế có nên hay không. Nhưng mà làm thế nào khác được?

Đã lâu lắm rồi tôi không ngủ với người con gái nào. Với em, thì đấy là lần đầu. Tôi hỏi thử rằng sao em đã không ngủ với hắn. Hỏi xong mới sực nghĩ là không nên. Em không trả lời. Tay em rời thân thể tôi. Em quay lưng lại phía tôi, nhìn mưa rơi ngoài khung cửa sổ. Tôi vừa hút thuốc vừa nhìn lên trần nhà.

Tảng sáng, mưa ngưng. Em vẫn còn ngủ, quay lưng về phía tôi. Mà cũng có thể em đã thức suốt đêm qua. Đối với tôi thì đằng nào cũng thế thôi. Trầm mặc lại chiếm trọn lấy em như dạo trước. Tôi nằm yên ngắm chiếc lưng em trắng muốt như thế một hồi lâu, rồi biết không thể làm gì hơn, tôi đứng lên rời khỏi giường. Dưới sàn vẫn còn vương vãi những bìa đĩa nhạc từ tối qua. Trên bàn ăn vẫn còn nửa cái bánh sinh nhật lở dở. Y như rằng thời gian đã ngưng đọng lại ở đấy. Trên bàn học có cuốn

tự điển và bản chia động từ tiếng Pháp. Tường trước bàn học có treo cuốn lịch không có hình chụp hay hình vẽ gì, chỉ toàn số, trắng trinh, không có vết ghi nhớ, đánh dấu gì trên ấy cả.

Tôi nhặt quần áo đã cởi bỏ ở chân giường, mặc vào người. Chỗ ngực áo vẫn còn ẩm lạnh, áp gần mặt vẫn còn hương tóc em.

Tôi viết vào mảnh giấy ghi nhớ đặt trên bàn học: muốn em sớm điện thoại cho tôi, rồi rón rén bước ra và đóng cửa phòng lại.

Một tuần trôi qua không có điện thoại của em. Nhà em trọ không chịu chuyển điện thoại gọi đến cho các phòng, nên tôi viết cho em một lá thư dài. Xúc cảm của mình, tôi muốn giãi bày trên ấy càng trung thực càng tốt. Thật tình tôi không hiểu rõ rất nhiều điều, đã gắng tìm hiểu nhưng vẫn không đủ thời gian. Và thời gian đã trôi qua mà tôi vẫn không biết mình đang ở chốn nào. Nhưng tôi đã định nếu có thể thì không suy nghĩ quá sâu sắc về điều gì. Đời sống quá mơ hồ để có thể suy xét sâu sắc; làm thế có thể lại đi đến chỗ bắt ép người chung quanh. Tôi thật chẳng muốn ép ai điều gì. Chỉ tha thiết muốn gặp em mà thôi. Có điều, tôi vẫn do dự như trước là gặp em như thế có nên không? Đấy là tất cả những điều tôi đã viết trong thư.

Đầu tháng Bảy, tôi nhận được thư em trả lời, rất ngắn:

"Em định tạm thời nghỉ học một năm. Nói là tạm thời, nhưng có lẽ sẽ không trở lại trường nữa. Xin nghỉ học tạm chỉ là trên thủ tục mà thôi. Phòng trọ sẽ trả lại vào ngày mai. Anh có thể cho là chuyện đột ngột nhưng thật ra chuyện nầy em đã suy nghĩ từ lâu lắm rồi. Lắm lần cũng định bàn với anh nhưng rồi cũng không làm được vì sợ chuyện phải nói ra lời.

Xin anh đừng lo bất cứ điều gì. Cho dù có chuyện gì đã xảy ra, hoặc chuyện gì đã không xảy ra, đi nữa, thì em nghĩ kết cuộc rồi cũng như thế nầy thôi. Mà nói như thế nầy có khi lại làm anh buồn. Nếu thế thật thì xin anh tha lỗi. Em chỉ muốn nói rằng: xin anh đừng vì em mà trách mình hay trách ai khác. Chuyện nầy quả thật em phải nhận trách nhiệm hoàn toàn. Một năm nay, em đã lần lữa kéo dài, làm khổ cả anh rất nhiều. Có lẽ đến đây là giới hạn rồi.

Trong vùng núi Kyoto có một chỗ tịnh dưỡng tốt, nên em định tạm thời vào ở đấy. Không phải bệnh viện đâu, chỗ nầy an dưỡng tự do hơn nhiều. Chi tiết thì xin để dịp khác sẽ viết. Ngay bây giờ em không biết phải viết như thế nào cho phải. Ngay cả thư nầy, em cũng đã viết đi viết lại 10 lần rồi đấy. Suốt một năm nay, anh đã vì em mà ở bên em, lòng em biết ơn anh không lời nào diễn tả nổi. Xin anh tin em, dù chỉ một điều đó. Những gì khác thì em không dám nói. Những đĩa nhạc anh cho, em

sẽ thương quý mãi mãi.

Em nghĩ một ngày nào đó, ở một nơi nào đó trên thế giới bấp bênh nầy, nếu mà em lại gặp được anh thì lúc ấy, có lẽ em sẽ tỏ bày rõ ràng được với anh rất nhiều điều.

Tạm biệt anh."

Tôi đã đọc đi đọc lại thư em vài trăm lần. Mỗi lần đọc là mỗi lần buồn bã không chịu nổi. Không khác gì nỗi buồn không có chỗ thoát mỗi lần em đăm đắm nhìn sâu vào mắt tôi, ngày trước. Tâm trạng ấy, tôi không ném vứt đi đâu được mà cũng không nhốt kín vào đâu được. Như gió, không có hình dung, không có trọng lượng. Bao nó ra ngoài thân mình cũng chẳng được. Phong cảnh ngoài đời qua đi chầm chậm trước mắt tôi. Tiếng người nói như không đến được tai tôi.

Vẫn như trước, cứ đến tối Thứ Bảy là tôi lại ngồi trên ghế ở hành lang hàng giờ. Không hy vọng gì có điện thoại của em, nhưng mà tôi không biết làm gì khác hơn. Tôi thường vặn máy truyền hình lên, giả vờ theo dõi chương trình truyền trực tiếp các trận bóng chày. Tôi ngồi đấy, nhìn đăm đăm vào khoảng không gian thăm thẳm giữa tôi và cái máy truyền hình. Mắt tôi chia khoảng không gian ấy ra làm hai, rồi lại chia làm hai, làm hai, làm hai... cho đến khi chỉ còn là không gian nhỏ nằm gọn trong lòng bàn tay tôi. Đến 10 giờ đêm, tôi tắt máy truyền hình, về phòng, ngủ.

*

Cuối tháng ấy, bạn cùng phòng cho tôi con đom đóm trong một lọ đựng cà-phê. Trong lọ chỉ có con đom đóm với một ít lá cỏ và nước. Trên nắp lọ có đục sẵn vài lỗ nhỏ cho không khí vào. Chung quanh vẫn còn sáng nên chỉ thấy như là một con sâu màu đen bên bờ nước, nhìn kỹ mới nhận ra là một con đom đóm. Đom đóm gắng sức bò lên thành thủy tinh trơn trợt, leo lên được một khúc lại trượt ngay xuống. Lâu lắm rồi tôi mới lại có dịp thấy côn trùng gần gũi như thế.

"Bắt được nó ngoài vườn đấy. Khách sạn gần đây thả đom đóm ra để câu khách, cu cậu làm sao mà lại lạc sang đây đấy". Thằng bạn nói, tay vừa nhét áo quần, sách vở vào trong chiếc túi hàng hải. Nghỉ hè đã mấy tuần rồi, cư xá có lẽ chỉ còn lại vài đứa tụi tôi. Tôi thì không muốn về quê, nó thì bận thực tập. Mà nay thực tập cũng vừa xong, nó đang thu xếp đồ đạc để về quê.

"Làm quà cho bạn gái tốt lắm đấy nhé. Chắc chắn là các cô thích lắm".

"Cám ơn cậu". Tôi nói.

Đến tối thì cư xá im vắng hẳn. Quốc kỳ đã được kéo xuống cất đi. Cửa sổ phòng ăn thấp thoáng ánh đèn. Vì số sinh viên còn nán lại rất ít nên phòng ăn chỉ thắp sáng nửa số đèn thường ngày. Tắt dãy đèn bên phải, chỉ bật dãy đèn bên trái. Dù vậy, phòng ăn vẫn phảng phất mùi thức ăn tối, món hôm nay là thịt hầm rau và kem sữa.

Tôi mang lọ cà-phê đựng đom đóm lên sân thượng. Chẳng có bóng dáng người nào. Có ai bỏ quên chiếc áo sơ-mi trắng vắt trên dây phơi, trông như cái vỏ trắng phất phới trong gió đêm. Tôi leo chiếc thang sắt hoen rỉ ở góc sân thượng, lên trên nóc của tháp chứa nước. Tháp hình viên trụ, hấp thụ đầy ắp ánh nắng mặt trời từ sáng đến chiều tối nên vẫn còn ấm nóng. Ngồi xuống khoảng trống chật hẹp, tựa người vào tay nắm đầu thang sắt, tôi nhìn thấy nổi lên trước mặt, vầng trăng tròn trắng ngà chỉ hơi khuyết đi một tí. Thấy bên phải là vùng Shinjuku, bên trái là vùng Ikebukuro. Đèn trước của xe hơi chiếu sáng thành những dòng sông ánh sáng rực rỡ, chảy từ con đường nầy sang con đường khác. Bao nhiêu tiếng động khác nhau trộn lẫn thành chuỗi vang động ì ầm êm nhẹ như tầng mây nổi bên trên đường phố.

Ở đáy lọ, đom đóm tỏa ra chút ánh sáng mảnh mai, thứ ánh sáng quá yếu ớt, quá nhạt, không chút gì giống với thứ ánh đèn đom đóm trong trí nhớ của tôi, rõ ràng, sắc sảo trong những đêm hè đen thẫm. Như thế mới đúng là ánh sáng đom đóm chứ. Có khi chú đom đóm nầy yếu quá, sắp chết đến nơi rồi. Tôi nắm miệng lọ lắc thử vài cái. Thân đom đóm đập vào thành lọ, bay lên được một tị, nhưng ánh sáng phát ra cũng chỉ yếu ớt mờ ảo như cũ. Có lẽ ký ức của tôi sai rồi. Có lẽ ánh sáng thực tế không rực rỡ như tôi nghĩ. Có lẽ chỉ là tôi tưởng lầm, thế thôi. Hoặc là lúc ấy, bóng đêm bao quanh tôi đã quá sâu thẳm chăng? Tôi thật không sao nhớ rõ được. Ngay cả chuyện lần cuối tôi nhìn thấy đom đóm là lúc nào, tôi cũng không nhớ ra được. Tôi chỉ nhớ tiếng nước âm thầm trong đêm tối ấy. Có cái cổng ngăn nước của cái đập xưa cũ bằng gạch, loại đập nước có tay quay xoay vòng để kéo cửa ngăn nước lên xuống. Dòng nước nhỏ như bị phủ kín trên mặt bởi đám cỏ nước, loại thường mọc ven bờ biển. Lúc ấy, chung quanh tôi tối đen. Phía trên vũng nước đọng ở cổng ngăn nước, bay lượn vài trăm con đom đóm, toát ra một khối ánh sáng vàng tươi, chiếu lên mặt nước những hạt lửa cháy đỏ.

Lúc nào thế nhỉ? Và ở đâu thế nhỉ? Chịu, không sao nhớ nổi. Bây giờ đây, bao nhiêu chuyện đã trộn lẫn vào nhau mất rồi, chẳng còn biết đầu đuôi gì nữa.

Tôi nhắm mắt lại, thở thật sâu vài lần để chỉnh đốn lại tâm tư của

mình. Nhắm mắt lại thì có cảm giác như thân thể mình sắp bị cuốn hút vào trong đêm sâu thẳm mùa hạ ấy. Nghĩ lại thì đây là lần đầu tiên tôi leo lên tháp chứa nước nầy vào ban đêm. Nghe tiếng gió rõ ràng hơn ngày thường. Gió hẳn không mạnh bao nhiêu, vậy mà đã thổi qua nách áo tôi lưu lại một quỹ tích sắc nét lạ thường. Đêm chầm chậm bao phủ mặt đất. Cho dù ánh sáng đô thị cố gắng chứng tỏ hiện hữu đến đâu đi nữa, cuối cùng rồi cũng không tránh khỏi bị bóng tối cuốn hút mất tiêu.

Tôi mở nắp lọ, vớt chú đom đóm ra, đặt lên viền 3 phân của tháp chứa nước. Chú đom đóm có vẻ phân vân chưa nắm được tình hình. Lúc thì lắc lư bò quanh cái đỉnh ốc một vòng, lúc thì gác chân lên mảng sơn lở như tróc da trên mặt tháp. Bò đi phía bên phải, kiểm thấy cùng đường rồi, lại bò qua phía bên trái. Rồi từ từ uốn éo bò lên đỉnh cái đỉnh ốc, cuộn người nằm ở đấy. Có vẻ chú kiệt sức rồi, nằm yên không cựa quậy gì. Tôi vẫn tựa vào tay nắm thang sắt, ngắm hình dáng đom đóm. Một lúc rõ lâu, cả hai đều không động đậy chút nào. Chỉ có gió thổi, như dòng sông chảy qua giữa hai chúng tôi. Vô số lá cây cử cọ xát vào nhau. Tôi vẫn còn ngồi mãi như thế, chờ đợi. Rất lâu về sau, đom đóm nhỏm bật dậy. Như sực nhớ tới điều gì, đom đóm thình lình giương rộng đôi cánh, thoáng chốc bay bổng lên khoảng không mờ tối. Như để kéo lại thời gian đã mất, đom đóm nhanh nhẹn lượn một vòng cung bên cạnh tháp chứa nước. Rồi ngừng lại như để chờ cho lần sáng đom đóm in đậm vào trong gió, xong nhắm hướng đông bay mất. Đom đóm đã bay mất rồi, nhưng quỹ tích ánh sáng của đom đóm vẫn còn lưu lại trong tôi rất lâu. Trong bóng tối dày đặc của mắt tôi đang nhắm lại, đốm sáng nhỏ nhoi ấy lạc lõng hoài hoài như một mảnh linh hồn lạc mất lối về. Tôi vài lần thử rón rén vươn tay vào khoảng tối thẳm ấy nhưng ngón tay tôi không chạm được gì. Đốm sáng nhỏ nhoi ấy lúc nào cũng cách một khoảng vô cùng ngắn trước đầu ngón tay tôi.

Sydney 01-2004

---

[1] Zelkova, tự điển Hán Việt Thiều Chửu ghi là cây "cử"; thuộc họ "cây du - elm tree", cao đến 30 m, tán rộng, gỗ cứng, dùng làm cột nhà và bàn ghế.

[2] Đoạn chính giữa của quốc ca Nhật "*Sazare ishi no...*", và các chữ cuối "*koke no musu made*".

[3] Chiếu: tấm cói dày lót sàn phòng, cũng là đơn vị diện tích phòng và nhà ở, khoảng 180 cm x 90 cm.

[4] Xe nhỏ Honda 360 cc khoảng năm 1969.

sao rơi về đất

MAI NINH

(trích đoạn tiểu thuyết CÁ VOI TRẦM SÁT)

Chiếc Simca long sườn rọc rạch chạy vào đầu con đường cùng lúc với tia chớp lóe lửa, bửa dọc khối mây đen chụp ngang bầu trời nặng. Tràng sấm dữ dội tiếp theo đẩy người thiếu phụ ngồi băng sau ập vào thành ghế phía trước. Bánh xe cũng vừa cán bưng lên một viên đá lót đường lăn giữa lộ. Trong khi gã tài xế cố giữ tay lái, vặn ngược để lủi vào bờ lề, miệng chửi thề ỏm tỏi, người thiếu phụ lảo đảo trên nệm, gượng ngồi thẳng lại, tay ôm lấy ngực, thở. Gió mênh mông từ bên kia khu đất trống theo cơn giông sắp đổ xuống lùa qua cửa xe hạ kính. Gió hất tung tấm khăn mỏng, quấn xiết chiếc cổ manh mảnh đeo chuỗi hạt đỏ lựu, trong suốt.

- Cô tìm mua hòm hả? Vô đây đi cô.

Thiếu phụ còn đang luống cuống gỡ khăn, giật thót người vì giọng nói nửa trẻ con nửa khàn khàn ghé sát tai. Một gương mặt cháy sẫm thò qua cửa, hàm răng vàng nhợn mọc ngổn ngang. Tự động nàng ngồi giật lại, lắp bắp:

- Không... không.

Cũng may, gã tài xế đã bước khỏi xe đi vòng sang, nạt:

- Chỗ khác nhỏ, không có ai mua hòm mua xiểng gì hết.

Anh ta vừa đá chân vào cái bánh xe xì xẹp vừa hỏi tiếp:

- Có chỗ nào vá bánh mày?

Thằng con trai khoảng mười lăm, mặc độc chiếc quần xà lỏn vải mòn đến nỗi thấy cả hạ bộ, dù ánh sáng bây giờ chỉ đủ nhìn ra ba chiếc

quan tài nằm ngay ngắn trong căn nhà mái tôn nghiêng sau lưng nó. Thằng nhỏ bị quát, được dịp trề môi đáp trả:

- Hí, lái xe mà không biết vá bánh. Xe ăn cắp hả.

Gã tài xuống giọng:

- Bậy mày. Nè, ấp An Định còn bao xa?

- Tuốt trỏng, cô này vô đó hả?

Không đợi trả lời, nó ngoẹo đầu ngắm nghía người đàn bà rồi tiếp:

- Người như vầy chắc là vô nhà ông Nguyên.

Bấy giờ thiếu phụ vội vàng:

- Phải, tôi vào nhà ông ấy. Xa không em?

Thằng nhỏ chẳng nói thêm, bỏ chạy băng băng về hướng con đường nhỏ cắt ngang, hai bên có hàng sao cao mút. Gã tài la lên:

- Ê, mày chạy đi đâu?

- Kêu nhà ông Nguyên ra đón cổ. Xe xì bánh, bộ để cổ ngồi đó chịu trận à. Mưa gió này tàn đêm luôn.

*

Khi chiếc xe hơi khá cồng kềnh từ cuối con đường vun vút hàng sao hiện ra khoảng nửa giờ sau thì mưa đã phủ khắp vùng đất trống phía trái và khu xóm lèo tèo dăm ba nóc nhà dọc bờ lộ bên này. Miên thở phào, cười với Đăng giương dù xuống xe đang đi lại gần nàng. Đăng trách nhẹ:

- Đã bảo để anh tới đón, Miên không chịu.

- Tại em bận chẳng biết xong kịp không, sợ anh đợi. Ai ngờ chỗ này xa và hẻo lánh quá.

- Bởi thế, chưa thấy Miên, anh lo ghê.

Đường vào ấp An Định nhá nhem, điện hẳn bị cúp cuối chiều như thường lệ. Thỉnh thoảng xa xa vài ánh đèn dầu loe lóe ẩn hiện. Miên hơi lo nên để bàn tay cho Đăng ấm áp xiết nhẹ. Nhà ông Nguyên lẩn giữa hàng rào cây rậm rạp, cổng sắt nghều nghệu chĩa đầu nhọn, cài dây xích. Hai con bẹc-giê ùa ra, lưỡi hồng thòng dãi gầm gừ khi người tài xế đẩy cổng. Hàng trúc đào thấp ướt sũng, đằng sau là những cây hoa sứ dang to như Miên từng thấy ở sân chùa. Nhưng trong chập choạng một chiều mưa dáng dấp chúng u tối, đe dọa.

Xe đậu ngay trước ba bực thềm một căn nhà đồ sộ trắng, nổi ma quái trên nền mây đen mưa mù. Những cột tròn chống dọc từ đất lên đỡ lấy hai tầng lầu nặng nề thuộc địa. Miên chưa kịp tỏ sự ngạc nhiên thì cánh cửa gỗ nâu dầy vẹc-ni bóng mở tung, ồn ào tiếng người cười nói giữa đèn đóm nhiều màu. Đăng bên cạnh vội vàng:

- Giờ phút chót anh mới biết ông Nguyên mời đông như thế và biến thành bữa tiệc nửa hóa trang.

Miên cau mày:

- Nửa hóa trang...

Đăng chưa đáp, một người mặc quần tây đen áo sơ-mi lụa vàng thõng thượt, đeo mặt nạ Quan Công đỏ rực đến bên mở cửa xe, cử chỉ điệu bộ mời Miên bước ra. Không một câu, Miên đứng lại trên bực cấp rồi thẳng người đi vào. Chung quanh nàng quần áo màu sắc, từ gấm Tàu tới xoa Tây rừng lên dưới mấy ngọn đèn rọi từ trần cao. Những mớ tóc đen quăn chải keo, ôm cứng khuôn mặt phấn son của các bà đang cười nói bên chiếc bàn to đầy thức ăn. Chỉ mấy ông mới mang mặt nạ hình thù người và thú.

Một đầu sư tử xồm xoàm bãi râu vàng hung vội tiến đến trước Miên, nghiêng người cúi nắm bàn tay nàng, trịnh trọng đưa lên môi. Ngón ngắn tròn ục, chiếc nhẫn cộm viên ngọc đỏ chạm trổ tinh vi thắt nghẽn ngón giữa thành hai thỏi xúc xích nhỏ. Miên nhìn sợi lắc vàng dầy nặng cuộn quanh cổ tay nâu sậm mà có cảm tưởng mình bị kéo trĩu theo cùng với cả tấm thân bề thế thấp của ông ta. Ông Nguyên chưa kịp nói gì đã có tiếng cười khan từ giữa đám đàn bà:

- Có tôi đây, cô đừng sợ ổng ăn thịt.

Miên ngửng lên chạm ngay gương mặt vỡ loang màu phấn hồng quá độ. Cằm và vai cách nhau chỉ đủ bề dầy của cái vòng đeo cổ nhấp nháy sáng, cùng cỡ lớn như tấm lắc người đàn ông. Đăng có vẻ ngượng, vừa kéo nhẹ Miên lùi lại, vừa làm cử chỉ giới thiệu:

- Miên, bạn cũ của tôi ở xa về. Còn đây là anh Nguyên, chủ nhân và tác giả cuốn sách ra mắt hôm nay.

Tràng vỗ tay bật đôm đốp rồi tiếng "dô dô" cất lên ầm ĩ, những ly rượu gio cao cùng cả mấy chai bia. Ông Nguyên rót một cái chung nhỏ xíu đem đến:

- Cô dùng thử, Mao Đài chính cống tôi mới đem từ Trung Quốc về.

Miên cầm chung rượu đưa lên, một mùi hôi nồng làm nàng sựng lại. Đăng vội vàng đỡ lấy:

- Xin lỗi anh Nguyên, Miên không quen.

Người đàn ông đưa tay vuốt chòm râu sư tử, hề hề:

- Không sao, không sao. Người Tây quen rượu Tây là thường. Đây, Mạc Teo, Oắc Cơ đen, Oắc Cơ đỏ... đủ cả, cô muốn thứ gì tôi rót hầu thứ ấy.

- Cám ơn ông, cho tôi một chút *cognac*.

Ông ta quay lại búng tay gọi:

- Tám, rót ly cỏ nhắc XO mày, cho mấy cục đá nghen.

Miên gạt:

- Xin lỗi, tôi không dùng *cognac* lạnh.

Lúc nàng đưa ly rượu lên môi, mùi thơm làm mấy sợi thần kinh chùng giãn xuống. Bấy giờ đảo mắt nhìn quanh, Miên nhận ra căn phòng thật rộng, gấp mấy lần nguyên căn chung cư ngột ngạt tối tăm, độc hai mảng cửa phía trước của người chị họ nàng ở trọ chuyến về này. Nhưng sa-lông cùng bàn tủ, ghế nệm bày đầy chặt, vừa da vừa gỗ trộn lẫn với *simili* và mây tre. Sự hỗn độn rõ rệt ở cả những tấm tranh treo dọc quanh mấy bức tường, bản sao màu mè tranh Van Gogh, nhợt nhạt Monet chen giữa các bức tranh sơn dầu khổ lớn rất đẹp mà nhìn qua Miên biết ngay của một số họa sĩ nước nhà tên tuổi. Ông Nguyên đến gần chỉ trỏ, hứng thú, hãnh diện:

- Ấy, tranh tôi mua ủng hộ bạn bè cả.

Xong khịt mũi một tiếng và nhích nhẹ đôi vai, buông lửng:

- Thời buổi này nghệ thuật rẻ như bèo.

Chẳng chờ Miên đáp, ông ta xoay người hướng mắt về một cuốn sách bầy trang trọng trên giá gỗ phủ vải điều, giữa một chiếc bàn gần cửa sổ. Tên tác giả Tài Nguyên chữ đỏ nổi bật trên bìa giấy cứng láng bóng, nền in vân mây và ruộng lúa. Ông ta nói:

- Chốc nữa tôi xin ký tặng cô một cuốn.

- Cám ơn ông. Nhìn bề ngoài đã thấy in rất công phu, khác hẳn tất cả các cuốn trên kệ sách ngoài phố.

Miên ngừng, rồi tiếp:

- Nghệ thuật ấy thì không rẻ như bèo.

Ông Nguyên hực một tiếng, cái cười thản nhiên thỏa mãn. Đăng đã đến đằng sau ngắt lời:

- Xin lỗi anh, mưa đã ngưng, tôi đưa Miên ra ngoài hành lang cho thoáng.

*

Tất cả những đám mây đen đặc trên con đường Miên đến đây đã tan biến, trả lại một bầu trời đêm xanh. Làn gió đẫm hơi nước lay các chậu phong lan đong đưa trên giàn, rớt xuống cổ nàng những giọt nước mát rượi. Khu đất trải rộng nhưng vườn cảnh cây cối còn thấp, trẻ như căn biệt thự hẳn xây chưa bao lâu. Hai tầng lầu trên im lìm ngủ, có lẽ ngoài phòng khách và nhà bếp thì chỉ còn mỗi căn phòng nhỏ che màn ở cuối hành lang dài lơ mơ sáng. Xa tít, vài ánh đèn heo hắt, những vì sao bị đọa xuống cõi trần sắp lặn chìm vào mặt đất. Miên ngước nhìn,

tìm con trăng như thói quen. Đã bao năm, con trăng ẩn hiện thất vào nở ra theo những mâu thuẫn, bận lòng cùng thương cảm của Miên. Dù bất cứ nàng đang ở đâu, nó vẫn mãi hoài trên ấy để nhắc nhở, trách cứ cùng phủ dụ. Trăng là hình ảnh riêng biệt thuộc về một phần đời quá khứ, không liên quan gì đến hiện tại và nơi chốn nàng đang sinh sống.

Cũng trăng đứng đấy buổi tối cuối cùng nàng chia tay Đăng, hơn hai mươi năm nơi sân thượng nhà Cương. Đăng ngồi bó gối dựa chậu kiểng, lòng mất nhìn Miên sâu như tiếng kèn Cương chạy suốt con ngõ hun hút, chờn vờn trên những nóc nhà bê-tông mái ngói mái tôn xênh vênh cao thấp. Hưởng vừa từ Đà Lạt xuống kịp tiễn Miên, tóc anh chàng sinh viên sĩ quan húi ngắn, cổ còn quấn chiếc khăn, điệu bộ kêu tháng Chạp trời Sài Gòn lạnh như cao nguyên. Mơ quỳ trên hai chân khép, vạt áo dài đi học mộc mạc thỉnh thoảng nâng nhẹ với gió đêm. Dưới mái tóc cắt tròn, da mặt Mơ dịu dàng trong màu trăng sữa loãng.

Nhìn Mơ, lòng Miên càng chùng xuống. Mai, khi nàng đi rồi, còn ai rẽ vào đường Tú Xương yên vắng để kéo Mơ ra khỏi những manh áo choàng của các bà sơ? Cô thiếu nữ mười tám ấy bỏ bà mẹ và hai đứa em từ dọc biển Phan Thiết chạy vào Sài Gòn để tránh sự hà hiếp của ông bố dượng. Mơ ở bán trú trong tu viện để đi học, nửa ngày còn lại Mơ đan áo, thêu thùa cùng các sơ, buổi tối kèm học trẻ em để sống và thỉnh thoảng gửi về giúp mẹ. Miên là người duy nhất ngày cuối tuần dắt chiếc *solex* vào qua cánh cổng Régina. Sân tu viện chiều Chủ Nhật thật vắng, không ai đến đặt hàng thêu, lơ thơ người thăm viếng. Mơ đi ra từ dãy nhà thấp, lẳng lặng trèo lên yên sau xe. Miên đèo Mơ đi xi-nê hay trở về con đường có hiệu chè Hiển Khánh. Mơ hút ngon lành những sợi thạch trong suốt, cười như trẻ nhỏ, nhưng lúc chia tay trên bờ lề im lặng dưới đọt nắng sót trên đầu cây Mơ thường nói:

- Tuần tới Miên đừng đến nghe, rủ Mơ đi chơi hoài coi chừng hết tiền mua truyện, dán tem gửi thư cho anh Đăng.

Chân chống xe, nhìn dáng Mơ nhỏ nhắn đơn độc, vai hơi nghiêng một bên thấp thoáng giữa những cây sứ sau cánh cổng, Miên nghĩ giá đừng tiêu vặt để dành giúp Mơ có tiền về thăm mẹ và em khi Tết đến.

Miên gỡ cánh tay Đăng quàng qua vai đứng dậy định đến bên người bạn gái thì chân trời đùng đùng chấn động. Hỏa châu vụt lên, vỡ tung. Vùng lửa rực cháy vàng hướng ấy thật đối chọi với khoảnh sáng mơ hồ mông lung của vầng trăng nơi này đang muốn lẩn vào bóng mây. Năm người cùng nhìn về phía làn khói đen bắt đầu tỏa lan chung quanh những đốm hỏa châu. Hưởng buột miệng:

- Hai ngày nữa thì bầu trời trên đầu Miên sẽ chỉ còn sao với trăng thanh bình. Miên hãy nhìn cảnh này cho kỹ, kẻo quên. Mà thôi, quên đi là tốt hơn cả, nhớ làm quái gì.

Cương đang vắt vẻo trên bờ tường bọc quanh sân thượng nhảy xuống, quát:

- Thằng Hưởng im miệng. Cải lương vừa vừa.

Miên vội vàng:

- Không, cứ để anh Hưởng nói. Mai mốt có muốn, qua hơn mười ngàn cây số Miên cũng không nghe được.

Ném chiếc *harmonica* vào ghế mây, Cương sà người, tay bốc lon bia, ngửng lên tu một chặp rồi chỉ chiếc đĩa trên chiếu:

- Việc gì phải nghe. Không nghe gì hết. Chẳng việc gì phải nhấn nhủ, phải chia tay. Ăn đi Miên, bò bía này hồi chiều tui lội tới cổng trường Miên mua về đó nha. Bà già tui mới hấp lại đó. Ăn đi, qua bển không có thứ này đâu. Sẽ nhớ, sẽ tiếc hùi hụi. Nè, tui nói cho mấy bồ nghe...

Hưởng chặn:

- Ê, đứa nào vừa nói không được tiếc nhớ ỉ ôi.

Cương không trả lời, cúi xuống cầm một cuốn chấm chấm bát tương ớt dúi vào tay Miên. Nãy giờ ngồi im với điếu thuốc, Đăng lên tiếng:

- Chúng mày đừng nói nhiều nữa. Mày hát đi Cương.

- Hát gì?

Đăng rời rã:

- Bất cứ cái gì, bất cứ điều gì, ngoài chia ly và vĩnh biệt.

Hưởng cầm chiếc đàn *guitare* dựng bờ tường, búng vài sợi, so dây:

- Sao Mân không đến vậy Miên?

- Mẹ chị Mân bệnh.

Không hỏi thêm, Hưởng cúi xuống, dòng "*Jeux interdits*"[1] rung lên hoài cảm. Miên quay sang, bắt gặp Mơ nhìn Hưởng đăm đăm. Nàng cố chặn tiếng thở dài, đêm chìm sâu hơn, những giọt mưa đầu vừa rớt độp xuống mái che. Bốn người đến ngồi đây đêm cuối cho nàng, người nào cũng hiểu rõ lòng kẻ khác nhưng đều phải ngăn giữ nỗi niềm, nghẹn hơi thở khó. Miên chỉ mong giá Hưởng săn sóc đáp lại tấm lòng Mơ, trong khi Hưởng mỗi lần về phép là dặn dò Miên cố rủ chị Mân đến cho anh chàng thấy mặt. Còn Đăng thương Cương như bạn như em, vẫn bảo rằng không thể để thằng Cương bị bắt lính, nó sẽ chết trước khi biết nổ súng, nó sẽ chết như mơ, miệng còn đang chúm lại thổi kèn hay nghêu ngao hát. Và Đăng cũng thừa những lần bắt gặp Cương đau đáu nhìn Miên.

Ngồi xê lại, Miên vòng tay ôm hai đầu gối Đăng, vải quần kaki nhà binh dầy nham nhám. Mọi lần được phép về tới thành phố Đăng thay mặc ngay bộ quần áo sinh viên nhẹ nhàng, cởi sợi dây đeo thẻ bài nhôm bỏ vào chiếc ba-lô sẽ nặng dần những cuốn sách, băng nhạc gom đi trong các chiều lang thang với Miên ở lề đường Lê Lợi. Kỳ này, đã cả tuần Đăng dửng dưng lãng đãng. Bao lần nàng muốn nói khẽ với Đăng:

- Đừng buồn, Miên đi, học hành xong rồi Miên lại về.

Nhưng nàng đã không nói được câu gì, miệng lưỡi u ơ khâu khép. Những cuộc hành quân hai bờ sinh tử Đăng từng kể, một lần rút cả can đảm đi tìm Đăng ở chân núi chàng đóng quân giữa bom đạn tung hê là ám ảnh. Chuyến trực thăng đưa người thiếu nữ đau đáu tấm lòng dâng hiến đến tận vũng sâu của chiến tranh. Rồi cũng nó thẩy nàng trở về thành phố với gia đình và mái trường ngói đỏ, chưa tả tơi, vẫn trinh nguyên với màu áo trắng nhưng ai bảo được tâm hồn tươi sáng ấy còn nguyên vẹn. Đạn pháo kích mỗi đêm bất ngờ nổ toang giựt đứt thần kinh người thành phố như Miên, bao nhiêu chênh vênh bất tường cảm nhận từ đời sống, từ tình yêu đầu đời mong manh vô định đã cắt đi, chặt ngang niềm tin và hi vọng. Không có niềm tin, làm sao nói ra lời hứa.

Mấy hạt mưa theo gió hắt vào, Miên thấy mắt mình đọng nước. Cương đã nhặt lại chiếc kèn đưa lên môi phụ họa với Hưởng một đoạn "*Le Pénitencier*"[2] u ẩn, rồi đột ngột Cương buông kèn, giật cây *guitare* của Hưởng dạo một dòng cất cao giọng: "Chiều nay còn mưa sao em không lại. Nhỡ mai trong cơn mưa vùi..."[3]. Bấy giờ những ngón tay Đăng đang vuốt nhẹ sợi tóc Miên bất thần co quắm, cắm sâu vào vai Miên, nàng nghiến răng nghe nỗi đau chạy rút vào tim.

*

Hẳn điện đã trở về trên ấp An Định nên máy phát điện riêng của ông Nguyên ngừng ro ro rì rầm. Giờ đồng loạt bừng lên tiếng dế và ễnh ương rên rỉ ồm oạp đêm hè. Miên không quay lại, nàng biết Đăng đứng sát đằng sau. Chỉ cần một xoay người một chạm nhẹ, mọi điều có thể xảy ra, dù trong nàng hiện tại giữa hai người chỉ là một hội ngộ thoi thóp. Miên biết nàng không thể bơi ngược dòng sông dẫu kỷ niệm, quá khứ vẫn chập chùng, tươi rói. Con người chất chiu quá khứ vì mọi sự đã qua dù đen tối đau thương vẫn có thể được biện hộ tha thứ, được trùm lên cái đẹp hào quang để tái tạo một nơi chốn cho linh hồn có chỗ trở về cư ngụ. Thất vọng với hiện tại, mù mịt về tương lai, nên con người quay tìm ngôi nhà cũ xưa, quẩn quanh, tự an ủi, đánh lừa mình giữa

những bức tường ảo tưởng, nhập nhòa đèn bóng.

Chẳng biết Miên sẽ đứng im, nén tiếng đến bao lâu nếu Đăng không cất giọng:

- Mấy hôm nữa Miên trở sang bên ấy?

- Ngày kia. Miên đáp rất nhỏ.

Bỗng nàng cao tiếng hơn:

- Tại sao anh rủ em đến đây?

Đăng điềm tĩnh:

- Để em thấy luôn là có một thế giới khác hẳn những con đường khu phố tối tăm mất điện, chật chội bương bả ngoài kia.

Bây giờ Miên quay lại, nhìn Đăng:

- Anh quan hệ ra sao với ông Nguyên? Ông ta làm gì mà có được cơ ngơi như vầy trong khi mọi người...

Đăng ngắt, hỏi ngược:

- Đây là thắc mắc cho biết hay một tra vấn?

Không đợi trả lời Đăng tiếp:

- Em thừa hiểu, trong hoàn cảnh đất nước này không sự giàu có nào trinh trắng hồn nhiên. Còn quan hệ anh với ông ta. Giản dị thôi, anh làm nhà in mà.

- Ông ta viết được không?

Đăng cười giọng mũi:

- Với đồng tiền ông ta viết được khối thứ. Trong số người đeo mặt nạ hôm nay có mấy người sẵn sàng viết thế ông Nguyên bất cứ thứ gì.

- Thảo nào, ông ta bảo nghệ thuật rẻ như bèo.

Im lặng, rồi Đăng thở ra:

- Không thể phủ nhận, nhờ ông ta họ có cơm ăn.

- Chẳng tưởng được có một nơi chốn xa hoa, sáng choang như vầy giữa thế giới tăm tối vật vã quanh đây. Anh thuộc thế giới nào?

Rút gói thuốc từ túi áo, Đăng chậm rãi châm, hít một hơi. Đầu lửa nhỏ vừa nháy lên đốm sáng trong đêm thì Đăng đã dụi vào thành lan can, ném xuống sân cỏ tối.

- Lắm khi không có chọn lựa Miên à. Chúng ta đã ở năm 90, không phải 68 khi em đi du học, cũng chẳng còn là 75 khi anh tất tưởi về được tới nhà Cương, thắp vội cho nó nén hương rồi cùng Hưởng chạy vào Tân Sơn Nhất chầu chực đẩy Hưởng lên trực thăng.

- Sao lúc ấy anh không đi?

- Kẹt gia đình. Mà thật ra, mấy năm lính tráng chung đụng với lính Mỹ, có những nhức nhối, đau xót vẫn còn dằn nặng làm anh e dè chán nản không muốn đi. Vả chăng còn bà già của Cương. Bác níu lấy anh

để sống từ khi anh đem xác Cương từ Phú Khánh về. Lỗi tại anh mà nó chết.

Một tiếng quạ từ đồng trống vụt ngang, quác điếc. Miên rùng mình, Đăng định đưa tay kéo nàng sát vào, chợt có tiếng mở cửa từ căn phòng mờ nhạt ánh đèn cuối hành lang. Một bóng áo trắng đi ra, thoáng ngừng lại để làm quen với bóng tối rồi bước thật chậm về phía Miên và Đăng, dáng đi hơi chệnh choạng như thể dẫm cả lên ống quần dài lết trên mặt đất. Đăng kề vào tai Miên:

- Con gái ông Nguyên, cô ta chẳng bình thường, Miên đừng sợ.

Miên nghĩ không có gì để sợ, nhưng khi người thiếu nữ đến gần thì nàng giật mình, khuôn mặt với đôi mắt to, da trắng rợn, mái tóc bum bê đen nháy không khác gì Mơ. Ôi Trang Thị Mơ của hơn hai mươi năm trước sao lại có thể ở đây, trong không gian trần thế này? Miên run run đưa tay nắm lấy Đăng, bấu chặt. Chẳng nói một lời, cô gái bỗng nhiên mở miệng cười ơ ơ. Hai hàm răng không ngờ vàng trơ lợi khiến Miên đang bối rối cũng nhớ lại vành răng thằng nhỏ bán hòm ngoài bìa con lộ chính. Bộ quần áo trắng tươi nhưng mỏng dính, nhàu nát, chiếc áo lênh thênh hếch gò ngực vun hai đầu vú nhọn. Ngọn đèn treo ở đòn gỗ cuối căn biệt thự nhập cùng ánh trăng rọi mập mờ cặp đùi đầy thả xuôi bên một vùng đặc sẫm. Cánh tay trần óng dịu nhỉu, quấn quíu theo bước đi không vững nghiêng chao càng làm cả thân hình lộ liễu đong đưa, liêu trai khêu gợi.

Cô ta bước tới sát hơn, thản nhiên nhìn vào mặt hai người. Nhưng khi mắt rơi xuống bàn tay Đăng đã đặt giữa cần cổ và mảnh vai Miên lọt ra khỏi bờ áo cổ rộng, gương mặt người con gái đang phẳng lặng chợt nhúm lại, lòng mắt ngơ ngơ phựt lên ánh sợ hãi, vành môi đầy hơi trễ mở vội như muốn bật kêu. Cả thân người giật lùi ra sau, đụng phải bờ tường cô ngồi xẹp xuống, hai bàn tay cuống cuồng che mặt. Miên định tới gần, Đăng giữ nàng:

- Đừng đụng tới cô ấy, để anh gọi ông Nguyên.

Mặt trăng thoát khỏi vầng mây, vặc sáng lên lúc ông Nguyên chạy đến tất tưởi, một tay xách chiếc mặt nạ đã tháo. Hai má ụ đỏ trên khuôn mặt núng nính như những ngón tay u tròn cầm chào Miên lúc nãy. Nhưng dáng đi hấp tấp hớt hải, cử chỉ đau xót choàng ôm con gái làm tấm thân dầy thấp của ông bỗng nhiên cao lớn hơn trước mắt Miên. Đăng lặng lẽ kéo nàng tránh ra, bước xuống hành lang đi về cuối vườn. Gió giữa đêm bắt đầu thổi mạnh, những vạt lá dừa, tàu chuối sẫm đen lắc lư tay vẫy. Mây sà thấp, choàng lấy mặt đất tối, rồi thoắt lại hút lên chụp ngốn mảnh trăng đơn độc. Miên nhắm mắt, nàng muốn xua đi gương

mặt người con gái ông Nguyên. Nhưng không, vòm tóc ôm đôi má hơi bầu bĩnh, chiếc cằm thuôn của Mơ hiển hiện, nhập trùng lẫn lộn với cô ta. Mơ cứ hơm hớp mở miệng định nói gì với nàng mà lời chẳng thoát khỏi bờ môi.

*

Rời quê nhà đi mùa Sài Gòn không nắng, sang đến giữa hè năm sau Miên đang hùng hục học thi khóa nhì năm dự bị thì được biết Cương sửa soạn nhập ngũ và Mơ báo tin sắp dành đủ tiền về Phan Thiết. Chẳng hiểu có phải vì nghe đồn chị Mân đính hôn hay vì "Miên đi thành phố bỗng buồn" như Hưởng viết trong thư nên mỗi lần về phép Hưởng thường quay xe vào con đường Tú Xương tìm Mơ. Điều này làm Miên vui và yên tâm cho cả hai người, nhưng từ đó tin Đăng với Cương càng vắng. Có những làn sóng từ biển rộng đại dương cuồng nộ nổ bung phá tan tất cả đã đành, cũng có biết bao đợt sóng đời dập dềnh nhỏ đọn nhưng liên tục trào dâng cùng một khả năng cuốn trôi đi những gì người ta đinh ninh rằng không thể mất. Tuy nhiên mất chẳng có nghĩa là quên, muốn quên đâu dễ dàng. Cuộc đời đe dọa lẫn khiêu khích con người bằng ẩn mật và thách đố, rồi lại thích chơi trò nổi cơn chấn động, quấy tạo bão tố, cố tình không để cho những gì muốn im xuôi nằm lặng trong quên lãng được ngủ yên.

Kể từ đầu thu hai năm sau đó, ba lá thư lần lượt đến tay Miên, từ ba nơi khác biệt trên quê hương. Tờ thứ nhất dầy, đựng thiệp cưới của Đăng, không thêm dòng nào ngoài nét chữ đầy nam tính và đẹp. Miên giở ra rồi đút tấm thiệp trở lại trong phong bì, nàng không nhìn tên cô dâu lẫn ngày cưới. Suýt nữa Miên không thấy cả một cánh hoa tim tím xanh nhạt rơi trên mặt bàn. Màu hoa còn mới vẫn dịu dàng mong manh như khi xưa đôi lần Đăng hái giữa đồi núi gửi về cho nàng. Miên cúi xuống vuốt thật nhẹ rồi cẩn thận bỏ vào phong thư dán lại.

Lá thư thứ nhì Miên nhận được từ Hưởng một buổi trưa nắng mùa đông theo gió bấc rực lên, nhức sáng. Cửa sổ căn phòng đại học xá nhìn xuống sân bóng sinh viên. Những chiếc lá cuối cùng của hàng bạch dương viền quanh rứt lìa, lốc theo cát bụi cuốn bay nhập nhòa với nắng, với những giọt nước mắt không ngừng Miên chảy ứa. Hưởng viết thật dài, thật dài về cái chết của Trang Thị Mơ. Tên gì toàn hoa với quả, mà lại là thứ hoa quả Miên hay đùa bảo sao không bình thường như cam chuối. Mơ đã về thăm mẹ và em dịp Tết năm ấy, cho Hưởng biết sẽ ở Phan Thiết ít lâu. Hưởng ra trường đổi về vùng 4 chiến thuật trận địa gay go, không còn dịp trở lại thành phố. Bẵng tin Mơ cho đến hôm được

phép tất tả tới Tú Xương thì Mơ vừa tự tử chết được hai tuần. Mơ chẳng để lại một lời gì, cho bất cứ ai. Hưởng chờ đợi, ngóng mãi mới gặp được người sơ trẻ thỉnh thoảng vẫn đi cùng với Mơ. Những gì Hưởng được cô nói cho nghe sau bao nhiêu đắn đo cũng khá mơ hồ. Mơ đem số tiền nhỏ dành dụm về Phan Thiết, thấy mẹ bị ông chồng hành hung hằng ngày nàng quyết định ở lại, tìm cách kháng cự với ông ta. Một trưa nhà vắng, ông dượng hung dữ say khướt trở về tóm lấy Mơ trấn đầu vào vại nước cho ngất đi rồi xé toang quần áo, quật Mơ xuống cái mọp mẹ Mơ phơi cá khô ra chợ bán. Nhưng thảm kịch là bà mẹ không tin còn mắng chửi con gái đã cố tình khiêu khích ông dượng, rồi đuổi con đi. Mơ lên đường trở lại thành phố, thân thể luôn bốc mùi cá chết, tâm hồn tấm mọp tơi tả rách bươm, mặn chát muối biển. Tuyệt vọng, không có ai, không còn ai.

Lá thứ ba cũng của Hưởng, gọn lỏn hai hàng: "Xác Cương đã được Đăng đem về Sài Gòn cho bà già, hôm nay chôn nó. Nghe đâu nó chết như mơ, như thằng Đăng hay nói". Thêm một tái bút bên dưới: "Cũng vừa biết hôn phu Mân tử trận trước Cương mấy ngày". Những đêm khuya sau đó Miên quay cuồng với từng giấc mộng chằng chịt vòng kẽm gai không lối thoát, bóng áo dài trắng phất phơ của Mơ cứ chập chờn khiến Miên chạy theo hụt đuổi. Thức giấc nàng còn thấy rõ như trên màn truyền hình buổi tối giờ tin tức, B52 nhả thòn thọt, từng trái bom dội xuống. Vùng đất tung toang khốc liệt bốc khói, những con người đê mê cuồng điên chạy trong ngọn lửa ấy có phải là hình ảnh hiện thực hay đấy là cơn mộng? Nhạc Bob Dylan quen dần bên tai cùng tiếng hát người bạn du học sang sau đem theo Kinh Việt Nam[3]. Miên nghe lẫn trong giọng ma mị của Khánh Ly cả tiếng hát của Cương "người tình rồi quên, bạn bè rồi xa, những tháng năm, những dấu chân người cũng bụi mờ..."[3].

*

Đêm rền sâu trong tiếng côn trùng, nước đọng trên mặt lá rơi xuống vòng hồ giữa vườn tóc tách hòa âm. Văng vẳng vọng ra giọng nói cười từ phòng khách ông Nguyên như là cõi đời nào khác. Miên cất tiếng hỏi:

- Tại sao anh bảo vì anh mà Cương chết?

Đăng chẳng trả lời ngay, mãi lúc sau cất lên, rốc khô mà có gì nghẹn đặc:

- Chúng ta đều biết Cương đâu có bóng vía chịu đựng cảnh chết chóc lửa đạn. Em đi rồi, Cương cũng chẳng được hoãn dịch bao lâu. Sau

hai ba cuộc hành quân, nó gần hóa điên, lần về phép thứ nhì nó đào ngũ. Trốn trui trốn nhủi, đôi khi nó chạy ra Trung tìm anh, rồi lại về tuốt Châu Đốc, trèo lên Đà Lạt. Bệnh suyễn tái phát mạnh, bà già nó luôn luôn co rúm, sợ nó bị bắt hay chết một mình ở nơi nào. Đợt hè 72, chiến tranh đến hồi tàn khốc quyết liệt, lính đào ngũ càng bị truy lùng ráo riết. Cương quá mỏi mệt với sự lẩn trốn, cũng không tránh khỏi dằn vặt trước những cái chết bạn bè, nó liên lạc hỏi ý anh. Anh gặp người trung tá chỉ huy trung đoàn cũ, kể rõ tình trạng Cương và xin cho nó về trung đoàn ông, cho nó một việc làm tại chỗ tương đối an toàn không phải đi trận. Cương nghe lời anh ra trình diện ngay ở Phú Khánh nơi nó đang ẩn trốn. Trong khi chờ đợi chuyển về đơn vị của viên trung tá, nó tạm lấy lại tinh thần. Nhưng chưa kịp đi thì Phú Khánh bị tấn công, đêm ấy Cương chết với cái kèn bất khả chia lìa và một mẩu giấy ghi mấy dòng nhạc nó đang viết dở trong túi quần. Tội nghiệp bà già Cương...

Miên để Đăng miên man, bây giờ nghẹn ngào:

- Năm 73 em về thăm nhà, đến bác, bà chẳng nhận ra em, lơ ngơ hỏi: Cô quen thằng Cương ra sao?

Không đừng được nàng nấc lên, và Đăng chỉ đợi có thế là vội dang tay choàng qua vai Miên. Gió ủ đầy hơi ẩm, gương mặt môi se cùng sương tóc ướt, nàng co người rung lên trong vòng ấm của Đăng. Mỏi mệt đè nặng trĩu, Miên cũng muốn gục vào bờ vai ấy. Đôi môi Đăng lướt trên những sợi tóc mai của nàng, nhè nhẹ lần xuống cổ quấn quít quanh vành tai. Cảm giác nao nao dâng lên tràn giữa ngực, một mùi hương gì kín ẩn hơn hương đêm thoảng ngấm không gian. Đăng kéo xiết bụng nàng, bàn tay tìm đường sau làn vải. Miên thả trôi đi trong giọng Đăng thao thiết gọi tên, giữa lũng trời chẳng còn gì ngoài gió nấy mơn man. Không còn những cách trở sau bao nhiêu năm, chẳng còn những biến chuyển đổi thay đã đến trong đời và nếp sống cùng suy tư khác biệt của mỗi người. Thời gian quay ngược về khởi điểm để cảm xúc vẫn là nguyên thủy xưa, nhưng cộng thêm sự nóng bỏng, vội vã, mặn và nồng của một thứ tuổi người đã chín. Chợt ộp ộp bõm bõm, mấy con cóc ở đâu ùa ra nhảy chuyền trên mặt hồ nước thoang thoáng những tán lá sen. Miên ngước lên, đầu hành lang bỗng rực sáng trước mắt, tiếng nhạc tiếng trống tiếng người rầm rầm ồ ạt tung ra từ những khung cửa mở toang của tất cả các căn phòng. Bao nhiêu mặt nạ nối nhau ùa tới, cái nhe răng nham nhở, cái đen xì với giọt lệ sơn trắng lân tinh, lão Quan Công bừng đỏ, cặp mắt chồn lao láo trên chiếc mũi nhọn, cả cái đầu sư tử râu tóc rựng chĩa của ông Nguyên. Giọng cười đùa mà như gào khóc, họ khiêng hai ba chiếc quan tài gỗ mộc của thằng nhỏ mặc

quần xà lỏn mỏng tanh đã thò sát mặt vào Miên ngoài con đường lớn. Họ đi ào ào, ập đến cả đoàn âm binh, theo sau một đám áo quần màu sắc nhòa nhoẹt bà vãi ông đồng. Giữa đám phụ nữ già khằn, mặt gấp nếp như mớ giấy bồi, tóc tai xơ xác đâm ngược lên trời hay rũ rượi xõa xuống mấy con mắt bôi xanh bôi đỏ, con gái ông Nguyên phất phơ uốn lượn, trong suốt những chùm thịt da hồng nứt hồn nhiên, không mảy may che đậy. Đột nhiên cô dừng lại, tay túm lấy hạ bộ của thằng con trai đang lắc lẻo đuổi theo đòi tiền bán hòm, cô cười khanh khách. Rồi thì Mơ, Mơ quay đảo cái đầu có mái tóc tròn xoe đen nhánh, tay phất mớ tiền, tay kia cầm tấm mọp phơi cá quơ quơ múa múa ngang mảnh ngực trắng rợn, lộ ra qua manh áo rách bươm. Mơ ngất ngưởng ngó liên láo rồi chỉ vào một chiếc quan tài người ta đang rập rình lảo đảo khuân đi. Trên nắp, một bát hương đứng yên không đổ, ba cây nhang nghi ngút khói trước bức chân dung Cương lóe sáng.

Miên run rẩy nhắm nghiền mắt, một phản xạ bức nàng đẩy xô Đăng. Đến khi chợp mở mắt ra, âm binh áo quần trống kèn đã rút biến. Lưng lưng một dáng người trắng toát nghiêng chao, lướt đi giữa hành lang hiu hắt ngọn đèn. Xa, trời đen mịt mùng. Những ngọn sao đã chìm rơi vào đất.

1) Nhạc Narcisso Yepes
2) Qua giọng hát Johnny Hallyday
3) Nhạc và lời của Trịnh Công Sơn.

Đón mua hai tác phẩm giá trị
của nhà xuất bản **văn mới**

sử học, đọc vài quyển
khảo luận của tạ chí đại trường
dày 550 trang, giá 25 mỹ kim

chữ dưới chân tường
tiểu thuyết của nguyễn viện
dày 200 trang, giá 10 Mỹ kim

phỏng vấn trần vũ

LÊ QUỲNH MAI thực hiện

LQM: *Một thập niên trước, khi truyện ngắn Mùa Mưa Gai Sắc xuất hiện trên tạp chí Hợp Lưu đã gây ra cuộc bàn cãi sôi nổi trong văn giới. Rồi sau đó, các tác giả Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Huy Đường, Thụy Khuê, Nguyễn Xuân Hoàng, Trương Vũ, Nguyễn Văn Trung, Đoàn Cầm Thi, v.v... đã bàn luận về tập truyện Cái Chết Sau Quá Khứ giống như Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Ngọc Bích, Hoàng Khởi Phong, Bùi Bảo Trúc trước đây đã viết về Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu. Nhìn chung, có nhiều so sánh giữa Mùa Mưa Gai Sắc với trường thiên tiểu thuyết Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác. Suy nghĩ cá nhân của ông về vấn đề này?*

TV: Trước nhất, tôi nghĩ không thể so sánh một truyện ngắn giới hạn trong một hình ảnh âm bản, một khúc đời thái lát, đôi ba nhân vật phẫu thuật, như trường hợp Mùa Mưa Gai Sắc với một trường thiên tiểu thuyết công phu, trên ngàn trang giấy, trải dài từ chiếc nôi của biến động Bình Định ra Bắc Hà, trở ngược xuống Bến Ván, rồi vào Gia Định với cả trăm nhân vật, với tham vọng ghi lại toàn bộ thăng trầm đất nước ở vào thời kỳ lên sởi "da beo", với những vùng "tạm chiếm" hoặc đã "giải phóng" như trong Sông Côn Mùa Lũ. Truyện ngắn Mùa Mưa Gai Sắc không có tham vọng đó và thể loại truyện ngắn không cho phép tham vọng ấy.

Với Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác đi tìm bình dị con người trong vĩ nhân. Với Mùa Mưa Gai Sắc tôi đi tìm dã thú trong con người. Hai mục đích khác nhau. Mặt khác, tôi không viết truyện lịch sử.

LQM: *Ông chưa trả lời toàn vẹn câu hỏi. Vì sao có sự so sánh giữa hai nhân vật Ngọc Hân-Nguyễn Huệ của Mùa Mưa Gai Sắc và trong*

Sông Côn Mùa Lũ? Tiện đây xin hỏi thêm mối tương quan giữa Trần Vũ và Nguyễn Mộng Giác, mà dường như đã khơi nguồn cho truyện ngắn gây nhiều bất mãn này?

TV: Chuyện rất dài... So sánh của giới phê bình và điểm sách mà tôi được đọc trên các nhật trình và tạp chí Việt ngữ, chủ yếu tập trung quanh hình ảnh dã man của Nguyễn Huệ, cũng như mối thâm thù toan tính ám sát Huệ của Lê Ngọc Hân trong Mùa Mưa Gai Sắc. Đây là trái biệt chính. Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ rất hiền hòa, trong sáng, Hân thấm thiết, đằm thắm, ngoan ngoãn... nhưng có lẽ, nên bắt đầu từ mối tương quan vô hình giữa tôi và nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

Tất cả đã bắt đầu rất sớm, cách đây hai thập niên. Lúc đó và cho đến bây giờ, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã luôn là một nhà văn đàn anh, người đã đem đến cho tôi vô vàn say mê với tập truyện Ngựa Nản Chân Bon. Chính năm 84, khi tôi chưa viết truyện, Nguyễn Mộng Giác với tập 1 Những Đợt Sóng Ngầm của trường thiên Mùa Biển Động đã lôi tôi vào thế giới văn chương mà tôi vừa biết đến ở Sài Gòn trước 75, rồi đứt khúc.

Có thể xem, một trong những yếu tố khiến tôi bước chân vào văn xuôi là do hấp lực của Mùa Biển Động. Tôi đã "mê" nhân vật Diễm rất nhiều, mê những giọt mồ hôi ẩm trên ngấn cổ cô Diễm những trưa nắng mang thau nước rửa mặt cho Ngữ bên xưởng vẽ của Ngô. Mê cách trao thân hết mình của Diễm dưới chân cầu Gia Hội cho Ngữ. Mê cách sống không hối tiếc và quyết tâm làm giàu sau khi gạch bỏ tình yêu của Diễm. Nguyễn Mộng Giác rất thành công trong mô tả phụ nữ miền Nam trước 75. Như Nam, thiếu nữ dấn thân và thần thánh Tường, giáo sư triết của trường Quốc Học, thần thánh trong đời sống, trong tình yêu, trong cả nhẫn nhục chịu đựng. Nguyễn Mộng Giác phân tích tài tình đời sống, từng trạng huống tâm lý, đi từ lãng mạn tột độ, băn khoăn cùng cực, vui sướng hết mức đến hốt hoảng, đăm chiêu, tuyệt vọng rồi liều lĩnh. Nhân vật Tường, cũng đầy sôi động. Trước khi nhảy núi, Tường trở về nhà mắng cha, ông Thanh Tuyến, đã lái xe Toyota bằng máu của nhân dân lao động...

Đã hai thập niên trôi qua mà tôi vẫn còn nhớ như in không khí của gia đình ông Thanh Tuyến, rõ ràng là không khí của gia đình tôi, từ nếp sống, cách sinh hoạt, nếp suy nghĩ, phản xạ trước chánh quyền, trước đám đông, thói quen xã hội... Gia đình tôi, một gia đình Bắc di cư, mà không hề khác gia đình ông Thanh Tuyến bố của Tường, một gia đình Huế. Điều đó cho thấy Nguyễn Mộng Giác đã tái tạo thành công đơn vị gia đình Việt Nam trong tiểu thuyết của ông.

Đã hai thập niên mà ở hải ngoại chưa có cuốn tiểu thuyết nào làm tôi say mê nhiều hơn vậy. Đi làm ôm theo, ngồi trong xe lửa đọc miên man, vào công ty gấp sách lại chỉ mong chóng mau đến giờ hết việc, xuống xe điện, mở tập 2 Bão Nổi, các nhân vật lại sống trở lại, cười nói, yêu khóc giận hờn, từng màu áo, sắc son môi, khóe mắt, tưng bừng trên trang giấy, làm như mình chưa hề rời xa họ một giây phút nào, đã thân thiết với họ tột bực, đã sống chung, chia sẻ tận cùng đời sống thầm kín của từng người. Tuyệt diệu là tất cả đã xảy ra, diễn ra, sinh sống trên cái nền lịch sử tan vỡ của miền Nam trước 75, khởi đi từ thao thức sinh viên, tranh đấu miền Trung, Phật giáo xuống đường... Nguyễn Mộng Giác ghi lại được hết tất cả những chuyện ấy, nhỏ nhặt từ trong nhà ra đến ngoài chợ, từ trong trường học ra tới đồn Mang Cá. Các đoạn đánh nhau ngoài Huế, Việt Cộng núp dưới chân Chúa khiến Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ càu nhàu vừa bi hài vừa chết chóc như trong Full Metal Jacket của Stanley Kubrich (quay sau mấy năm). Sau Tình Ca Trong Lửa Đỏ, Giải Khăn Sô Cho Huế Đổ Nát của Nhã Ca, bút ký chiến trường của Phan Nhật Nam và ký Quảng Trị của Dương Nghiễm Mậu, tôi thật sự khám phá chiến tranh, biến động xã hội và miền Trung qua Nguyễn Mộng Giác. Tiểu thuyết ngoài nước bây giờ chai sạn vì không còn những Mùa Biển Động nữa. Và cũng không chỉ ngoài nước, cả trong nước, chưa có cuốn tiểu thuyết nào mang kích thước, chiều kích sánh bằng. Cùng thể loại, Vỡ Bờ của Nguyễn Đình Thi, Đống Rác Cũ của Nguyễn Công Hoan là những trường thiên đọc chán vô cùng.

Trả lời dài... *trường thiên* như vậy, để cô hiểu nỗi say mê tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác của tôi, đã bắt đầu từ buổi sáng xám trắng, ảm đạm, một nhóm thuyền nhân vô tình phát giác có kẻ thắt cổ chết trong căn lều bên cạnh, rồi im lặng thao thức cho số phận con người trên cái nền trầm trầm của kinh thánh. Những trang Ngựa Nản Chân Bon đó, Nguyễn Mộng Giác đã viết ngày ông vừa đặt chân lên trại tỵ nạn Galang, Nam Dương. Đó là năm 82. Tôi cũng vừa rời Phi Luật Tân, vừa chứng kiến cảnh thuyền nhân tự tử trong trại đảo Puerto Princesa City vì bị... từ chối đi Mỹ, vừa đặt chân đến Âu châu. Tôi đã *"gặp"* Nguyễn Mộng Giác khi ấy.

Khi ấy, giai đoạn 82-84, văn học hải ngoại đang thành hình và Nguyễn Mộng Giác là một trong những tác giả chính. Khi ấy, Nguyễn Mộng Giác đáp ứng tâm tình của độc giả vì ông đã thể hiện tâm tình thật của chính ông, một cá nhân chìm trong loạn lạc nội chiến của đất nước. Nhưng 7 năm sau, đến Sông Côn Mùa Lũ thì tôi thất vọng. Cuốn trường thiên này thiếu sôi nổi, thiếu "sức mạnh" túm bắt, xô, đẩy, đạp

người đọc vào trong tiểu thuyết rồi *giặt giũ* cho đến tả tơi, rã rời mê đắm. Sông Côn Mùa Lũ không có chất mê hoặc của những tác phẩm quỷ quái như Anh Em Nhà Karamazov. Độc giả không *bắt* được nhân vật, quá trơn tru, thiếu sần sùi, ít góc cạnh. Nói cách thô lậu là người đọc không *ăn nằm* được với nhân vật. Lý do, theo tôi nghĩ, vì nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã viết trường thiên này thời gian ở Việt Nam sau 75. Thiếu tự do sáng tác, lo lắng trước các chính sách văn hóa của nhà nước, khiến ông đã không thể đẩy nhân vật đến cùng, mà phải chọn vị thế trung dung, *an toàn*, do đó tất cả nhân vật đều chung chung... "ít vấn đề".

Lúc đó, khoảng 1991, mua mấy tập Sông Côn Mùa Lũ khá mắc, tôi bực mình với Nguyễn Huệ của Nguyễn Mộng Giác ở An Thái vô cùng. Có mỗi bàn tay nhỏ nhắn xinh xắn của An mà cũng không dám nắm. Đọc mấy trăm trang sách không biết đến chừng nào An-Huệ mới cầm tay, hôn môi. Nhát cáy như vậy làm sao Huệ đánh Đông dẹp Bắc, bốn lần vào Gia Định, ba lần ra Bắc Hà, thảm sát Minh Hương, diệt quân Xiêm ở Rạch Gầm, giết thuộc hạ Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm, chửi mắng dứt bỏ tình huyết thống đạo lý luân thường để đảo chánh anh ruột Nguyễn Nhạc, về sau còn đục thuyền cho thân nhân gia đình Ngọc Hân chết chìm...

Quang Trung hoàng đế, con người đó, lạ thay, dưới ngòi bút Nguyễn Mộng Giác vô cùng *lành* với chư tướng, do dự và nhút nhát trước phái yếu.

Với tôi, ấn tượng đầu tiên sau khi đọc Sông Côn Mùa Lũ là Nguyễn Mộng Giác khắc họa nhân vật Huệ không thành công. Người đọc không bắt được thần thái uy lực của Huệ, một trong những yếu tố chính, vì thiếu uy lực đó sẽ không có Huệ. Nguyễn Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ là bản sao của Ngữ, một... trung sĩ địa phương quân trước khi đi học khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức trong Mùa Biển Động. Các nhân vật khác trong Sông Côn Mùa Lũ cũng đều là bản sao của Mùa Biển Động, mặc dù họ "sinh" ra trước Mùa Biển Động.

Ngay khi gấp sách, tôi quyết định viết một truyện ngắn phác họa lại Nguyễn Huệ, đúng theo suy nghĩ của mình. Hoàng đế Quang Trung trong tâm trí tôi phải mang hình ảnh Thành Cát Tư Hãn, vó ngựa trường chinh, bách chiến bách thắng và có chất... thổ phỉ! Phần khác, tôi không tin Lê Ngọc Hân có thể yêu Nguyễn Huệ ngay phút đầu tiên, dễ dàng và say đắm. Khác biệt giai cấp, văn hóa, tâm lý quá lớn. Chưa nói đến thù cha, thù nhà, nợ nước, khiến Ngọc Hân khó mà... *vô tư*. Sau 75, các tiểu thư Sài Gòn trong một thời gian dài đã không *vô tư*, trừ phi làm

Vương Thúy Kiều liều mình chuộc cha đi học tập, đa số đã từ chối các "anh hùng quân đội nhân dân". Tôi muốn thể hiện lại điều đó, sự chối từ *áo vải cờ đào* của những thiếu nữ kinh kỳ sinh sống nơi kinh đô bị chiếm đóng.

Mùa Mưa Gai Sắc ra đời trong suy nghĩ đó, với ước muốn tân tạo hình ảnh Nguyễn Huệ trong đầu mình, như mình muốn, trong tự do tuyệt đối. Tất nhiên không phải hình ảnh truyền thống của môn lịch sử học đường, và sự khác biệt này không hề tàn phá lòng quý trọng của tôi đối với nhà văn Nguyễn Mộng Giác, là một nhà văn đàn anh, người đã giữ lửa, đã làm đầu tàu thúc đẩy văn học hải ngoại trong hai thập niên vừa rồi.

LQM: *Theo Trần Vũ, nền tiểu thuyết Việt Nam đang ở đâu? trong thời điểm hôm nay, cuối năm 2003 này? Ông đã tổng kết 12 năm sinh hoạt trên tạp chí Hợp Lưu, chắc cũng có thể "tổng kết" tiểu thuyết?*

TV: *Nền tiểu thuyết Việt Nam đang ở đâu? hôm nay?* Đây là một câu hỏi mênh mông. Tổng kết một... nền tiểu thuyết chưa thành hình, đòi hỏi cả một bài nghiên cứu, tra cứu tỉ mỉ, trích dẫn tùm lùm, không thể "tổng kết" trong phạm vi một bài phỏng vấn, nhưng tôi sẽ cố gắng phân tích một vài điểm trên khía cạnh nổi của bề mặt tiểu thuyết.

Về thống kê, trong suốt năm vừa qua, theo Phạm Thị Hoài mà tạp chí Talawas đặt mua, ngành xuất bản Việt Nam quốc nội in ấn 100 đầu tiểu thuyết. Ngành in ấn tại Pháp, chỉ cho riêng đầu tháng 9/2003, xuất bản 691 tiểu thuyết. Nếu không tính 236 tiểu thuyết ngoại quốc phiên dịch sang Pháp ngữ, con số còn lại là một mức chênh lệch quá lớn, giữa một dân tộc có 2000 năm văn hiến với 60 triệu dân và một dân tộc có 4000 năm văn hiến với 80 triệu dân. Nền tiểu thuyết Việt Nam ở đâu? hôm nay? cuối năm 2003? Thống kê trên trả lời cho câu hỏi của cô.

LQM: *Bước ra ngoài thống kê?*

TV: Bước ra ngoài thống kê chỉ có thể đi tìm những lời bào chữa. Không thể so sánh Việt Nam với Pháp, một đế quốc đã có nhiều mươi thế kỷ truyền thống văn xuôi, một đế quốc đã từng có nhiều thời kỳ hoàng kim? Khó là một giải thích duy nhất. Vì sao hôm nay thể loại truyện ngắn thịnh hành trong lúc thể loại tiểu thuyết được độc giả ưa chuộng lại vắng bóng? Nhà văn Việt không còn muốn viết dài?

Các sáng tác hai, ba trang và từng câu mỗi ngày một nhiều. Văn xuôi Việt Nam đang... teo lại. Trong chiều hướng này, với thể loại truyện Câu đang bành trướng, sẽ phát sinh... trường thiên tiểu thuyết cực ngắn

gồm nhiều chương, mỗi chương với một câu duy nhất. Tôi không tin lắm vào khả năng của truyện thật ngắn hay cực ngắn, cho dù là thể loại thích hợp với các diễn đàn internet.

Phần thiếu trầm trọng của văn chương Việt hôm nay nằm ở tiểu thuyết, loại tiểu thuyết có nhân vật, ghi lại băn khoăn con người, đột biến xã hội, xáo trộn thời đại, vấn nạn đất nước, diễn tả một cách bình thường hay khác thường... Đây mới là thể loại thật sự có khả năng chinh phục độc giả Việt, cũng như thế giới. Thành công của Bảo Ninh hay Dương Thu Hương khi dịch ra tiếng nước ngoài, trước nhất là thành công của thể loại tiểu thuyết. Điều đó không có nghĩa truyện ngắn không bằng tiểu thuyết, không thể so sánh thịt bò với cá lóc. Nhưng độc giả Việt Nam và thế giới đã chọn lựa, steak và... bò nhúng dấm! Thời tiền chiến, chính tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn và sau 54, tiểu thuyết dịch và tiểu thuyết trong Nam đã lôi cuốn người đọc tạo ra nhiều tầng lớp độc giả và các thế hệ nhà văn đi sau. Ngày nay, cái gì lôi kéo giới trẻ đi vào văn chương? Phê bình? Thi ca? Truyện ngắn? Thể loại đầu dành cho giới chuyên môn. Thể loại giữa khép kín trong vòng tròn thi sĩ, và thể loại sau đã chứng minh sản phẩm lạm phát, ít khách tiêu thụ.

Kỳ quặc, khi chúng ta biết, truyện ngắn là một trong những thể loại khó nhất của văn xuôi, nhưng nhà văn Việt nào cũng có nhiều mươi đầu truyện... Nina Mc Pherson, dịch giả chánh thức của Dương Thu Hương, trong những buổi tối rủ nhau đi uống rượu khuya, thường kể: Các nhà xuất bản Hoa Kỳ đã luôn ngao ngán, ngán ngẩm lắc đầu mỗi khi cô ôm bản dịch truyện ngắn Việt Nam đến chào mời. Lần nào cô cũng nhận một câu trả lời: *"Nhà văn Việt Nam có tiểu thuyết không?"*

Tại sao trên thế giới truyện ngắn hiếm đi nhưng đến Việt Nam sinh sôi nảy nở kinh dị? Tại sao những bậc thầy truyện ngắn trên thế giới như Borges, Tchékov, Guy de Maupassant... không nhiều và một đời viết văn được dăm truyện ngắn hay đã là nhiều, nhưng ở Việt Nam mỗi nhà văn là một... cỗ máy sản xuất truyện ngắn? và đang gia công sản xuất truyện cực ngắn? Vì đặc thù kinh tế đất nước là một nền sản xuất nhỏ? Tôi chưa rõ lắm. Tôi tự đặt cho mình những câu hỏi. Các câu hỏi mỗi lúc một nhiều thêm lên sau mỗi lần bước chân vào các hiệu sách Việt, tìm mua một cuốn tiểu thuyết, chưa nói xuất sắc, chỉ cần đủ lôi cuốn một tuần lễ, nhưng tìm không ra. Bước chân vào hiệu sách Việt, từ Cali về đến trong nước, từ nhà sách Tú Quỳnh ở Bolsa đến nhà sách Nguyễn Huệ trên đại lộ Nguyễn Huệ Sài Gòn là cả một nỗi chán chường.

Ít tiểu thuyết, càng ít tiểu thuyết hay, trở thành một ác mộng.

Hôm nay, cuối 2003, dường như giới phê bình trong-ngoài nước và

giới sáng tác trong-ngoài nước đều đã công nhận khủng hoảng tiểu thuyết này. Nhưng nguyên nhân của ác mộng ở đâu?

Tôi không rõ lắm nguồn cơn ác mộng của hội nhà văn Hà Nội hay TP HCM. Với bên này, tôi lờ mờ trông thấy. Tôi không nghĩ nhà văn Việt không còn muốn viết truyện dài, nhưng tiểu thuyết là một thể loại khó, dài mà không lê thê, vẫn chặt chẽ, xuyên suốt, liền lạc, không dễ viết chút nào. Không thể viết tiểu thuyết nếu không đam mê hết mình, trong một thời gian dài liên tục, không thể viết tiểu thuyết chỉ bằng chộp bắt những góc độ, những mảnh đời, bằng khả năng quan sát... cuối tuần. Cần cái nhìn rộng, xuyên suốt sự vật, con người, xã hội, cần kinh nghiệm, vốn sống, va chạm, chung đụng, ngôn ngữ, và khả năng tổng hợp, phân tích, quản trị nhân vật... chưa kể đến cấu trúc, giọng văn và khí hậu truyện từ trang đầu đến trang cuối phải nhất quán. Ngần ấy thứ, trong đời sống quá tất bật và đơn điệu ở ngoài nước, khiến tiểu thuyết trở thành một cuộc đầu tư, đầy thách đố.

Tôi không biết có quá hàm hồ hay không khi đặt câu hỏi: Có phải chính vì thiếu tiểu thuyết mà văn học hải ngoại ít độc giả, khiến ngành xuất bản khủng hoảng, do dự mỗi khi in ấn? Nhưng tôi thấy rõ: ngoài nước thiếu một đội ngũ ký giả văn học chuyên nghiệp làm công việc giới thiệu tác phẩm, khiến nhà văn Việt đã luôn phải xuất hiện dưới dạng truyện ngắn trên các tập san văn nghệ để đến với độc giả của họ. Trái lại, ngược hẳn, tiểu thuyết gia ngoại quốc không cần đăng báo, các nhà xuất bản và nhật báo, tạp chí làm công việc giới thiệu, quảng cáo tác phẩm, tiếp cận khách hàng. Đây là lý do, vì sao, truyện ngắn lấn át tiểu thuyết và tràn lan suốt hai thập niên vừa qua.

Sự trống vắng tiểu thuyết này đưa đến một hậu quả: Văn học hải ngoại là một chuỗi vụn những thành tựu nhỏ. Những hột soàn tấm, cho dù có thật nhiều, hằng hà sa số (trong thực tế ít hơn vậy), cũng không thể thay thế những viên kim cương không cợn than trên 10 ly. Hiếm có tác giả nào ngoài nước, có 10 truyện ngắn thật xuất sắc trong cùng một tập truyện, để tập truyện đó trở thành một hiện tượng.

LQM: *Với ông, có cách nào thay đổi tình trạng này?*

TV: Tôi nghĩ đã đến lúc nhà văn Việt ngoài nước cần đi tìm tác phẩm công phu. Từ chối xuất hiện trên mặt báo thường xuyên. Chấm dứt bao sân cho các tập san. Độc giả Việt sẽ bằng lòng với tiểu luận như độc giả Pháp đã hài lòng với tiểu luận trên các báo Lire, Magazine Littéraire, Etudes, Nouvelle Revue Littéraire... rất ít đăng sáng tác và gần như không có truyện ngắn.

Ở thời điểm hôm nay, thêm 5 truyện ngắn hay nữa, không thay đổi văn học Việt Nam. Thêm 5 truyện... hay cực ngắn, lại càng không đem đến gì thêm. Ngược lại, với 5 tiểu thuyết xuất sắc, sẽ ghi một dấu mốc, đánh dấu một giai đoạn. Giới sáng tác, một số đã ý thức không thể tiếp tục với truyện ngắn, một thể loại thiếu sức chứa của xe hàng 18 bánh. Tôi chờ đợi rất nhiều ở tiểu thuyết của Thơ Thơ, Mai Ninh, Nam Dao, Thuận, Lê Thị Thấm Vân, Phan Huy Đường, Quỳnh Dao, Nguyễn Thị Thanh Bình và truyện vừa Nguyễn Thị Hoàng Bắc đang thành hình. Hy vọng 2004-2005 sẽ mở ra một giai đoạn mới: giai đoạn tiểu thuyết ngoài nước. Đã đến lúc, các chủ biên Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Nguyễn Hưng Quốc nên tiếp tay đẩy mạnh tiểu thuyết bằng cách ưu tiên giới thiệu các trích đoạn, hoặc như tổng biên tập Nguyễn Đình Thi đã đăng nguyên cuốn tiểu thuyết Thiên Sứ của Phạm Thị Hoài trên tạp chí Tác Phẩm Mới, không hề tiếc trang, khi Thiên Sứ vừa chào đời chưa xuất bản và Phạm Thị Hoài hãy còn là một người viết mới. Đây là hình thức mà nhà văn Dương Nghiễm Mậu gọi là *tiểu thuyết phổ thông* và ông đã thực hiện khi làm chủ bút tạp chí Văn Nghệ Sài Gòn.

LQM: *Quay lại với câu hỏi văn học hải ngoại sẽ đi về đâu... Tham dự dòng văn chương này rất sớm, ông có thể dự báo?*

TV: Những ngày đầu di tản, thời Thư Gởi Bạn, rồi Lại Thư Gởi Bạn, cho đến những năm 78, 79 trên tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, Võ Phiến thường đặt câu hỏi 15 năm sau biết có còn ai đọc chữ Việt nữa hay không? 20 năm sau, câu trả lời đã có: Vẫn còn người đọc, nhưng... ít người mua. Văn học hải ngoại rồi sẽ nhập với văn học quốc nội để thành một dòng chảy duy nhất: Văn Học Việt Nam. Chậm hay mau, tùy thuộc thủ tục hành chánh hải quan. Nhưng đây là định mệnh của dòng văn chương khát khao tổ quốc và sinh ra từ thảm kịch nội chiến này.

Tương lai trước mắt, thập niên 2000 là thập niên quyết định của văn học hải ngoại. Đa số các tác giả đi trước đều đã bước qua khúc quanh dẫn vào xa lộ *The Last Pacific Highway*... Còn bao nhiêu hoài bão nếu không trút hết ra giấy sẽ đem theo xuống mồ. Đây là một mất mát lớn, vì thệ hệ nhà văn trên 50 tuổi này đã trải qua nhiều xã hội Việt Nam, Pháp thuộc, đệ nhất-đệ nhị Cộng Hòa, xã hội XHCN, tù đày, vượt biển, trại tỵ nạn, xã hội tư bản,... ít có thế hệ nhà văn Việt nào giàu kinh nghiệm, nhiều khổ đau, mất mát, cũng như đã phải trả giá nhiều và tiếp xúc trực tiếp với phương Tây như những nhà văn Việt kể trên. Không còn nhiều thời gian nữa. Những chuyến tàu cuối cùng đã cặp bến. Không

lên chuyến này, sẽ không còn chuyến nào nữa.

Thế hệ tôi cũng không còn nhiều thời gian, đồng hồ tay anh Trịnh Y Thư và tay anh Ngô Thế Vinh chỉ 12g đêm kém 5, đồng hồ tay tôi và các bạn bè của mình, Thận Nhiên, Đặng Thơ Thơ, Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Hương, Đinh Linh, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Mai Đạt, Lê Thị Thấm Vân,... chỉ 12 g đêm kém 10. Tất cả còn 5, 10 phút phù du đó, để rong chơi phung phá một lần nữa, sau đó hóa... bí rợ.

LQM: *Còn vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài» thì sao?*

TV: Vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài»? Cô muốn hỏi vấn đề Nam-Bắc? Vấn đề này... đập vào mắt! Tôi không nghiên cứu xã hội học, cũng không quan tâm đến chính trị, lãnh vực của lựu đạn, hầm chông và mã tấu. Tôi chỉ có thể trả lời cô những gì tôi trông thấy sau những lần về thăm nhà. Miền Nam hoàn toàn Bắc hóa. Toàn bộ guồng máy nhân viên hành chánh, thuế khóa, an ninh trong Nam đều do người Bắc nắm giữ, ngay những chức vụ thấp nhất. Số lượng người Bắc sinh sống trong Nam đông vô cùng, ở Sài Gòn, tỷ lệ 4/10 là ít. Người Nam ra Bắc sinh sống ngược lại rất hiếm. Tôi hoàn toàn không phiền hà chi việc người Bắc "di cư" vào Nam sau 75, nhưng tôi thấy rõ miền Nam chịu chính sách cai quản của người Bắc, một cuộc Nam tiến.

Tại sao gần tuyệt đại bộ phận sinh viên du học là người Bắc? tại sao những nhà văn công du quảng cáo văn chương Việt Nam là những nhà văn Bắc? Và tại sao trên mặt văn chương, chỉ một giọng văn Bắc? thuần Bắc? Giọng văn Bắc thường sắc, mạnh, nhưng nhìn toàn cảnh văn học trong nước hôm nay bị đơn điệu. Tại sao có hiện tượng Bùi Hoằng Vị, Nguyễn Quốc Chánh, Trần Tiến Dũng, Nguyễn Viện và những nhà văn cũ Dương Nghiễm Mậu, Cung Tích Biền, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thụy Long, Trần Thị Ngh, v.v... chỉ xuất hiện trên các tạp chí hải ngoại? Nếu Nam-Bắc cùng tẩy chay nhau, thì nhà văn trong Nam đã tẩy chay hội nhà văn của chính quyền vì họ không có tiếng nói. Không biết bao nhiêu nhà văn trong Nam, những khi gặp, đã nói với tôi họ không xem những hiện tượng văn học ngoài Bắc ra ký lô nào, và những trao giải-không nhận giải đều sắp đặt, cũng như xuất bản, thu hồi, rồi... tái bản. Và tại sao hội nhà văn, viện văn học, trường viết văn Nguyễn Du, các đại học ngữ văn, đã cử bao nhiêu nhà văn, viện sĩ, nhà phê bình ra nước ngoài tìm hiểu văn học hải ngoại "cánh tay nối dài của Đàng Trong", nhưng khi về nước hội thảo, trên văn bản chánh thức đều tránh đề cập? Tại sao Hoàng Ngọc Hiến, Đỗ Minh Tuấn, Phạm

Xuân Nguyên, Nguyễn Huệ Chi, Trần Văn Thủy,... nghiên cứu cộng đồng hải ngoại, văn học hải ngoại cho trung tâm William Joiner Center của Hoa Kỳ nhưng về trong nước họ không thể phúc trình hay công bố nghiên cứu của mình cho dân Việt Nam hay biết một phần máu của dân tộc này đang chảy ngoài nước? Nếu đây là vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài» như cô hỏi, thì tôi chứng kiến tận mắt như vậy.

LQM: *Như vậy vấn đề «Đàng Trong», «Đàng Ngoài» sẽ còn là một vấn đề lớn để tranh luận. Nhưng tại sao thuộc thế hệ trưởng thành sau khi chiến tranh chấm dứt, ông không nghĩ phải vượt lên trên vấn đề Nam-Bắc, Quốc-Cộng và phải quên đi quá khứ nội chiến đẫm máu của dân tộc để hướng đến tương lai?*

TV: Tất nhiên là tôi nghĩ đến, nếu không tôi đã không tham dự tạp chí Hợp Lưu do họa sĩ Khánh Trường khởi xướng từ năm 91. Tôi hiểu phải biết vượt lên trên vấn đề Nam-Bắc, Quốc-Cộng, không nên để quá khứ hãm hiếp hiện tại. Nhưng tôi cũng biết một khi hiện tại không trung thực thì chiếc bóng của hiện tại sẽ không hoàn chỉnh và bóng tối của quá khứ sẽ trỗi dậy. Tôi sống trong trông chờ một hiện tại trung thực ở quê nhà. Và chỉ trên cái nền sạch sẽ này, tất cả người Việt mới có thể cùng đi vào tương lai.

LQM: *Trần Vũ có cái nhìn thế nào giữa hai thế hệ sáng tác tại hải ngoại: Thế hệ đàn anh sống trong chiến tranh và Thế hệ trẻ sau chiến tranh?*

TV: Các thế hệ nối tiếp Tạ Tỵ, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Túy Hồng, v.v.. đều đã thành hình rồi mới tan vỡ sau cuộc nội chiến thảm khốc. Thế hệ tôi, thế hệ theo sau tức khắc, Phạm Thị Ngọc, Vũ Quỳnh Hương, Vũ Quỳnh Nh, Trần Sa, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phạm Chi Lan, Y Chi, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Nguyên, Trầm Phục Khắc, Nguyễn Quý Đức, Đặng Thơ Thơ, Đinh Linh, Bùi Hoằng Vị, Nguyễn Quốc Chánh, Thận Nhiên, Phan Nhiên Hạo, Đinh Trường Chinh, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Trung Tây, Đỗ Lê Anh Đào, Nguyễn Hương, v.v... tan vỡ trước khi kịp thành hình. Tôi chưa gặp tất cả, nhưng qua sáng tác của họ, tôi thấy rất rõ, chúng tôi cùng thất lạc, cùng trải qua cùng những mất mát, đoạn trường của thế hệ đi trước. Hoàng Khởi Phong đi làm thợ tiện cực thế nào, thế hệ tôi bước đầu cũng cực thế ấy. Cũng cà lăm, không thốt nổi một chữ tiếng Anh, tiếng Pháp, cũng chầu chực xin giấy tờ tỵ nạn, cùng lủi thủi

đi bộ đợi xe bus hứng bão tuyết, cũng làm đủ nghề nghiệp, bồi nhà hàng, rửa chén, rửa xe, xin trợ cấp, bị kỳ thị, bất ngờ trước khác biệt văn hóa của quốc gia đến định cư. Lam lũ, nhọc nhằn, nhục nhã, nhớ nhà, nhớ gia đình, cô đơn, đơn độc, một thân một mình, căm phẫn cho mối nhục mất nước, uất ức khi Sài Gòn mang tên Hồ Chí Minh, tuyệt vọng... thế hệ tôi nếm đủ, không thua chi các bậc đàn anh.

Chúng tôi nhìn bên ngoài thấy có vẻ hội nhập, đa số giỏi ngoại ngữ, đa số thành đạt, nhưng có đọc tác phẩm mới thấu nỗi đau câm lặng trong từng cá nhân. Nỗi đau đó, không nghẹn ngào, buồn chín xương như thơ Mai Thảo "*nửa đường hương gẫy trên nghìn biển, rụng xuống mười xuân đã đứt lìa*", không tiếc nuối quá vãng như Cao Tiêu "*hiền sĩ thuở xưa có trăng treo đầu ngõ, tôi có gì đâu ngoài nón trận*", cũng không hương vị Bắc của những cơn mưa phùn Đất Khách trong thơ Thanh Nam, không băn khoăn "*mai mốt anh về có thằng túm hỏi, mày sang bển ấy làm củ gì?*" như Cao Tần, cũng không ngạo nghễ như Bắc Phong, Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, không ngông một cách "zen" tỉnh bơ như Ngu Yên khi nghe két chửi "*tổ cha mày, ngoài trời mây vẫn bay...*", và ít bềnh bồng lãng đãng như Nguyễn Bá Trạc. Nỗi đau của thế hệ tôi câm lặng, chưa rõ hình, không rõ lời, không rõ tiếng, chưa rõ thần, chỉ vì giản dị, đã tan vỡ trước khi kịp định hình.

Trong Florence, cách đây đã hơn một thập niên Phạm Thị Ngọc đặt câu hỏi: "*Nước Mỹ có còn gì cho chúng tôi không?*" Lúc đó Phạm Thị Ngọc chỉ mới ngoài đôi mươi, đã hoang mang trước lục địa mới. Câu hỏi lập đi lập lại suốt toàn truyện giữa những trận gió lạnh buốt quất qua thềm cửa trông sang ngôi nhà có bà lão tóc bạc. Câu trả lời duy nhất: *To Die in Dignity!*

Trong Miền Vĩnh Phúc, sau Vận Tốc Trung Bình, sau Nẻo Quyên Ca, Vũ Quỳnh Hương năm 86 lúc đó vừa hơn 30 tuổi, mô tả trong hốt hoảng, thảng thốt tương lai của chính cô đang diễn ra trong một viện dưỡng lão Hoa Kỳ với tất cả bản năng basic instinct của con người trước khi lìa đời, với tất cả bần tiện của con người khi còn cách xa địa ngục hoặc thiên đàng. Trần Sa, những ngày vừa đến Gia Nã Đại miêu tả tâm trạng một thiếu nữ dưới trận bão tuyết tầm tã lầm lũi ra đường đi bộ nhiều cây số tìm mua cho được một điếu thuốc, để trốn cô đơn, rồi đi giữa hai hàng ghế trống với những bóng ma mộng mị ác mộng đeo đuổi. Cao Huy ở Úc mô tả một bà lão bản xứ cầm đồng hồ có mặt kim xoay tít không thời gian, đi từ tầng lầu này sang tầng lầu khác, từ building này sang building khác đuổi theo Cao Huy bén gót. Nguyễn Thanh Hùng, một họa sĩ trẻ lâu lâu viết tùy bút, những dòng chữ gần như khóc

trên trang giấy, trên tháp chuông chót vót của một mái nhà thờ câm lặng gióng tiếng chuông vô hình bay ngân nga ngang những cánh đồng hoa hướng dương tím tái. Nhược Thủy, trong Phiến Diện, tả một người đàn bà da trắng đã chết có khuôn mặt đẹp tuyệt vời trong một ngôi nhà gỗ thơm củi thông cheo leo giữa lưng chừng núi tuyết, toàn truyện gần không có một tiếng động. Vũ Quỳnh Nh tự buông thả rơi vào những sắc màu nhập nhòe trong những khu phố Geisha sằng sặc tiếng cười phung phá. Lê Thị Thấm Vân trông thấy rõ mồn một bộ phận sinh dục trên thân thể phụ nữ Việt Nam, suốt bốn ngàn năm che giấu. Đinh Linh cho cô gái điếm trẻ Việt Nam chia động từ Être, je suis, tu es, il est, nous sommes... với một khách làng chơi Việt Nam còn chập chờn nuối tiếc quá khứ. Phan Nhiên Hạo bị ám ảnh bởi cơn đói trước khuôn viên trường đại học Vạn Hạnh trên đường Trương Minh Giảng cũ. Thận Nhiên những đêm mất ngủ ngồi trước bàn phiếm mơ liên tục những giấc mơ trẻ thơ. Nguyễn Hương tìm kiếm không ngừng nguồn gốc đứt đoạn của thời gian Việt Nam. Nguyễn Hoàng Nam, Trần Minh Quân trần truồng không chút ngượng ngùng, quăng bộ phận sinh dục vào mặt tất cả, quăng vào mặt đạo đức xã hội, dân tộc, Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Trịnh Công Sơn, gia tài của Mẹ... không chút do dự. Còn nhiều nữa, tôi có thể kể tiếp tục như vậy suốt đêm. Tôi đọc gần như tất cả truyện ngắn ngoài nước. Theo dõi kỹ càng sáng tác của các bạn mình. Tôi không bỏ sót dòng chữ nào của họ. So với trong nước, tuổi trẻ ngoài nước cá tánh và bạo dạn, phóng túng hơn rất nhiều. Họ chỉ chưa rõ rệt, vì đã tan vỡ quá sớm. Ngày nào họ ráp lại tất cả những mảnh vỡ họ nhặt lên từ mặt đất này, nơi cho phép tự do nhặt nhạnh ngay cả những miểng chai quốc cấm, lúc đó, Việt Nam sẽ thật sự có một nền văn học mới, có đủ tri thức, kinh nghiệm nhân loại, hiểu rõ tây phương và biết rõ giá trị con người sau khi đóng thuế. Hãy đợi thế hệ sau chiến tranh thêm 5, 10 phút nữa. Đã thực sự trưởng thành, đã bắt đầu lên đường, và đang nhận trách nhiệm. Có hơi muộn, nhưng không thể khác hơn, chúng tôi cũng tự túc lo cơm áo, nhà, xe, trợ cấp, học hành, ly dị, du lịch Việt Nam, nuôi con y như thế hệ đàn anh. Chỉ sau 5, 10 phút. Trưởng thành sau 5, 10 phút và sẽ chết sau 5, 10 phút ở Tokyo, London, NewYork, Victoria, Melbourne, Los Angeles, Paris, Berlin, Québec, Montréal, Toronto... Nhưng 5, 10 phút này quyết định tất cả sự khác biệt.

LQM: *Là người đề xướng chủ đề Yêu của Hợp Lưu năm 2002, xin ông cho biết ý kiến về từ Yêu ở nghĩa rộng và nghĩa hẹp? Sau đó là chủ đề Thế Hệ Sau Chiến Tranh trên HL72, dường như ông luôn là người*

thực hiện các chủ đề sáng tác cho các tập san hải ngoại? Tại sao những chủ đề?

TV: Tôi thường hay lôi kéo bạn bè cùng viết truyện chung vì sáng tác phải có bạn mới vui. «Chủ đề» đầu tiên tôi thực hiện là tập hợp Những Cây Bút Trẻ tại Pháp, theo yêu cầu của chủ bút Hoàng Khởi Phong và tổng thư ký Cao Xuân Huy với... trình bày Khánh Trường cho tạp chí Văn Học số 45 tháng 11.1989. Lúc đó, quy tụ được Nhược Thủy (Y Chi) với truyện ngắn tâm lý gia đình rất xúc động Dòng Sông Sa Mạc, Ngọc Khôi (đã mất), Văn Cũng Thường (đã đi chui qua Mỹ), và Sĩ Liêm (đã ngưng viết). Thời kỳ đó, anh Hoàng Khởi Phong thực hiện liên tiếp những số báo giới thiệu người viết trẻ, với Cao Huy, Cheo Reo, Uyên Nguyên, Thường Quán, Hoàng Ngọc Tuấn, Hoàng Từ Dương ở Úc trên VH-41 tháng 6/89. Trước đó anh Nguyễn Mộng Giác «chuyên gia chủ đề» cũng đã làm vô vàn những chuyên đề, "9 Người Viết Trẻ" với Chân Phương, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Trúc Giang, Nguyễn Ý Thuần, Tạ Thái, Nguyễn Hiền Thảo, Nguyễn Phước Nguyên ở Mỹ và Nguyễn Thanh Hùng ở Hòa Lan trên VH-22 tháng 11/87, rồi "Các Cây Bút Nữ" với Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Sa, Phạm Thị Ngọc, Vũ Thùy Hạnh, Trần Thị Kim Lan, Như Chi, Nguyễn Thị Thanh Bình, Thụy Khuê" trên VH-33 tháng 10/88... Sang đến giai đoạn Hợp Lưu, họa sĩ Khánh Trường cũng liên tục chủ đề Những Nhà Văn Nữ, Văn Cao, Mai Thảo, Bùi Giáng, Hoàng Xuân Hãn, Thanh Tục, v.v... Tôi trưởng thành trong môi trường sáng tác và sinh hoạt của những tập san này, nên lây bệnh của mấy ông anh là đương nhiên.

Thật sự là vào năm 89, khi thực hiện chủ đề đầu tay Những Cây Bút Trẻ tại Pháp, tôi hoàn toàn không ngờ là định mệnh sẽ đưa đẩy một thập niên sau, vô cùng bất ngờ khi Nam Dao từ Québec, Trần Sa từ Toronto, Thường Quán từ Melbourne, rồi Nguyễn Thị Ngọc Nhung từ Los Angeles sang Pháp, giữa khói cần sa mù mịt Trần Sa mua ở Hòa Lan và vấn cho tôi hút thử, với rượu vang của các chị Phan Thị Trọng Tuyến, Miêng, Mai Ninh, họa sĩ Phan Nguyên, cả nhóm bỗng dưng «hưng phấn» rủ nhau đi thuê nhà chung trong truyện, chung câu văn nhập, với «kẻ lạ», không cho thấy mặt, không cho... giao tiếp thân xác, cấm kết có hậu! Đã có những truyện ngắn rất bất ngờ: Nam Dao thuê nhà chung với Jésus đi ra đường gặp... Karl Marx, Eric Nguyễn Việt thuê nhà chung với một người đàn bà là thần chiến tranh, Phan Nguyên thuê nhà với ma... Rồi chia tay, bạn bè lại xa nhau. Hai năm sau, bỗng nhiên Miêng nhắc đến đề tài Truyện Tình Mùa Hè của Trần Sa bỏ bê bao năm, lại ầm ào, lôi kéo, rủ nhau một lần nữa. Lần này Trần Sa và

Nam Dao muốn mở rộng phạm vi «toàn quốc», thư mời gởi đi lung tung, dưới sự bảo trợ của chủ biên Hợp Lưu là Phùng Nguyễn khi ấy. Phạm Thị Hoài đặt tựa Yêu nhưng rồi bận không tham dự, chị Phan Thị Trọng Tuyến nói tựa Yêu của Chu Tử... Nhưng rồi Yêu cũng ra đời với 36 tác giả trong ngoài nước. Sau đó họa sĩ Khánh Trường sau khi rời nhà thương, trở lại trông coi tạp chí, anh quyết định lên đường một lần nữa. Các chủ đề Thế Hệ Sau Chiến Tranh với 30 tác giả nội-ngoại và Tiểu Thuyết tiếp nối... Mục đích duy nhất của tất cả những tác giả cùng tham dự là cùng muốn gây lại sinh hoạt sáng tác, hâm nóng lại bầu không khí đã chùng xuống mấy năm vừa qua, tạo sinh khí, sinh động, ầm ĩ và biết đâu... bắt đầu một giai đoạn mới. Ngoài ra không còn mục đích nào khác.

Về ý nghĩa chữ Yêu, tôi không thể trả lời cô, vì giản dị, không thể định nghĩa tình yêu.

LQM: Ông *nghĩ sao về ý kiến của một số độc giả và văn hữu cho rằng những tay viết nữ luôn luôn là những người đi tiên phong trên phương diện Tình Dục?*

TV: Tôi nghĩ ngược lại, các nhà văn nữ Việt Nam rất gìn giữ, không bao giờ viết hết suy nghĩ của họ. Gia đình, xã hội và truyền thống giáo dục Khổng giáo vây quanh, khiến nhà văn nữ Việt Nam mất tự do, tự kiểm duyệt, không muốn nghĩ đến hoặc nghĩ đến nhưng không thấy đẹp đẽ rồi lẩn tránh. Trước đây, ở miền Nam, Lệ Hằng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Trần Thị Ngh là những hiện tượng cá biệt. Hôm nay, số lượng nữ tác giả viết về tình dục một cách bạo dạn, không trốn tránh, vẫn còn rất ít. «Miền zục lạc» như Trân Sa gọi, gồm Lê Thị Thấm Vân, Mai Ninh, Nguyễn Hương, Đặng Thơ Thơ, Phạm Thị Ngọc, Đỗ Hoàng Diệu, Đỗ Lê Anh Đào cùng với Lê Quỳnh Mai mới đây trong văn xuôi, Trần Minh Quân, Vy Thùy Linh, Phan Huyền Thư trong thơ, cũng mới đây. Vùng đất Zzz (zâm zục zữ zội za ziết của Trần Thị Ngh) hãy còn vắng khách. Một trong những nguyên nhân tuy không chính yếu, nhưng có ảnh hưởng, nằm trong tiêu chỉ đạo đức-mỹ tục vô cùng cổ điển của các tòa báo. Mỗi lần đăng được một bài thơ bị người Việt xem là «bạo» là mỗi một lần tác giả và ban biên tập phải tranh đấu cho dòng thơ này cất tiếng. Ngay Hợp Lưu, một tạp chí vung khẩu hiệu khai phá cấp tiến, bước vào thế kỷ 21 vẫn vô cùng ngần ngại với sinh dục. Chủ đề Yêu, chủ biên Hợp Lưu khi ấy là Phùng Nguyễn không đăng trích đoạn Âm Vọng Tình Ta của Lê Thị Thấm Vân, còn hiện nay thơ ca Sex của Trần Minh Quân và Lê Thị Thấm Vân

luôn gây dị ứng. Tức quá, có lần tôi đem Âm Vọng Tình Ta của Lê Thị Thấm Vân gởi cho tạp chí Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, được xem một tạp chí trẻ, của tuổi trẻ trưởng thành ngoài nước, của tuổi trẻ «thấm đẫm» văn hóa phương Tây, nhưng... chủ biên Phạm Chi Lan không đăng!

Tôi luôn luôn ngạc nhiên trước những hàng rào này. Không có họa sĩ Khánh Trường, chắc chắn phong trào sinh dục hóa thi ca không bao giờ có thể ra đời trong văn chương Việt Nam hải ngoại. Hiện tại, tạp chí điện tử Tiền Vệ của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, là tạp chí duy nhất không sợ hãi tình dục lẫn các bộ phận sinh dục.

LQM: *Trần Vũ có hoài bão riêng nào cho Hợp Lưu?*

TV: "Hoài bão" cho Hợp Lưu? Câu hỏi này dành cho họa sĩ Khánh Trường chủ nhiệm tạp chí đúng hơn. Tôi chỉ mong muốn, các tập san văn chương Việt Nam trên giấy cũng như trên mạng, cùng nhà xuất bản ngoài nước trả tác quyền và nhuận bút cho các tác giả, ký kết văn kiện hợp đồng đàng hoàng y như Tây phương. Đến lúc đó hẳn ghi copyright Tiền Vệ, Talawas, Hợp Lưu, Văn, Văn Học... Đây là điều kiện chuyên nghiệp đầu tiên trước khi đòi hỏi các tác giả chuyên nghiệp trong sáng tác. Dương Thu Hương có lần tuyên bố: Cái nhục lạc hậu nghèo đói, cũng nhục như cái nhục mất nước. Tôi muốn thêm: Cái nhục không trả tiền nhuận bút, cũng nhục như cái nhục mất nước. Muốn vậy, nhưng tôi biết rõ các tạp chí không có lợi tức. Không nhuận bút ở ngoài nước đã thành một thông lệ. Một truyền thống. Và hơn một truyền thống, một định mệnh.

LQM: *Là người được mô tả thân thiết với họa sĩ Khánh Trường. Trần Vũ có cảm tưởng ra sao khi nghe tin họa sĩ Khánh Trường, sau tai biến mạch máu não, lại rơi vào bệnh nan y khác: ung thư thanh quản.*

TV: Tôi không biết phải trả lời cô như thế nào, vì tôi vẫn chưa hình dung rõ ràng chuyện gì đang xảy đến. Tôi biết là họa sĩ Khánh Trường đang gặp nguy hiểm, và tôi nghĩ đang có cùng cảm giác của anh, ngày anh đến thăm Mai Thảo trong căn gác phía sau nhà hàng Song Long, thấy Mai Thảo không đi được nữa. Mai Thảo đã luôn là một người anh của họa sĩ Khánh Trường. Tình cảm của anh dành cho Mai Thảo thế nào, thì tình cảm của tôi dành cho anh y vậy. Tôi tin vậy. Lúc này tôi không biết làm gì khác hơn là phụ lặt vặt với anh chuyện tòa báo, giống như mình có ông anh mở một cửa hiệu buôn bán gì đó, không có lời, nhưng ông anh vẫn bán, vẫn đứng trông hàng mỗi ngày từ sáng đến

chiều để gặp bạn bè, rồi đột nhiên anh ngã bệnh, tôi chạy ra trông hàng thay, cũng chẳng để buôn bán hay kiếm lời chi hết, chỉ để gặp bạn bè, thông báo cho họ hay chưa đóng cửa hiệu, còn mở. Đến khi nào, bao giờ, thì tôi không biết. Tôi chỉ biết họa sĩ Khánh Trường đang ốm đau và anh cần có người phụ giúp. Tôi phụ anh tất cả những gì tôi có thể phụ được, và nghĩ ngày mai anh sẽ ra cửa hiệu trở lại, lại cười khà, và tôi sẽ lại bỏ đi chơi với Thận Nhiên, Trần Sa, Nguyễn Hương, Thấm Vân, Nguyễn Hà Ý Nhi, Nam Dao, Thế Giang cho đến khi lại nghe anh kêu làm cho anh cái này, cái kia. Tôi đã quen với bao nhiêu năm họa sĩ Khánh Trường hứng mũi chịu sào cho tôi phá phách, tôi không thể hình dung ra sự thay đổi nào khác. Họa sĩ Khánh Trường, họa sĩ Võ Đình, anh Trương Vũ là các ông anh lớn của tôi. Họ luôn ở bên cạnh, che chở, la rầy, và chỉnh đốn những khi cần thiết. Chị Nguyễn Thị Hoàng Bắc, chị Thụy Khuê, chị Trần Thị Lai Hồng, chị Phan Thị Trọng Tuyến, chị Miêng là những bà chị lớn... Họ là gia đình tôi. Thường khi tôi hay phá phách chọc tức họ, nhưng mỗi khi họ gặp hung hiểm, tôi khổ vô cùng. Mỗi lần như vậy, tôi đều nghĩ đến cuộc vượt biển của mình, nghĩ đến lúc đóng bè trôi giạt giữa biển Đông, nghĩ đến các trại cô nhi viện tôi đã sống suốt năm năm, và nghĩ tôi đã may mắn lắm có một gia đình ấm cúng như vậy, tựa máu mủ, ở bên này biển.

Lê Quỳnh Mai thực hiện

HỘP THƯ

Thư từ, chi phiếu mua báo hoặc gia hạn:

Đặng Thơ Thơ (Westminster, CA), Kiều My (Eagan, MN), Anh T. Bùi (Lancaster, PA), Trinh Mỹ Phương (San Jose, CA), Nguyễn Văn Hai (Yardley, PA), Bích Lê (Garden Grove, CA), Nguyễn Đức Tâm (Chicago, IL), Lâm Anh Tu (Sammamish, WA), Trương Văn Thanh (Elk Grove, CA), Đoàn Thị Ánh-Hà (Stanton, CA), Nguyễn Văn Minh (Mission Viejo, CA), Trần Đức Hoan (Fountain Valley, CA), Phan Hồng Diệu (Lincolnwood, IL), Nghiêm Xuân Hỷ-Hồng (Huntington Beach, CA), Diem D. Nguyen MD. (Seattle, WA), Nguyễn Như Khuê (Springfield, VA), Trần Cang (Stockton, CA), Nguyễn Đức Hòa (Santa Ana, CA), John C. Diep (Boynton Beach, FL), Hồng Huy (Winnipeg, Canada)

luân hoán nơi cõi người ngơ ngác

NGUYỄN VY-KHANH

Đầu năm 1985, Luân Hoán đến bờ tự do làm thân tị nạn, đã đưa theo *Hơi Thở Việt Nam* được xuất bản năm 1986, như một thông điệp báo cho đồng loại biết phần nào tin tức quê nhà, nào tù đày, hãi sợ, bi cảnh, cuộc đời xáo trộn, đổi thay tận cùng của bất ngờ quay cuồng của con Tạo. Nhà thơ tiếp tục làm thơ nơi xứ người và hình như xuất hiện chính thức trên tạp chí *Văn* thời Mai Thảo (số 35, 5-1985). Những tuyển tập xuất bản sau đó, ngoại trừ đôi tập chủ trì ca ngợi tình yêu, phần lớn nói lên tiếng lòng của con người sống lưu xứ, của con người bị bứng ra khỏi đất sống, không lựa chọn. Sống lưu đày là sống trong nỗi nhớ triền miên. Nơi vùng đất mới, hình như chỉ có thời gian và không gian của ký ức, của hồi tưởng với những địa danh, nhân danh, thời danh, v.v... - những mốc điểm của một khởi hành hoặc của một trang lịch-sử!

Nỗi nhớ quê nhà

Ngay trong tuyển tập thơ đầu sáng tác ở hải ngoại, Luân Hoán đã nói nhiều đến những nỗi nhớ quê nhà. Nỗi nhớ chiếm một phần (tr. 119-150) của tập *Ngơ Ngác Cõi Người* (San Jose CA: Nhân Văn) xuất bản năm 1989. Ở đây, nỗi nhớ có tên những khuôn mặt bạn bè thân yêu cùng một lúc với nỗi nhớ nhà, nhớ nước: "người ơi người ơi người ơi / ta còn hay mất bên trời lưu vong" (Cúi Mặt Chào Đà Nẵng, tr. 9,11). Hay: "hỡi ơi bạn bè cũ / lận đận chạy về đâu / bỏ mình ta ngơ ngác / vơ vẩn nhớ đau đầu"; "nhớ gì đâu, nhớ nhớ / thương gì, mà thương thương / trái tim ta đã rớt / ở bên trời quê hương" (Gọi Tên Bạn Bè, tr 58-9).

Đến *Đưa Nhau Về Đến Đâu* (Los Angeles CA: Sông Thu, 1989), sống ở Montréal, xứ người, nhà thơ từ lựa chọn trở thành nạn nhân của mơ. Lưu đày đồng nghĩa với mộng mị cho nhẹ kiếp người! Kẻ lưu vong dễ chuốc căn bệnh ngỡ ngờ, mới trông ngoại hình đã đoán kẻ ấy xuất thân nơi mô:

"Có phải em là Công Tằng Tôn Nữ ...
vừa liếc qua ta đã nhận ra ngay
đôi mắt Huế hữu duyên vì biết háy
nét đài trang trong dáng nhíu lông mày
(...) môi muốn hỏi mắt muốn chào nhưng ngại
em nghiêm trang kiểu cách một thời xưa
quanh quẩn ngó rồi dòm ta đánh giá
thằng cha này sao nhớn nhác khó ưa?..."
(Gặp Một Người Nghi Rất Huế, tr. 68)

Nhưng không phải ai cũng gặp may như Luân Hoán

Rồi *Cảm Ơn Đất Đá Trổ Thơ, Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vơ Bám Hoài* (Houston TX: Kinh Đô, 1991) gồm 53 bài nỗi nhớ đi theo những địa danh đất nước, những "cõi ta" nhà thơ đã sống hoặc đã đi qua. Nơi đây, nhà thơ buông lời cảm ơn bằng lục bát mà tất cả các tựa trong tập đặc biệt cũng là hai câu sáu tám.

Đà Nẵng, nơi chôn nhau cắt rún của thi sĩ, với những địa danh Hòa Khánh, Chợ Mới, Cổ Viện, chùa Bà Quảng, giếng Bộng... trong bài mở đầu Quê Hương Nhắm Mắt Như Sờ Được...:

"(...) Hỡi những cành me cành phượng vĩ
hỡi con kiến lửa lạc bâng quơ
hỡi con chim sẻ trên vồng ngói
tôi tưởng tôi về, đâu biết mơ!
trông ra cửa kính trời mưa tuyết
ngó lại đời mình ngồi bó ta
quê hương nhắm mắt như sờ được
sao vẫn buồn xo đến thế này..." (tr 9&14)

Rồi Hội An với Chùa Cầu, Chùa Ông, Cẩm Sa... mà có lần đã ở Montréal xứ người Bất Ngờ Qua Cầu Champlain / Nhớ Cấu Bà Rấn Lểnh Bểnh Những Thơ (tr. 58-59) nhớ chuyện ngày xưa người bạn đời "không ưng mà mê tít" người thanh niên học trò - tức nhà thơ. Rồi Khi Không Nhớ Về Phong Lệ / Cúi Đầu Đụng Tiếng Thở Ra:

"(...) Phong Lệ bây chừ buồn quá thôi
ngoại ngồi rờ rẫm lá trầu hôi
dưới chân, con mực thiu thiu ngủ
chừng cả hai đang quên lửng đời
(...) ví đầu kỷ niệm thành hơi thở
cũng thổi không tan nỗi ngậm ngùi" (tr. 45-46)

Rồi Huế của nhà thơ với những Cầu Bạch Hổ, cầu Tràng Tiền, Chợ Đông Ba, hẻm Cầu Kho, hồ Tịnh Tâm, kiosque Lạc Sơn, quán cơm Âm Phủ... những nơi chốn đã hằn dấu biết bao nhiêu kỷ niệm của một đời người. Ở đó, đậm nét tình yêu. Ở đó, đời sống có vẻ lãng mạn dễ thương, thơ của Huế cũng có vẻ tinh nghịch của nụ cười hóm hỉnh:

"nhíu mày dòm trán đến chân
em ngoay ngoảy háy phủi quần bỏ đi
coi tề, tôi có lỗi chi
lỗi tại hột nút xuân thì sút ra "
"dại hoài mắt nhận không ra
xanh cây xanh nước xanh tà áo bay
ánh lên trong cõi xanh này
lòng con mắt Huế sắp đầy đọa tôi "
(Cho Ta Giữ Một Chút Gì Thưa Huế, tr. 61).

Cả kỷ niệm / kinh nghiệm ngủ đò Huế, một đêm mưa trên sông:

"thút tha thút thít mưa hoài
lắT leo đèn úa sông dài bóng tôi
buông màn nghe cái tôi trôi
cùng vuông chiếu ố mồ hôi em nồng
em từ Đại Lược Kim Long
thả đời theo những nhánh sông qua ngày?... "
(Đò Em Vẫn Chở Nguyệt Hoa, tr. 73).

Nhớ về nơi chốn mà nhà thơ đã gửi lại một phần xương thịt của mình cho tổ quốc. "Mặt Trận Quảng Ngãi Ngày Xưa" rồi những Mộ Đức, Nghĩa Hành, Thu Xà... những chiến trường lửa khói, những đứt ruột quê hương những năm tháng miệt mài hành quân:

"... bây giờ Thi Phổ ơi Thi Phổ
ta đã ngã rồi, ngã quá lâu
trước khi xuất cảnh tìm đất sống
nhìn cõi hận xưa thương lẫn đau
bây giờ Thi Phổ ơi Thi Phổ
mười bốn năm dài biệt cách nhau
máu ta ngấm đất, tan trong đất
nên cảm được rằng em cũng đau"
(Chợt Nhớ Về Nơi Ngấm Máu Ta, tr. 100).

Nỗi nhớ còn có tên "Sài Gòn thủ thỉ gọi ta, nhiều khi ta nhớ xót xa

Sài Gòn" (tr. 107-109), bởi "những góc cạnh thủ đô vẫn còn trong tâm mạch" qua 19 đoạn thơ như 19 mốc nhớ (tr 110-114). Nhớ những lần đi hoang "khi ta vào tới Lăng Cha Cả / trời tối bụi mưa bén góc chân / mở báo che đầu tìm thuốc lá / nốc cốc cà phê nghẹn mấy lần...", cả những lúc hưởng... đời ở xóm Hòa Hưng, không trọn vẹn khi nghe tiếng pháo ròn rã:

"gặp em ở xóm Hòa Hưng
đang "đi" ta bỗng lừng khừng muốn thôi
sợ em lây cái bụi đời?
đang lên cao độ tuyệt vời bỗng ngưng
thì ra thơ viết dở chừng
trở về phá trận tưng bừng pháo xuân" (tr. 103).

Rồi tương tư theo bước chân tạt qua Lái Thiêu, Chợ Búng, tạt về Bến Tre, Rạch Miễu, Bình Đại, Giồng Trôm... những Bậu và Qua: "bậu qua phà Rạch Miễu / qua lẽo đẽo theo sau / (...) bậu ơi trời dẫu rộng / nhưng đâu bằng nhớ nhung / sông rạch như gân máu / man man nỗi mặn nồng...", từ nhung nhớ đến thốt lời: "ta may mắn được làm thi sĩ / nhờ đã phải lòng gái Bến Tre" (tr. 115, 121).

Thời gian đưa đến *Cỏ Hoa Gối Đầu* (Miami FL: Sóng Văn, 1977), là tập thơ thứ 17. Cỏ hoa vì "Em là Hoa / thơ là hoa / và tôi, có thể, cũng là, biết đâu... / một chùm, sống bám lẫn nhau / ngày xưa, hiện tại, mai sau / vẫn là / thơ là hoa / em là hoa / và tôi, có thể, đều là / phù du / phù du lộng lẫy phù du" (Hoa, tr. 9). Đời lưu vong đó ghi dấu an nhiên của một người thơ thong dong với đời, như không tham vọng, sống thực hôm nay. Thơ tình của một người tự cho no đủ về tình nhưng vẫn vơn với mê tình, mê đời. Quê hương và tình bạn chiếm phần còn lại. Và 10 năm ở Canada: "mười năm lớ ngớ không ngon giấc / co duỗi không qua khỏi cái giường / hít thở cầm hơi vài cơn mộng / Buồn ngấm, chừng như sắp thối xương... " (Bài Kỷ Niệm Tròn 10 Năm Ở Canada, tr. 110).

Nỗi nhớ vẫn còn đó qua Châu Văn Tùng, người bạn thơ đã gắn liền với địa danh, khi nhắc đến Đà Nẵng là nhắc đến người bạn:

"tao sẽ chưa về thăm mày được
bởi vì, giản dị, thiếu tiền thôi
(...) trái tim còn đập, còn thương nhớ
đợi mươi năm nữa có là bao
năm nay tao mới năm mươi tư tuổi
truyền thống ông cha thọ rất cao

gắng sống chờ tao lên chín chục
hồi hương, cụng chén, tán tào lao"
(Phúc thư Châu Văn Tùng Đà nẵng, tr. 104& 106)

Nỗi niềm nhớ thương quê hương chất ngất đó khiến tiếng thơ của Luân Hoán vừa xa xôi vừa gần hủi, giản dị tự nhiên đến thân tình. Đâu phải anh dụng ý làm thơ anh kể chuyện mà. Thơ Luân Hoán chứa nhiều hình ảnh, nhân dáng, ngoài những người bạn thơ, đồng ngũ, bạn học, hai hình ảnh khác khá trội bật trong thơ ông là người mẹ và người chị. Về người chị, Luân Hoán có hai bài thơ thật cảm động. Bài Xin Gởi Cho Em Vài Hạt Mưa:

"Mưa suốt ngày đêm suốt mùa đông
chị đang đúc bánh xèo phải không?
Chảo đen bột trắng bàn tay nhỏ
đổ hết lòng trên ngọn lửa hồng
(...) chị buồn còn hơn những hạt mưa
sầu hơn cổ nhạc tự ngàn xưa
nhớ thương em trốn vào thi khúc
sao chút lòng em vẫn cứ thừa..."
(CODDTT tr 39,40)

Bài Khiêng Nước gợi cảm hơn khi đi sâu vào vùng ký vãng:

"một cái thùng con con / một đoạn tre nho nhỏ
chị thương chịu nặng hơn / lâu lâu hơi cau có
em đi trước run run / đồn nghiêng vì vai thấp
dốc đá vấp luôn luôn / thùng va vào sau gót
(...) ở đây trời đẹp lắm / sao chẳng hề thấy vui
chẳng phải vì em khổ / chợt nhớ nhà đó thôi
ước chi được nhỏ lại / như những ngày tản cư
cùng chị đi khiêng nước / bắt nòng nọc vọc chơi"
(NNCN tr 126-7).

Cuộc đời mới

Rời quê hương đã là một mất mát và quyết định ra đi đã là một khó khăn dứt khoát, cay đắng ngay từ bước đầu ly hương:

"từng người một xăn quần dở áo
thịt da vàng lở lói gì không
máu rất đỏ nhưng hồn bầm nhẫn nhục
thẹn đong đầy từng bước lưu vong

bữa cơm trưa quê người thứ nhất
có thịt gà trứng vịt khoai tây
cơm quá khô thầm chan nước mắt
nuốt nửa chừng, mửa lạnh bàn tay"
(4 Giờ Tại Phi Trường Thái Lan-NNCN, tr. 31-2)

Bắt đầu cuộc đời mới, như cõng trên lưng nỗi nhọc nhằn:
"ta cõng trên lưng cái thùng thật lớn
còn nặng hơn cái tấm thân ta
cố nghiến răng giữ cho khỏi ngã
mỗi bước chân chếnh choáng như là..."
(Nghề Nghiệp Mới, NNCN, tr. 74).

Tâm trạng lưu xứ thường u uất, yếm thế đó hiển nhiên nhất trong tập Ngơ Ngác Cõi Người:
..."Ta thẹn làm người tự do viễn xứ
ngó lại đời mình trùng điệp số không"
"cánh chim nào chợt bay qua
hồn chao động giọt mưa xa xót buồn"
"ta khuyên ta buổi sáng
ta dỗ ta buổi chiều
chớp mắt gặp ác mộng
đời cứ thế buồn thiu..."
(NNCN tr 104)

Trong tình huống không lựa chọn đó, nhà thơ hẹn sẽ về:
"...cúi xin cây cỏ đừng thổn thức
tôi sẽ trở về dù hóa ma"
(NNCN tr 23).

Thê thảm nào hơn, dù có khi nhà thơ lẩn thẩn tự hỏi
..."ví như ta được thành ta nữa
thơ thẩn một đời lại thẩn thơ
bài thơ mai mốt ra sao nhỉ
có đỡ xót xa hơn bây giờ?"

*

Một nơi rất xa quê, mà khoảng cách ly chính trị, xã hội có thời rất là xa, nơi đó, nhà thơ nghĩ gì? sống ra sao? Hãy xem Ta Phỏng Vấn Ta, một bài thơ đặc biệt về hình thức thơ (tiền thân của Tân hình thức, Rap!)

lẫn nội dung tự phỏng vấn hỏi lấy mình:

"(hỏi:) nghe đồn ngươi rất lè phè
nằm ngồi đi đứng cặp kè với thơ
lâu ngày lâm bệnh ngẩn ngơ
làm thơ đổi cái dật dờ đó chăng?

(trả lời:) cái ta có thể thưa rằng: / ham chơi lười biếng, nói năng vụng về / tỉnh khô mà giả như mê / phơi thân che bóng đi về phất phơ / làm thơ là để phỉnh phờ / cái phần đã chết mà ngờ sống luôn / làm thơ nhiều lúc như tuồng / đi quanh một chặp giải buồn vậy thôi / tình theo chữ thở trăm lời / hồn theo tình mở một trời nguyệt hoa / làm thơ là để lân la / chui từ cái nhớ chui qua cái buồn / làm thơ là để bình thường / cái ta cứ thích đứng đường ngó em / làm thơ là để lênh đênh / trên dòng rảnh rỗi chợt quên mất mình / làm thơ là để làm thinh / im nghe ta tự tỏ tình với ta / làm thơ là để dần dà / trở thành ông thánh hóa ra ông khùng / làm thơ là sống ung dung / để cho óc khỏi lùng bùng nổi điên / làm thơ là có đủ quyền / ba hoa tưởng tượng đã ghiền mới thôi / với ta, thơ như bầu hơi / của hai lá phổi lôi thôi thở hoài / ngày nào thơ chẳng lai rai / kể như ngày đó coi mòi muốn đau / ..."

Nơi đất người, chốn bình yên, nhà thơ thấm thía cuộc sống Ngày Qua Ngày, tự thán, tự vọng:

"1. phải chi có con kiến / hay một hai con ruồi
ngồi nhìn chơi đỡ nhớ / đỡ lẩn thẩn ngược xuôi
ra đường mặt ngơ ngác / về nhà ngồi buồn xo
đắp mền nằm nghe nhạc / trong bụng đầy âu lo
thơ người đọc không nổi / thơ ta, ồ dở òm
hình ảnh thô, từ mộc / quờ quạng mãi phát nhàm
cúi đầu hoài đất mỏi / ngẩng mặt mây ủ ê
không người mà nghe gọi / ừ, thì mai ta về

2. ước chi có con muỗi / cho hút bớt máu buồn
ước chi ai gõ cửa / ta tặng đời ta luôn
bạn, thằng vừa được job / tối mặt mũi kiếm tiền
đôi ba thằng lay off / lang thang làm thánh hiền
thùng thư ngày ngày rỗng / bóng mẹ mờ mịt mờ
nửa đêm mơ giải phóng / thở dài đến bao giờ?
ngày qua ngày nhai lại / cơm thịt nuốt không vô
ngọn cây sầu xanh mãi / chùn bước đời ngựa ô"
(NNCN, tr. 42-43)

Luân Hoán cho người đọc thơ những tường trình về cuộc sống thường nhật của ông, nào đi kiếm việc, đi làm, đi ngao du phố phường bằng xe buýt, "ngồi lê" các quán phở, tiệm ăn Việt Nam, Tây, rồi nào giặt đồ, dọn nhà, đám cưới con gái, v.v...

"Ngồi lê" ở quán phở Hòa, Mai, Huế... nghe tiếng hát Hoàng Oanh mà nhớ Sài Gòn "vài trái ớt ít giọt chanh / vì cay hay nhớ long lanh lệ trào?" (NNCN tr 102)

Đi kiếm việc, mệt ngồi nghỉ bên đường: "lên đồ đi kiếm job / từ mờ sáng đến chiều / job nào cũng hứa gọi / mỏi chân ngồi đăm chiêu / (...) giữa dòng người qua lại / một mình ta nghỉ chân / lật bản đồ tìm tiếp / những đoạn đường phong trần..." (Mỏi Chân Ngồi Bên Đường Saint-Denis, NNCN tr. 71-2). Rồi không xa con lộ nghỉ, nhà thơ ta cũng tìm ra job: "...sáng đi như đuổi ma / chiều về như ma đuổi / người hai chân bôn ba / ta cẳng rưỡi giong ruổi / cái bị nặng bên vai: / bánh mì kẹp thịt nguội / trái pomme thay củ khoai / lon Seven-Up lạnh / lên bus, métro / đứng ngồi ta nhắm mắt / chẳng muốn thấy muốn nghe / còn gì sợ mất mặt?..." (Đi Làm Cu Li ở Đường Iberville, NNCN, tr. 73).

Tìm được job, nhưng đến ngày Mùng Một Tết Ta, ở xứ người rơi vào bất cứ ngày nào, nhà thơ ta cũng phải ở nhà ăn Tết, job tạm bỏ một bên: "cho dù chúng có đuổi ông / hôm nay ông cũng ngồi không ở nhà / cho dù Tết chẳng ghé qua / vợ chồng con tụm đổi quà chúc nhau / mở chai rượu lạnh đã lâu / phá giới ông uống cho đầu óc quay..." (NNCN, tr. 82).

Cuộc đời mới với vai trò xã hội, thứ bậc đổi thay như vừa nói qua cũng như đã thấy trong bài Ta Phỏng Vấn Ta ở trên. Còn job ngày ngày đưa con đi học: "Xe bus vàng sẽ đưa con đến lớp / sáng hôm nay trời ẩm ướt hơi mưa / cây còn lá nhưng đã buồn đôi chút / cỏ bên đường cũng chớm úa lưa thưa..." (Theo Chân Lê Ngọc Hoàng Bách, NNCN tr. 62). Thiên nhiên, cảnh trí cũng đượm tâm tình con người đã "chớm úa lưa thưa". Rồi Giặt Áo Quần Cho Vợ, Luân Hoán đã viết những câu thơ nhân sinh thật đẹp:

"trộn tình ta vào trong bột giặt
vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau
vải còn đượm mùi thịt da em thơm ngát
tay bùi ngùi như đang vuốt ve nhau
trông thau nước đục lờ những cáu bẩn
ta bỗng thương lớp bụi nổi màng màng
chúng là những nhọc nhằn em gánh chịu
nuôi chồng con dài năm tháng gian nan

vòi nước nhỏ chảy qua từng thớ vải
như chảy vào trong cùng tận lòng ta..."
(NNCN, trang 67).

Con người lưu đày với tật bệnh đời sống lại càng khó hơn và càng phải nhiều cố gắng. Nhà thơ nói đến Hạnh Phúc Ta của tình cảnh một chân: "ta đã từng nói trước / qua đây là bó tay / một chân làm sao chạy / theo cái đời lăn quay / ngồi không, ừ, sướng lắm / mỉa mai hoài làm chi / sống liều mạng vẫn sống / ta chừ có ra gì / và cơm cùng nước mắt / cúi mặt sợ em buồn / cổ ta không ai bóp / ăn bánh mì mắc xương..." (NNCN tr. 51). Bi hoài hơn Tú Xương sông Vị ngày xưa!

Có lúc nhà thơ cũng liều xin vợ hiền tí tiền uống bia nuôi cái ngông buồn xa xứ, dĩ nhiên nào có được yên: "xin vợ dăm cents lẻ / dồn mua bia uống chơi / một mình ta một chiếu / xem ra vẫn thảnh thơi / bia chua hay bia đắng / nốc cạn cái cuộc đời / tại sao em đập chén / trong hồn ta em ơi / rảnh rỗi sao không viết / ngơ ngác cõi quê người / tiến lên thì bất lực / ngó lại hết đường lui / cái cần ta không đạt / cái đạt người không cần / lỡ tay đời thầy thợ / ước gì mọc lại chân / thì thôi, thôi cứ uống / không say thì giả say / hết bia còn nước lã / chơi cho đời biết tay" (Một Chiếu, NNCN tr. 54).

Cuộc sống không bao giờ nguôi ngoai những trăn trở, âu lo: "...nợ nước nợ nhà chưa trả / sợ chi cái thứ nợ say / năm bảy chén sầu cạn sạch / mặt mày như thịt heo quay / rung đùi đọc thơ Nguyễn Bính..." (Bất Chước Viết Hành Ca Lưu Vong, NNCN, tr. 98). Thơ tự nhiên, làm như "cuộc sống mình càng giàu khó khăn thì càng phải hành hạ chữ nghĩa nhiều hơn" như nhà thơ có lần trả lời tạp chí Văn Học (115, 11-1995, tr. 74).

Cuộc sống lúc nào cũng dày đặc nỗi lo sợ đánh mất con người thực của mình. Mới ba năm lưu xứ mà đã dài như lâu lắm: "ba năm lạng quạng xứ người / soi gương già khọm như mười mấy năm / thì ra sữa thịt lùi chân / trước anh địch thủ ngàn cân buồn phiền" (Thơ Mùa Xuân Con Rồng, NNCN, 106), vì từng ngày đã là những đoạn đường dài: "đêm dài dài dằng dặc / thức đái thức đái hoài / nước gì trong đôi mắt / thỉnh thoảng giọt giọt dài" (Gọi Tên Bạn Bè, NNCN, tr. 58).

Sau ba năm ở Montréal, nhà thơ Nghêu Ngao Giữa Lòng Montréal chiếm một phần lớn số trang (tr. 34-118) của *Ngơ Ngác Cõi Người*, có thể xem là một kỷ lục. Luân Hoán đã thở vào đất đai, cây lá nơi ông đã chịu ơn. Hơi thở Việt Nam tìm được nơi "được cười được nói được than thở":

"đứng hát giữa lòng Montreal
trời xanh trời xanh trời quá xanh
có con chim nhỏ bay trong nắng
chở cả lòng tôi bay quẩn quanh
bỗng tưởng chừng như máu tim ta
đỏ hơn thời tù tội quê nhà
phải chăng chớm nở mầm vong bản
nhục nước phai vì bả vinh hoa
và tưởng chừng như Montreal
có ta cây cỏ càng thêm xanh
ba năm hồn rót vào thớ đất
góp cả buồn vui cho lá cành
và tưởng chừng như mây khói bay
có hơi ta tiếp nối vơi đầy
được cười được nói được than thở
không thể không yêu xứ sở này..."
(Nghêu Ngao Giữa Lòng Montréal, tr. 115-117)

Thấm thía cuộc đời xa xứ, với những bằng chứng vật lý của thời gian:

"Chiều thứ sáu về sớm hơn thường lệ
em ôm hôn như thuở mới yêu nhau
thua cháy túi riêng cuộc tình đứng lại
giữ cho lòng gắng đứng tiếp hôm sau
trong tha thiết vang lời em kinh ngạc:
ồ cái gì như tóc bạc, đầu anh
(...) không đâu em, chúng chính là đá trắng
đang xây dần phần mộ của riêng ta
hoa ngập nước lâu ngày đành phải rã
hồn ngấm sầu lâu quá phải phôi pha
luật trời đất có sinh có tử
sá chi ta mới chớm trổ sắc già
đời sống bám vinh danh gì nuối tiếc
kéo dài chi kiếp bỏ nước không nhà
(...) tóc chớm bạc nhưng hồn sầu đã bạc
xin nhẹ tay, ta nghe nhói cơn đau"
(Bạc Tóc, tr. 68-9)

*

Điệu buồn đến gần đây, 2003, vẫn còn đó, đậm hơn, sâu hơn, như

trong bài Luận Về Nỗi Buồn ông gọi là "thơ viết chơi" đăng trên trang Luân Hoán Internet:

"em muốn được xem nỗi buồn ta?
nỗi buồn ta có từ hôm qua
cộng thêm chừng độ mươi năm trước
tưởng chẳng bao nhiêu hóa ra là...
(...) buồn là buồn là buồn, buồn, buồn
buồn tình nhập lại với buồn suông
hỡi ơi hạnh phúc ta giàu vậy
giàu vậy dại chi không dám buồn
em cầm đã được một làn hương?"

Người đọc vẫn yêu thích những bài thơ tình của Luân-Hoán, là lãnh địa của chàng, nơi chàng trai xứ Quảng quen lời ăn tiếng nói, quen hành cử phóng túng tình tang! Nơi xứ người, ông vẫn đa tình, da diết, vẫn nhiều vần thơ cho tình, nhưng người đọc thơ tình ông thì lại như hụt hẫng, vì hình như thời gian và không gian của tình đã qua, đã không trở lại, nếu có chăng cũng không trọn vẹn, tự nhiên! Nhà thơ tình xứ Quảng, của Đà Nẵng, sau 1985, Luân Hoán đã dệt những vần thơ lưu xứ đậm tình người, những điệu rất thơ, rất Việt Nam ở chỗ bi thương, những "lưu bút" đáng kể của một trang sử Việt! So với trước 1975, đây là một thế giới thơ đứt đoạn. Nếu "phân tích" hết các tác phẩm thơ thời sau của ông, giữa những chằng chịt tâm thức, tình cảm, người đọc sẽ tìm ra một xuyên suốt có tính sáng tạo, ở ngôn ngữ, tiết điệu, hình ảnh, ở cả lối kể lể có thể hiểu là "lắm lời" - oan khiên của nỗi nhớ và của đời xa! Thật vậy, ở văn chương gọi là lưu vong đó, cái thực hữu, cái thực sống, phải chăng chỉ là thế giới của ký ức, của quá khứ? Luồng điện ý thức đó đưa con người trở về quá vãng, đưa đến những tâm tình với hồn ma bóng quế, những con đường, góc phố đã đổi tên, đổi chủ. Tính thơ xuất hiện ở giữa những dòng chữ đó, xuất hiện từ ký ức và sáng tạo pha trộn. Mà thế giới cũng trở nên có ý nghĩa, nhờ chức năng của thi ca và sáng tạo! Nhà thơ có thành công hay không là ở tài truyền thông cái sáng tạo mới từ chất liệu hồn cũ này! Sống đời lưu xứ, đọc thơ Luân Hoán như tìm tâm sự chính mình, vẫn là một cái thú tinh thần còn lại! Thành thử, cùng Cao Đông Khánh, Du Tử Lê, Luân Hoán đã thành công biến Cõi Người Ngơ Ngác thành thơ và đưa tính thơ vào kiếp lưu vong ngày càng rời xa một vùng địa lý và một trời quá khứ!

11-2003

vài suy nghĩ về "mây chó"

TRƯƠNG VŨ

Mây Chó là một tuyển tập gồm mười truyện và mười chuyện của Võ Đình, do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản tháng Năm năm 2004.

Tôi thích những nhận xét sau đây của Nguyễn Hưng Quốc và Trần Vũ về một số truyện của Võ Đình đã xuất bản trước Mây Chó mà tôi đọc được trong phần phụ lục của tác phẩm này:

[...] khác với các nhà văn hiện thực cổ điển hay hiện đại, ở Võ Đình, giữa bức tranh hiện thực bỗng dưng, có lúc, xẹt ngang những tia chớp kỳ ảo. Nó xẹt ngang rồi nó biến mất... Cuộc đời, nhờ thế, trở thành một kết cấu phức tạp, trùng trùng điệp điệp, hết lớp này đến lớp khác, đầy bất ngờ và đầy bí ẩn. Câu chuyện, nhờ thế, trở thành thăm thẳm như không có đáy [...] (Nguyễn Hưng Quốc)

[...] Bước vào truyện Võ Đình là bước vào thế giới đầy không khí, tĩnh mịch gần như không có tiếng động nào khác ngoài những tiếng động của tâm linh [...] (Trần Vũ)

Nói chung, đọc Võ Đình từ những tác phẩm đầu tiên như Xứ Sấm Sét (1980), Sao Có Tiếng Sóng (1991), v.v... cho đến Huyệt Tuyết (2002), tôi luôn nhận thấy ba điểm nổi bật trong văn chương của ông. Thứ nhất, ông viết bằng tất cả những rung động, hiểu biết, suy tư, kinh nghiệm của một con người toàn diện với tài năng và vốn sống rất đặc thù của ông. Ông đem tất cả vào tác phẩm một cách tự nhiên, đúng lúc, đúng chỗ, không thừa không thiếu. Qua văn ông, người đọc thấy rõ một cá tính rất mạnh, mạnh trong cả ba tính Việt, Pháp, Mỹ - phát sinh từ hoàn

cảnh sống đặc biệt của ông - về cả bề dày của văn hóa cùng những thói quen trong ứng xử. Thứ hai, ông tỏ ra có một ham thích đặc biệt và đã rất thành công khi dựng chuyện hay truyện từ những sự việc hay nhân vật rất bình thường hay tầm thường trong đời sống. Chẳng hạn, chỉ từ một người chạy bộ nhìn một đám mây trên trời, ông dựng nên một truyện rất lạ và đặc sắc. Bên cạnh đó, dĩ nhiên, ông vẫn có những truyện tuyệt hay bằng những chuyện rất có "chuyện", như "Anne" (Lầu Xép, Văn Nghệ 1997). Sau cùng, dù viết truyện hay chuyện, không khí nghệ thuật, đặc biệt không khí hội họa luôn luôn bao trùm văn chương của Võ Đình. Đưa eros vào truyện hay đưa một đề tài để tranh luận vào chuyện, ông đều nhằm dựng nên một tác phẩm nghệ thuật. Eros, nhiều khi rất bạo; nội dung tranh cãi, thường đi tới cùng; nhưng cái cuối cùng người đọc cảm nhận sâu sắc nhất vẫn là một cảm giác bị cuốn hút vào một câu chuyện do một người làm nghệ thuật kể, rất duyên dáng và thông minh. Những yếu tố khác, như tâm lý hay tư tưởng, vẫn có, nhưng luôn luôn là yếu tố phụ. Những điểm nổi bật trên đây đã tạo cho tác phẩm của Võ Đình một chỗ đứng riêng biệt trong văn học Việt Nam.

Khi đọc Mây Chó, trước tiên, tôi cũng bắt gặp lại những nét đặc sắc này. Cũng có những truyện rất hay, rất hấp dẫn người đọc, dựng nên từ những vật, những chuyện rất tầm thường trong đời sống hằng ngày mà người đọc không để ý đến, cho đến khi đọc Mây Chó bỗng giật mình thấy tác giả đã biến chúng thành văn chương. Những cây nho biển *"...mọc như trường thành, chen chúc rậm rạp trên bờ biển, luôn luôn xao xác vì gió thổi ngày đêm. Thân cây mảnh nhưng u nần, quằn quại từ gốc lên đọt. Lá to bản, tròn trịa, cứng và dày, màu lục xám, gân lá đỏ rực, những đường son sắc nét"*. Rồi một người chạy bộ, lần này không ngước mặt lên trời nhìn mây bay, nhưng cúi nhìn xuống đất xem mình chạy tới đâu và nhìn *"những thứ rau cỏ dại hèn mọn... tưng bừng nở hoa, những nhánh li ti nhỏ xíu mà màu sắc tươi rói, sáng ngời!"*. Rồi một con nhái bén *"nằm thu lu trong mấy cái lá vả... Có lẽ hắn biết là tôi không ham câu cá, cho nên hắn cũng chẳng cần biết đến câu ca dao nọ, nghe thật rầu: Chiều chiều bắt nhái cắm câu / Nhái kêu cái ẹo, thảm sầu nhái ơi."* Hay, những lá rau tập tàng mà *"canh tập tàng, không nên ăn bữa trưa mà phải ăn vào lúc "trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn". Bởi miếng canh tập tàng dịu ngọt như một chiều êm ả. Bảng lảng tập tàng!"*. Rồi một người láng giềng, bệnh tật và bí ẩn, trong một khu chung cư nghèo, trong truyện "Ông 30". Hay một người láng giềng khác, trong truyện "Láng Giềng", một hưu trí viên 65 tuổi nhưng mê... chơi xe lửa, và "chơi" thiệt. Quăng một chiếc xe cũ của con cũng thành

một truyện hấp dẫn và thâm thúy, như trong truyện "Rác". Trong Mây Chó, những vấn đề liên quan đến hội họa và cách dấn thân của một họa sĩ vẫn tràn ngập trong khá nhiều chuyện, và mỗi vấn đề đều mới, đều khích động sự suy tư của người đọc ("Gô Ganh và Noa Noa", "Nét Bút Của Ông Nguyễn", "Artigras", "Xa Xỉ", "Nghiệp", "Đi và Đến", v.v...).

Tuy Mây Chó được xây dựng với những nét đặc sắc rất "Võ Đình" đó, tôi vẫn thấy được nhiều biến đổi từ những sáng tác trước đó của ông đến tác phẩm này. Dĩ nhiên, mỗi chuyện hay truyện của ông bao giờ cũng mang một nội dung mới. Sự biến đổi tôi muốn nói đến ở đây là về văn phong, về cách chọn đề tài, không khí của truyện, nhân sinh quan, và cả cách kể chuyện của ông. Nói chung, những sáng tác trong Mây Chó được viết ngắn hơn, thâm trầm hơn, và nếu như Trần Vũ đã nhận xét là truyện của ông ít tiếng động thì Mây Chó càng ít tiếng động hơn. Đề tài cho các truyện trong Mây Chó cũng dựa vào những sự việc bình thường hơn. Nói cách khác, ông chọn đi con đường khó hơn cho sáng tác, nhưng ông vẫn đi một cách đĩnh đạc, có vẻ như chậm hơn trong cách kể chuyện nhưng thật ra không phải, mà là tỉnh thức hơn. Thái độ tỉnh thức đó, ông biểu lộ một cách nhẹ nhàng, trong "Người Chạy Bộ II", và nó bàng bạc trong suốt hầu hết những truyện của Mây Chó. Nghệ thuật và con người vẫn luôn là những ám ảnh chính trong tác phẩm của Võ Đình, tuy nhiên, ở đây tỏa rộng hơn. Chẳng hạn, trong chuyện "Hấn", khi đang giữa câu chuyện, ông nghĩ đến chuyện nàng Mỵ Ê và đã trách người viết sử. "*Vua Lý Thái-tông "phạt Chiêm", giết vua Xạ Đẩu, bắt được vương phi Mị Ê. Trên đường về nước, vua truyền cho Mị Ê qua hầu thuyền ngự. Vương phi không chịu, "quấn chiên, lăn xuống sông mà tự tử", trong Việt Nam Sử Lược, ông Trần Trọng Kim bảo vậy. Khen bà hoàng hậu Chiêm biết giữ tiết. Không thấy chê ông vua Việt đã thắng trận, giết vua người, lại còn rắp tâm chiếm vợ vua người*". Cách nhìn về con người trong Mây Chó cũng hài hòa và lắng đọng hơn. Chuyện đất nước vẫn có thể là một đề tài để viết, như truyện "Cơn Sốt 21 Ngày", ẩn dụ cho cơn sốt 21 năm của đất nước, từ 1954 đến 1975. Nhưng ở đây, hình ảnh nổi bật nhất là của các cô gái quê và một thằng bé mà cái eros được kể ra một cách tài tình, dí dỏm, rất con người, rất có nghệ thuật, nghĩa là, rất đẹp. Tính eros được kể trong truyện "Giấc Mơ" cũng vậy, mặc dầu hai truyện này được dựng trên hai bối cảnh khác nhau và trong hai không khí khác nhau.

Nhà văn và người làm nghệ thuật chắc sẽ cảm thấy thấm thía khi đọc các chuyện "Nghiệp" và "Xa Xỉ?". Qua các chuyện này, ông muốn đặt lại cái nhìn có thể rất sai lạc hay chủ quan của giới nghệ sĩ, văn sĩ.

Ông nhắc lại một mục tiêu mà ông tin rằng đó mới chính là điểm nhắm tối hậu của nhà văn. "*Phẩm chất của sự sáng tạo mới là mục tiêu tối hậu. Nói đến nghệ thuật là nói đến phẩm chất... nói đến phẩm chất là đã xem người nghệ sĩ như kẻ có bổn phận đầu tiên, và trách nhiệm cuối cùng. Bổn phận đối với bản thân, và trách nhiệm đối với tha nhân*". Ông cũng đưa ra những câu hỏi khá nhức nhối cho người thưởng ngoạn, thường thi rất khó tính khi cần phải dễ nhưng lại rất dễ tính khi cần phải khó. "*Người ta có thể bỏ ra hàng chục ngàn đô-la mua một bộ bàn ghế sang trọng và giàn âm thanh tân kỳ cho phòng khách, nhưng trên bức tường chính chỉ treo một tấm tranh vào hạng tầm thường nhất, tầm thường hơn cả cái khung của nó. Người ta có thể mua một tủ kính bằng gỗ đẹp, thật đắt tiền, để chưng dăm ba thứ bá láp, nhưng trong nhà tuyệt nhiên vắng bóng những cuốn sách có giá trị*". Những câu hỏi này đáng ra phải là những câu hỏi thường trực của chúng ta ở hải ngoại, nơi mà những vấn đề như bảo vệ và phát huy một nền văn hóa đặc thù của người Việt xa quê hương luôn được nhắc tới. Chẳng hạn như, cộng đồng chúng ta thường hãnh diện về sự thành công vượt bực về kinh tế và nghề nghiệp, nhưng sự thành công đó có đi đôi với mức độ hiểu biết và thưởng ngoạn về văn học, nghệ thuật không?

Tác phẩm của Võ Đình thường là tác phẩm khó đọc... với người dễ tính, và dễ đọc... với người khó tính. Mây Chó hài hòa hơn. Tuy vậy, vẫn có đôi lúc, người đọc dù không dễ tính vẫn có đôi chút vấn đề với cái khó tính của tác giả. Chẳng hạn, trong "Nghiệp", ông có nhắc lại sự lựa chọn để sống hoàn toàn cho nghệ thuật của một nhà vật lý chuyên nghiệp kiêm họa sĩ nghiệp dư. Ông ngăn cản quyết định đó của nhà vật lý với rất nhiều lý lẽ. Tôi vẫn chưa hiểu làm sao chúng ta có thể xác định được sự tận cùng của một dấn thân và làm sao chúng ta có tiêu chuẩn chung cho một chọn lựa. Theo ông, đây là một họa sĩ nghiệp dư có tài và có đam mê, vậy thì làm sao biết được ông ta sẽ hạnh phúc hay không với quyết định đó và làm sao biết được có hay không có một ngày nào đó, do quyết định này, ông ta cống hiến cho nghệ thuật nhiều hơn? Tuy nhiên, dù có khó tính mấy đi nữa, câu chuyện Võ Đình viết ra vẫn rất hấp dẫn và nêu lên những luận đề rất nghiêm túc, rất nên được tiếp tục để thảo luận.

Chuyện "Mây Chó" là một chiêm nghiệm của tự thân, và cũng là một chiêm nghiệm chung cho những người làm văn học nghệ thuật, hay bất cứ ai đã phấn đấu, đã đam mê, đã sôi nổi trong một khoảng đời dài. Cùng với thời gian, cuộc đời luôn luôn là một trộn lẫn của tình yêu quê hương với tình yêu những vùng đất, những con người từng sống từng

gặp. Nhìn cái ngày hôm nay nghĩ đến cái hôm qua, vui với cái đã làm, ám ảnh với cái lẽ ra không làm, ám ảnh với thực tại, với tương lai. Nhưng không dằn vặt. Và nhìn thật hơn về cái khổ của mình, của dân tộc mình, và... trầm ngâm hơn. "*Chúng ta thường nghĩ (và nói, với chút gì nghe như kiêu hãnh) rằng người Việt Nam chúng ta khổ vô cùng. Khổ lớn, khổ nhỏ, khổ tinh thần, khổ vật chất. Chúng ta có vẻ như quên đi cái khổ triền miên của người dân Do Thái, Palestine, Da Đỏ, Da Đen...*"

Trong tuyển tập Mây Chó, tôi thích nhất truyện "Hoặc". Truyện kể về một người đàn ông Việt Nam có một gia đình êm ấm, có địa vị nghề nghiệp hết sức vững vàng, và có một ngôi nhà bề thế. Nói chung, anh có đủ cả, chỉ thiếu cái phòng trống. Và, "*anh quyết tâm có cho được cái phòng trống ấy*". "*Ngồi trong căn phòng trống không, anh nhẹ nhõm hẳn ra*". Cuối cùng, trong căn phòng trống đó, vứt bỏ hết mọi thứ lỉnh kỉnh trong cuộc đời, anh thấy gì? Anh đã thấy hiện ra hình ảnh một người đàn bà anh chợt bắt gặp trong một giây phút rất ngắn ngủi khi dừng xe lại nơi một ngã tư đường lúc đèn đỏ. Một cái đẹp? Hay một ám ảnh đầy đam mê? Có phải tác giả muốn nói đến một vứt bỏ cần thiết cho một nhà văn hay một người làm nghệ thuật, muốn đạt được tận cùng cái đẹp, tuyệt vời, ma quái, nhưng mong manh như sương khói? Hay một người, nói chung, muốn sống thật với mình? Ở đây, chắc chắn tác giả phải có chút lấn cấn với quan điểm vứt bỏ của những nhà tu hành thứ thiệt. Với những vị này, nói đến vứt bỏ, là phải vứt bỏ... tất cả. Đây chính là điểm khác nhau giữa một nhà tu với một người làm nghệ thuật. Dĩ nhiên, vì không phải nhà tu, tôi thích lối vứt bỏ này hơn.

Nói chung, tuyển tập Mây Chó, vẫn có đủ những nét đặc sắc của Võ Đình, nhưng theo tôi, được viết cô đọng và thâm trầm hơn. Nó có một chỗ đứng đặc biệt trong toàn bộ những sáng tác của Võ Đình mà cho đến nay, không thấy những tác phẩm khác của văn học Việt Nam có cùng lúc nội dung, không khí và phẩm chất tương tự. Cảm giác sau cùng, khi gấp sách lại, là muốn hình dung ra chính mình của 20, 30 năm sau. Lúc đó, nếu nghĩ lại cái ngày hôm nay, nghĩ lại cuốn sách đã đọc, nghĩ lại những nơi đã ở, những việc đã làm, những người đã gặp, những người đã đi, chắc sẽ không làm gì khác hơn là ngâm hai câu thơ của Nguyễn Gia Thiều đã được ghi lại trên bìa sách:

Lò cừ nung nấu sự đời
Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương

tháng 5 / 2004

làm nghề này phải gian

Tạp ghi

HOÀNG MAI ĐẠT

Một tiếng cười đã thay đổi đời tôi. Đúng hơn đời tôi đã bước qua một ngã rẽ với tiếng cười của chính mình. Từ một người viết, tôi bước vào nghề địa ốc.

Tiếng cười đã chợt đến, tình cờ như một áng mây, không báo trước như một cơn mưa mùa hạ. Một ngày mưa tầm tả ở Pittsburgh gần hai mươi năm trước đã khiến tôi nghĩ đến một nơi không bao giờ có mưa. Sau lời từ giã mẹ và em, và một góc phòng mà tôi thường ngồi nhìn ra cửa sổ, tìm những tia nắng cuối ngày đang biến dần dưới khu phố nghèo, tôi lái chiếc Chevrolet Cavalier rời Pennsylvania. Với tập bản đồ Rand McNally cũ mua ở chợ trời, tôi xem đường, hăng hái lái xe xuyên qua những cánh đồng bắp ở Ohio, những xưởng công nghệ tỏa khói mù mịt ở bắc Indiana, và những con đường vắng bóng người chạy tuốt đến chân trời ở Nebraska. Tôi mệt dần giữa miền núi hoang vắng ở Wyoming, phấn đấu với hơi nóng, lo ngại chiếc Cavalier sẽ banh xác giữa sa mạc của Nevada. Tôi đến California vào một buổi sáng dịu dàng. Mặt trời đã rực rỡ trong lúc đưa tôi qua San Francisco, rủ tôi chạy dọc theo đường biển Thái Bình Dương, xuống Los Angeles, dừng lại ở Bolsa.

Và tôi đã dừng lại khá lâu, dừng luôn với cuộc đời luôn có những ngã rẽ mới. Tôi gặp nàng, tôi yêu vợ, chúng tôi có con, có mái nhà, có những tháng ngày lận đận không dám nhìn nhau trong nỗi lo âu, và cũng có những ngày thong dong cùng ngắm mặt trời lặn, mỉm cười trước những hạnh phúc bao la, dào dạt trôi theo sóng biển thái bình. Hạnh phúc và lo âu cũng tình cờ như một ngày mưa không dứt ở Penn-

sylvania. Nếu không có ngày mưa ấy, chắc gì tôi đã gặp nàng, chắc gì tôi ở California, chắc gì tôi đã hoàn tất hai cuốn sách, và chắc gì tôi muốn viết tin tức cho một đài phát thanh lớn nhất của người Việt tại hải ngoại.

Chắc gì. Có một điều rất chắc là tôi từng ao ước được viết ở một nơi yên tịnh, giữa những đồi núi tại Pennsylvania. Bên ngoài thị trấn Rillton, tôi đã nhiều lần đạp xe qua những cánh đồng, rời xa mấy xóm nhà ngoại ô. Lúc đó tôi mơ tưởng được sống trong một căn nhà nhỏ ven rừng, gần một con suối mát lạnh đôi chân. Ngày ngày tôi vào rừng hoặc bước lên đồi, nhẩn nha như một sinh vật không cần ăn, không cần xe, và chưa biết có cần vợ hay không. Đêm đêm tôi nằm ngắm sao trời, tưởng tượng những nơi yên bình như trong truyện thần tiên. Thỉnh thoảng tôi viết, viết rất nhiều theo những cảm giác êm đềm giữa một miền quê. Có lúc tôi cũng nghĩ đến chuyện tu hành. Nếu không thèm hủ tiếu, không liếc mấy con nhỏ Mỹ hàng xóm, đời tu hành của tôi có lẽ đã thăng tiến rất nhiều, rất xa nghiệp viết đầy dung tục hoài cảm. Mọi chuyện đều tình cờ.

Những buổi đạp xe và tưởng tượng ấy là thời gian đẹp. Mùa hè của năm 1976 và 1977 là những ngày phấn đấu của gia đình tôi, mà nhất là của mẹ. Bà bận rộn với việc rửa chén tại một nhà hàng ở Irwin. Ông chủ tốt bụng thường lái xe mấy chục dặm đưa người làm đến tiệm. Tôi cũng rửa chén một thời gian cho ông ấy, cộng thêm những việc lặt vặt trong xóm như cắt cỏ, rửa xe, phụ mẹ trả tiền nhà. Chúng tôi ở thuê trong một nhà cao hai tầng. Chủ nhà sống ở tầng trên, gia đình tôi và một gia đình Mỹ sống riêng biệt ở tầng dưới. Kể từ ngày rời Việt Nam năm 1975, căn nhà riêng biệt và những người Mỹ xa lạ là một phần đời của chúng tôi, bên ngoài một quê hương mà chúng tôi không thể liên lạc, không biết bà con ra sao, và chỉ thỉnh thoảng nghe những chuyện đau thương trên đường vượt biên của những người cùng quê.

Một ngày kia mẹ có tin vui. Bà được làm tại một xưởng công nghệ, chuyên chế tạo máy khoan dầu. Bà được cầm máy xịt sơn vào những khối kim loại khổng lồ. Lương cao hơn tiền rửa chén, và biết đâu một ngày kia chúng tôi có thể mua được nhà. Gia đình liền dọn lên gần thành phố Pittsburgh. Những ngày đạp xe thong thả về miền quê của tôi cũng chấm dứt từ đó. Có lẽ từ ngày ấy tôi hay cười, vui cũng cười, buồn cũng cười, cười ngây ngô, cười hăng hắc, và cười liên miên. Nhiều khi tôi không thể phân biệt những tiếng cười của chính mình, và cũng không muốn biết tại sao.

Từ những cánh đồng ở miền Rillton, đời tôi đã trôi ra biển khơi qua

nhiều nhánh rẽ, mỗi lúc một xa dần căn nhà mà tôi hằng ao ước. Ở mỗi khúc quanh tôi để lại một tiếng cười. Như đã nói, tôi không biết mình cười buồn, cười vui, cười vô tư hay cười vô duyên. Tôi cũng vẫn mang theo một niềm vui được viết cho chính mình, viết về những chuyện tủn mủn trong một đời thường, viết không định hướng, thong dong như đang vui với gió trên một chiếc xe đạp.

Đạp xe ở miền quê Rillton thì không sao, có lạng qua lạng lại giữa đường chỉ có cây phỉ nó biết, thỏ nó hay, chứ đạp ở thành phố mà quẹo ẩu sẽ có ngày bị cán dẹp ruột. Tôi đã bị cán dẹp xác mấy lần, ngồi dậy thấy đầu tai trái ngược, có lúc đau quá không dám cười. Tôi đã quẹo ẩu một lần ở đại học. Đang học kỹ sư ngon lành, đợi thêm hai năm sẽ có việc làm tốt, giúp gia đình khá hơn, tôi bỗng chuyển sang ngành điện ảnh, học viết chuyện phim. Học ngành này cực lắm vì phải nói nhiều, mà tôi lại ít nói, khó diễn tả ý tưởng bằng lời. Vậy mà tôi cũng ráng học vì mê hình ảnh. Nhiều khi tôi không biết mình đang xem phim hay đang xem một chuỗi mộng liên tục trong giấc mơ. Ra trường, hết mơ mộng. Kiếm không ra việc ở miền bắc, ngồi buồn so trong một ngày mưa mù mịt, tôi chợt nghĩ đến California. Tỉnh cờ chăng?

Vừa đến Nam California tôi đành giấu bằng cử nhân dưới đáy thùng quần áo. Bán bằng không đủ mua một ổ bánh mì ăn qua một bữa tối. Xin việc assembly tại một xưởng điện toán tại Irvine cũng không cần bằng cấp, mà cần hai cánh tay kéo thùng phi, cần vài lời văng tục để hòa mình với đám đồng nghiệp Mễ biết ít tiếng Anh, và cần kiên nhẫn để chịu đựng một nghiệp viết có lúc rất khắc nghiệt, mà cũng có lúc rất bao dung.

Sau những giờ mặc đồng phục nâu xộc xệch, kéo thùng phi, chạy máy, về nhà rảnh thời giờ tôi dự thi viết của nhật báo *Người Việt*. Có lẽ những anh chị ở nhật báo này là người giỏi, họ nhận ra ngay tài "giết giặc" của tôi. Họ cho tôi giải nhì, dụ tôi vào nghề viết báo. Lúc bấy giờ, năm 87, 88 tòa báo thiếu người, bày ra nhiều mục mà không ai chịu làm, nên tôi thầu hết. Nhà báo trẻ "mầm non" viết cho trang thanh niên, dịch tin thời sự, chụp hình biểu tình chống Cộng, tìm bài cho trang thiếu nhi, viết tạp ghi tiếng Việt, phụ trách luôn trang tiếng Anh. Lúc đó tôi còn "ngây thơ" chưa biết đàn bà là gì, bằng không họ giao luôn cho tôi viết trang phụ nữ, giành job của mấy bà chị chuyên giãi bày tâm sự của người tị nạn cô đơn. Nhật báo đã liên kết với một đài truyền hình. Tôi "được" giao luôn việc viết tin, thâu hình cho đài truyền hình. Mặc dù tiền viết báo không hơn so với tiền kéo thùng phi là bao nhiêu, tôi cũng vui vì được viết, được thả những ý tưởng chạy loạn trên trang giấy,

bung nhảy tứ phía mà lại tưởng chừng như có ý nghĩa, như những hình ảnh khác biệt ráp lại thành một truyện phim.

Có việc làm vui như vậy mà tôi không dám gọi về Pennsylvania. Đợi đến một ngày kia, khi biết tờ báo đã bay về Pittsburgh, tôi mới dám nói cho mẹ hay. Buổi đối thoại hôm đó cũng giông giống thế này.

"Sao, có hãng nào ở Hollywood nhận mày chưa?" mẹ tôi hỏi như mọi lần.

"À... dạ chưa. Kinh tế đang xuống, mà lên trên Hollywood hay bị kẹt xe," tôi nói lung tung, gặp đâu nói đó, cố ý câu giờ và chờ dịp thuận lợi để nói thật về nghề viết báo của mình. Dịp đó đã đến mà không thật sự thuận lợi cho lắm.

"Ở Bolsa có nhiều người Việt không?" mẹ hỏi.

"Nhiều lắm má à. Đông người lắm. Chợ, thức ăn, cái gì cũng có." Tôi hít một hơi dài vào phổi, rồi nói một tràng thiệt nhanh như sợ mẹ sẽ nghe kịp từng chữ. "Ở đây có một tờ nhật báo tiếng Việt, lớn nhứt ở hải ngoại, ai cũng đọc tờ báo này. Con đang làm cho tờ báo đó."

"Trời đất! Mày viết báo?" Mẹ tôi rất thính tai, bắt ngay câu chót như hiệp sĩ kiếm hiệp chụp ám khí. Bà liền tấn công tới tấp qua đường dây điện thoại viễn liên gọi-cuối-tuần-cho-đỡ-tốn-tiền. "Mày có biết người ta thường nói 'nhà báo nói láo ăn tiền?'"

"Dạ biết. Nhưng vẫn có những người làm báo đàng hoàng, cũng... ăn tiền."

"Tiền đâu mà mày ăn. Sao vô cái nghề viết chi vậy? Người ta trả lương có đủ sống không?" Chưa nghe tôi trả lời, mẹ liền bồi thêm, "Thôi đừng làm báo, viết văn chi nữa, nghèo lắm."

Quả thật mấy năm sau gia đình tôi không khá. Nghề viết bay lơ lửng lên cõi trời vô hạn, trong khi túi tiền vẫn nằm ì dưới đáy biển trầm luân. Tôi viết được cuốn sách đầu tiên, mở tiệm bán sách bị thiếu nợ, phải dẹp tiệm. Viết điểm phim cho một đài truyền hình, và tình cờ được đài phát thanh nằm ở bên cạnh khều vào viết tin. Từ đó, năm 1994, tôi viết tin tức cho đài Little Saigon Radio cho đến nay. Đài trả lương khá, có lẽ khá hơn tất cả những cơ sở truyền thông của người Việt Nam ở hải ngoại.

Ngày tôi báo tin "viết cho đài" mẹ cũng phóng vài mũi phi tiêu. Cũng may mông tôi đã chai, bao nhiêu phi tiêu đều rơi rụng, chỉ để lại một chút vết thương như bị muỗi cắn, đủ đau vài ngày trước khi biết mất. Hình như người ta sinh con để phóng phi tiêu, đứa nào chịu được thì thành con ngoan.

"Sao không làm nghề gì cho nó đàng hoàng, viết tin cho đài thì

cũng như viết báo?" mẹ hỏi từ một nơi xa mấy ngàn cây số, mà nghe đau nhức sát bên tai. Cám ơn kỹ thuật tân tiến.

Nói thì nói vậy, mẹ tôi rất thương con. Bà phóng phi tiêu lia chia cũng vì thương tôi, không muốn tôi bị người khác... phóng vài nhát. "Viết cho đài nguy hiểm lắm con ạ. Lỡ gặp đứa nào không ưa mày, nó đánh mày thì bỏ mạng."

Cũng may tôi chưa bị ai đánh, chỉ bị hăm thôi. Hầu hết tin tôi viết thuộc loại hiền, vô tư, không ác ôn. Nếu có đụng chạm thì không phải vì ác ý, mà vì muốn xây dựng, thông tin cho mọi người cùng biết. Nhờ uy tín chung của đài và của riêng mình, tôi viết tin được mười năm, còn tiếp tục gõ bảng chữ lia lịa mỗi ngày. Tôi gõ nhiều loại tin thời sự, vậy mà khi gặp tôi người nghe đài thường chỉ nhớ "tin dui dui cuối cùng của Hoàng Mai Đạt." Họ nhớ như vậy cũng ngoài ý muốn của tôi. Những đêm nằm ở ngoài đồng Pennsylvania, tôi rất vui khi nghĩ đến những chuyện tiếu lâm, ao ước sống trong một thế giới đầy tiếng cười. Tôi cố quên một cuộc chiến mà gia đình tôi vừa thoát khỏi, không muốn nhớ một người cha đã bỏ mình ở trận địa.Tôi biết "chuyện dui dui" giúp tôi đứng dậy, đối đầu với một tương lai mịt mù như khói từ những xưởng thép ở Pittsburgh.

Từ ngày đến California tôi cũng muốn cười một phần vì sợ bị chết... buồn. Nghe tiểu bang này hay bị động đất, tôi tưởng tượng những xác người được tìm thấy bên dưới những khối nhà bị sập. Xác mang những nét mặt hoảng sợ, kinh hãi. Tôi từng thấy hình xác máu trong cuộc chiến Việt Nam. Có xác nào thật sự còn mang một nụ cười trên môi? Nếu có đi về bên kia thế giới, tôi muốn xác mình mất nhắm miệng cười, cười tươi như hoa hướng dương. Thấy tôi, nhân viên cứu thương sẽ thầm nói, "Chắc ông này nghĩ chuyện bậy bạ, chứ làm sao chết mà vui như vậy?" Tôi cố gắng cười và nghĩ điều lành từng giờ trong cuộc sống. Không ai biết mình sẽ ra đi lúc nào. Đi trong tâm trạng vui vẫn hơn là buồn, lo sợ.

Dư âm "chuyện dui dui cuối cùng của Hoàng Mai Đạt" cũng có một "ý đồ" khác. Tôi tin rằng khi người ta vui thì sự hận thù sẽ giảm. Trong lúc cười vì một chuyện gì đó, kể cả chuyện tục – mà nhất là chuyện tục, mấy ai nghĩ đến âm mưu sát hại người khác? Nếu cười suốt hai mươi bốn giờ mỗi ngày thì hầu như không có ai còn thời gian để thù người khác hay ghét chính họ. Người nào vừa cười và vừa có thể giết người là thành phần phi nhân siêu đẳng, bất thường, chỉ có thể làm... lãnh tụ độc tài. Người thường như tôi chỉ biết cười chuyện... bậy bạ.

Cũng có những lúc tôi cười vô tư mà thật sự là cười buồn. Vợ tôi

biết rõ điều này. Một lần nghe nàng giải thích với những người bạn về lối nói chuyện "đầu cua tai nheo" của chồng, tôi mới hiểu có nhiều lúc tôi nói "chuyện này tức cười lắm" mà thật sự lại là chuyện ác ôn, chuyện đau thương, không thể nào vui nổi.

Mới đây "một chuyện tức cười" đã đưa tôi qua một hướng đi mới. Vợ chồng tôi gặp lại những người thân sau nhiều năm xa cách. Mọi người tâm sự những mẩu chuyện về quá khứ, sự nghiệp. Tôi không có chuyện gì khác để chia sẻ ngoại trừ đời viết văn, viết báo. Loại đời này chỉ nên nói với những người bạn cùng nghiệp viết, để dễ thông cảm và than vãn với nhau. Đối với nhiều người khác họ thường so sánh để thấy khía cạnh thơ mộng và thiếu thốn của người viết. Tôi bị nghe sự so sánh nhiều lần. Thế nhưng đến lần cuối cùng thì tôi đã quyết tâm thay đổi đời mình, muốn chứng minh với chính tôi rằng tôi vẫn có thể làm những việc khác, cũng có thể thành công bên ngoài nghiệp viết.

Trong buổi nói chuyện "tức cười" hôm ấy, chúng tôi đã đẩy đưa câu chuyện qua nhiều đề tài. Chính trị hai đảng ở Mỹ, tù đày thiếu dân chủ tại Việt Nam, văn hóa xâm mình hở rốn ở Cali, bệnh tật, thức ăn, trồng cây, mỗi đề tài được bàn ra bàn vào dăm ba câu, chấmt dứt mau chóng. Đến đề tài tiền thì vũ trụ bỗng dừng lại ở đó, và dừng rất lâu. Nhân nói về chuyện nhà cửa đất giá ở Bolsa, đất như trong phong trào nuôi chim cút ở Việt Nam lúc trước, hay như ăn canh dưỡng sinh "gobo" mới đây, tôi nhắc đến một người bạn đang làm chủ vài căn nhà cho thuê. Bà chị dâu của vợ tôi bỗng linh động hẳn lên và chú ý lắng nghe. Trước đó chị đã lim dim đôi mắt trong lúc nghe tranh cử thống đốc, gắp thêm thức ăn trong lúc tôi kể chuyện ra mắt cuốn sách thứ nhì, bàn việc mở tiệm làm móng tay ở tiểu bang xa. Chị đã buông đũa và hỏi dồn về người bạn, muốn biết người đó có mấy căn nhà, ở đâu, mỗi tháng kiếm được bao nhiêu tiền. Cuối cùng chị phán một câu, "Ở Mỹ phải như vậy mới là thành công."

Tôi cười khề khà với chị, gật đầu với chính mình và nhìn vào ly bia, không nói gì thêm trong đêm hội ngộ. Vợ tôi biết tiếng cười của chồng. Nàng đã thấy nó nhiều lần và hiểu tôi cười mà không phải cười. Tôi đã nghe những nhận xét "thành công" tương tự không biết bao nhiêu lần lúc trước. Thế nhưng lần này thì... đau lắm. Viết được sách không là thành công. Viết tin tức cũng vậy. Nuôi được các con khôn lớn, giữ cho gia đình được hạnh phúc cũng chưa chắc là thành công. Chỉ có tiền mới ngon lành. Tiền có thể bịt miệng đối thủ, có thể mua lời nịnh của kẻ thù, khiến cho một người to lớn phải khúm núm trước một kẻ nhỏ bé. Tiền có thể làm mọi thứ trở nên sang hơn, đẹp hơn, và cũng có thể hèn

hơn. Tôi có một bạn văn chưa bao giờ in một cuốn sách, vậy mà tôi thấy anh viết những bài tạp bút chống bất công rất hay, rất đáng nể. Thế nhưng đối với những người như bà chị tôi chẳng hạn, anh ấy chẳng là cái quái gì. Tức cười.

Trước khi uống cạn ly bia đêm hôm ấy – không biết ly thứ mấy – tôi bỗng muốn có thêm một nghề khác, để có tiền và thành công theo nhận xét của số đông. Có tiền không chỉ giúp cho chính tôi, mà còn cho nhiều người ở chung quanh và ở quê nhà. Viết sách cực quá, dành nhiều thời giờ và suy nghĩ mà cuối cùng vẫn nghèo, vẫn bị đánh giá lè tè bởi những người có tiền, có thế lực. Cuốn sách đầu tiên của tôi đã âm thầm ra đời, ít người biết, khiến tôi bị thiếu tiền, vướng thêm nợ và càng nghèo. Gần mười năm sau cuốn thứ nhì được quảng cáo nhiều hơn, bán được hết và giúp tôi được... huề vốn. Tôi cũng mất dăm ba người bạn yêu chuộng sự thuần túy, không thích pha lẫn văn chương với thương mại. Với đà này thì mười năm nữa may ra tôi mới có chút lời bằng nghề viết.

Chuyện người bạn có nhà đã khiến tôi nghĩ đến ngành địa ốc. Người ta quảng cáo bán nhà là nghề "hái ra tiền". Biết đâu tôi cũng có thể hái vài chùm tiền treo lủng lẳng trong nhà như những chùm nho. Biết đâu con đường mới là một thử thách có thể vượt qua được trong tầm tay, không phải một đỉnh tham vọng quá cao. Nghiệp viết đã cho tôi sức mạnh đánh bật nhiều thử thách. Mấy năm trước tôi đã có dịp nhìn đời sống của những bạn văn và chọn một đường. Có người đã là dành hết cuộc đời cho sự nghiệp nghệ thuật, bỏ mặc gia đình cho định mệnh, bất kể số phận của vợ con. Có người bỏ cuộc chơi chữ nghĩa, trở về chăm sóc gia đình, đoạn tuyệt với văn chương. Tôi chọn con đường thứ ba, con đường tham lam, vừa sống với nghệ thuật và vừa cố gắng mang lại hạnh phúc cho gia đình. Con đường trung đạo là một thử thách rất gian nan, như lèo lách giữa hai bà vợ và mong bà nào cũng được "dui." Tôi viết sau những giờ dạy con làm toán, tôi bỏ những buổi đọc sách để đạp xe với con trong công viên hay trồng cây cho vợ, tôi in sách với tiền đưa vợ con đi ăn nhà hàng. Tôi coi con cũng như sách, có đứa nào chăm sóc đứa đó cho đến khi nó không cần mình nữa. Bỏ vợ rất khó, bỏ con còn khó hơn, mà bỏ viết thì không thể được. Biết làm sao giờ? Địa ốc chăng?

Nghề "hái ra tiền" không thật sự dễ như vậy. Bứt được vài trái cũng phải đổ mồ hôi và có khi bị té từ trên cây xuống mặt đất như mít rụng. Tôi khám phá nghề địa ốc cũng rất vất vả. Những ai làm ra tiền đều phải chịu khó, làm việc gấp đôi, gấp ba việc thường trong giai đoạn đầu. Tuy vậy, khác với viết văn, những ai siêng năng trong nghề địa ốc

sẽ có phần thưởng tương xứng về mặt tài chánh. Viết được mười cuốn sách không chắc bằng bán được mười căn nhà. Điều nào quan trọng hơn? Tên tuổi được nhắc đến nhiều trên các báo chí văn chương? Hay cho con có tiền mua áo mới như các bạn học, giúp con có người cha trong nhà khi cần nơi nương tựa? Cha tôi mất sớm, nên có lẽ tôi thường nghiêng về phía thương con.

Mới bước vào nghề mới tôi đã phải đối phó với thành kiến. Vài người quen đã tỏ vẻ lo ngại, cho rằng tôi quá hiền lành để hành nghề bán nhà. Một ông bác đã thương hại và nói, "Làm nghề này phải gian cháu ạ. Hiền như cháu sẽ bị tụi nó đạp chết." Tôi không biết tụi nó là ai, thân chủ hay những người đồng nghề. Cũng may xác tôi đã xẹp lép, có đạp thêm cũng không sao. Tôi được biết bán nhà không giống bán xe hoặc bán hàng ngoài chợ. Chuyên viên không cần gây áp lực với thân chủ, mà cần sự lương thiện, hiểu luật và biết lắng nghe. Tôi rất mừng khi biết điều trên. Ít nhất giữa khoảng cách quá xa giữa nghề viết và nghề buôn bán cũng có sự lương thiện là điều kiện chung cho sự thành công. Không riêng nghề bán, nghề viết cũng lắm kẻ gian. Nếu không người ta đã không nói "Nhà báo nói láo ăn tiền." Tại "báo" vần với "láo" nên dùng câu này cho tiện, chứ nhà văn nói nhăng cũng nhiều không kém. Nói cho cùng đâu phải người viết nào cũng láo, đâu phải người bán nào cũng gian.

Một tiếng cười đã thay đổi đời tôi. Tôi nghĩ đến tiếng cười ấy trong lúc lái xe đến văn phòng của hội realtor. Hội có qui luật dành cho người hành nghề địa ốc. Vào hội thì phải theo luật, không được... gian. Xa lộ đang bị kẹt xe giữa trưa tại Nam California. Tôi nhớ những ngày đạp xe thong dong ở miền quê Pennsylvania. Tôi từng buồn khi biết mình rời một miền quê ở xứ lạ mà tôi đã bám vào trong những ngày mới rời quê hương. Tôi bớt buồn khi biết mình mang theo một nghiệp viết mà trong những lúc bao dung đã cho tôi sống lại những ngày êm đềm trên những trang giấy, phục hồi lý tưởng thương người ở trong tôi. Mỗi ngã rẽ trong đời không xa dần miền quê ấy, mà thật sự đến gần hơn. Có thực mới vực được đạo. Biết đâu tôi sẽ khá hơn với nghề địa ốc, không phải gãi đầu gãi tai khi nghe con muốn mua một đĩa nhạc mới, không phải làm ngơ khi nhận được thư của thân nhân mới sanh con và cần sự trợ giúp ở quê nhà.

Qua hết đoạn đường bị kẹt xe, tôi rẽ vào văn phòng của hội địa ốc. Thêm một chặng đường, thêm một thử thách mà tôi sắp bước qua. Nhìn lên kiếng chiếu hậu tôi thấy mình đã mỉm cười từ hồi nào. Lại cười.■

tin văn

THẾ QUÂN

** Tự điển tương lai của Hoa Kỳ*
** Scandal văn chương ở Úc*
** Thách đố cuối đời của Nadine Gordimer*
** Một bản tường trình buồn: số lượng người đọc sách giảm*
** Thêm một "di sản" của John Steinbeck*
** Thằng người gỗ Bích Nô Cô*

***Tự điển tương lai của Hoa Kỳ**

Nếu Michael Moore chống chính sách của tổng thống Bush bằng phim "Fahrenheit **9/11**", nếu những người khác chống Bush bằng cách vận động cho ứng cử viên John Kerry hay mang biểu ngữ đi biểu tình, thì hai nhà văn Jonathan Safran Foer và Nicole Krauss cùng Dave Eggers, giám đốc nhà xuất bản McSweeney's, lại chống Bush bằng một... cuốn tự điển: "The Future Dictionary of America", được phát hành vào tháng Tám 2004 tại Hoa Kỳ. Không như những tự điển truyền thống hiện đang lưu hành, thường cập nhật hóa hằng năm bằng cách đưa vào những từ mới đã được công chúng chấp nhận và sử dụng rộng rãi, "The future dictionary of America" sáng tạo ra những từ hoàn toàn mới, chưa hề hiện hữu, với mục đích để dùng trong tương lai. Trong lời loan báo việc phát hành tác phẩm, nhóm chủ trương cho biết nó có thể là "một hướng đạo viên cho ngôn ngữ Mỹ vào một lúc nào đó trong tương lai, khi mà tất cả hay hầu hết những vấn đề của xứ sở chúng ta đã được giải quyết và chính quyền hiện tại chỉ còn là một ký ức xa xôi". Lời tựa trình bày rõ hơn quan điểm chính trị của nhóm chủ trương: "Cuốn tự điển này

được xem như là một cách để cho một số lớn tác giả và văn nghệ sĩ Hoa Kỳ bày tỏ sự bất bình của họ đối với bộ phận lãnh đạo chính trị hiện hành, và cùng nhau tưởng tượng đến một tương lai tươi sáng hơn". Mặt khác, tác phẩm cũng được hình thành từ một câu hỏi có vẻ "văn học" hơn do Jonathan Safran Foer đặt ra với các bạn văn của mình: "Nếu năm 2004 mang lại một số từ mới như "wardrobe malfunction" (a problem with a part of one's clothing; an error in fashion judgment) thì những từ mới nào sẽ nằm trong tự điển của chúng ta vào năm 2012?".

"The Future Dictionary of America" được sự hưởng ứng và đóng góp của gần 200 tác giả gồm nhà văn, nhà thơ, nhà báo cùng các tác giả nổi tiếng đủ loại như Kurt Vonnegut, Art Spiegelman, Stephen King, T.C. Boyle, ZZ Packer, Michael Chabon, Jeffrey Eugenides, Jonathan Safran Foer, Joyce Carol Oates, Jim Shepard, Rick Moody, Sarah Vowell, Richard Powers, Chris Ware, Jonathan Ames, Gabe Hudson, Julie Orringer vân vân, quy tụ với nhau để cùng bày tỏ thái độ của giới trí thức trong mùa bầu cử 2004. Tác phẩm còn đi kèm theo một đĩa CD do tổ hợp sản xuất đĩa nhạc "Barsuk Records" sưu tập với những ca khúc mới sáng tác cùng một số ca khúc nổi tiếng cũ quý hiếm chọn lọc từ các băng nhạc R.E.M., Sleater-Kinney, Elliott Smith, Tom Waits, David Byrne, the Yeah Yeah Yeahs, They Might Be Giants, Death Cab for Cutie, vân vân. Tác phẩm là một pha trộn giữa sự hài hước, giận dỗi, cay đắng và ảo tưởng.

Hầu hết những mục từ đều có ý nghĩa về chính trị. Một số có tính cách triết lý và một số khác chỉ đơn giản là để đùa cợt. "The future dictionary of America" gồm những từ hoàn toàn mới sáng tác như "dubyavirus" cũng như những từ cũ nhưng với nghĩa mới như "environment". Thử đọc qua một số từ:

Tác giả T.C. Boyler đưa ra nhiều định nghĩa về từ "environment" (môi trường), trong đó có một định nghĩa mới: "một không gian ý niệm, giống như không phận Iraq, nơi sẽ tạo ra một khoảng chân hút hết mọi thứ nếu không được chất đầy những khối chất nổ thật mạnh".

Tiểu thuyết gia Thisbe Nissen đưa vào từ "dubyavirus" khi ông tưởng tượng tổng thống Bush bị kết án như một tội phạm chiến tranh, để rồi chấm dứt "một dịch bệnh lan tràn mạnh mẽ và nguy kịch".

Một nhà văn khác, Paul Auster, định nghĩa từ "bush" là "một họ cây hoang độc hại, bây giờ đã tuyệt chủng" (a poisonous family of shrubs, now extinct).

Nhà văn đoạt giải Pulitzer ám chỉ phó tổng thống Cheney qua từ "Cheney Effect": "Sự biểu lộ thay đổi cá tính do được ghép một cơ

phận nào đó, thường là trái tim".

Bộ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld được đưa vào danh từ "rumsfeld": "một người có thể chịu đựng thiệt hại" (one who can stomach casualties).

Bộ trưởng tư pháp John Ashcroft gây cảm hứng cho nhà văn Robert Coover tạo ra động từ "ashcrofted": "bị đuổi hoặc bị loại khỏi công sở vì hành vi lừa gạt có tính cách tôn giáo".

Nhà văn viết truyện kinh dị Stephen King cho từ "sloudge": chỉ những cuộc thảo luận chính trị không bao giờ dứt trên các kênh truyền hình. Hầu hết "sloudge" đều được hướng dẫn bởi những nhân vật trắng trẻo mập phì ngồi chung quanh những chiếc bàn sáng loáng, không ngớt tuôn ra những lời chống báng lại một nhà nước tự do. King đưa ra một ví dụ: "Cuộc họp báo của tổng thống Hoa Kỳ được nối tiếp bởi hơn 3 giờ đồng hồ "sloudge" (cãi vã ồn ào) trên kênh MSNBC và 6 giờ khác trên kênh Fox-TV".

Nhà văn viết truyện ngắn Ken Foster cho từ "Dean depression", ám chỉ ứng cử viên tổng thống Howard Dean, được định nghĩa: "sự thất bại bất ngờ và phi lý của một ứng cử viên dân túy".

*** Scandal văn chương ở Úc**

Một tác phẩm *bestseller* ở Úc, "Forbidden Love", cuối tháng Bảy 2004, đã tạm thời bị rút khỏi các tiệm sách vì người ta tìm thấy bằng chứng cho thấy nó không trung thực.

"Forbidden Love" được xem là hồi ức của tác giả, bà Norma Khouri, kể lại câu chuyện có thật về một phụ nữ Jordan Hồi giáo tên là Dalia bị người cha giết chết vì đã yêu một người đàn ông Thiên Chúa giáo đến từ phương Tây. Trong nhiều cuộc phỏng vấn, Khouri cho biết rằng bà sinh ra ở Jordan và mở một tiệm uốn tóc tại đó với Dalia khi họ đang vào tuổi 20. Sau khi phát hiện Dalia yêu một người Thiên Chúa giáo, cha của Dalia đã giết chết con gái mình bằng cách đâm 12 nhát gươm. Lo sợ rằng cuộc sống sẽ bị ảnh hưởng nặng nề vì có quan hệ với Dalia, Khouri tìm cách trốn thoát khỏi Jordan. Bà qua Athenes, Hy Lạp, nơi đó, bà dành hết thì giờ và tâm huyết viết lại câu chuyện thương tâm đó trong một quán cà phê Internet. Bị thuyết phục bởi một câu chuyện có thật, nhà xuất bản Random House nhận xuất bản, đồng thời, đứng ra bảo lãnh cho bà sang định cư ở Úc. Được tung ra vào thời điểm hậu-11/9 trong lúc mâu thuẫn giữa thế giới Hồi giáo và phương Tây lên đến cao điểm qua cuộc chiến đang diễn ra ở Iraq, tác phẩm nhanh chóng trở thành *bestseller*.

Do nhận thấy có nhiều mâu thuẫn trong câu chuyện kể, tờ báo "Sydney Morning Herald" đã cử phóng viên của mình thực hiện một cuộc điều tra riêng kéo dài 18 tháng về những sự kiện mô tả trong truyện, đồng thời, tìm hiểu lý lịch thực sự của tác giả. Trong bài phóng sự công bố trong số báo phát hành vào cuối tháng Bảy 2004, "Sydney Morning Herald" cho biết Norma Khouri chỉ sống ở Jordan đến năm lên ba, sau đó di cư sang Hoa Kỳ và sống ở đó từ 1973 đến năm 2000. Theo bài báo, hiện Khouri cùng chồng và hai con sống ở một nơi không được tiết lộ ở Queensland.

Bài báo lập tức gây ra chấn động trong dư luận. Nhà xuất bản Random House vội vã công bố một bản trình bày, kêu gọi Norma Khouri đưa ra những bằng chứng cho thấy những gì bà viết là có thật, để phản bác lại những cáo buộc của tờ báo. "Hành động này được thực hiện bởi vì công ty hết sức quan tâm đến những lời cáo buộc đưa ra vào cuối tuần do tờ Sydney Herald, lời cáo buộc đó đã khiến người ta hoài nghi về căn cước thực sự của Khouri và câu chuyện của bà ta được kể lại trong "Forbidden Love". Một phát ngôn viên của nhà xuất bản cho biết, họ sẽ tái phát hành tác phẩm nếu tác giả đưa ra những bằng chứng thuyết phục cho thấy những điều bà trình bày là đúng. Nhà xuất bản không xác nhận tình trạng cư trú của tác giả ở Úc.

Bộ trưởng Di Trú Amanda Vanstone cho hay bộ đang điều tra tình trạng di trú của tác giả Norma Khouri và không đưa ra lời bình luận nào về ý kiến cho rằng bà hiện cư trú ở Úc dưới hộ chiếu bảo vệ di trú (migrant protection visa) "Bộ Di Trú hiện đang tiến hành điều tra về vụ việc liên hệ đến Đạo Luật Di Trú trong những gì liên quan tới lời tố cáo cuối tuần rồi".

Trường hợp của Khouri là vụ "scandal" văn chương mới nhất nằm trong một danh sách dài những vụ lừa dối văn chương xảy ra ở Úc. Mới chỉ trong những năm gần đây thôi, đã có ba vụ gian dối về văn học nghệ thuật. Năm 1997, một người Úc da trắng thừa nhận ông ta là tác giả của một cuốn sách *bestseller*, trong đó ông tự nhận mình là một phụ nữ thuộc sắc dân thiểu số bị bắt cóc khi còn là một đứa bé. Một nghệ sĩ da trắng 81 tuổi khác, bà Elizabeth Durack, đã bịa ra chuyện một nông dân *aboriginal* (thổ dân Úc) được nổi tiếng nhờ những bức tranh, ảnh và bài viết của mình. Năm 1995, Helen Darville thừa nhận đã phịa ra câu chuyện gia đình bà trong một tác phẩm bán chạy khác, được ký dưới bút hiệu Helen Demidenko, về vụ tàn sát người Ukrainian.

*** Thách đố cuối đời của Nadine Gordimer**

Năm nay đã 80 tuổi, Nadine Gordimer vẫn còn được xem là một khuôn mặt vĩ đại của văn chương thế giới và là biểu tượng của tinh thần yêu công bằng và cổ xúy cho một xã hội tự do phát biểu tư tưởng. Trong suốt thời gian dài, bà "bám trụ" ở Nam Phi dưới chế độ *apartheid* để chiến đấu chống lại sự kỳ thị chủng tộc bằng cách sáng tác văn chương dựa trên những sự kiện nóng hổi diễn ra hằng ngày. Các tiểu thuyết vừa tuyệt tác trong lãnh vực văn chương vừa giàu tính chiến đấu đã mang lại cho bà giải Nobel văn chương. Và cho đến bây giờ, bà là một trong những nhà văn hiếm hoi biểu tượng cho ý thức công bằng của người da trắng.

Nhưng biểu tượng đó có nguy cơ bị tan thành mây khói. Vào hôm 6 tháng Tám 2004, trong một cuộc phỏng vấn với tờ Guardian (Anh), Ronald Suresh Roberts, tác giả của "No Cold Kitchen", một tác phẩm công phu và đồ sộ dày đến 700 trang viết về tiểu sử của Nadine Gordimer, đã lên tiếng tố cáo bà là đạo đức giả và chống lại tự do tư tưởng. "Bà vốn được xem như là biểu tượng cho quyền tự do phát biểu nhưng bà lại muốn kiểm soát hoàn toàn (tác phẩm của người khác), y như Nga hoàng, điều đó biến bản thảo cuốn tiểu sử thành ra là những chuyện tầm phào, vớ vẩn". Chi tiết nào trong tác phẩm khiến cho nhà văn không bằng lòng? Roberts cho biết, Gordimer không vừa ý với một số đoạn trích dẫn mà Roberts đưa vào và đòi hỏi phải được loại bỏ. Những trích đoạn đó cho thấy bà đã có những phát biểu khinh thường và cay đắng về một số nhà văn khác. Trong một lá thư viết vào thập niên 60 cho một người bạn, bà tỏ ra khinh thường nhà văn Ruth First, cũng là một nhà hoạt động chống kỳ thị chủng tộc, sau đã bị chính quyền apartheid cho tay chân ám sát chết. Một trích đoạn khác cho thấy bà tỏ ra hết sức thất vọng và bực tức khi không được nhà văn Doris Lessing lên tiếng ca ngợi khi bà đoạt giải Nobel. Thực ra, theo Roberts, nhà văn Lessing đã có viết thư chào mừng bà nhưng thư bị lạc mất. Roberts cho biết ông hết sức xúc động khi một người mà ông hết sức kính trọng bây giờ lại quay qua chống báng ông sau gần 7 năm nhiệt tình hợp tác nhằm hoàn thành một công trình biên khảo công phu và đầy cảm tình về cuộc đời và tác phẩm của Gordimer. Ngay cái tựa đề "No Cold Kitchen" cũng đã hàm ý ca ngợi nhà văn. Đó là một lối chơi chữ chứng tỏ khả năng của Gordimer luôn luôn phấn đấu để vượt qua được những thử thách to lớn về chính trị và phê bình.

Sự chống đối gay gắt của Gordimer đã khiến hai nhà xuất bản "Bloomsbury Publishing" (Anh) và "Farrar, Strauss & Giroux" (Hoa Kỳ)

đành phải từ chối xuất bản "No Cold Kitchen". Roberts trưng ra thư của hai nhà xuất bản gửi cho ông, theo đó, mặc dù hết sức tán dương công trình biên khảo của ông, họ không thể nào in và phát hành được vì hợp đồng giữa họ với Gordimer có quy định rõ ràng là họ chỉ được phép xuất bản bất cứ tác phẩm nào viết về bà chỉ khi được sự chấp thuận của bà. Ronald Suresh Roberts – vốn sinh trưởng ở Trinidad, hiện cư ngụ ở Cap Town (Nam Phi) - cho hay từ lâu, Gordimer và ông đã có một quan hệ rất thân tình. Quan hệ đó đã khiến cho ông được nhà văn dành cho nhiều cuộc trò chuyện dài đồng thời được tiếp cận hầu hết những thư tịch quý giá, giúp ông hoàn thành tác phẩm. Năm rồi, quan hệ giữa hai người đột nhiên trở nên xấu hẳn đi khi ông đưa bản thảo cho bà đọc. Không hài lòng với chi tiết có thể khiến làm xấu đi nhân cách của mình và làm sứt mẻ đi lòng kính trọng mà văn giới cũng như độc giả thuộc mọi sắc dân trên thế giới dành cho bà hàng chục năm qua, bà đã đề nghị hai nhà xuất bản sửa đổi lại những chi tiết nêu trên. "Tôi vẫn nghĩ rằng rồi ra bà sẽ vượt được những bất bình tạm thời về bản thảo. Ấy thế mà rốt cuộc, bà ta đã bài bác tác phẩm, thật kỳ cục, thật hợm hĩnh", Roberts nói.

Theo Roberts, thì tác phẩm của ông dài 700 trang hoàn toàn tập trung trên tác phẩm và vẽ ra một hình ảnh rất tích cực về một bậc thầy trong văn giới. Ông trưng ra một lá thư của con gái bà Gordimer, Oriane, nhận xét bản thảo là "rất, rất hay và thật là thú vị khi đọc". Ngoài ra, ông còn đưa ra một lá thư khác từ Jonathan Galassi, trong ban biên tập nhà xuất bản "Farrar, Strauss & Giroux", nhận xét rằng ông ta có một ấn tượng hết sức mạnh về tính nhạy cảm, bút pháp và chiều sâu của tác phẩm. "Tôi chưa biết phản ứng của bà ta như thế nào nhưng tôi có linh cảm rằng bà sẽ hết sức hài lòng với những gì ông đã thực hiện". Nhưng sau đó, khi được biết linh tính của ông sai, ông ta liền đổi giọng, cho rằng bản thảo còn nông cạn và cần phải được viết lại. Tháng Bảy 2004, trong một lá thư khác từ Liz Calder, giám đốc nhà xuất bản ở Luân Đôn, cho hay tập tiểu sử là một cuốn sách hay, dù hiểu theo bất cứ cách nào. "Tuy nhiên, đối với Bloomsbury, nó không thể xuất bản được vì chưa có sự đồng ý của Nadime Gordimer. Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng tôi mong ông hiểu cho vì đây là nhà xuất bản độc quyền xuất bản tác phẩm của Nadime Gordimer". Roberts than phiền rằng các nhà xuất bản đã chịu nhượng bộ thứ "ảnh hưởng quỷ quái" (Faustian leverage) từ một phụ nữ vốn nổi tiếng vì sự thẳng thắng của mình. "Thực là quá đáng; thực là quá sức đạo đức giả", Roberts bực bội nói. Dẫu vậy, Roberts quả quyết là ông không chịu thua. Ông sẽ cho xuất bản tác phẩm

vào đầu năm tới ở Nam Phi. Vấn đề bây giờ là tìm cho ra nhà xuất bản chịu in "No Cold Kitchen".

Gordimer phản ứng như thế nào đối với những lời cáo buộc trên? Nhiêu phóng viên tìm cách phỏng vấn bà, nhưng nhà văn từ chối trả lời. "Tôi thực sự không có ý kiến gì về chuyện đó. Chẳng có gì để nói. Đó là chuyện riêng tư". Năm rồi, trong một cuộc trò chuyện với nhật báo "The Guardian", bà cho hay cuốn tiểu sử chỉ được phép xuất bản nếu bà đọc hết bản thảo cuối cùng. "Tôi quan niệm rằng viết tiểu sử là chỉ nên tập trung bàn về tác phẩm, chứ không phải là tìm hiểu xem tác giả có ăn trứng vào bữa điểm tâm không hay tìm xem hắn ta có phải là một người tình trung thành hay không".

Nadime Gordimer, con gái của Isidore và Nan Gordimer, sinh ở Springs, Nam Phi vào năm 1923, bây giờ đã 80 tuổi. Bà theo học trường dòng và sau đó học Anh Văn tại đại học Witwatersrand ở Johannesburg, thủ đô Nam Phi. Bà sống suốt đời ở Nam Phi. Bà có hai con, một trai và một gái. Bà là một nhà văn rất thành công dưới chế độ phân bệt chủng tộc. Tác phẩm của bà diễn tả những thực tế phũ phàng của chế độ. Nhiều cuốn bị chính quyền Nam Phi cấm một thời gian dài. Bà nổi tiếng vì những diễn tả sâu sắc về bản chất của con và "The pickup" (2001) người. Hai con bà đều sống ở nước ngoài. Hiện nay bà sống một mình trong một ngôi nhà sang trọng sau khi chồng bà mất vào năm 2001. Bà viết tất cả 13 truyện dài, trong đó nổi tiếng là A Guest of Honor" (1971), "The Conservationist" (1974), Burger's Daughter" (1979), "July's People" (1981), "The House Gun" (1997).

Chuyện chẳng có gì lớn, nhưng danh phận Nadine Gordimer quá lớn, nên mọi sự đều phải lớn theo. Vấn đề chỉ vậy!

*** Một bản tường trình buồn: số lượng người đọc sách giảm**

Trong lúc số người viết càng ngày càng tăng, và các tác phẩm mới vẫn được viết ra đều đặn, thì một điều mỉa mai là số lượng người đọc lại càng ngày càng giảm, và giảm một cách đáng kể. Trong một bản tường trình mang tên "Reading at Risk" công bố vào tháng Bảy 2004, sau một cuộc điều tra dài ngày với khoảng 17 ngàn người lớn, cơ quan tài trợ nghệ thuật quốc gia Hoa Kỳ "National Endowment for Arts" (NEA) cho biết trong vòng 20 năm qua, số lượng độc giả văn chương đã giảm đi 10% trong số những người đọc truyện dài, truyện ngắn, kịch và thơ. Đặc biệt, trong số độc giả trẻ (từ 18 đến 34 tuổi), tỷ lệ đó càng lớn, giảm 28% từ năm 1982 đến 2002.

Trong lời tựa của bản tường trình, nhà thơ Dana Gioia, chủ tịch của

NEA, buồn bã than thở "Bất cứ ai yêu thích văn chương hay quý trọng văn hóa, trí tuệ sẽ phải hết sức quan tâm đến bản tường trình này". Không có một nguyên nhân duy nhất nào được quy cho khuynh hướng này. Người ta cho rằng sự duy giảm việc đọc xuất phát từ truyền hình, Internet và nhiều trò giải trí điện tử khác. Một trong những nguyên nhân, theo Leonard Marcus, chủ bút tạp chí "Parenting", là do ở trường học, người ta bắt các em học sinh đọc quá nhiều, đọc như một điều bắt buộc. Đọc sách kiểu đó chẳng khác nào bắt các em uống thuốc đắng.

Vấn đề đặt ra bây giờ là: ai quan tâm đến điều này? Tại sao đọc văn chương lại quan trọng cho đời sống? Trong một cuộc trả lời phỏng vấn, bà Gioia nhấn mạnh đến sự quan trọng xã hội và chính trị trong việc đọc văn. "Đọc một cuốn truyện sẽ đặt bạn vào tâm hồn của một người khác. Nó giúp phát triển khả năng của chúng ta tưởng tượng thế giới từ một vị trí khác. Nó giúp chúng ta làm việc với nhau để xây dựng một xã hội trong đó tất cả mọi người đều phát triển".

Tác giả Norman Sherry, giáo sư văn chương đại học Trinity University ở San Antonio và tác giả của bộ tiểu sử ba tập "Life of Graham Green" vạch rõ rằng tiểu thuyết hư cấu có thể đưa ta đến gần sự thật hơn những tác phẩm nghiên cứu. "Một cuốn truyện dài vĩ đại có thể cho chúng ta biết nhiều hơn một tác phẩm sử học" về cuộc sống của một xứ sở.

Bản tường trình có một kết luận hết sức bi quan, theo đó "với tỷ lệ đọc sách suy giảm như hiện nay thì chỉ trong vòng nửa thế kỷ nữa thôi, đọc sách như một cái thú tiêu khiển sẽ hoàn toàn biến mất".

*** Thêm một "di sản" của John Steinbeck**

John Steinbeck chết năm 1968, để lại cho hậu thế nhiều di sản: danh tiếng, những tác phẩm văn chương ngoại hạng, tiền bạc, nhà cửa, con cháu và mới đây, thêm một di sản nữa, đó là kiện cáo. Ngày 15 tháng Bảy vừa qua, Thomas Steinbeck – người con trai duy nhất còn sống của văn hào, hiện cư ngụ tại California – và Blake Smyle - đứa cháu nội duy nhất, con gái của người anh của Thomas chết vào năm 1991 - đâm đơn tại tòa án liên bang tại quận hạt Southern (New York) kiện đòi quyền thừa kế bản quyền các tác phẩm cũng như tất cả các dịch vụ dính líu đến văn hào, kể cả việc sử dụng các hình ảnh cũng như chữ ký của ông. Đối tượng của vụ kiện tụng là một nhóm người bao gồm các thành viên của gia đình bà Elaine Steinbeck, vợ thứ ba của tác giả, tổ hợp luật sư McIntosh & Otis, đại diện bất động sản của nhà văn và tổ hợp "Steinbeck Heritage Foundation", một tổ hợp phi-lợi-nhuận

do Elaine sáng lập. Bà Elaine chết vào năm 2003, sau 35 năm thừa kế tài sản của nhà văn quá cố. Hai người lấy nhau năm 1950, không có con.

Luật sư chính của con trai và cháu của Steinbeck, Mark Lee, cho biết rằng "tiếp theo sau cái chết của bà Elaine Steinbeck, khách hàng chúng tôi khám phá ra rất nhiều sự kiện khiến đưa đến vụ kiện tụng này. Quả thực đây không phải là một ngày vui vẻ gì đối với thân chủ của chúng tôi. Tuy nhiên, dù xem đây là một điều chẳng hay ho gì nhưng quý vị đó cho rằng đây là một bước cần thiết trong nỗ lực thu hồi quyền lợi trong những tác phẩm do cha và ông nội để lại mà họ có quyền được hưởng". William McPheron, người quản lý các tài liệu lưu trữ tại Stanford cho biết, có lẽ vụ kiện cáo sẽ không dính líu tới các tài liệu hiện lưu giữ tại thư viện Bancroft ở đại học Berkeley, Trung Tâm Nghiên Cứu Steinbeck tại San Jose và các tài liệu lưu trữ tại đại học Stanford. Theo ông, vụ kiện không ảnh hưởng đến việc tiếp cận các tài liệu của các học giả nghiên cứu về Steinbeck. Tuy nhiên, nó sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến việc sử dụng các tác phẩm của nhà văn như dựng thành phim hay kịch chẳng hạn.

Vụ kiện cáo khuấy động lên không khí tại vùng đất phía nam California, nơi nhà văn dùng để dựng lên những truyện nổi tiếng của mình. Từ khi nộp đơn kiện, Thomas tránh gặp báo chí. Nhưng đầu tháng Tám, ông lại bất ngờ dành cho hãng thông tấn Reuters một ngoại lệ: tiếp chuyện họ một cuộc phỏng vấn tại ngôi nhà ở thành phố biển Monterey, một khu vực gắn liền với truyện "Cannery Row" nổi tlếng của Steinbeck. "Là một người thuộc gia đình Steinbeck, nói thật với ông, hoàn toàn chẳng có gì vui cả, bởi vì người ta chẳng còn chút riêng tư nào. Người ta cảm thấy họ có quyền gặp anh bất cứ lúc nào họ muốn, tất cả mọi chuyện, để tán thành cái này, chống đối cái kia" (...) Tôi chẳng khác gì con gấu múa (trong đoàn xiếc). Tôi có vẻ giống như cái gì để trưng bày hơn là một con người. Người ta dùng cái que thọc lét tôi, y như thọc lét một con gấu cột vào một sợi xích để cho tôi chạy vòng vòng và họ vỗ tay cười".

Lúc sinh thời, nhiều người ở Salinas, cách San Francisco 100 dặm, đã không tiếc lời trách móc John Steinbeck vì cho rằng ông đã vẽ nên một hình ảnh không tốt đẹp gì về đời sống nơi này hồi những năm 30. Nhưng sau khi ông đoạt giải Nobel, được cả thế giới ca tụng, họ thay đổi thái độ, đâm ra ngưỡng mộ ông. Không những thế, họ còn tìm cách giành lấy vinh dự của vùng đất nơi ông sinh trưởng và dựng truyện. Ngày nay, tại thành phố nhỏ này có đến gần 140 ngàn dân cư này, nơi

sản xuất 80% rau cải cung cấp cho toàn nước Mỹ, người ta xây dựng một viện bảo tàng trị giá đến 17 triệu đô la và các ông trình khác để vinh danh các tác phẩm của ông. Monterey, một thị trấn khác cách Salinas 17 dặm, cũng xây dựng nhiều công trình khác, từ viện bảo tàng cho đến khách sạn, phòng hội, vân vân. Đề cập đến những công trình mà rất nhiều người được hưởng lợi từ đó, Thomas nói: "Nếu mà cha tôi còn sống, chắc ông cũng yêu cầu đốt rụi hết mấy cái thứ quái quỷ đó. Ông thế nào cũng bị quấy rầy bởi chúng. Chắc ông sẽ cho rằng chúng hoàn toàn chẳng có gì thích hợp. Tác phẩm tự nó tồn tại, đâu cần phải xây một cái tiệm ăn rồi lấy tên ông mà đặt lên".

Chưa kể, mùa hè năm 2003, khi Oprah Winfrey mang tác phẩm "East of Eden" ra giới thiệu và bình luận trên chương trình của bà, thì lập tức nó một lần nữa trở thành *bestseller*. "Ông có biết người ta kiếm được bao nhiêu tiền không? Tưởng tượng nhé, khi Winfrey chọn "East of Eden", hàng triệu ấn bản được dịch ra trong 137 thứ tiếng của nó bán sạch". Một lợi nhuận khổng lồ như thế thì làm sao một người con như Thomas chịu ngồi yên. Luật sư Mark Lee cho biết có một âm mưu che giấu nhằm tước đoạt quyền thừa kế của những hậu duệ trực hệ của nhà văn trong cả 30 năm trời". Ông cho biết, Thomas đã bị đoạt tất cả 10 triệu tiền bản quyền và Blake Smyle mất cả 8 triệu trong mấy chục năm qua. Dẫu vậy, Thomas tránh trả lời những chi tiết khác liên quan đến vụ kiện. "Chẳng phải chỉ là chuyện tiền bạc đâu, còn nhiều chuyện phức tạp hơn mà ông không tưởng tượng nổi đâu", ông nói. Được hỏi ông có giàu có nhờ tài sản của cha không, Thomas trả lời "Không đâu, tôi làm việc để sống".

Được biết, Thomas Steinbeck cũng là một nhà văn, nhà báo. Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, ông là phóng viên chiến trường tại Việt Nam. Sau này, ông phụ trách biên tập kịch bản phim tại Hollywood. Năm 2002, ông xuất bản một tuyển tập truyện ngắn, "Down to a Soundless Sea". Hiện ông đang viết một truyện dài.

*** Thằng người gỗ Bích Nô Cô**

Có lẽ không mấy ai trong chúng ta không biết đến nhân vật "Pinocchio", tức là *"thằng người gỗ Bích Nô Cô"*.

Đầu tháng Tám rồi, thằng người gỗ xuất hiện lại trên báo chí, khi nhà triệu phú Federico Bertola, 58 tuổi, bỏ tiền ra mua một biệt thự rộng lớn nhưng bỏ hoang từ lâu tại thị trấn Tuscan, Collodi, Ý, nơi mà câu chuyện thằng người gỗ được dựng nên, biến nó thành một viện bảo tàng để vinh danh tác giả và nhân vật hư cấu ngộ nghĩnh này. Ông gọi

nó là "viện bảo tàng của những giấc mơ" (museum for dreams). Biệt thự có tên là Villa Garzoni, một khu nhà mênh mông xây dựng từ hồi thế kỷ thứ 17, bây giờ được xếp vào hàng tài sản quốc gia. Trước đó, năm 2000, biệt thự là sở hữu của bá tước Gardi. Không đủ tiền bảo trì, nên bà sống khiêm nhường trong một vài căn phòng trong khi hàng trăm phòng chung quanh trống trơn, mái, tường đều hư hỏng. Nhà triệu phú bỏ ra cả 5 triệu *Euro* để chỉ phục hồi lại mặt tiền rộng lớn và mái nhà của biệt thự. Còn khu vườn bỏ hoang với cỏ dại mọc đầy bây giờ đã được dọn dẹp và mở ra cho công chúng vào xem. Ở cuối khu vườn, người ta đã dựng lên một bức tượng lớn bằng người thật của chú bé Pinocchio. Ông Bertola hy vọng sẽ phục hồi hoàn toàn căn biệt thự, biến thành viện bảo tàng, để lôi kéo du khách yêu mến Pinocchico đến tham quan.

Câu chuyện Bích Nô Cô được dựng từ khung cảnh của thành phố Collodi, nơi mà tác giả, nhà báo Carlo Lorenzini sinh sống. Mẹ của Lorenzini làm việc tại lâu đài Villa Garzoni, nên biết rất rõ khu vực này. "Các giấc mơ thường được giấu trong những trang sách. Đối với tôi, cuốn sách vĩ đại của những giấc mơ, chính là Pinocchio", ông Bertola nói với báo *Corriere della Sera*. Hai năm trước đây, khi viếng thăm lâu đài, ông nảy ra ngay ý định muốn biến nó thành nơi mà những giấc mơ biến thành sự thật, để vinh danh ông cũng như nhiều người Ý khác, trong nửa thế kỷ qua, đã đưa những người nông dân bình thường thành những nhà kỹ nghệ giàu có. "Thỉnh thoảng, có những giấc mơ đi khỏi sách vở và trở thành hiện thực. Tôi vốn là một người nông dân cầm cày với chỉ trình độ tiểu học và tôi đã xoay sở để biến những giấc mơ thành sự thật, giống như thằng người gỗ đã làm". Ông lớn lên ở một ngôi làng có tên là Pecorara, gần Piacenza, làm việc trên đồng ruộng cùng với 7 anh chị em khác ngay từ lúc lên 10 tuổi. "Chúng tôi làm việc rất cực khổ nhưng không bao giờ kiếm đủ tiền. Bởi thế, vào năm 16 tuổi, tôi quyết định từ bỏ ruộng đồng ra đi tìm cách làm giàu ở Milan". Ông làm việc cật lực, trải qua nhiều gian nan, thất bại và cuối cùng ngày nay, trở thành chủ nhân một xí nghiệp xây dựng có doanh thu hằng năm lên đến 120 triệu *Euro*. Lúc còn trẻ, ông say mê truyện Pinocchio, đọc đi đọc lại nhiều lần. Ngoài những bài học luân lý bình thường, theo ông, câu chuyện còn diễn tả đời sống giản dị của người thợ mộc Geppetto, suốt đời mơ có một đứa con của riêng mình, không biết làm sao bèn tự đẽo một thằng bé bằng gỗ. Không ngờ, một ngày kia, sau bao nhiêu thử thách, thằng người gỗ đã thành thằng người thật.■

giới thiệu sách mới

HOÀNG MAI ĐẠT phụ trách

THẤP TẠ

thơ Tô Thùy Yên

Đối với người yêu chữ nghĩa, đọc được một thơ hay cũng tựa như uống được một ly nước mát lạnh giữa sa mạc. Ly nước làm người ta bừng sống, hy vọng thoát khỏi một bãi khô cằn văn chương đầy ảo giác. Tập *Thấp Tạ* của Tô Thùy Yên có nhiều bài thơ hay, mát rượi như vậy. Với từng chữ, ý cô đọng, thơ của ông đưa người đọc vào cõi vô định, mơ hồ giữa kiếp người hạn hẹp và vũ trụ mênh mông. Trong bài *Thấp Tạ* ông viết: "Nếu như hoa biết chiều nay rụng, / Âu cũng vui mà nở sáng nay. / ... Một mai nàng ra bãi vô định, / Nhìn sông đổi lòng, nhìn núi chuyển chân. / Mây bay bay như những vẫy biệt... / Nàng đứng tro tàn như một nén nhang. / Thấp tạ càn khôn một vô ích. / Thấp tạ nhân quần một luyến thương."

Ý nghĩa của đời người được thi sĩ Tô Thùy Yên gói trọn trong mấy câu thơ ngắn, gọn, diễn tả trong bài đầu tiên của tập thơ, bài *Tặng Phẩm*: "Thức cho xong bài thơ, / Mai sớm ra đi, / Cài hờ lên cửa tặng," và trong bài chót *Thơ Tạ*: "Trời rạng. Chuyến đi không hoãn được. / Bài thơ tâm phát dẫu chưa xong, / Xin vẫn cài hờ lên cửa tạ."

Cũng với tâm trạng sầu thế, hiểu rõ thân giữa cõi đời, trong những ngày tù cải tạo dưới chế độ Cộng Sản, Tô Thùy Yên đã viết trong đầu bài *Hái Rau*: "Chiều ra đồng hái rau hoang, / Nghe sầu theo gió thổi tràn mặt ta. / Ơn trời, ơn đất bao la, / Hái đi, này những xót xa kiếp người. / Cổ kim chung một mái trời, Kinh Thi cũng có bóng người hái rau. / ... Bó thân che lấy mạng hèn, / Sống đong bữa một, tâm chèn khổ sao. / Quê người, lạ chỗ gối đầu, / Lạ trăng sao, lạ cả màu chiêm bao."

Thấp Tạ gồm có trên 40 bài thơ và phần Phụ Lục mà tác giả dùng để giải thích thêm về một số bài thơ trong tập. Ngay cả Phụ Lục cũng được mở đầu với mấy câu thơ: "Phía sau một bài thơ, / Thoáng âm bóng những bài thơ khác nữa. / Một người, / Không hẳn một hình thôi." *Thấp Tạ* là một tập thơ đầy ắp thi ca mà giá bán chỉ có $12 Mỹ kim. An Tiêm xuất bản. Địa chỉ liên lạc: Bà Huỳnh Diệu Bích, 1210 Bluebonnet Pl. Cir. Apt. L, Houston, TX 77019.

CHẾ TẠO THƠ CA

thơ Phan Nhiên Hạo

Chế Tạo Thơ Ca là tập thơ thứ nhì của Phan Nhiên Hạo, một thi sĩ có tài "chế tạo" những hình ảnh khác thường, độc đáo, đôi khi khôi hài, giúp cho những câu thơ được mới lạ, liên kết một cách bất ngờ mà nội dung vẫn sâu sắc không bị lấn ép bởi hình thức. Trong bài *Nhà Không Cửa*, Phan Nhiên Hạo viết: "Tôi sống trong ngôi nhà không cửa / Mỗi người đến thăm phải mang theo cửa / trên lưng. Lắp vào nói chuyện, xong, / khi từ biệt họ ra đi cùng với cửa / Sự riêng tư của tôi phụ thuộc vào / việc thăm viếng của những người này / ... Khi ra đi tôi cũng mang theo cửa trên lưng."

Giọng thơ của Phan Nhiên Hạo có lúc lạnh lùng, bất cần, có lúc phán xét, mỉa mai nhưng luôn luôn chứa đựng một sự thông minh, một lòng thương người bị đè nén. Bài *Đà Lạt: 1989-2002* đã có những câu: "Tôi quầy quả lên đồi Cù nhưng nó đã thành một cái vú / cho thương gia Đài Loan trèo lên bóp mỗi ngày. / ... Tôi uống nước đóng chai tôi trú trong khách sạn tên / Global Trek kề dinh Bảo Đại. Qua cửa sổ mờ sương tôi thấy người / đàn bà gánh hai chiếc thúng. / Tôi không biết bà gánh gì nhưng / tôi biết sức nặng của cuộc đời không ra khỏi được thung lũng."

Chế Tạo Thơ Ca gồm trên 40 bài thơ được chia trong hai phần, cộng với vài bức họa do chính tác giả vẽ với nét tự nhiên, giản dị. Phan Nhiên Hạo từng xuất bản tập thơ đầu tiên *Thiên Đường Chuồng Giấy* vào năm 1998. Đối với Phan Nhiên Hạo làm thơ cũng có thể gần như làm tình. Trong bài *Chế Tạo Thơ Ca*, Phan Nhiên Hạo viết: "Một buổi chiều không có việc gì làm / Tôi ngồi chế tạo ra thơ ca / chỉ bằng mười sáu con ốc, hai tấm kim loại, / bốn bánh xe. Nó được đổ đầy nhiên liệu / hỗn hợp của xung đột, hy vọng, tình yêu và sự vô ích. / Đủ sức chạy từ Mỹ sang Tàu trong một đường hầm / tối om xuyên tâm trái đất. / Đường hầm mà trước đó không lâu / số phận đã đục trong một cơn cương cứng."

Chế Tạo Thơ Ca được in giấy đẹp, trình bày mỹ thuật, có giá bán $15 Mỹ kim, do Văn xuất bản và phát hành bởi Nhà Sách Tự Lực, 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843; điện thoại 714-531-5290.

BƠI TRÊN DÒNG NƯỚC NGƯỢC

tạp văn của Phan Xuân Sinh

"Đây là một tạp văn gom góp lại những mẩu chuyện nho nhỏ của

tôi." Phan Xuân Sinh đã viết như thế trong lời mở đầu của tập *Bơi Trên Dòng Nước Ngược*. Qua 14 "chuyện nho nhỏ" tác giả cho thấy một tấm lòng lớn đối với quê hương và với thân phận của những cựu quân nhân miền Nam trong thời hậu chiến.

Trong "Con Tàu Chỉ Có Một Người", một tù nhân cải tạo đã đối phó với lương tâm sau khi nhận được lá thư của một người vợ tưởng lầm tù nhân là chồng mất tích lâu năm trong cuộc chiến. Buổi viếng thăm tù đầu tiên và cũng là cuối cùng sẽ ra sao đối với hai người? Trong "Bơi Trên Dòng Nước Ngược", một gia đình bị ly tán sau chuyến vượt biển thoát chế độ Cộng Sản. Đến khi được đoàn tụ với gia đình tại Hoa Kỳ, người chồng không chỉ phấn đấu trong một xã hội mới, mà còn ngỡ ngàng trước một người vợ nay đã xa lạ. Người chồng đã tìm một con đường để vươn lên và để chấp nhận những thay đổi đến trong cuộc đời.

Tuy viết về những đề tài đau thương, Phan Xuân Sinh vẫn giữ tính khôi hài, đưa đẩy câu chuyện với giọng văn giản dị, thoải mái và chân tình. Không vì vui hơn khi nghe tác giả viết về quê hương mến yêu của ông, "Thật tình thì Đà Nẵng cũng không có nhiều danh lam thắng cảnh, cũng ít nơi thơ mộng. Người dân chúng tôi nói văn chương chữ nghĩa cũng ít, nhưng nói 'móc họng' thì nhiều."

Trong phần tựa của sách, ông Lương Thư Trung đã ghi một lời trách của học giả Nguyễn Hiến Lê được viết mấy chục năm trước đây. Học giả cho rằng, "Chúng ta có thói quen đọc sách chỉ để tìm hiểu một truyện hay một hệ thống tư tưởng, ít khi tìm hiểu tấm lòng của tác giả."

Ngoài *Bơi Trên Dòng Nước Ngược*, tác giả Phan Xuân Sinh cũng từng cho thấy tấm lòng qua những bài thơ trong tập *Đứng Dưới Trời Đổ Nát*. Sách do Sông Thu xuất bản với giá bán $12 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc Sông Thu P.O. Box 428, Rosemead, CA 91770; điện thoại 626-288-2698; hoặc email tác giả pxsinh@yahoo.com.

LE COLONIAL

tiểu thuyết của Kiên Nguyễn

Le Colonial là tác phẩm thứ ba của Kiên Nguyễn, một nhà văn mang nửa dòng máu Việt và sáng tác bằng tiếng Anh. Kiên Nguyễn từng thành công với *The Unwanted* về mặt phổ biến rộng rãi, thương mại cũng như về lời khen của người ngoại quốc. *The Unwanted* đã được nhà văn Nhật Tiến dịch sang tiếng Việt với tựa đề *Thân Phận Dư Thừa* vào năm 2002. *The Tapestries* đã được phát hành một năm sau đó với sự thành công nhẹ hơn. Đến giữa năm 2004 Kiên Nguyễn đã tung ra *Le Colonial* với hy vọng tiến xa trong thị trường Hoa Kỳ.

Cũng như hai tiểu thuyết trước, *Le Colonial* mang khung cảnh Việt Nam. Truyện bắt đầu từ thị trấn Avignon ở Pháp và kết thúc tại Qui Nhơn, Việt Nam trong mấy thập niên từ 1760 đến cuối thế kỷ thứ 18. Linh mục Pierre de Behaine cùng các tu sĩ đã đến Việt Nam, mang theo ánh sáng của đạo Chúa với chủ ý giúp Pháp thôn tính Đông Dương. Tiểu thuyết đã pha trộn những dữ kiện lịch sử và tưởng tượng.

Nhà báo Bảo Lâm đã viết trên tuần báo *Việt Tide*: "Nếu *The Unwanted* là bài tập thì *cuốn Le Colonial*, sau những bước đi đã vững với *The Tapestries*, là văn chương đích thực. [...] *Le Colonial* sẽ là vé vào cửa cho Kiên Nguyễn để đi vào văn học Mỹ."

Nhà báo Ngô Nhân Dụng cũng thấy *Le Colonial* là "vé" thành công với đủ yếu tố bán chạy trên thị trường Mỹ. Ông đã viết thêm trên nhật báo *Người Việt*: "Đây là một cuốn truyện đầy màu sắc xa lạ, với các biến cố xẩy ra liên miên không dứt. Cứ ba trang lại có một sự kiện hoặc biến cố mới. [...] Nhiều bí mật được che giấu từ đầu truyện, được lật lên cho thấy một phần sự thật, rồi đến gần cuối lật ngược lại, tiết lộ một sự thật khác. [...] Lối viết của anh chịu ảnh hưởng rất nhiều của lối làm phim... Và đây là một loại phim hoạt động, mạnh (Action!)."

Sách dày trên 300 trang, viết bằng tiếng Anh, bìa cứng, Little, Brown, and Company xuất bản, giá bán $24.95 Mỹ kim. *Le Colonial* bán trong các tiệm sách Mỹ hoặc với giá rẻ hơn trên mạng Internet.

Century 21
Newtek Realty
15576 Brookhurst St., #A
Westminster. CA 92683
Cell phone 714-290-4456

Hoàng Mai Đạt
Chuyên viên địa ốc

Nhận mọi dịch vụ mua bán,
đầu tư địa ốc, vay tiền
VUI VẺ, TẬN TÂM, UY TÍN

Du khách nào mới tới vùng Orange County cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave, Ste. # 123, Westminster CA 92683
(trong khu thương xá Phúc Lộc Thọ)
TEL: (714) 892 - 0801
Số điện thoại miễn phí: 866 - 869 - 6384

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD, DVD, Tự điển,
Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

Sách chọn lọc:

Canh Dưỡng Sinh (170 p.) đã gây phong trào khắp nơi,
Lập Thạch Hòa, T.A. Kiệt dịch, giá $6.00
Anh Văn Cho Người VN, bộ 1 (3 videos) và bộ 2 (3 videos)
dễ học dễ nhớ, mỗi bộ giá $18.00
Đất Nước Tôi (588p, 2003) hồi ký của Thủ tướng VNCH cuối cùng
Nguyễn Bá Cẩn $20.00
Tôi Phải Sống (649p, 2003), Hồi ký gây sôi nổi khắp các cộng đồng
người Việt của LM Nguyễn Hữu Lễ giá $36.00
Nhớ Lại Những Ngày Ở Cạnh T.T. Ngô Đình Diệm (269p,)
của Nguyễn Hữu Duệ, LDPVTTP, giá $15.00
Những Cột Trụ Chống Giữ Quê Hương (268p)
của ngòi bút có lửa Phan Nhật Nam giá $15.00
Nhà Sư Vướng Lụy (273p) truyện của Tô Mạn Thù
do thi tài Bùi Giáng dịch giá $14.00
Gia Phả (279p, 2003) tập truyện dí dỏm xuất sắc
của nhà giáo Trần Trị Chi giá $15.00
Đời Sống Hai Lần (250p, 2003), gói ghém nhiều tâm sự
của nhà văn Tâm Triều giá $12.00
Bạch Cốt Lâm (3 vol., 910p) truyện kiếm hiệp
mới xuất bản của Cổ Long giá $29.00
Việt Nam Đi Về Đâu, Huyền Thoại Và Sự Thật 1930-2002
(2vol., 1068p) của Lê Trọng Quát giá $32.00
Trở Về Từ Xứ Tuyết (303p, 2002) sách mới nhất về
Phật giáo Tây Tạng, của Nguyên Phong, giá $15.00

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho **Văn Khoa**,
giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: .....

Địa chỉ: ..... Thành phố .....

Tiểu bang ..... Zip .....

Quốc gia .....

Đồng ý ..... □ Mua
□ Gia hạn

Thời hạn ..... năm ..... từ số ..... đến số .....

Đính kèm chi phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng Chín 2004

HOA KỲ / MỘT NĂM
(media mail) $50
CANADA / MỘT NĂM
(air mail) $80

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM
(global priority) $100

Giá bán tại các hiệu sách US$10

U.S. TOURS

Www.ustours.com
Tel 1-877-578-8687
1-877-5ustours

CÔNG TY DU LỊCH VÀ CHUYỂN TIỀN VỀ VIỆT NAM
ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI CALI

9452 Garvey Ave. Suite A
S. El Monte, CA 91733
Tel: (626) 444-1999
Fax: (626) 444-2099
Mở xửa rừ 9AM-6PM

9550 Bolsa Ave. Suite 126
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8100
Fax: (714) 531-1973
Mở cửa từ 9AM-7PM

2 USD/100

SÀI GÒN
Hồi Báo 1 Ngày

3 USD/100

CÁC TỈNH MIỀN TRUNG & MIỀN NAM
(Trừ Cà Mau, Bạc Liêu, Minh Hải, Quảng Bình & Quảng Trị)
Hồi Báo 1 đến 3 Ngày

4 USD/100

MIỀN BẮC:
Hà Nội, Hải Phòng
MIỀN TRUNG:
Quảng Bình
CAO NGUYÊN:
Kontum, Gia Lai, Đắc Lắc
Hồi Báo 1 đến 3 Ngày

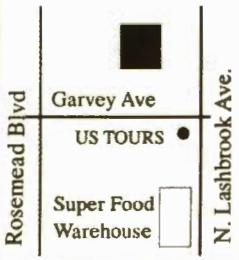

CÓ BÁN VÉ MÁY BAY
QUỐC NỘI VÀ QUỐC NGOẠI
VỀ VIỆT NAM
Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc US TOURS
Đến với US TOURS là đến với sự
UY TÍN - GIÁ RẺ
& THÀNH TÂM PHỤC Vụ

NHẬN GỬI QUÀ
VỀ VIỆT NAM:
Vải, quần áo,
đồ dùng cá nhân v.v...
Giá $7USD/lb
Thân nhân nhận quà tại nhà.
Không cần phải trả thuế.
(Ít nhất 4lbs trở lên một lần gửi.
Gửi nhiều hơn có giá đặc biệt)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 – Fax: (310) 366-6967

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Made In Vietnam
Truyện của Thuận, giá $12.00

Tìm Trăng Đáy Nước
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12.00

Bên Lưng Những Con Chữ
Tập truyện Song Thao, giá $12.00

Thương Nhớ Hoàng Lan
Tận truyện Trần Thụy Mai, giá $12.00

Những Người Đã Qua 2
Thế Uyên, giá $10.00

Giòng Sông Thanh Thủy
Nhất Linh, giá $10.00

Đàm Thoại
Võ Phiến, giá $20.00

Viết Về Huế
Tuệ Chương – Hoàng Long Hải, giá $14.00

Nương Tựa Ở Giữa Đời
Tuyển tập Hồ Minh Dũng, giá $20.00

Những Nhánh Sông Mất Biển
Tập truyện Thu Thyuyền, giá $11.00

Truyện Và Những Đoản Văn
Lâm Chương, giá $12.00

Văn Hóa, Giới Tính Và Văn Học
Tiểu luận Nguyễn Hoàng Văn, giá $14.00

*

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

Giá 10 mỹ kim